L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

GIA-TỘC LUẬN[1]

Loài người ta khi mới biết tụ-họp nhau lại là theo cái thanh-khí[2] thiên-nhiên, như cùng một máu-mủ với nhau, cùng một lòng quyến-luyến nơi cố-thổ, cùng một thói quen, cùng một cách ăn-ở như nhau.

Cho nên đời bấy giờ mới có gia-tộc mà thôi, trước còn ở dời nhau, rồi sau mới ở liền lại mà thành những đoàn-thể lớn hơn.

Sự lấy vợ lấy chồng không có lễ-nghi gì cả. Ngày nay đàn-ông đàn-bà coi cái hình-dạng khác nhau như thế, chớ đời bấy giờ thì đàn-ông đàn-bà cùng phải làm việc nặng nhọc như nhau, phải ra công ráng sức luôn luôn, không có cách-biệt nhau như bây giờ. Cái lý-tưởng lọc-lõi đặc-biệt về người đàn-bà theo cách văn-minh ngày nay, đời bấy giờ chưa từng được biết, mà ngay ngày nay ở các dân-tộc hạ-đẳng (*races inférieures*) cũng không từng biết nữa. Bởi vậy đàn-ông đàn-bà vẫn còn chung-chạ lẫn nhau, chưa có phân-biệt. Lấy họ chỉ lấy theo bên đàn-bà, nên gia-tộc đời bấy giờ tức là cái « mẫu-thống gia-tộc » (*matriarcat*)[3] vậy.

Rồi sau, đàn-ông mỗi người muốn lấy riêng một người vợ, mới bắt đầu sinh ra tục cưới, mà cưới ấy tức là mua, ở các dân thượng-cổ thì là mua bán thật, sau dần dần thành ra một sự mua bán giả-hình, cách-thức mỗi nơi một khác.

Như vậy thì những người giàu-có cùng những bậc tù-trưởng (*chefs de tribus*)[4], một mình có thể mua được nhiều vợ. Bởi đó sinh ra cái tục « súc-thê » (*polygamie*)[5], đối với cái tục « mẫu-thống » (*matriarcat*) trên kia. Tục « súc-thê » ngày nay ở Á-châu và Phi-châu vẫn còn, vì người ta có thói quen phần nhiều các việc thủ-công giao cho đàn-bà làm cả, nên không những là vợ mà là người giúp việc nữa, dùng để làm-lụng cũng có lợi nhiều.

Tục « súc-thê » tuy vốn cũng là một cái tục áp-ức, mà sánh với tục « mẫu-thống » còn là hay hơn. Con có biết bố mẹ thì cái trật-tự trong họ-hàng mới rõ-ràng ra. Từ đó mới có thể suy ngược về trước mà tính được cái thế-hệ các ông bà tiên-tổ sinh ra mình. Nhân thế mà nhất là ở Đông-phương

(1) Trích dịch trong sách: « Sự sinh-hoạt các xã-hội » (*La vie sociale*) của ông Bác-sĩ nước Tỉ-lợi-thì Ernest Van Bruyssel.

(2) *Thanh-khí* 聲氣 = Cái lòng quyến mến tự-nhiên. Do ở câu chữ : *đồng thanh tương-ứng, đồng khí tương cầu*, nghĩa là cùng tiếng ứng nhau, cùng hơi cầu nhau. — Affinités naturelles

(3) *Mẫu-thống* 母統 = Giòng-giõi mẹ. Đời đàn-bà còn chung-chạ, chưa có lễ cưới, đẻ con ra thường không biết bố là ai, chỉ biết mẹ mà thôi.

(4) *Tù-trưởng* 酋長 = Người làm đầu, làm tướng một dân còn man-mọi.

(5) *Súc-thê* 蓄妻 = Nuôi chứa nhiều vợ, tục lấy nhiều vợ.

cái lòng thờ-kính tổ-tiên đã thành ra một cái tôn-giáo riêng hiện nay vẫn còn thịnh lắm.

Kế đến cái tục « một vợ » (*monogamie*), đàn-ông chỉ được lấy một vợ mà thôi, tục ấy khởi đầu ra sớm nhất tự các dân giống A-ly-a (*populations aryennes*)[1]. Tục ấy được một điều hay, là khiến cho người ta biết tôn-trọng người đàn-bà, khiến cho cái lời người đàn-bà đã tự-do thuận-nhận thành ra có giá-trị. Việc nam-nữ về đời thượng-cổ còn thô-bỉ như giống vật, tới đó đã có một chút ái-tình.

Người đàn-bà tuy đối với phong-tục còn phải chịu phần kém, mà ở trong gia-đình thật là giữ chủ-quyền.

Ở Âu-châu, về đường pháp-luật, chính bởi phép cưới một vợ một chồng mà dựng thành ra gia-tộc. Phép cưới ấy bản-dĩ là một sự giao-ước, hai bên vợ chồng có cái trách-nhiệm lẫn với nhau, trách-nhiệm ấy những gì thì từ xưa đến nay đã từng nhiều người nghị-luận, đã từng nhiều lần thay đổi, nhưng cái nguyên-lý nó thì dù pháp-luật, dù dư-luận cũng đều công-nhận là phải cả.

Hai bên lấy nhau tức là chịu trách-nhiệm lẫn nhau, nhưng trách-nhiệm ấy thường chia không được đều. Như dân Hi-lạp (*Grecs*), dân La-mã (*Romains*), tuy không theo cái tục « súc-thê » mà có cái tục lấy vợ lẽ (*concubinat*), vợ lẽ thường được ngang quyền với vợ cả. Còn con gái Hi-lạp thời không bao giờ được tự-lập. Thủa nhỏ thuộc quyền cha, thủa lấy chồng thuộc quyền chồng; hoặc góa chồng thời lại thuộc quyền cha mẹ hay thuộc quyền con trai cả. Ở La-mã cũng vậy: bà phu-nhân La-mã (*la matrone romaine*) tuy được rất trọng-vọng mà cũng không có quyền tự-xử, phải thuộc chồng và thuộc con trai.

Ở Bắc-bộ Âu-châu, trong các dân-tộc Bắc-Man (*Barbares*), cái thế-lực người đàn-bà cũng là hẹp-hòi lắm. Ở các dân Nhật-nhĩ-man (*Germains*) thời người đàn-bà có rộng quyền hơn một chút; nhưng cũng phải từng qua một cái phong-trào mạnh về tinh-thần mới được thêm một chút tự-do như vậy. Cái phong-trào ấy tức là đạo *Thiên-chúa* tràn sang các dân Bắc-Man. Đạo Thiên-chúa tôn-kính ngôi mẹ, làm cho cái phẩm-giá người đàn-bà được tăng cao lên, cái vị-trí người đàn-bà trong xã-hội được tôn-trọng hơn trước. Tuy vậy, cái vị-trí đó cũng chưa phải là đã được hoàn-toàn. Cứ xét ngay những điều-luật thuộc về phận-sự người đàn-bà hiện nay còn thi-hành ở phần nhiều các nước Âu-châu thì đủ biết.

Xem trong luật các nước Âu-châu, người đàn-bà phải vâng mệnh chồng, kể từ khi đi lấy chồng là tiện-*thị mất* quốc-tịch (*nationalité*) mình, mất tên họ, mất trụ-sở mình, và trong cách tự-xử cũng không được tùy-ý tùy-tiện nữa. Pháp-luật cho người chồng những quyền-lợi riêng như thế, dẫu không muốn thi-hành cũng không được, mà người vợ thời hễ không có phép chồng hay không có phép quan tòa riêng không được làm một việc gì thuộc về quyền công-dân hay là quyền pháp-luật (*acte de la vie civile ou juridique*). Duy chỉ được đặc-cách có cái quyền di-sản (*droit de tester*) [2] mà thôi. Còn thời dẫu khi cưới nhau không chung của, người đàn-bà cũng không được quyền tố-cáo gì trước tòa án, không được quyền cho, nhượng, cầm-đợ hay là mua-nhận của-cải gì mà không có chồng phụ-ký hay là không có phép riêng của quan tòa. Nếu cưới nhau chung của thời

(1) Giống A-ly-a (*les Aryas*), là giống tổ các dân Ấn-độ và Âu-châu (*Indo-Européens*), nguyên phát-tích tự trung-bộ Á-châu, tràn xuống đồng-bằng Ấn-độ, sang Ba-tư (*Perse*), rồi lan mãi đến Ai-cập (*Egypte*), Hi-lạp (*Grèce*), pha giống với các thổ-dân mà thành ra các dân Âu-châu ngày nay.

(2) *Di-sản* 遺產 = Quyền muốn làm chúc-thư để của cho ai thì để.

người chồng không những được lợi-dụng cái của chung, mà ở lắm xứ được lợi-dụng cả cái tiền công của vợ làm ra nữa.

Trong gia-tộc-hội-nghị (*conseils de famille*) là chỗ họ-hàng bàn-bạc để xử-trí cho con-cái mình, mà người đàn-bà cũng không được quyền ăn nói. Làm công-chúa trong một nước mà khi vua cha mất đi, ở nhiều nước đàn-bà cũng không được quyền kế-thống. Song xét lịch-sử mấy vị nữ-hoàng nước Anh, nước Đức, nước Nga, thời đủ biết rằng dẫu là đàn-bà mà tay cầm quyền-bính không phải là không có oai, không phải là không có lực.

Gần đây ở các nước đã có nhiều người gắng sức sửa-sang lại pháp-luật cho người đàn-bà ở trong gia-đình được rộng quyền hành-động hơn. Song những người muốn giữ cách hạn-chế cũ thời phản-đối lại mà nói rằng người đàn-bà vốn tính nông-nổi, đa-cảm đa-xúc, không có cái tài xử-sự được; không biết rằng những sự khuyết-điểm ấy tuy có ngăn-trở cho việc làm thật, mà một phần cũng là bởi cái pháp-luật kia chật-hẹp quá mà sinh ra. Ngày nay việc giáo-dục đàn-bà con gái còn khuyết-hám nhiều lắm, nếu mỗi ngày một tăng-tiến lên, mỗi ngày một mở-mang ra, thời cái ảnh-hưởng sự giáo-dục về đường quyền-lợi người đàn-bà sẽ được bổ-ích nhiều lắm. Tăng cao cái trí-thức người con gái ngày nay là người mẹ sau này, dậy cho biết cái phận-sự mình quan-trọng là dường nào, tức là gây-dựng sẵn cho cái tư-cách đứa con về sau đó, vì đứa con ấy sinh ra cũng là ở trong tay người mẹ phù-trì dây-dỗ lúc ban-đầu vậy.

Nay người vợ trong gia-đình là người bạn của chồng, không thể coi là con hầu con ở của người chồng được. Cùng nhau chia sự vui buồn sướng khổ, lúc hàn-vi lúc phú-quí có nhau, người vợ có cái quyền được cùng chồng bàn-bạc mọi sự, cùng chồng mưu-tính công-việc; được cái quyền nhờ chồng dẫu gặp cơ-hội nào cũng phải bênh-vực phù-trì cho. Về phần người vợ thời ví biết tự-trọng mình tất một lòng trung-tín với chồng. Chủ-trì cho gia-đạo, nối giõi cho tông-đường, nếu lại lòng chim dạ cá mà để cho kẻ khác gián-tiếp vào, thời không gì xấu-xa bằng. Vì cái dục-tình trong một lúc mà phải giả-trả suốt một đời, thời thiết-tưởng phàm người có tình-tình cao-thượng không thể chịu thế được.

Đối với một người công-bằng chính-trực thời sự hôn-nhân phải trước nhất là hai bên đàn-ông đàn-bà có thật lòng thương yêu nhau, sau nữa là phải có đủ tư-cách, hoặc bằng tiền vốn, hoặc bằng sức làm, để cùng nhau lập thành gia-thất. Song cũng có người không may mà cái tư-cách ấy thiếu-thốn, thành ra kẻ thì phải ở không không lấy được vợ được chồng sinh ra những sự ăn ở bất-chính, kẻ thì lấy nhau mà không vị tình chỉ mong cầu lợi.

Bởi đó mà sinh ra những sự trái luân-thường, những điều phụ-phàng tệ-bạc, lắm khi phạm tội với xã-hội cũng vì đấy. Có người lấy nhau rồi mà tính-tình xung-khắc đến nỗi không thể ở với nhau được, luật phải đặt phép cho li-hôn. Luật li-hôn đó chẳng qua là một cách công-nhiên giải-quyết một cái cảnh-ngộ không thể để lâu được nữa.

Đã lấy nhau là giao-kết ở đời với nhau, sau đến phải lìa nhau ra thời dẫu có cớ gì nữa cũng là một sự không hay, không hay là bởi hại đến thân-phận những đứa con mình đã đẻ ra. Vợ chồng mà đã đến bước ấy thời tưởng nên nghĩ kỹ đã, rồi hẵng quyết-liệt cho khỏi di-hại về sau.

Bởi nhiều người lấy nhau không nghĩ trước tính sau đến quyết-liệt như thế, nên có người nhân đấy bác sự

cưới-xin theo lề-lối như bây giờ là không hay, và xướng ra cái thuyết tự-do kết-hôn, đàn-ông đàn-bà muốn lấy nhau bỏ nhau lúc nào cũng được, chỉ đặt ra luật-lệ riêng để giữ cho thân-phận đứa con được an-toàn mà thôi. Như thế thời không có phải làm lễ ở nhà giáo-đường, không có phải ký-kết trước ông xã-trưởng, chỉ hai người ký một tờ giao-kèo riêng với nhau, tùy hai bên bao giờ muốn bãi bỏ cũng được.

Một sự cải-cách quá-kích như thế thì quyết là không có lợi. Ta đã nói trên kia rằng ngày nay những người lấy nhau không suy-tính trước sau, không hiểu rõ trách-nhiệm, mỗi ngày một nhiều. Vậy thời lại càng cần phải giữ cho cái lễ hôn được trọng-thể, để cho tỏ ra rằng việc lấy nhau là việc quan-trọng. Cái danh-giá người vợ chắc là nhờ đó mà được vững-vàng thêm lên. Trong sự tự-do kết-hôn, nếu trước khi lấy nhau hai bên phải hứa với nhau thế nào khiến cho người đàn-bà có một cái vị-trí trong xã-hội để ngộ phải người chồng không có bụng thủy-chung không đến nỗi thiệt-thòi cho mình, thì trong phép cưới ngày nay cũng là chủ một mục-đích như thế, hà-tất phải bỏ phép cũ mà làm lối mới? Nếu nói rằng tự-do kết-hôn là để cho hai bên được tự-do hơn, thì chỉ người đàn-bà phải chịu thiệt mà thôi. Vì phép cưới theo như bây giờ là trọng-giá cho người đàn-bà lắm, còn ích-lợi cho đàn-ông kể không được mấy. Cái tuổi xuân-xanh người đàn-bà có hạn, nhan-sắc không thể giữ được suốt đời. Nếu đã lâu năm ăn ở với chồng xứng-đáng mà không được chồng một lòng qui-trọng thương-yêu thì đến khi trở về già làm thế nào? Cho nên phàm giao-ước lấy nhau mà không được bền-chặt vững-vàng thời người đàn-bà không mong được cái thú làm mẹ, là cái thú thanh-cao nhất trong một đời người có cưới-xin theo lễ-phép.

Lại còn một lẽ nữa cũng có giá-trị. Đứa con đẻ ra, cho được khôn-lớn lên, phải có cha mẹ dạy-dỗ nuôi-nấng. Bao giờ đến tuổi trưởng-thành thời mới có thể để cho tự-lập tự-xử được. Vậy thời từ lúc con nhỏ cho đến lúc con lớn, cái nghĩa-vụ đối với xã-hội bắt-buộc hai vợ chồng phải ở chung với nhau một nhà để cùng nhau trông-nom coi-sóc cho đứa con. Ở như thế cũng đã phải lâu năm lắm rồi. Có lẽ đâu hết những năm ấy, khi vợ chồng đã đứng tuổi cả rồi, mà lại còn lìa nhau để mỗi người đi nếm trải mùi đời một hồi nữa?

Bởi các lẽ đó, nên ước-ao rằng người ta ở trong xã-hội vợ chồng đã lấy nhau nên quyết chí ăn đời ở đời với nhau, cùng bất-đắc-dĩ lắm hẵng nên quyết-liệt.

Trên kia ta có nói rằng đàn-ông đàn-bà muốn lấy nhau làm vợ chồng trước nhất phải có bụng thương-yêu nhau, sau nữa phải có đủ tư-sản để mà lập-thành gia-thất. Cứ cá-nhân mà xét thời thế cũng là đủ để mà kết-hôn với nhau được. Nhưng mà lấy cái phương-diện xã-hội mà xét thì hai điều đó đã đủ chưa? Ngoài hai điều ấy có nên xét đến cái sức mạnh của hai người muốn lấy nhau, để giữ-gìn sẵn cho kẻ hậu-sinh không? Giả-hoặc có người mắc bệnh độc hay bệnh truyền-nhiễm, thời có thể để cho lấy vợ lấy chồng mà di-truyền những bệnh ấy ra, làm hại cho kẻ sinh sau không?

Cái vấn-đề ấy cần phải nghiên-cứu kỹ mới được, vì là một vấn-đề rất khó. Như trong một sở chăn-nuôi giống vật, thời cái vấn-đề ấy giải-quyết không có khó gì. Lấy cái công-lệ rằng phàm giống gì trước nhất cũng phải giữ cho toàn giống được vô-dạng, nên phải xét trong giống ấy kẻ nào là kẻ yếu-đuối quá hoặc không thành-thân mà để có hại cho đoàn-thể, th

bài-trừ đi cho tiệt. Cách bài-trừ ấy thực là hợp với lẽ thiên-nhiên. Trong các giống sinh-vật ở chung-quanh mình ta, tạo-vật vẫn đào-thải như thế là thường. Nào là giống thực-vật, nào là giống động-vật, hằng ngày biết bao nhiêu là mầm là trứng bị tiêu-diệt, hoặc là vì không đủ sức mạnh mà sống, hoặc là vì không có nơi có chỗ mà sống.

Nay loài người ta lấy cái bụng từ-bi bác-ái mà không nỡ bài trừ những kẻ từ khi sinh ra đã mang cái thân-thể nghèo-nàn, không mong sống cho trọn đời được, để như thế có phải là hợp với cái lẽ đào-thải thiên-nhiên không? có phải là hợp với cái nghĩa-vụ người ta trong xã-hội không?

Lấy lịch-sử mà chứng thì biết rằng người ta cổ-lai không phải là bao giờ cũng một lòng từ-bi bác-ái như thế đâu. Đời cổ-đại, đứa con mới đẻ ra, cha có quyền được sinh sát. Nếu xét ra tàn-tật yếu-đuối thời có phép được đem hoại đi.

Ngày nay nhờ văn-minh tiến-hóa, người ta sinh ra có cái lòng biết thương người, nên không thể nhẫn-tâm giết-hoại như thế. Vả lại con người dẫu tàn-tật bất-thành-nhân không phải tất-nhiên là ngu-si ngoan-ngốc, và cứ như cái trật-tự trong xã-hội ngày nay phân ra lắm hạng nhiều bậc, thế nào chẳng có được một chỗ để dung những kẻ bất-hạnh như vậy mà khiến cho làm được công việc có ích cho xã-hội. Vậy thời muốn giữ cho chủng-loại được toàn-tốt, phải nghĩ cách khác êm-ái hơn.

Có người bàn rằng nên bắt hai bên trước khi lấy nhau phải ra cho thầy thuốc xét. Cách phòng-bị ấy có lẽ hay thật, nhưng mà phải biết rằng có thể thi-hành được hay không. Xét ra thi-hành được có lẽ cũng khó lắm. Cái dục-tình người ta bị pháp-luật hạn-chế như vậy không khỏi không trốn-tránh hoặc xâm-phạm pháp-luật, hoặc là làm cách giả-trá, hoặc là tư-túi với thầy thuốc để xin giấy nói tốt cho. Vì những cách ấy không dùng được, vì sự phòng-bị hạn-chế làm được thật nghiêm, khiến cho có người quả không thể nào lấy nhau theo phép-luật được, thì tất họ phải dùng đến cách tự-do kết-hôn, như thế thì còn kiểm-xét thế nào được nữa.

Nay thiết-tưởng chỉ có một cách là dùng phép giáo-dục cho khôn khéo, để mà tăng-tiến cái lòng cao-thượng đạo-đức của người ta, nhờ sự giáo-dục ấy mà những người bất-hạnh phải mang cái thân tật-bệnh ở đời sẽ tự mình hiểu rằng dẫu xã-hội không muốn bạc-đãi mình mà ngăn-cấm không cho hưởng một phần ái-tình ở đời, thì tự mình lấy cái lòng danh-dự lòng nghĩa-vụ, cũng không nên nhận cái phần ái-tình ấy làm chi, để khỏi di-truyền cho kẻ khác cái đau-đớn khốn-nạn của mình. Đến lúc người ta đã biết tự mình từ đi như thế thì xã-hội không phải khó đường phòng-bị nữa.

Nay cái cách hạn-chế sự hôn-nhân, hạn-chế sự sinh-sản như vậy, có phải là trái với cái lòng cao-thượng đạo-đức như ta vừa nói trên kia không? Ta thiết-tưởng rằng không, và ta lại dám chắc rằng có lắm cái cảnh-ngộ riêng, như khi không có đủ tư-sản mà nuôi-nấng được cả nhà, thì cái người có trách-nhiệm làm chủ trong nhà nên tự hạn-chế lấy mình, không nên sinh-sản ra nhiều con-cái quá, biết rằng không có cách nào nuôi cho được, để ra mà phải để bỏ vơ bỏ vất hay là cho ăn xin ăn mày thì mình còn bụng-dạ nào? Những khi ấy thì không những sự hạn-chế không phải là trái với lòng đạo-đức mà thực là một việc đáng khen vậy. Ta nói thế không phải là ta công-nhận cái chủ-nghĩa của Mal-thus (Man-túc) đâu, theo chủ-nghĩa ấy thì mỗi nước tính ra chỉ đủ sản-vật nuôi được bao nhiêu người dân mà thôi, phải hạn-chế sự sinh-đẻ thế

nào cho số dân đừng nhiều lên quá, nếu số dân nhiều quá mà sản-vật không đủ thì trong nước tất nhiều người nghèo-đói khốn-khổ, là một sự nguy cho cái trật-tự trong xã-hội. Chủ-nghĩa ấy vị-tất đã là phải, và cho dẫu có nước nào số người dân với đường sinh-kế không ngang nhau nữa thì cái nguyên-nhân sự đó là cách sanse các giống người trên mặt đất không được cân, có nơi đông người quá mà có nơi thì không có người ở, có chỗ thì người ta xô đẩy nhau mà tranh lấy một miếng đất nhỏ, sức đất sinh-sản đã kiệt không lấy đâu mà đủ nuôi được, có chỗ thì rừng ruộng bát-ngát, thổ-địa phì-nhiêu, bỏ không chưa ai khai-khẩn.

Vả loài người ta không cần phải lo rằng sinh-sản ra nhiều quá. Chính tạo-vật đã có cách đào-thải, tuy ngày nay ta chưa được rõ cái cách ấy thi-hành ra làm sao mà hằng ngày ta trông thấy những giống động-vật thực-vật sinh-sản ra nhiều quá mà bị đào-thải đi cũng nhiều.

Trở lên là kể qua mấy cái cảnh-ngộ đặc-biệt trong sự hôn-nhân và sự lập-thành ra gia-tộc. Nay ta lại bàn nốt các lẽ chung về gia-tộc, và trước nhất giải cái quyền người cha trong gia-đình theo lý-tưởng ngày nay như thế nào.

Theo pháp-luật đời xưa thời quyền ấy là quyền tuyệt-đối.

Trong kinh «Thập-điều» (*Décalogue*) của đạo Do-thái bắt-buộc con phải hiếu với cha mẹ. Sách Kinh-Truyện của nước Tầu cũng lấy đạo hiếu làm nền-gốc cho xã-hội, cho luân-lý. Theo các kinh-sách ấy thì người con nào ngược-đãi cha mẹ, hoặc cưỡng-mệnh cha, phải xử tử-hình. Ở thành Nhã-điển (Athènes) nước Hi-lạp đời xưa tuy không giữ nghiêm như thế nhưng cũng theo một pháp-luật ấy; ở La-mã (Rome) thời phàm người nhà phạm-tội trong gia-đình, người tộc-trưởng có quyền xử-đoán lấy, pháp-luật cho được phép tự-do làm tội. Ở các dân các nước cổ ấy, cái giây liên-lạc người trong một nhà một họ không phải là cái giây thuần-tình giao-ước, ai tùy ý muốn dứt ra cũng được đâu, chỉ trừ ở các dân Nhật-nhĩ-man (*Germains*), dân Ti-lạp-phu (*Slaves*) mới có thế mà thôi. Như ở La-mã thì người con trai lớn không được tự-ý bỏ gia-tộc mình mà đi; phải có người cha cho phép, giải-phóng cho được tự-do thời mới đi được.

Nay cứ lý mà xét, thì chắc rằng con trẻ hãy còn chưa từng-trải sự đời, phải cần có người dạy bảo, đặt khuôn-phép cho mới được. Nên phải vâng lời cha mẹ, và cái bổn-phận cha mẹ là trong cách giao-tế với nhau cùng cách xử với con-cái phải làm thế nào cho con nó yêu-mến kính-trọng mình, khiến cho nó sẵn lòng tự-nhiên mà vâng lời mình. Phải gây cho nó có thói quen suy-nghĩ, cảm-hóa lấy cái lòng chính-trực nhân-từ, để sau này có đủ tư-cách ngăn-ngừa được cái vật-dục ở trong lòng, và dù làm nghề-nghiệp gì cũng trở được nên người có ích cho xã-hội. Đến khi trí khôn đã luyện-tập đủ sáng đủ mạnh rồi, đủ hiểu cái trách-nhiệm ở đời thế nào rồi, thì bấy-giờ nên để cho rộng quyền tự-do hơn, người cha phải đổi cái mệnh-lệnh nghiêm-khắc ra lời khuyên-nhủ ôn-tồn. Người ta đã đến tuổi thành-nhân, có đủ tư-cách hoàn-toàn, mà bắt-buộc cứ phải nhắm mắt vâng lệnh người trên thì cũng là quá-đáng thật. Đến cái thời-kỳ ấy thì người cha phải tự coi như người bạn lớn, khuyên con lấy bụng yêu-kính mà nghe lời, không nên coi mình như ông thầy ông chủ được quyền xử-trí một đời người mà cái tiền-đồ không phải thuộc về mình nữa.

Tục nuôi con nuôi thì ngày xưa thông dụng lắm, bây giờ nước nào cũng có

đặt pháp-luật riêng khó hơn trước nhiều.

Nay xét trong các nước văn-minh ở Âu-Mĩ cái giây liên-lạc trong gia-tộc đã thấy trùng thấy rãn lắm, mà không được khăng-khít bền-chặt như trước nữa. Ngày xưa xã-hội có cái thể-chế nhất-định, sự sinh-hoạt riêng của người ta trong gia-đình có cái tính-cách vững-vàng chắc-chắn, bây giờ ở các nơi đô-hội tỉnh-thành lớn không đâu được như thế nữa. Lại thêm thế-giới giao-thông mỗi ngày một rộng, các giống người pha-lộn lẫn nhau, biến-đổi cả những lề-lối phong-thói cũ, thành ra người ta mỗi ngày một mất dần cái mối quan-hệ nó nối nhân-thân mình với cái đoàn-thể đã sinh-thành gây-dựng ra giống mình. Người ta đi lại nơi này sang nơi khác càng dễ thì lại càng dễ đổi chỗ ở, hay đổi chỗ ở thì cảm-giác tất cũng mỗi ngày một đổi đi. Cái trí-thức người ta nhân đó mỗi ngày cũng một mở-mang ra, tư-tượng rộng thêm ra, và dần-dần muốn bao-quát lấy cả nhân-loại. Trong khi ấy thì cái trật-tự về đạo-lý luân-thường bị điên-đảo đi nhiều, không được vững-vàng như trước nữa. Nhưng chắc rồi cũng có ngày sẽ chỉnh-đốn lại, vì người ta phàm đã tụ-họp thành xã-hội, thì tất phải có một cái giây liên-lạc gì mật-thiết với nhau, không thời không thành xã-hội được, mà cái giây liên-lạc mật-thiết hơn nhất là giây liên-lạc trong gia-đình vậy.

THƯỢNG-CHI *dịch*

CHẤN-CHỈNH THƯƠNG-TRƯỜNG

MỘT CÁI GƯƠNG CHO THƯƠNG-GIỚI NƯỚC TA : ÔNG BẠCH THÁI-BƯỞI

Kỳ trước bản-báo có đề-xướng một cuộc điều-tra về việc buôn-bán trong nước, có câu hỏi rằng: « Ông nào đã từng buôn-bán mà nên phát-đạt, xin cho biết cái yếu-thuật của ông làm thế nào mà được như thế. » Lại thích-giải thêm mấy lời rằng: « Mỗi nghề buôn có một phương-thuật khác, ông kinh-nghiệm nghề gì xin nói riêng một nghề ấy và nói thật rõ cho đồng-nhân được biết. Tưởng không gì bằng cứ kể ngay lịch-sử cửa hàng ông từ ngày mở đến giờ. » (1)

Chủ-ý bản-báo là muốn nhân sự điều-tra ấy bày được ra những cái gương tốt cho các nhà buôn trong nước ta theo đó mà bắt chước. Vì trong sự buôn-bán cũng như mọi sự khác, người đi trước là thày kẻ đi sau, sự kinh-nghiệm là chúa trong mọi việc. Người đi trước đã kinh-nghiệm tức là cái bài học cho kẻ theo sau; mà kinh-nghiệm lại thành-công thời cái bài học ấy lại càng có ích cho kẻ hậu-tiến lắm.

Ngày nay thế-giới thông-đồng, những gương buôn to bán lớn ở các nước Âu-Mĩ có thiếu gì; người mình cũng nên biết cho hiểu cái tình-thế thương-nghiệp trong thiên-hạ. Song việc buôn-bán bên Âu-Mĩ to lớn quá, dẫu tựu-trung cũng có nhiều cái phương-thuật người mình có thể học-tập được, nhưng mà muốn bắt chước cho bằng người ta thì còn xa lắm, còn khó lắm. Cho nên bàn việc buôn-bán mà nói chuyện Âu-Mĩ thời tuy có ích về đường học-vấn mà chưa được thiết về đường thực-sự. Không bằng xét ngay trong thương-

(1) *Nam-Phong*, số 28, trang 318.

giới nước ta người nào là những người đã buôn-bán thành-công, thuật lại cái lịch-sử người ta xuất-thân xử-sự thế nào mà được như thế, để đem tiêu-biểu ra làm cái gương cho các nhà buôn khác, tưởng như thế mới là ngõ-hầu giúp được ít nhiều cho việc chấn-chỉnh thương-trường trong nước vậy.

Chỉ hiềm ở nước ta bây giờ, những người buôn-bán thành-công mà đủ làm gương cho người khác thời thật là ít quá. Phần nhiều người là may gặp cơ-hội tốt mà trở nên giầu-có, sự giầu-có ấy là bởi những duyên-cớ ngoài nhiều hơn là bởi cái tài-cán riêng của mình, cho nên có người sự-nghiệp to mà cái cách lý-tài, cách doanh-nghiệp chưa đủ làm mô-phạm cho người khác. Nay xét trong suốt nước Nam ta, gồm cả Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, duy có ông Bạch Thái-Bưởi là sự-nghiệp tư-cách hơi phảng-phất được ít nhiều như các nhà phú-hào bên Âu-Mĩ. Ông là người An-nam mà làm nên được như người Âu-Mĩ, thời đủ chứng rằng An-nam không phải là không có tư-cách buôn-bán to được. Bởi thế mà lịch-sử ông đáng phô bày cho quốc-dân biết, sự-nghiệp ông đáng làm gương cho các nhà buôn-bán trong nước theo. Tiếng ông Bạch Thái-Bưởi thời quốc-dân ta ai là người chẳng biết, dẫu đứa con trẻ cũng biết ông là người buôn-bán to nhất trong nước hiện bây giờ. Nhưng sự-nghiệp ông to-tát là dường nào, thế-lực ông lớn-lao biết bao nhiêu, tưởng dễ cũng chưa có mấy người lượng mà biết được. Chưa mấy người biết rằng đồng-bào ta có một người đứng đầu một thuyền-đội ngót ba chục chiếc tầu, hiệu cờ phấp-phới trên khắp các ngọn sông Bắc-kỳ; đốc-suất một quân-đội non nghìn rưỡi người làm công đủ các bậc các hạng; quản-trị một cái tài-sản tới mấy triệu bạc; giao-thiệp với mấy nhà buôn trong hai thế-giới; thơ từ điện-tín với mấy hãng lớn ở Ba-li (Paris), Luân-đôn (Londres), Đông-kinh (Tokio) Nữu-ước (New-York), nói rút lại nghiễm-nhiên ra cái phong-thể một nhà doanh-nghiệp lớn ở đời thế-giới cạnh-tranh này. Chưa mấy người biết như thế nên chưa mấy người rõ rằng muốn chủ-trương quản-lý những công-việc to lớn như thế, phải có cái tài-năng trí-lực thế nào mới đương nổi được, và một người như ông Bạch Thái-Bưởi thật là một bậc nhân-tài ít có trong nước Nam ta vậy. Sự-nghiệp như thế, nhân-tài như thế, tưởng đem ra làm gương cho thương-giới nước nhà cũng không phải là không xứng-đáng. Ta cũng mong mỏi rằng sau này tất còn xuất-hiện được nhiều người kỳ-kiệt hơn ông nữa, nhưng hiện bây giờ có lẽ ông là một nhân-vật có một không hai vậy. Ông xuất-thân thế nào, xử-sự thế nào, mở-mang kinh-lý thế nào, dùng người xếp việc thế nào, mà tới được bậc cao-trọng như vậy, cái vấn-đề đó chắc trong quốc-dân ta ai ai cũng muốn biết cho rõ; vậy xin tự-thuật cái sự-nghiệp, lịch-sử, tâm-lý ông như sau này, trước là giúp cho việc chấn-chỉnh thương-trường trong nước, sau là cổ-võ cho một người thật đã làm vẻ-vang cho nòi giống.

I

Sự-nghiệp ông Bạch Thái-Bưởi

A. — Sở buôn tầu

Trước hết nói về sự-nghiệp, là cái phần hiển-nhiên ai cũng có thể trông mà biết được, rồi mới xét đến lịch-sử tâm-lý người chủ-trương cái sự-nghiệp ấy.

Sự-nghiệp to nhất của ông Bạch Thái-Bưởi bây giờ là sở buôn tầu. Nghề chở tầu là một nghề xưa [illegible] mình không từng làm [illegible] từng biết bao giờ [illegible] giao-thông trên [illegible] nước [illegible]

白泰欖君之肖像

Ảnh ông Bạch-thái-Bưởi

chỉ có các phường đò giọc đò ngang, thuyền mành thuyền vạn, chở được hai ba mươi người khách, mươi mười lăm tấn hàng là cùng, chưa gọi là cơ-sở một nghề vận-tải lớn được. Nghề ấy mười năm về trước chỉ có các hiệu khách và một vài sở tây kinh-lý mà thôi. Mấy đường đông khách nhất, như đường Hà-nội-Nam-định, Hà-nội-Hải-phòng, chỉ có tầu khách chở mà thôi. Ông Bưởi xét tình-thế sự giao-thông buôn-bán ở Bắc-kỳ, biết rằng muốn mở-mang thương-nghiệp lớn tất phải thu-phục lấy thương-quyền ở tay người Khách, muốn thu-phục lấy thương-quyền ở tay người Khách trước nhất phải tranh lấy nghề vận-tải trên các ngọn sông. Ông biết thế, bèn quyết-chí ra cạnh-tranh với Khách. Vốn không phải là tay buôn tầu, tự mình không có một chiếc tầu nào, tư-bản cũng chưa lấy gì làm nhiều lắm, thế mà dám ra địch với bọn nhà buôn vừa sành nghề, vừa rộng vốn, vừa quỉ-quyệt, vừa khôn-ngoan, thật phải có cái gan-óc thế nào mới dám làm liều như vậy. Việc ông Bưởi khởi thủy buôn tầu thật là một đoạn gian-nan nhất, nguy-hiểm nhất mà cũng vẻ-vang nhất trong sự-nghiệp ông. Bao nhiêu lần cạnh-tranh với bọn Khách, lắm lúc đã tưởng dầm-dưới không thể nào cứu-vớt được nữa, thế mà đứng vững được, thế mà phất lên được, thế mà thắng-đoạt được cả ; không dầy mười năm trở nên thịnh-vượng như bây giờ, có cái thế bồng-bột không biết còn tiến lên đến đâu nữa, thật là một cái gương nghị-lực ít có trong thương-giới ta vậy.

Bấy giờ là năm 1909. Ông A. R. Marty là chủ một sở tầu tây chạy thơ cho Nhà-nước và chở khách ở mấy đường sông Bắc-kỳ, vừa mới hết hạn giao-kèo với Chánh-phủ. Ông Bưởi bèn thuê lại của ông ba chiếc tầu, tức là chiếc *Phi-Phượng* (*Phénix*), *Phi-Long* (*Dragon*) và *Khoái-tử-long* (*Fai-tsi-long*), ngày nay vẫn còn giữ ba tên ấy. Lập-tức cho chạy đường Nam-định-Hà-nội và Nam-định-Bến-thủy (Nghệ-an) là hai đường trọng-yếu của các tầu khách vẫn chiếm-giữ từ trước đến nay. Bọn Khách lấy làm kinh-hoảng, lạ thay có người An-nam dám táo gan ra tranh quyền-lợi với họ, thật cổ-lai chưa từng thấy thế bao giờ! Nhưng họ biết ông tuy có gan mà chưa có thế bằng họ, nên họp sức nhau lại cố khuynh-đảo cho được mới nghe. Ông hạ-giá một thời họ hạ-giá hai, ông hạ-giá hai thời họ hạ-giá ba, ông mời khách uống nước chè thời họ mời khách ăn bánh ngọt, tranh nhau từng bước mà cố giữ phần hơn. Thậm-chí giá hành-khách tự Nam-định lên Hà-nội trước 0 $ 30, 0 $ 40, mà rút tới 5 su 3 su; cước đồ hàng thời một tấn gạo lấy chỉ bằng giá một bì trước. Hồi bấy giờ hành-khách được một độ sướng quá: chỉ còn thiếu một cách thuê tiền cho khách đi tầu nữa mà thôi! Hai bên ganh nhau mãi như thế, chắc bên nào yếu thế là bên ấy phải thua. Bọn Khách vẫn mong rằng ông Bưởi thế nào cũng phải lùi, không thể đương được nữa. Nhưng bọn đó chưa biết tay ông: ông không phải là người thấy khó mà ngã lòng, thấy nguy mà táng-đảm. Kể nguy thời cái thế cũng đã nguy lắm thật: ba chiếc tầu mỗi tháng thuê tới hơn 2000 $, mà chạy mỗi chuyến chỉ được 15,20 đồng mà thôi; cứ thế mãi thời vỡ nợ đến nơi, chớ không xa. Song ông Bưởi có gan mà cũng có trí nữa: khách đi tầu toàn-thị là người An-nam cả, ông nghĩ rằng người An-nam không có lẽ không vị người An-nam, nếu biết khéo khuyên-nhủ thời may ra cũng có thể lợi-dụng cái tinh đoàn-thể của đồng-bào mà giúp cho cuộc tranh-thương của mình được. Ông bèn hết sức cổ-động, sai người diễn-thuyết trên bến trong tầu, kể đường hơn lẽ thiệt trong việc buôn-

bán cho hành-khách nghe, khuyên người mình nên giúp đỡ lẫn nhau thời mới có thể cạnh-tranh với người Khách được: những lời khuyến-kích ấy, xem ra cũng nhiều người cảm, khách đi tầu ông mỗi ngày một nhiều hơn lên. Không những cổ-động như thế mà thôi, ông lại mở một cuộc lạc-quyên, mỗi tầu đặt một cái ống, mời các hành-khách ai có bụng tốt tùy-tâm muốn giúp ít giúp nhiều bao nhiêu xin bỏ vào ống ấy, để đỡ cho chủ tầu những tiền kinh-phí cho có thể đứng vững được. Cuộc lạc-quyên ấy xem ra cũng thành-hiệu, vì thường có khi bổ ống thấy cái giấy năm đồng, giấy hai-mươi đồng gập nát lại, của cô hàng bác lái nhà quê nào đã có hảo-tâm bỏ vào đấy. Từ đó hành-khách dần dần bỏ các tầu khách mà đi tầu ông; thế ông mỗi ngày một vững, không những không sợ đổ nữa mà xem ra có cơ phát-đạt được.

Bọn Khách bấy giờ mới chịu nhụt, biết rằng thế không thể khuynh-đảo ông được. Nhưng đến năm 1912, ông chạy thêm một đường Hải-phòng nữa, lại chính là đường trọng-yếu của các tầu khách xưa nay, bọn Khách căm-tức quá, định hiệp-lực nhau lại một phen nữa để cố phá cho được mới nghe. Song dù mưu-phản thế nào cũng không địch được nữa. Hành-khách của ông cứ mỗi ngày một tăng thêm mãi lên, mà tầu khách thời mỗi ngày một vắng. Mấy hiệu Khách phải bỏ nghề buôn tầu, có hiệu về sau phải bán tầu lại cho ông, thật cũng đau-đớn cho các chú quá.

Thế là nhờ cái sức kiên-nghị của ông, nhờ cái lòng đoàn-thể của đồng-bào, mà kết-quả đến ngăn-ngừa được mưu-gian của bọn Khách, thu-phục được lợi-quyền về tay mình: đáng khen thay mà cũng đáng mừng thay!

Kế đấy, không những ba chiếc tầu thuê trước ông mua hẳn được, mà cả cái thuyền-đội của công-ti MARTY-D'ABBADIE cũng bán lại cho ông hết, từ đó ông kế chân công-ti ấy mà chạy khắp các đường. Năm 1915, trước khi ông A. R. MARTY mất, lại bán lại cho ông cả cái xưởng máy làm tầu chữa tầu của công-ti nữa, thế là cơ-nghiệp ông Bưởi được hoàn-toàn vậy. Nhưng bấy giờ ông mới có chừng mười-lăm chiếc tầu mà thôi. Chỉ ông là muốn tổ-chức một cái thuyền-đội thật to, nên ai có tầu cũ bán ông cũng mua cả. Ông được cái khoái-lạc mua được mấy chiếc tầu của Khách là bọn cừu-địch với mình xưa nay; một người hiếu-thắng như ông chắc cũng lấy thế làm thích-chí vậy. Lại đến năm 1917, công-ti chở tầu DESCHWANDEN phá-sản, có sáu chiếc hỏa-thuyền với ít nhiều chiếc « sà-lan » (*chalands*), ông cũng mua nốt. Mấy chiếc tầu đó thời cũ và nát lắm, kể không đáng giá tiền ông mua, nhưng ông cố-ý mua đắt, để cho nhà khác không mua tranh được, vì bấy giờ có mấy nhà chủ nợ của công-ti DESCHWANDEN đương có ý muốn mua rẻ để kế-nghiệp công-ti ấy, tức là cạnh-tranh với ông vậy. Ông làm cái thủ-đoạn ấy rõ là gan và bạo, thiệt ra tư-cách một nhà buôn nước Mĩ. Tuy vậy, mua đắt như thế tưởng rằng thiệt, mà ra không thiệt lại có lợi, là vì ông có xưởng máy sẵn, những tầu cũ ấy ông cho chữa sửa lại, không mấy nỗi mà lại chỉnh-đốn, nghiễm-nhiên như tầu mới vậy. Thậm-chí có cái vỏ tầu bể cũ của ông DESCHWANDEN trước vẫn dùng làm cầu ở bến Hà-nội, mà ông cũng nghĩ cách lợi-dụng được, định cải-trang làm một chiếc tầu-bể năm sáu trăm tấn. Thế là hiện nay cả công-ti MARTY, cả công-ti DESCHWANDEN đều một tay ông kế-nghiệp. Không những ông mua hết các tầu của ông DESCHWANDEN, mà hiện nay ông lại dùng ông Tây ấy làm công cho ông ở Hải-phòng; ấy ông có cái sức lung-lạc mạnh như thế. Ngoài những tầu của hai công-ti ấy, lại còn

海防白泰公司正所

1 Sở chánh ở Hải-phòng 2. Buồng giấy ông chủ

tầu ông mua của Khách và tầu ông tự chế lấy, từ ngày mua được cái xưởng máy MARTY-D'ABBADIE; thành-thử hiện bây giờ trong sở ông có ngót ba chục chiếc tầu vừa lớn vừa nhỏ, những chiếc đương chạy các đường thời có 25 chiếc, theo như cái biểu kê ở sau này. Đó là còn chưa kể những thuyền kèm, thuyền phụ, « sà-lan » bằng sắt bằng gỗ, cầu đứng (*appontements fixes*), cầu thả (*appontements flottants*), v. v.

Biểu kê những danh-hiệu cùng tính-cách các tầu hiện đương chạy của sở Bạch-thái-Bưởi

DANH-HIỆU TẦU	TÍNH-CÁCH CÁC TẦU	BỀ TRƯỜNG	BỀ KHOÁT	DUNG-TÍCH	số hành-khách	CÁC ĐƯỜNG CHẠY
		Thước	Thước	Tấn	Người	
Phi-Phượng ..	Tầu 2 chân vịt, bằng sắt	40,25	9,20	300,000	1200	Hà-nội — Nam-định
Phi-Long	» 2 » » »	40,00	7,30	280,000	854	Hà-nội — Nam-định
Phi-Hổ.....	» 2 » » »	40,00	7,30	280,000	300	Hải-phòng-Bến-thủy
Đồng-khánh...	» 1 » » »	34,50	5,50	114,000	310	Hải-phòng-Nam-định
Kiến-phúc.....	» 1 » » »	23,00	3,88	87,000	95	Nam-định-Nho-quan
Thiệu-trị.....	» 1 » » »	30,00	4,00	100,000	120	Nam-định - Kim-sơn
Khoái-tử-long .	» 1 » » nửa sắt nửa gỗ	40,00	6,50	150,000	160	Nam-định - Bến-thủy
Trưng-Trắc ...	» 1 » » gỗ	31,00	5,50	100,000	100	Hải-phòng — Hà-nội
Minh-mạng....	» 1 » » »	28,50	5,00	199,000	300	Hải-phòng — Hà-nội
Tự-đức	» 1 » » »	30,00	4,90	188,000	220	Hải-phòng — Hòn-gay
Hàm nghi.. ..	» 1 » » »	22,40	4,20	100,000	120	Nam-định-Ngô-đồng
Hiệp-hòa.....	» 1 » » »	21,00	3,90	35,000	60	Nam-định - Lạc-quần
Trưng-Nhị	» 1 » » »	28,30	4,50	150,000	120	Hải-phòng - Mon-cay
Lạc-Long	» 1 » » »	23,00	3,85	40,000	55	Hảiphòng-Hảidương
Khâm sai.....	» 1 » » »	25,00	4,00	50,000		Tầu chạy kèm
Kinh-lược.....	» 1 » » »	23,70	4,20	123,860		Tầu chạy kèm
Tổng-đốc	» 1 » » »	18,28	4,20	65,000	85	Hải-phòng - Kiến-an
Gia long.....	» bánh xe, bằng sắt	38,00	7,60	203,000	606	Hải-phòng-Nam-định
Đinh Tiên-hoàng	» » »	38,80	7,50	189,000	500	Hà-nội — Chợ-bờ
Hồng-bàng	» » »	25,00	4,50	85,000	150	Nam-định-Thái-bình
Yên-báy.....	» » »	37,20	5,70	350,000	430	Hà-nội-Tuyên-quang
Phố-Lu	» » »	37,20	6,62	350,000	430	Hà-nội-Tuyên-quang
Bảo-hà.....	» » »	27,65	5,60	115,000	260	Hà-nội-Tuyên-quang
Lê-Lợi.....	» » nửa sắt nửa gỗ	37,00	7,30	160,000	400	Hà-nội-Tuyên-quang
Chợ-Bờ.....	» » »	34,32	6,80	256,000	200	Thượng-du Bắc-kỳ
			Cộng...	Tấn 4069,860	Người 7275	

Thống-kê lấy số trung-bình thời :

Dung-tích (*jauge brute*) các tầu ấy cộng lại được hơn.	3.600 tấn (*tonnes*)
Trọng-tải (*port en lourd*) được.	2.000 tấn
Sức mạnh các máy ước chừng	3.000 mã-lực (*chevaux vapeur*)
Tốc-độ (*vitesse*) trung-bình ước là	8 hải-lý (*nœuds*)
Tổng-cộng số hành-khách các tầu ấy có thể chở được là	6.643 người

Những « sà-lan » (*chalands*) cùng thuyền kèm bằng gỗ và bằng sắt, cả thảy có 20 chiếc lớn, dung-tích tới 1.900 tấn ; cầu đứng có 13 chiếc, cầu nổi 16 chiếc.

Các tầu đó hiện mỗi năm chở tới 5000 chuyến vừa khứ-hồi, ngót một triệu rưỡi người hành-khách và hơn mười-lăm vạn tấn đồ hàng. Xem những số ấy thời đủ biết sở tầu ông Bạch Thái-Bưởi đã trở nên to lớn là dường nào.

Cho được kinh-lý một cái cơ-sở lớn như vậy, phải đến một đội người làm công mới xuể được. Số người làm của ông quả thành một quân-đội nhỏ thật, mà ông thì nghiễm-nhiên là một ông tướng cầm quân. Ở Hải-phòng ông dùng tới ngót một nghìn người, chia ra làm hai hạng : hạng làm việc ở nhà giấy và làm việc ở các tầu cộng là 271 người ; hạng làm thợ trong xưởng máy tới 692 người. Ở Nam-định, dùng 199 người, ở Hà-nội 108 người ; ở Tuyên-quang 69 người ; ở Bến-thủy 59 người ; ở Việt-trì 17 người ; tổng-cộng cả các hạng người làm là 1415 người : cứ thử tính số lương của bấy nhiêu người làm, mỗi tháng có tới mấy vạn bạc. Trong số người làm ấy có những hạng đại-biểu đại-lý ở các nơi (hiện có ba người Tây và bốn người An-nam), những hạng mãi-bản tầu, chủ xưởng máy, là những hạng giúp việc gần và ăn lương cao cả, khác nào như bộ tham-mưu (*état-major*) của ông chủ-tướng vậy.

Sở chánh thời hồi-đầu còn ở Nam-định, vì ông khởi nghề buôn tầu ở Nam-định trước nhất. Mãi đến tháng 4 năm 1916 mới dọn xuống Hải-phòng, hiện ở vào giữa phố Thương-mại và đường Quảng-đông, trên bờ sông Tam-bạc. Đường đó trước kia vắng-vẻ ít người ở, từ khi ông đặt bến ở đấy thành một chốn vui-vẻ đông-đúc, cả ngày tấp-nập những người đi lại, nhất là những khi tầu tới tầu đi, hành-khách xôn-xao dộn-dịp, đồ hàng bề-bộn ngổn-ngang, thật là một cái cảnh tượng rất vui mắt. Đại-khái ông Bưởi có cái tài khéo chọn nơi dương-cơ ; từ trước khi làm nghề tầu, đi đến tỉnh nào ông cũng ở vào chỗ sông bến : ở Hà-nội, ở Nam-định, ở Hải-phòng, đâu đâu ông cũng có nhà có đất vào những nơi trên bến dưới thuyền cả. Thậm-chí có người lo cho ông hay ở những chỗ đầu ngọn, không biết rằng tự ông vẫn có cái chí xa-xôi muốn làm nghề buôn tầu vượt bể đã lâu, bây giờ mới biết là ông sành.

Không kể những chi-điếm nhỏ ở Tuyên-quang Việt-trì, v.v., hiện sở ông có ba chi lớn ở Nam-định, Hà-nội, Bến-thủy, mỗi chi có một người đại-lý, hoặc người Tây, hoặc người ta. Từ khi dọn sở chánh xuống Hải-phòng thì sở Nam-

(上)在南定之白泰船碼頭　(中)在南定之船分局
(下)在南定之抵當局

呂君貴振

1. Bến tàu Bạch-thai-Bưởi ở Nam-định — 2. Sở tàu ở Nam-định — 3 Nhà cầm-đồ Nam-định — Trong khuôn là ảnh ông Lã-qui-Chàu.

định đặt làm chi-điếm, trao cho ông Lã Quí-Chấn là người chung phần với ông ở Nam-định làm quản-lý. Ngày 1 tháng 6 năm 1914 thì đặt chi Bến-thủy, hiện nay có ông Tây tên là Babou làm đại-lý. Hồi còn chưng thuế chợ ở tỉnh Nghệ thì ông Bưởi còn một người đại-lý nữa ở Vịnh; từ ngày bãi thuế chợ, bao nhiêu công-việc của ông ở trong Nghệ trao cho người đại-lý Bến-thủy cả. Chi Hà-nội thì đặt ngày 1 tháng 8 năm 1914, mấy giờ trước khi bên Âu-châu khai-chiến: chi ấy có ông Tây tên là Offhause hiện làm đại-lý. Dân Hà-thành ta ai chẳng biết cái nhà Công-ti Bạch-thái-Bưởi ở đường Bờ Sông: nhà lầu nguy-nga ở vào góc đường. Bờ Sông và phố Bắc-ninh, giô ra giữa ngã-tư cột Đồng-hồ, trên cắm lá cờ vàng điểm sao đỏ là hiệu cờ họ Bạch, trông xa tưởng-tượng như cái mũi chiếc tầu bể to đương từ-từ rẽ sóng mà tiến lên. Nhà đó thật là cái biểu-hiệu hiển-hiện của sự-nghiệp ông Bạch Thái-Bưởi vậy.

Bây giờ cơ-sở đã vững-vàng, cái chí ông còn muốn khoáng-trương cho mỗi ngày một to thêm lên. Hiện nay tầu ông mới chạy được các đường sông mà thôi, bây giờ ông muốn có tầu đi bể nữa. Trong xưởng ông hiện đương chế một chiếc tầu 600 tấn bằng sắt, đặt tên là tầu *Bình-chuẩn*, ngày 7 tháng 9 tây vừa rồi mới làm lễ hạ-thủy ở Hải-phòng: tầu ấy sẽ dùng để chạy các đường men bể Trung-kỳ. Ông lại đương hỏi mua bên Âu-Mĩ và bên Nhật-bản một chiếc thật to chừng 3000 tấn để chở khách vào Nam-kỳ và chở gạo sang Tàu, Nhật-bản, Phi-luật-tân, Tân-gia-ba, v. v. Gần đây lại thấy các báo tây nói rằng ông có ý muốn mua lại tầu của công-ti Roque, nhưng công-ti ấy nguyên có Chánh-phủ trợ-cấp, nghe đâu Chánh-phủ không thuận cho công-ti nhường lại cho ông; việc đó hiện còn thương-thuyết, chưa biết giải-quyết ra thế nào.

Ấy xét qua lịch-sử sở buôn tầu của ông, tự năm 1909 đến giờ, có trong khoảng mười năm, mà phát-đạt mau như vậy, tới nay cái thế đương bồng-bột cao-thăng, con đường trước mắt còn dài dằng-dặc, rộng thênh-thênh, chưa biết đến đâu là cùng. Có lẽ từ trước đến nay ông còn mới ở ngòi, từ nay về sau ông mới thật ra bể vậy.

B. — Nhà máy làm tầu và chữa tầu

Trên kia đã nói năm 1915, ông mua được cái nhà máy làm tầu và chữa tầu của ông A. R. Marty. Thật là may cho ông quá, vì có tầu chạy mà gặp khi hư-hỏng không có chỗ chữa thì nguy lắm. Trước kia ông vẫn phải thuê các nhà máy khách ở Hải-phòng chữa thì họ vừa lấy đắt tiền, họ vừa muốn bắt-bí, thật là lắm nỗi nghiêu-khê. Nên ông hết sức mua cho được cái nhà máy của ông Marty. Kể mua được cũng đã gian-nan lắm, vì có nhà tây khác muốn mua tranh ông, không phải cần dùng đến mà mua, nhưng cố-ý muốn ngăn-trở cho ông không mở-mang ra được, sợ thiệt-hại đến lợi-quyền mình; nhà tây đó bèn cố thuê lấy cái xưởng máy ấy để bỏ không đó, cho ông không mua được. Nhưng không ngờ rằng đã quỉ-quyệt mà ông lại khôn-ngoan hơn! Ông dùng cách thương-thuyết bí-mật thế nào mà nhất-đán văn-tự bán cho ông ký rồi thiên-hạ mới biết! Ấy việc cạnh-tranh buôn-bán có lắm nỗi khó-khăn như vậy, không tinh-quái làm sao được?

Ngày nay nhà máy Bạch-Thái-Bưởi là một nhà nhất nhì ở tỉnh Hải-phòng. Tuy không sánh với các nhà máy bên Au Mi hoặc bên Nhật-bản được, nhưng kể các máy-móc cùng đồ dùng cũng đã tiềm-tiệm đủ cả. Nhất là cái địa-thế thì không đâu bằng: ở ngay trên bờ sông Cửa-Cấm, thật là tiện-lợi cho tầu bè đi lại. Theo phép Nhà-nước thì không ai được lập nhà dựng xưởng ở ngay trên bờ

sông. Nhưng đất này vốn là đất tư-thổ từ trước khi Đại-Pháp sang đây, cứ chủ nọ truyền cho chủ kia mãi đến giờ, Chánh-phủ không có quyền cưỡng-đoạt được, thành ra ông được hơn người hưởng-thụ cả cái dất bờ sông cho đến tận mặt nước, thật là tiện-lợi cho ông quá. Diện-tích đất được hơn ba mươi mẫu, trong số ấy thì 6548 thước vuông đã dựng nhà cửa rồi. Còn ngoại-giả thời có một cái bể 50 thước dài, một cái cừ 125 thước, có thể dung cạn được một chiếc tầu 300 tấn để chữa sửa ngoài vỏ. Lại có một khu đất đặt cái cừ chế tầu, có thể dung được tầu tới một ngàn tấn.

Còn những máy-móc cùng đồ dụng-cụ thời cũng thừa đủ cho việc tu-bổ các tầu cũ cùng chế-tạo những tầu mới. Nếu nhà máy chỉ phải chữa tầu không, thì còn thừa sức làm việc ngoài được, nhưng lại chế tầu mới nữa thì vừa đủ làm việc nhà thôi.

Các máy lớn thời đại-khái có những hạng như sau này : một cái búa máy (*marteau pilon*), đường chạy 0 m 45, nặng là 120 kil. ; một cái kéo máy (*cisaille poinçonneuse*) khoan được những mảnh « tôn » *tôle* dầy 30 m/m và cắt được những miếng sắt tròn tới 45 m/m ; những máy tiện, máy bào, v. v. Lại có hai cái lò đúc lớn (*cubillots*) đúc được những mảnh gang nặng năm tấn, cùng các thứ máy thường dùng khác, gần đủ các hạng. Như các máy trong chiếc tầu *Binh-chuẩn* toàn là trong nhà máy chế lấy cả. Cái nồi lửa (*chaudière*) đương đúc, chỉ đợi ống mua bên Mĩ sắp sang là làm xong. Cái khung máy (*chassis*) cùng hai cái trục (*treuils*) cũng đã xong rồi. Tầu đó có lẽ đến cuối năm nay thì thành-thân và khởi-hành được. Nhân nói về việc làm tầu *Binh-chuẩn*, có một điều đủ chứng rằng ông Bưởi cùng các người giúp việc ông có cái tài ứng-dụng biến-báo lạ thường. Hồi khởi-công làm thời vừa hết thứ đanh đóng máy (*rivets*) ; các hàng ở đây không đâu còn, mà gửi sang Tây mua thì giữa khi chiến-tranh không mua được. Vậy làm thế nào ? Giá vào tay người khác thì đành phải đình công việc, đợi đến bao giờ có đanh mới làm. Nhưng ông không chịu thế : không có đanh thời ông chế lấy đanh, không vì một cái đanh nhỏ mọn mà phải bỏ công việc. Song máy làm đanh không có mà cũng không mua ở đâu được, ông bèn bảo người tra các sách máy, xét kỹ những kiểu vẽ, rồi nhân đấy chế lấy một thứ máy riêng để làm đanh. Ông biến-báo như thế mà làm thành-thân được cái máy, máy làm thành-thân được đanh, đanh dùng được việc, và nhờ đó tầu *Binh-chuẩn* mới làm xong. Ngày nay cái máy đó vẫn chạy, coi cách làm đanh thật là dung-dị quá. Ấy đấy : ông Bưởi không phải là tay kỹ-sư, các người giúp việc ông cũng không ai là tốt-nghiệp ở trường kỹ-nghệ nào cả, thế mà làm được thành-công như vậy, thật đủ chứng rằng cái tài ứng-dụng của người mình không phải là hèn vậy. Không học mà làm được thế, có học thời làm được đến đâu ?

Trong nhà máy các công việc về máy-móc là một tay ông NGUYỄN VĂN-PHÚC đốc-suất cả. Ông NGUYỄN thật không từng học chuyên-môn ở trường nào cả, chẳng qua cũng là ở châu đốc-công các xưởng mà ra, thế mà ông thạo nghề một cách lạ-lùng, không những thạo cách chữa sửa thường, mà cách chế-tạo cũng khôn-khéo lạ nhường. Những kiểu tầu là tự tay ông vẽ, rồi tự tay ông chế, lắm cái kiểu bạo quá, chính nhà nghề coi cũng phải lấy làm lạ, thế mà ông làm thành-công cả. Một mình ông chắp-nối mấy chiếc tầu cũ, tân-tạo mấy chiếc tầu mới. Như năm 1913, chiếc *Khoái-lữ-long* nối dài ra 7m80 ; năm 1917 chiếc *Yên-bay* nối dài ra 7 m 00 ; năm 1919 chiếc *Phố-Lu* nối ra 7m 20. Chắp nối

(上)河內白泰碼頭　(下)河內白泰支局

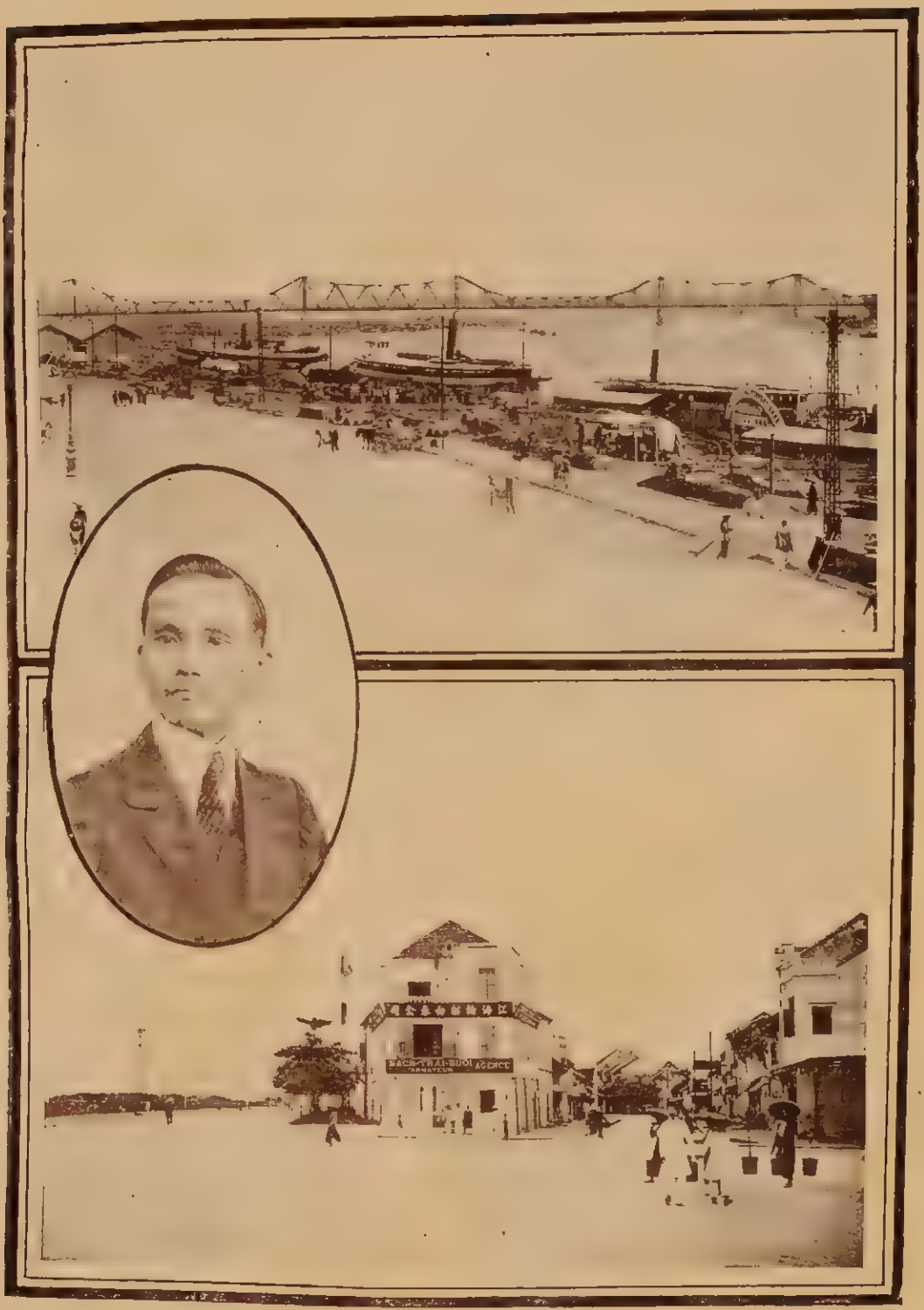

公司代表阮文盛氏

1. Bến tầu ở Hà-nội — 2. Chi-điểm ở Hà-nội
3. Ảnh ông Nguyễn-văn-Thịnh đại-biểu của Công-ti

có khi khó hơn tân-tạo, thường phải cắt đôi chiếc tầu cũ ra, làm một khúc giữa mới, rồi đem khập hai đầu cũ vào cho rô thật in, việc đó phải tính-toán khó lắm mới được. Tầu tân-tạo thời có chiếc *Đinh-Tiên-Hoàng*, là tầu bánh xe bằng sắt, trọng-tải 100 tấn, sức mạnh 200 mã-lực ; chiếc *Gia-long*, cũng là tầu bánh xe bằng sắt, trọng-tải 200 tấn, sức mạnh 200 mã-lực. Hiện nay thời đương chế chiếc *Bình-chuẩn*, chiếc này kiểu-cách cũng là tự một mình ông Nguyễn Văn-Phúc sáng-nghĩ ra. Tầu chế toàn bằng sắt cả, đại-khái có những đặc-sắc như sau này : trường 46 thước, khoát 7m20, sâu 3m60; máy mạnh 400 mã-lực (máy, nồi lửa cùng các cơ-quan mở hãm đều trong xưởng chế lấy cả); hai cột trục, mỗi cột mang nặng được 10 tấn; trọng-tải tầu là 600 tấn. Chiếc đó mà thành-thân chạy được thời coi cũng ra vẻ xứng-đáng lắm.

Ông Bưởi đương sửa-soạn đặt phụ vào nhà máy của ông một cái trường tập-nghệ để cho con các thợ và con trẻ ở ngoài vào học nghề máy. Cái ý đó thật là hay lắm, mong rằng ông chóng thực-hành, không những lợi cho ông sẽ đào-tạo được nên những tay thợ giỏi, mà lợi cả cho một hạng con trẻ nhờ đó biết được những điều cần-dùng về nghề máy-móc. Hiện nay đã có đến hơn 300 đứa vừa lớn vừa nhỏ chỉ đợi ông mở trường là xin vào học.

Ông Bạch Thái-Bưởi đã có một cái thuyền-đội to, lại có cái nhà máy lớn, thuyền-đội kia nhờ nhà máy này mà được chỉnh-đốn, không phải hư-hỏng, lại mỗi ngày một tăng thêm số tầu lên ; thế là sự-nghiệp ông về nghề buôn tầu đã hoàn-toàn vậy. Nhưng người tài-lực như ông, quả-cảm như ông, không có chịu khu-khu giữ một nghề, dù nghề ấy to lớn thế nào mặc lòng. Nên trước khi làm nghề tầu, hiện bây giờ và sau này nữa, ông đã từng làm nhiều nghề khác và vẫn còn mưu-tính nhiều việc khác. Vậy sau đây kể về các sự-nghiệp khác của ông.

C. — Các sự-nghiệp khác của ông Bạch Thái-Bưởi

Bất-cứ nghề-nghiệp gì, hễ xem ra có lợi là ông làm cả. Không nói từ hồi mới xuất-thân chưa có vốn-liếng gì, kể từ ngày đã hơi có tư-bản, ông xin lĩnh-chưng ngay nhà cầm-đồ tỉnh Nam-định, làm luôn từ bấy đến nay, hiện trao cho người chung phần với ông là ông Lã Quí-Chấn quản-lý. Việc lĩnh-chưng nhà cầm-đồ này cũng lại là một cuộc quyết-chiến với bọn Khách, hình như cái số ông hễ làm việc gì cũng phải tranh nhau với Khách, thật là ông *tây chay* người Khách từ khi cái phong-trào *tẩy-chay* chưa nhóm lên, từ khi cái tiếng *tẩy-chay* chưa ai biết vậy. Nghĩ cho kỹ, đó chẳng qua cũng là một lẽ tự-nhiên ; ông là lĩnh-tụ bọn nhà buôn An-nam, mà phần nhiều các mối thương-quyền của người mình là vào tay bọn Khách hết, vậy thời nhất-cử nhất-động của mình về đường buôn-bán là thế-tất phải xung-đột với người Khách, không khỏi được. Việc cầm đồ ở Nam-định lòng-tiền vẫn hầu coi như một cái chuyên-quyền của bọn Khách, Chánh-phủ cũng an-trí rằng người An-nam không thể nào kinh-lý được một việc khó-khăn phiền-phức như việc cho vay cầm đồ. Nên lúc mới đầu ông được ra lĩnh-chưng ai cũng lấy làm kinh-ngạc và không ai có bụng tin. Không những bọn Khách, mà chính quan sở-tại cũng cố-ý ngăn-trở cho ông không làm được. Nhưng dù ai mưu-mô việc gì mặc lòng, ông vẫn đứng vững, ông đứng vững mãi đến bây giờ, mà công việc vào trong tay ông lại thịnh-vượng hơn trước nhiều. Trong sở cầm-đồ ấy, những việc quản-lý, giám-định (*experts*),

thủ-bạ, thủ-quĩ, ông toàn dùng người An-nam cả, đủ chứng rằng người An-nam dẫu làm nghề gì cũng không sợ kém gì ai.

Đồng-thời với việc cầm-đồ đó, ông lại lĩnh-chưng được việc thuế chợ ở Nam-định, việc bán hàng cơm tây ở Thanh-hóa, việc lĩnh tì rượu ở Thái-bình, v. v. Kế đấy ông lại lĩnh thuế chợ tỉnh Nam-định từ 1906 đến 1909, tỉnh Thanh-hóa từ 1907 đến 1909, thuế-chợ Vịnh-Bến-Thủy từ 1906 đến 1913 ; về sau vì Nhà-nước bãi thứ thuế ấy nên ông mới thôi nghề đó. Vốn ông không làm nghề nhà in bao giờ, thế mà ông dám xuất tiền mở một nhà in lớn ở Hà-nội, trước ông xuất ra 30.000$, sau ông xuất ra 20.000$ nữa ; nhà in ấy tức là nhà « Đông-kinh-ấn-quán » bây giờ, gây-dựng xong rồi ông nhường cho em rể ông là ông Lê Văn-Phúc quản-lý.

Ấy là những công việc ông đã làm, còn những sự-nghiệp ông mưu-tính cũng nhiều lắm. Không kể nghiệp buôn tầu hiện ông đương nghĩ cách khoáng-trương cho có tầu đi bể, còn những việc khác, có mấy việc lớn ông đã từng dự-toán mà chưa gặp dịp làm được.

Như trước khi chiến-tranh bên Âu-châu, ông đương tính đặt một nhà máy gạo ở Nam-định. Đã sắp-sửa sẵn-sàng cả, và gửi sang mua máy ở Hambourg bên Đức, vì nước Đức bấy giờ có chế một kiểu máy xay gạo tốt lắm. Nhân chiến-tranh, máy không sang được, mọi việc phải dình-đốn cả. Nay chiến-tranh đã xong, việc mua bán bên Âu-châu dễ hơn trước, chắc sau này thế nào ông cũng làm thành được nhà máy đó. Có một nhà máy gạo như vậy thì việc bán xuất-cảng gạo tiện-lợi nhiều lắm, và người mình dễ cạnh-tranh được với người Khách.

Lại những việc trang-chỉnh các thành-phố, ông cũng lưu-tâm nghiên-cứu đã lâu, như việc đặt cống thoát nước bẩn cho tỉnh-thành Nam-định, việc đặt máy nước, đặt đèn điện cho tỉnh ấy, toàn là những việc Nhà-nước muốn làm mà chưa có cách làm được ; hiện ông đã bàn với Chính-phủ nhiều cách vừa tiện-lợi cho Nhà-nước vừa tiện-lợi cho ông ; chắc mấy việc đó sau này cũng có ngày ông làm thành được.

Sau nữa lại còn một việc ông cũng chú-ý đã lâu và đậm làm nhất, là việc đặt một đường xe-lửa nhỏ từ Nam-định ra Hải-phòng, qua Thái-bình. Tuy hồi xưa đã có người làm một đường xe lửa xép như thế từ Cầm-giàng về đến Phủ-Ninh-giang và Kẻ-Sặt, không lợi, nhưng ông chắc rằng nếu nay đặt vào miền Nam-Thái là miền giầu-có đông-đúc nhất xứ Bắc-kỳ thì quyết là ích-lợi nhiều lắm. Việc này ích-lợi cho ông không mấy, vì có đường xe-lửa thì đường tầu ông tất ít khách đi, nhưng ích-lợi cho dân nhiều, vì có con đường giao-thông đó thì dân những miền xa ấy muốn đi lại với Hải-phòng Nam-định tiện lắm, sẽ giúp cho cả một vùng hạ-lưu Bắc-kỳ đó được mở-mang. Như vậy thời dẫu ông làm việc riêng của ông mà thực là mưu việc công-ích vậy. Những nhà doanh-nghiệp lớn mà giúp được cho nước mình phú-cường cũng là như thế cả. Người ta phàm mưu việc gì to lớn, biết trông rộng tính xa, thì bao giờ sự lợi-ích cũng là phổ-cập được nhiều người, không phải chỉ lợi riêng một mình mình ; có thể lấy làm cái công-lệ rằng phàm việc gì có lợi cho nhiều người mới thật là lợi cho mình, nếu không lợi cho người khác, hoặc tổn-hại cho người ta, thì dẫu mình có lợi cái lợi đó cũng không bền. Xưa nay những người buôn-bán to, làm nghề lớn như ông Bạch Thái-Bưởi, đều là những người hiểu cái công-lệ ấy và biết trông rộng tính xa cả.

Ấy một tay ông Bưởi bình-sinh kinh lý bao nhiêu sự-nghiệp như thế, mưu

從禁海門遠望之白泰機器廠中間機器廠前面[illegible]滿左則丁先皇船右則廠庫及船渠

Nhà máy (trông ở mặt sông Cửa-Cấm)

Ở giữa là sở làm giấy của Nhà máy — Trước mặt là cái bể chứa tàu — Bên tay trái là tàu Đình Tiên hoàng

Bên tay phải là kho và [illegible]

1. Nhà máy đúc và búa máy - 2 Bề ngoài xưởng máy
3. Ảnh ông [illegible]vên-văn-Phúc chủ coi nhà máy

tính bao nhiêu công việc như vậy, nào việc đã làm, nào việc còn sắp làm, nào việc hiện đương nghiên-cứu; trong trí ông không lúc nào là không nghĩ những chuyện thương-công kế-lợi. Nhưng ông thương-công kế-lợi cho ông mà thực là ông giúp cho nước nhà được phú-cường đó, theo cái công-lệ như trên kia vừa nói. Vậy quốc-dân ta cũng nên mong-mỏi cho ông làm nên to hơn nữa, mong-mỏi cho những việc ông kinh-lý được phát-đạt, những việc ông mưu-tính được thành-công; mong cho những người như ông tức là mong cho nước nhà thịnh-vượng, vì nước bởi dân mà nên, dân có nhiều người chịu-khó khôn-ngoan như ông, biết thương-công kế-lợi như ông, thì nước mới chóng phú-cường được.

II

Ông Bạch Thái-Bưởi xuất-thân xử-sự thế nào?

Người ta thường thuật chuyện các nhà phú-hào nước Mĩ, người nào cũng là xuất-thân hàn-vi cả. Có người thì thủa nhỏ đi rao bán nhật-trình ở các phố; có người thì lúc mới ra buôn-bán trong tay chỉ có mấy quan tiền, thế mà về sau giầu tới mấy mươi ngàn triệu, người thì thế-nhân xưng là « vua dầu-hỏa » (*roi du pétrole*), người thì trong nước gọi là « chúa sắt gang » (*roi de l'acier*). — Nay xét ông Bạch Thái-Bưởi cách xuất-thân cũng hơi giống như các nhà phú-hào nước Mĩ. Ông cũng là con nhà hàn-vi, lúc mới ra làm ăn gặp nhiều sự vất-vả lắm. Người làng An-phúc, tỉnh Hà-đông, sinh năm 1874, năm nay ông vừa 45 tuổi. Năm 21 tuổi, ông ra làm công với một người Tây, nhân năm 1895 bên Pháp có hội đấu-xảo thành Bordeaux ông được theo chủ về bên ấy, chắc những sự mắt thấy tai nghe cũng đủ kích-thích cái chí mở-mang của ông, và khiến cho tiêm-nhiễm được những thói-cách văn-minh của Thái-Tây. Ở Tây về, hồi bấy giờ đương làm cầu Sông-Cái (*Pont Doumer*), ông xin vào làm công ở đấy, cũng là làm những việc nhỏ-mọn mà thôi, không mong có cách phất lên được. Giữa lúc ấy là lúc ở Bắc-kỳ việc làm đường xe-hỏa mọi nơi đương thịnh-hành, ông bèn chung phần với một người Tây để bán những gỗ hoành ngang cho sở xe hỏa. Trong ba năm ông đi lùng các tỉnh mạn trong để kiếm gỗ, thật là chịu khó và vất-vả. Nhưng cũng nhờ việc đó mà ông mới có đường tấy lên được. Nộp gỗ đâu vào đấy, tính lời lãi được mấy vạn bạc, mấy người chung phần chia nhau. Thế là ông bắt đầu có tư-bản từ đấy. Giá là người khác thời trong tay đã nắm được cái vốn kha-khá như thế, tất lấy làm tự-túc rồi, tìm cái nghề gì chắc-bằng mà kiếm lời, như cho vay lãi, tậu ruộng, mua nhà, lên mặt ông phú-gia an-nhàn hú-hí trong gia-đình, không phải nhọc trí mà mưu-tính việc gì khác nữa. Nhưng ông không phải là cái người biết tự-túc; ấy sở-dĩ ông hơn người cũng vì đó. Ông biết rằng người ta ở đời này phải hoạt-động, phải ganh-đua luôn, và trong việc buôn-bán cũng như mọi việc khác, hễ không tiến tất phải thoái, không có thể đứng yên một chỗ được. Vậy ông quyết đem cái vốn ấy ra lợi-dụng để còn mong làm to hơn nữa. Bấy giờ có mấy người vừa buôn ngô xuất-cảng được lãi to lắm. Ông cũng xuất vốn ra buôn ngô. Nhưng không may cho ông, nhiều người buôn quá tranh nhau mà mua, giá ngô mỗi ngày một cao mãi lên, lại thêm năm ấy vùng nhà quê nhiều nơi mất mùa ngô, thành ra buôn lỗ; không những buôn lỗ, mà mình đã ký giao-kèo với người ta, không nộp được đủ số, phải kiện bị thua, lôi-thôi mất một độ. Việc xong thời vốn gần hết sạch, tưởng-tượng bấy giờ như một giấc chiêm-bao, tỉnh

giây lại thấy mình tay không như ngày nào !

Giá lại vào tay người khác thì phen này thất-bại như thế không khỏi không ngã lòng, chăm thu-thập lấy đồng thừa đồng sót, thúc-thủ ngồi một nơi mà mong dợi cơ trời. Nhưng ông lại không phải là người chịu bó tay như thế : khi đắc-thắng ông đã không biết tự-túc, khi thất-bại ông tất không chịu thúc-thủ. Đã ganh-đua thời có thua có được, thua món này ta lại xoay món khác, làm tài trai không có lẽ chịu bó gối mà thở dài. Giữa bấy giờ thời có việc đấu-giá lĩnh-chưng nhà cầm-đồ tỉnh Nam-định : ông ra đấu-giá, ông lĩnh-chưng được ; dần-dần gây lại được cái vốn cũ, rồi từ đó cơ-sở mỗi ngày một vững-vàng, tiền-đồ mỗi ngày một thanh-thả, ông cứ thong-dong tuần-tự mà tiến mãi lên ; vốn đã có, thế cũng vững, làm việc gì cũng lợi, thật là trời tựa người có công : nào là thuế chợ, nào là tỉ rượu, nào là nhà in, cho đến hồi buôn tầu là cuộc kết-quả to-lớn nhất.

Ấy đại-khái cái lịch-sử ông Bạch Thái-Bưởi như thế : xuất-thân tay không mà trong khoảng vài mươi năm trở nên giầu-có, trung-gian kinh-lịch đã nhiều, ma-triết cũng lắm, mà chí tiến-thủ, lòng kiên-nghị không bao giờ chuyển, không bao giờ nhụt.

Trong bài « Chấn-chỉnh thương-trường » kỳ trước ta đã nói cái tính kiên-nhẫn là một đức-tính rất cần cho nhà buôn. Nay xét ra ông Bưởi thật là được hoàn-toàn cái đức-tính ấy. Thử coi những lúc buôn thua bán lỗ, những hồi cạnh-tranh với bọn Khách chở tầu, nếu là người non gan thời dễ thoái-chí, thế mà ông vẫn đứng vững, dẫu nguy cũng không chịu lui, khác nào như người chở thuyền lên thác, cố hết sức giữ cho vững tay co mới lên được trót-lọt. Tay co ông thiệt là chắc như tay sắt, nên tha-hồ lên thác xuống ghềnh, thuyền ông chạy veo-veo không hề mắc-míu.

Ông đã có cái gan kiên-nhẫn, lại có cái sức quả-cảm, có gan kiên-nhẫn thời những lúc nguy mới đứng vững được, có sức quả-cảm thời mới dám bước thẳng lên. Người ta thường nói ở đời ăn thua nhau ở sự may rủi ; lời đó phải, mà lại không phải. Phải nghĩa là việc đời có lắm sự bất-kỳ, không ai có tài mà dự-tính trước được ; không phải nghĩa là trong cách xử-sự không nên cứ bằng cả ở cái may rủi, may may rủi rủi phần nhiều là tự tay mình làm nên ; nếu cứ do-dự mà suy tính từng li từng tí, đi một bước đo một thước, thì không làm gì được to-tát cả. Người Âu-châu ví cái may như cô con gái làm cao, không khi nào tự đến với mình bao giờ, càng thấy mình rụt-rè kiêng-nể thời lại càng dửng-đỉnh làm thinh, hễ thấy bạo-dạn bước vào như muốn nắm lấy cổ tay thời mới chịu cười nụ mà chìa tay ra với mình! Cho nên phàm xử-sự phải có sức quả-cảm mới được : quả-cảm không phải là làm liều ; quả-cảm nghĩa là việc đã mưu-tính rồi, không có do-dự, cứ quả-quyết mà bước xấn lên, dẫu khó cũng làm, gặp nguy không ngại, chắc có khi thất-bại, nhưng thành-công là sự thường. Ở đời, nhất là đời ganh-đua bây giờ, người cứng-cát bạo-dạn bao giờ cũng được phần hơn.

Song có kiên-nhẫn, có quả-cảm, mà không có trí-tuệ, thời cũng khó thành-công được. Gan-góc, bạo-dạn thời chỉ đủ bước xấn làm liều, không khiến bước cho đến nơi, làm cho nên việc được. Cho nên người buôn-bán phải có cái trí-tuệ riêng về việc buôn-bán, người làm nghề phải có cái trí-tuệ riêng về việc công-nghệ. Trí-tuệ về việc buôn-bán tức người Tây gọi là cái « khiếu buôn-bán » (*le sens des affaires*), như kỳ báo trước đã giải. Ông Bưởi xét ra thật là có cái trí-tuệ

riêng về việc buôn-bán. Phàm những việc ông mưu-tính là những việc sắc-đáng cả, ông biết chiêm-nghiệm tình-thế mà đoán trước được sự được thua thế nào. Bởi có cái trí-tuệ ấy nên những khi tranh-đua với các nhà buôn ngoại-quốc, ông biết dùng những mưu-lược, nhưng chiến-sách thật là đắc-nghi, khiến cho kẻ thù phải thất-bại. Cũng nhân đó mà ông đã có tiếng là người tinh-quái khôn-ngoan, ít kẻ lường gạt được.

Có những tư-cách hay như vậy mà kinh-lý vụng, không biết xếp-đặt công việc, thời cũng là uổng mất. Về đường kinh-lý đó, ông Bưởi cũng lại sành lắm, mà kinh-lý những sự-nghiệp to như sở tầu ông không phải là việc dễ. Trước nhất người chủ-trương phải cần-mẫn linh-lợi lắm mới trông nom cho xuể được. Ông thời thật là người cần-mẫn lạ thường; ông làm việc cả ngày cả đêm, không nghỉ mấy giờ; sở ông không biết chủ-nhật, ngày lễ, ngày tết là gì. Tuy đã mấy năm nay ông phải bệnh tê, một nửa người không vận-động được như thường, mà cái sức làm việc vẫn không sút. Cũng là nhờ được một người giúp việc có công, là ông Nguyễn Văn-Thịnh, làm đại-biểu cho ông, người rất là siêng-năng cần-cán, vừa chịu khó vừa thạo việc, phàm những công việc thường là thay mặt ông kinh-lý hết.

Xét cái cách ông xếp việc và dùng người thời thật là chỉnh-đốn đâu vào đấy. Sở ông nghiễm-nhiên như một sở Nhà-nước không khác gì; sổ-sách giấy-má làm theo lối tây cả, mà trong cách dùng người cắt việc thời có châm-chước lối tầu. Đi dạo qua một lượt các phòng trong nhà giấy của ông ở Hải-phòng, coi thật là có phong-thể lắm: buồng ông chủ, buồng thư-ký, phòng giữ sổ kiểm tiền, phòng phát vé tầu, chỗ này đánh máy chữ, chỗ kia tính bàn tính, người làm chật-ních, khách tới tấp-nập, không tòa Công-sứ tỉnh nào bằng.

Trong văn-chương Pháp có bộ tiểu-thuyết đề là « Vua bề »[1], tả một nhà phú-thương nước Mĩ làm chủ một công-ti tầu bể, có tầu chạy khắp thế-giới. Ông Bạch Thái-Bưởi ở nước ta có lẽ cũng có thể gọi là « Chúa sông» xứ Bắc-kỳ, tưởng không phải là không xứng-đáng, vì tầu ông chạy khắp các đường sông ngọn nguồn trong xứ này, bắc tự Tuyên-quang, nam tới Bến-thủy, đông từ Moncay tây đến Chợ-Bờ. Mà xét kỹ ra cái chí-khí độ-lượng của ông cũng phảng-phất được ít nhiều như nhà Mĩ đại-thương trong bộ tiểu-thuyết Pháp. Xem như các tên tầu của ông, ông đặt toàn bằng danh-hiệu Lịch-đại Đế-vương của nước Nam ta cả : *Gia-Long*, *Minh-Mạng*, *Tự-Đức*, *Hàm-Nghi*, *Trưng-Trắc*, *Trưng-Nhị*, *Lê-Lợi*, *Đinh-Hoàng*, v. v., khiến cho người đọc đến những tên ấy lại nghĩ đến cái lịch-sử vẻ-vang của nước nhà ; đủ tỏ ông là người nhiệt-thành ái-quốc vậy. Lại xem một việc như sau này nữa, tuy là điều nhỏ nhặt, mà cũng đủ rõ cái khí-khái lớn của ông : trong nhà giấy ông không có trang-hoàng bằng hoành-phi câu-đối như các nhà khác, mà cheo toàn bằng những biển hiệu các tầu Khách tầu Tây ông đã mua được ; ông nói rằng những chủ tầu cũ vào trông thấy thường có ý căm tức, nhưng họ căm bao nhiêu chắc ông càng thích-chí bấy nhiêu. Hồi ông mua cái tầu *Kim-hằng* của Khách, bọn Khách cố lật lấy lại cái biển hiệu, biển bằng đồng đúc hai chữ đại-tự đẹp lắm; ông chịu mất tiền thầy kiện đòi lại cho được để cheo chơi: biển ấy bây giờ cheo giữa trước mặt chỗ ông ngồi.

Nhưng ông Bưởi có một cái tính hay nhất đáng khen, là tính ghét những sự hư-danh. Buôn-bán to như ông, giầu-có lớn như ông, danh-giá như

(1) Đã bình-luận trong *Nam-Phong*, số 3, trang 159-167.

ông, thế-lực như ông, nếu muốn cầu-cạnh xin cái bá-hộ hàn-lâm thì chi mà chẳng được ; nếu muốn kêu-nài lấy cái mền-đay kim-khánh thì chi mà chẳng đắt. Nhưng mà không, kim-khánh mền-đay ông cũng không, hàn-lâm bá-hộ ông cũng không ; thậm-chí cái « Chương-mĩ bội-tinh » là Nhà-nước đặt ra để thưởng những người có công về thực-nghiệp, nghe đâu ông cũng không được. Bấy nhiêu cái hư-danh hư-hiệu, ông không có cái gì cả, mà xem ra ông cũng không thiết. Ông không thiết cái danh-dự hão mà ông có cái giá-trị thực : ông biết rằng ở đời này kỷ một chữ tên mà dủ cho nhà băng đánh giá mấy muôn bạc, kể còn vẻ-vang hơn là được người ta thưa-thưa bẩm-bẩm, gọi là cụ bá ông hàn. Nước ta còn lắm kẻ mơ-mộng về những sự hư-danh đó, nên trông cái gương của ông mà bắt chước.

Nay kết-luận bài này, ta nên nói qua mấy lời về cái dư-luận của quốc-dân đối với ông Bạch Thái-Bưởi. Cái dư-luận ấy gần đây tuy đã khá nhiều, mà trước kia xem ra không được tốt cho ông lắm, quốc-dân ta hình như không mấy người biết cái giá-trị của ông và phần nhiều xét lầm việc ông làm. Nhiều người trách ông là *quyệt*, có người chê ông là *nhẫn*. Ôi ! người ta không ai là hoàn-toàn được, chắc ai cũng có điều khuyết-kém, cho nên xét người không nên trách-bị, phải biết lượng cái sở-đoản sở-trường. Giảo-quyệt vẫn không phải là một đức-tính hay, nhưng cũng phải biết đời này là đời sinh-tồn-cạnh-tranh, người ta đã ganh-đua nhau, lợi-quyền đã xung-đột nhau, thời không lấy đạo-đức mà nói được, hễ không tinh-quái khôn-ngoan tất bị kẻ khác lường gạt ; còn cái sợ người ta lường mình mà mình làm người trước, thì cũng là quá-đáng thật. Tàn-nhẫn cũng không phải là một đức-tính tốt, nhưng lại phải biết rằng người ta đối-đãi với kẻ khác có lắm cái cơ-hội không thể nhân-nhu được : song khắc-khổ mà đến tuyệt nhân-tình thì cũng là quá-đáng thật.

∴

Ấy sự-nghiệp ông Bạch-Thái-Bưởi như thế, lịch-sử ông, tâm-lý ông, cách ông xuất-thân xử-sự như thế, tưởng cũng là đủ tỏ ra một bậc nhân-tài ít có trong nước Nam ta hiện bây giờ. Chắc rằng sau này có lẽ còn nhiều người kỳ-kiệt hơn ông nữa, nhưng hiện nay thời ông cũng đã đáng làm một cái gương chung cho cả thương-giới nước ta vậy. Ông thật là làm vẻ-vang cho giống-nòi ta, và rửa được cho ta cái tiếng rằng dân nước An-nam không có tư-cách làm được sự buôn bán to. Ước gì trong nước được năm mười người như ông, thì cái vấn-đề chấn-chỉnh thương-trường lo gì mà chẳng giải-quyết được !

Thượng-Chi

HẠN-MẠN DU-KÝ

Mấy kỳ báo Nam-Phong *từ số 22 sắp về sau, trong phần chữ hán tôi có đăng một mục « Hạn-mạn-du-ký », nghĩa là bài ký của người đi chơi phiếm. Bài ký ấy hiện đến số 29 này vẫn in chưa rồi. Nhưng các bạn đọc báo nhiều ông gởi thơ cho tôi hỏi sao không dịch ra quốc-ngữ, và hỏi nội-dung trong bài ký ấy thế nào, có dịch quốc-ngữ mà in riêng thành sách không. Tôi xin đáp rằng :*

bài k[illegible]ấy hiện tôi còn đương thảo chưa xong, hãy còn lần lượt in phần chữ nho nước n[illegible]ày kỳ báo nữa mới hết. Còn nội-dung thì tôi chỉ biên chép những sự thật mà tôi đã tai nghe mắt thấy trong sáu năm trời ở nơi ngoại-quốc. May đâu các ngài xét mà hỏi đến bản dịch, thì tôi xin vội vàng dịch một bài tựa và chương thứ nhất đăng ra sau này, gọi là trả lời đại-lược. Còn mười mấy chương trong bài ký ấy thì đợi khi nào phần chữ hán [illegible]ng rồi, tôi sẽ dịch ra quốc-ngữ mà đăng báo hoặc là in riêng thành quyển sách.

T. Đ.

Nghĩ mình từ ngày nào lọt lòng mẹ, được một tuổi học đi, đôi ba tuổi học nói, bảy tám tuổi biết cắp sách theo thầy. Bấy giờ và gian nhà cỏ ở trong mười mẫu cô-thôn, lần lần ngày nắng đêm trăng, những tưởng đấy đã là trung-tâm của trời đất ; còn ngoài đó chân trời góc bể, đều là những cảnh dìu-hiu. Chẳng bao lâu mà khôn lớn lên, mới ngày nào còn riu-rít như chim non ấp tổ, nay đã lông-bông như chiếc lá lìa cành ; dường như con tạo khiến cho kẻ du-du trong só nhà, thử ra mà nếm cái phong-vị cầu sương điếm cỏ. Đến khi xế đã chồn, chân đã mỏi, hồn quê luống những mơ-màng, bèo mưa họp bến, chim ngàn về hôm. Nào ai đã giủi cho mình đi, ai đã gọi cho mình về, thực mình cũng mơ-mơ màng-màng như người đứng trong mấy từng mây tối.

Tôi về nước đã 5 năm nay, kể từ năm 1908, bước chân ra đi, đến năm 1914, trở về Sài-gòn, giữa ngày tháng tám, tính đốt ngón tay một dao phiếm-du chốc đã sáu năm có lẻ. Loanh-quanh trong nước mất một năm, tạm trọ Xiêm-la hơn mười ngày, khách qua Nhật-bản hơn một tháng, rồi lại sang Trung-hoa, bao nhiêu thương-phụ to, tỉnh-thành lớn : như Ba-Thục miền tây, U-Yên đất bắc, Quế-Việt cõi nam, đều là chỗ mình có để ít nhiều vết xe dấu ngựa.

Đến bây giờ hồi-tưởng lối chơi, đã thành cảnh mộng : ngán cho con tạo trêu ngươi, đem tranh luản-lạc vẽ đời phù-sinh.

Trong bấy nhiêu năm, những sự mắt thấy tai nghe, hãy còn in trong trí nhớ, có phải là chuyện chiêm bao đâu. Nay đem những lề-lối phong-cảnh mà mình đã trải qua nơi đất khách, chép nhặt một vài, có chua ngày tháng cho khỏi quên, còn chuyện chi-chi không rỗi mà nói đến. Xin bạn đọc cái du-ký này biết ý tác-giả là thế.

Chương thứ nhất

Quanh đường vượt bể ra khơi

Ngày tháng giêng năm 1908, tôi cùng mấy người bạn ra chơi Bắc-kỳ ; định ở lại Nam-định mà học. Đến tháng ba nhân việc ngăn-trở, phải đáp tầu về Đà-nẵng (Tourane). Khi về đến nơi không tiện lên bở, bèn chạy thẳng vào Qui-nhơn. Đến đấy đồ bộ đi xuyên-sơn vào Phú-yên, lần-lút trong chừng 8, 9 tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới đáp mành vào Nam-kỳ. Từ cửa bể Xuân-đài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909, tới Mỹ-tho, lần vào Bến-tre, đến làng Tân-hưởng tìm chỗ ngồi bảo trẻ.

Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo ban lên Sài-gòn mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, nghe lỏm được kỳ tàu và cách đi, bèn xuống tầu mà châm-chước với một người thủy-thủ. Được người ấy chịu lời rồi, đêm mồng 3 tháng tư xuống tầu mà làm khách xuất-dương từ đấy.

Xuống tầu rồi ngồi trong một cái phòng kín dưới khoang ; đồ hành-lý

xuất-dương cũng chỉ có hai chiếc bánh mì và một chai nước uống. Tôi cứ ngồi trong cái phòng kín ấy, dùng hết quá nửa đồ hành-lý, thì tầu mới nhổ neo, cứ mơ-mơ màng-màng không biết bấy giờ là bao giờ, vì trong phòng tối không có một khe sáng nào, dù có đồng-hồ cũng không có thể rò thấy thời-khắc.

Bấy giờ ngồi một mình, hồi-tưởng cảnh-ngộ sinh-bình, lịch-lịch như in trong tâm-khảm! Nào những lúc đang vùi đầu chốn tràng-ốc, cùng chúng bạn quyết tranh khôi giật giải, ý-khí hăng-hái biết là dường nào! Lại những lúc cười trăng cợt gió, một năm trời vui thú Hành-sơn, sớm hôm cảnh phật người tiên, buồm ngư đông-hải, chuông chiền tử-tâm, thì thân-thể lại thanh-tịnh là dường nào! Lại nhớ lúc làm ruộng Cầm-Nê, thày trò dìu-dắt, có khi đặt câu ca cho thợ gặt hát, thú điền-gia nghĩ cũng vui thay! Lại nhớ lúc bãi cỏ bên đường, mái chùa cạnh suối, cùng đôi ba chúng bạn trò-trò chuyện-chuyện mượn bóng tà-dương, mảnh tàn-nguyệt soi nhau một tấm tâm-can. Lúc bàn-tầu về việc hội thương, lúc hô-hào về việc hưng-học; bạn cựu-nho đã chê là phường hư-hỏng, kẻ bàng-quan cùng cười là lũ điên-cuồng; thế mà mình vẫn ngông-ngông nghênh-nghênh, tự lấy làm đắc-ý. Lại nhớ vừa năm ngoái đây, 7, 8 tháng trời, trèo non lách núi, không tìm được một chỗ thê-thân. Than ôi! Trời đất hẹp-hòi, khách chơi lỡ bước, vào chốn nông-gia, không đủ làm một người điền-tốt; ra nơi thành-thị, thường phải nhục với mấy đứa phu tuần. May mà lúc còn ẩn bóng chùa Vân (Suối mây), lúc còn nương thân chại Cống (Cống-sơn); lúc gặp bạn trong núi, lúc đi săn trong rừng; trong cảnh cũng sầu, mà cũng lắm lúc tiêu-dao tự-tại.

Nước kêu quanh suối gió quanh rừng,
Cũng một lần thu dễ mấy lần.
Mưa dột nhỏ sầu tuôn lác-đác,
Sấm dưới nổi giận gỗ tưng bừng.
Mây đen sắp lớp trời không mặt,
Khói bạc vun vồng núi có chừng.
Trời đất biết người đây chăng tá,
Người đây là kẻ giữa phong-trần.

Ấy là một bài thơ cảm-hoài của ta năm vừa rồi ngẫu-vịnh ở nơi một cái lều tranh trong cái khe núi quạnh-vắng kia vậy. Nghĩ đến mà buồn thay! Đến bây giờ chưa hết gian-nan, lại còn phải vượt bể khổ một lần nữa! Hồi-tưởng bao nhiêu cái hi-vọng, cái danh-dự, chí-khí của người ta đều là vật lụy cho thân của người ta cả, cũng muốn vất đi bỏ đi cho rảnh mà trong lòng lại hối tiếc biết là chừng nào!

Đang ngồi một mình ngẫm-nghĩ chuyện mình, chợt thấy người làm tầu đến gọi tôi mà bảo rằng: « Tầu đi khỏi Sài-gòn đã nửa ngày rồi; bây giờ có thể ra ngồi mà hóng mát. » Tôi liền theo lên boong.

Ác sẽ trời tây, vàng gieo mặt biển, trông vào cõi đất, kéo thẳng một vệt mặt nước với chân trời. Bấy giờ tưởng mình như chim sổ lồng, cứ đi lại trên mặt tầu mà thở hút hơi bể. Người thủy-thủ cũng ân-cần đãi khách, đồ ăn uống sung-túc, mà mình đã nghiễm-nhiên ra một vị khách quá-giang.

Từ Sài-gòn đến Bangkok tầu ghé có một chỗ, là cù-lao Côn-lôn; ấy là nơi cấm-cố những kẻ tù-phạm. Trước người nước ta ai nghe nói tiếng Côn-lôn, mà chẳng rủn gan ghê thịt. Bây giờ Nhà-nước đã sửa-sang đẹp-đẽ, khí-hậu cũng ôn-hòa; người ở đấy không sợ lam-chướng như các nơi rừng-rú khác.

Tầu đến bến, những tù phải ra mà giỡ hàng, và đem bán cho hành-khách những đồ tự mình chế-tạo được, như: chạp dồi-mồi và đồ thắt bằng mây. Tôi có ý nhận tìm mấy người bạn cũ từ năm trước đã bị tù ở đó, mà không thấy. Hỏi ra mới biết những người

Năm ấy được vào hạng hậu-đãi, không phải đi khổ-sai. Khi tôi về Hà-nội có tiếp cái thơ của người bạn ở Côn-lôn cũng khen nhân-chính của Nhà-nước về việc giam-tù. Hễ ai có tội đã phải vào nhà giam đều lấy nhân-đạo mà đãi, không như cái thói tàn-ngược ngày trước. Văn-minh với dã-man khác nhau là thế.

(Còn các chương sau khi nào dịch xong sẽ đăng báo hoặc in ra thành quyển sách).

TIỀU-ĐẦU

MỘT NHÀ PHÚ-HÀO NƯỚC MĨ : ÔNG CARNEGIE (1)

Không có nhà phú-hào nào đáng tên là người nhân-từ quảng-đại bằng ông ANDREW CARNEGIE (đọc là Cát-nê-ghi), mới mất trong trung-tuần tháng tám tây ở biệt-thự (2) ông tại Lenox, thuộc quận Massachusetts, thọ tám-mươi-ba tuổi.

Ông nhân-từ, nghĩa là bình-sinh ông ban-phát của-cải cho thiên-hạ không biết bao nhiêu mà kể. Ông quảng-đại nghĩa là ông có cái trí-độ lớn-lao, biết mưu-toan những công-việc to-tát, lại có cái công-phu khó-nhọc mới làm nên giầu-có vẻ-vang.

Ông vốn là người Ecosse bên nước Anh, thủa mười-một tuổi di-cư sang Mĩ, vào làm công ở một nhà máy sợi đất Pennsylvanie. Người ta cho ông ngồi đốt một cái « nồi lửa » (*chaudière*) ở trong hầm, mỗi ngày trả cho hai hào công. Xét ra những bậc vua tiền chúa bạc như ông, người nào lúc xuất-thân cũng hàn-vi như ông cả, người thì cầm máy xe lửa, kẻ thì phục-dịch trong nhà máy, đến sau trở nên giàu-có, không ai lấy thế làm xấu-hổ. Trong tập « Ký-ức-lục » (*Souvenirs*) của ông chép để lại, ông nói rằng bình-sinh ông làm ra cũng đã nhiều tiền, không biết mấy trăm nghìn triệu mà kể, nhưng không bao giờ ông được sướng bằng thủa nhỏ đi làm công hôm được lĩnh một đồng bạc tiền công lần đầu.

Nhưng ông lại nói rằng: « Song sướng thì có sướng thật, mà làm việc ấy suýt nữa thì chết mất đời. Tôi cẩn-thận quá, thành ra lúc nào cũng áy-náy sợ mình bất-cẩn thì quan-gia. Cả ngày cả đêm lúc nào cũng sợ mình nhãng đi đánh nồ nồi-lửa thì đồ nhà máy mất ; đêm đương ngủ mê thường hốt-hoảng ngồi giọc giậy, hai tay nắm chặt như cầm cái « đồng-hồ khí » (*manomètre*) trong tay. Tự đó tôi thành cái tật động gân tay, bây giờ vẫn hãy còn. »

Năm mười-bốn tuổi thì ông đổi nghề, trước làm công nhà máy, bấy giờ sang làm sở giây-thép. Trong tập « Ký-ức-lúc», ông kể duyên-do làm sao mà một hôm đương ngồi bên cạnh cái máy *Morse* (tên máy giây-thép), ông được thần Hạnh-phúc thình-lình đến giắt đưa tay ông lên cõi phú-quí :

« Việc của tôi là chỉ phải đem giây-thép đưa đi các nhà trong phố; nhưng thỉnh-thoảng ngồi trong buồng giấy không có việc gì làm thời tôi trông người ta đánh máy, hoặc tôi học chữ

(1) Dịch ở báo *Illustration*, ngày 16 Août 1919.

(2) *Biệt-thự* 別墅 = Nhà riêng để nghỉ-ngơi ở nhà quê; nhà mát. — MAISON DE CAMPAGNE, COTTAGE.

hiệu giây-thép. Một buổi sớm người coi máy tới giờ chưa đến, đương khi ấy thì vụt thấy hiệu chuông kêu : có giây-thép tới... Làm thế nào bây giờ? Ai nấy lấy làm lo lắm. Chắc người kia đến thì thế nào cũng phải đuổi, không được làm nữa ... Bấy giờ tôi mới đánh liều thử giúp người ta xem có được không. Tôi thường trông nhiều lần, đã phảng-phất biết cách nhận giây-thép thế nào, bèn ngồi vào bàn, vặn mấy. Thấy trên miếng vải xanh tuôn ra có chữ : thời là một cái giây-thép rất quan-trọng cho một nhà buôn-bán lớn trong tỉnh. Lập-tức tôi biên lấy chữ ấy, rồi đem đến ngay cho người ta... Nhờ đó mà người làm công kia không phải đuổi ; nhưng ông chủ giây-thép khi được biết đầu-đuôi việc ấy, thì cho gọi tôi lại, bổ cho tôi làm một chức cao trong tòa giây-thép, được ăn lương-bổng to. Ấy cả sự-nghiệp của tôi là khởi-điểm từ đó... »

Từ bấy giờ thần Hạnh-phúc không hề bỏ ông nữa. Hai-mươi-bốn tuổi ông chế ra kiểu xe-lửa có giường nằm (*sleeping-car*) ; ba-mươi-tư tuổi, ông dạy cho người Hoa-kỳ học cái pi ép gọi là phép BESSEMER để hóa sắt ra thép. Tự bấy giờ ông cứ mỗi ngày một giầu lên, tiền bạc ở đâu đổ lại, hằng-hà sa-số.

* * *

Trên kia ta nói rằng bình-sinh ông hay ban-phát của-cải nhiều lắm, tính ra cả thảy tới *một nghìn rưỡi triệu !*

Trong số ấy thì ước một trăm triệu cấp cho các trường thủ-nghệ ở Hoa-kỳ và Gia-nã-đại (Canada) ; một trăm triệu thời lập một cái kho gọi là « Anh-hùng kim » (*Heros Fund*) để thưởng cho những người bình-dân mà làm được những thủ-đoạn anh-hùng kiệt-liệt ở trong khắp lưỡng-bán-cầu ; tám triệu để dựng cái « Hòa-bình-cung » (*Palais de la Paix*) ở thành Hải-nha (La Haye), cung ấy — nghĩ cũng kỳ thay! — vừa khánh-thành xong được mấy tháng thì Âu-châu nổi cuộc chiến-tranh ; còn nhiều triệu nữa thì cấp cho các trường Đại-học, nhà học-viện, sở thí-nghiệm, cuộc cứu-tế. Nhưng phần nhiều của ấy là dùng để lập những nhà thư-viện công ở Mĩ, ở Ecosse (là quê ông), ở Anh-cát-lợi, ở Nga, v. v. Nay bởi cớ gì mà ông CARNEGIE lại thích dùng tiền để lập nhà thư-viện như vậy ? Cái duyên-do đó cũng kỳ, ta nên kể tường như sau này.

Một hôm có một người Mĩ còn trẻ tuổi tên là WACK làm chủ phòng «quảng-cáo» (*chef de la publicité*) trong một thương-cục lớn ở nước Anh, là nhà hàng bán thứ rượu gọi hiệu là « *Sirop de la mère S...* », đến thăm ông và bàn xin ông cho phép thương-cục mở một cuộc điều-tra (1) trong khắp cõi nước Anh, để hỏi ý dân xem từ nay ông muốn ban-phát tiền để làm việc công-ích thì nên làm những việc gì hay hơn cả. Người ấy lại bàn nên soạn một tập sách thuật thân-thế, sự-nghiệp cùng công-đức của ông, rồi đem in ra tám trăm vạn bản, mỗi bản đính một tờ vé như phiếu bầu-cử, để người đọc biên ý-kiến của mình vào đấy, xong đem phát cho tám trăm vạn người có quyền bầu-cử trong toàn-hạt nước Anh.

Bàn sao, làm vậy ; ông CARNEGIE nhận lời của ông WACK, và cuộc điều-tra cứ yên-ổn mà thi-hành. Cách điều-tra ấy cũng tức là một cách bầu-cử, nhưng bầu-cử êm-thấm thay, không bao giờ bầu-cử thật mà được như thế.

Đến khi hết hạn, vé các nơi đã gửi về, mới đem ra kiểm-điểm, thật là công-phu lắm. Thương-cục phải dùng đến một trăm rưỡi người làm trong mười lăm ngày mới xếp xong các vé.

(1) *Điều-tra* 調查 = Khảo xét. Ngày nay thường dùng là nghĩa hỏi dư-luận trong nước cho biết châu-tinh thế nào. — ENQUÊTE ; FAIRE UNE ENQUÊTE.

Số những người không gửi vé về nhiều lắm, tới ngót bảy trăm vạn người, — coi đó thời biết rằng người dân thường không thiết gì cái quyền đầu-phiếu ! Kiểm-điểm xong thời được như sau này :

Số người	xin ông ban tiền cho mình, ...	112.246 người
—	xin ông ban tiền cho người khác	103.268 —
—	xin ông mua rượu « *Sirop de la Mére S...* » để phát không cho thiên-hạ	5.296 —
—	xin ông cho các nhà thờ nhà đạo	3.077 —
—	xin ông cho kẻ nghèo khó	1.965 —
—	xin ông cho vợ con những quân quan tử-trận ở Nam-Phi (bấy giờ là sau trận chiến-tranh nước Anh với các dân-quốc Nam-Phi-châu)	1.458 —
—	xin ông ban tiền dưỡng-lão cho những kẻ làm-lụng.	1.320 —
—	xin ông cho các nhà thương	986 —
—	xin ông cấp cho những nhà chế-tạo	651 —
—	xin ông phát-chẩn cho những dân bị đói ở Ấn-độ.	629 —
—	xin ông làm nhà cứu-tế cho người già-cả	403 —
—	xin ông cấp cho các hội « câu-lạc-bộ » (*clubs*)	389 —
—	xin ông giúp cho những người di-cư sang Mĩ	322 —
—	xin ông giúp cho Nhà-nước trả dần tiền quốc-trái.	237 —
—	xin ông giúp đặt một khoản dự-bị về việc chiến-tranh	236 —
—	*xin ông lập các nhà thư-viện công*	204 —
Còn những vé tạp cùng những vé không thể xếp vào hạng nào.		900.770 —

Ấy đấy, nước dân-chủ Anh-cát-lợi trả-lời cuộc điều-tra của thương-cục « *Sirop de la Mére S...* » như thế, và định phân-phát tiền của ông CARNEGIE như thế. Chẳng hay trong bụng ông CARNEGIE nghĩ thế nào, nhưng xem ra ông lại theo ý-kiến của cái số người ít hơn nhất, là 204 người xin lập nhà thư-viện, mà không muốn chiều lòng những kẻ xin tiền cho mình là số người đông hơn nhất, thiệt là trái hẳn với phép đầu-phiếu bảo-cử xưa nay ! Ông theo phe ít người mà bỏ bọn đông người vậy. Tự hai mươi năm nay, ông dùng tới ngót 750 triệu để lập các nhà sách công.

* * *

Nay nhân-dân trong thiên-hạ có biết cái ơn ông đã giúp cho người ta được rộng đường học-vấn, mở-mang tri-thức không ? Sự đó không thể biết được. Cổ-lai công-chúng vẫn có cái tính lạ thường, mà không hay yêu-chuộng những kẻ cao-sang hơn mình. Dẫu những người có núi bạc nhà vàng mà cái hào-quang bằng kim-tiền ở trên trán cũng không đủ phá được cái lòng ố-kỵ u-âm của kẻ nghèo-hèn đối với mình.

Ông CARNEGIE có một chuyện như sau này, ông thường hay thuật lại cho bằng-hữu nghe... Ông đi du lịch, có một buổi chiều đến một cái xóm nhỏ ở đất Géorgie. Ông trông thấy một cái lều dựng bằng ván, trong có đánh đàn thờ, tiếng kêu ảnh-ỏi. Ông đẩy cửa vào, thời là một nhà thờ của dân da đen. Ông vào, sẽ dón-dén ngồi tận dưới ghế cuối cùng. Khi lễ xong, người ta đi quyên tiền đến trước mặt ông, ông sẽ bỏ vào trong khay một cái phiếu nhà băng (*banknote*) giá 250 quan. Quyên hết lượt rồi đem khay về

cho thầy giáo-sư. Thầy giáo-sư, theo tục ở Nam-phương nước Hoa-kỳ, đem tiền ra đếm xem bữa ấy quyên được bao nhiêu, xong rồi quay mặt lại các tín-đồ mà nói rằng :

— Anh em ạ, bữa nay Thiên-chúa phù-hộ cho ta. Buổi quyên này được cả thảy 4 quan 50. Nếu tính cả cái phiếu 250 quan của người lạ mặt râu sồm ngồi kia thì có lẽ được tới 254 fr 50, nhưng mà không chắc giấy ấy là giấy thật hay giấy giả. Anh em nên qui gối cầu nguyện Thiên-chúa cho giấy ấy được là giấy thật !....

Ông CARNEGIE thường thuật lại chuyện đó một cách rất khoái-trá, rồi ông tủm-tỉm cười mà kết-luận một câu triết-lý như sau này :

— Dẫy, các ông coi, giữ nhà đem tiền cho người cũng khó, ấy không phải dễ vậy !

T. C. *dịch*

BÀN VỀ NGHỀ KỸ-SƯ[1] VÀ CÁCH DẠY KỸ-SƯ Ở NƯỚC PHÁP

1. — Nói về nhà Kỹ-sư bây giờ

Những người không biết tưởng nghề kỹ-sư là một nghề dễ lắm, chóng làm nên phú-quí và có nhiều vẻ thú-lạ. Những người ấy phải đọc bài đoản-thiên-tiểu-thuyết của nhà danh-sĩ nước Anh RUDYARD KIPLING, đề là « Bọn xây cầu » (*Les Bâtisseurs de ponts*), mới biết những tay xây cầu cống, đặt đường-xá, chế máy-móc, thường phải xuất công-phu khó-nhọc là dường nào, đương trách-nhiệm nặng-nề biết bao nhiêu, mới làm nên những công-trình to-tát, lại phải có cái nghị-lực mạnh thế nào mới cai-quản được một đội người làm trong hàng tháng hàng năm, ở những nơi đồng không mông quạnh, rừng thẳm núi cao.

Ông KIPLING đã từng mục-kích trông thấy những nhà kỹ-sư xây cái cầu lớn trên sông Hằng-hà (Gange), bèn tả thành một bài tiểu-thuyết, kể về công-phu khó-nhọc của những nhà ấy, kỹ-thuật thật là tinh-tường không sót. Ta trích ra sau đây một đoạn trong bài của ông cho biết cái công-trình đặt cầu Cát-sĩ (Kashi, tức là tên cái cầu trên sông Hằng-hà) to-lớn là dường nào.

Lời rằng :

« Ông Kỹ-sư coi việc làm cầu tên là Phân-lai-sơn. Hôm ấy việc đã tiềm-tiệm xong, ông ngồi trong xe chạy trên đường giây cheo từ cột cầu này sang cột cầu kia — cột xây bằng đá đặt dài tới ba dặm tự bên này sang bên kia sông — mới hồi-tưởng đến công-trình làm bấy lâu nay và ước-lượng chẳng bao giờ thời thành-công được.

« Kể cả phần trên đất thời cầu ấy dài ngót hai anh-lí (*lieues*), làm toàn bằng rầm sắt đóng bằng thứ danh « bu-long » (*boulons*) kiểu Phân-lai-sơn, dưới xây hai-mươi-bảy cái cột bằng gạch. Mỗi cái cột ấy đường thẳng giữa là hai-mươi-bốn anh-sích (*pieds*), trên ngọn có cái mái xây bằng đá đỏ đất Agra, chân thời chôn xuống dưới đáy cát sông Hằng-hà, sâu tới tám-mươi anh-sích. Ở trên thời đường xe-lửa chạy, rộng mười-lăm anh-sích; tầng

(1) *Kỹ-sư* 技師 = Chính nghĩa là « thầy nghề », chỉ những tay chuyên-môn đốc-suất các công-trình, như làm đường, đặt cầu, khai mỏ, vân vân. — INGÉNIEUR.

trên nữa thời có cái đường xe đi được, rộng mười-bảy anh-sích, hai bên lại có bờ hè. Mỗi một đầu cầu, có xây những tháp cao bằng gạch đỏ, trổ lỗ cho súng lớn súng nhỏ chĩa ra ngoài.

«Trên đê thời hàng trăm con lừa, đứng trên trông xuống nhỏ ti-ti, mang những bao nặng các đồ vật-liệu ở dưới thẳm xa đem lên, tiếng móng lừa, tiếng gioi quất, tiếng đá đất đổ lên dơi xuống, ầm-ào trong không-khí nóng buổi trưa. Sông thời thấp tận dưới xa, cát trắng sóa, chỉ trông thấy ở giữa một dám đen xì, tức là những hoanh gỗ đặt ngang ba cái cột cầu ở giữa, trong ngoài chát đất, để làm giòng tạm, sau dặt rầm sắt vào... v. v... »

Đó là hình-dung cái cầu và phong-cảnh chung quanh. Nhưng trông cảnh-tượng người làm công cùng những máy chuyển-vận, cũng có cái vẻ sầm-uất và hoạt-động lạ-lùng. Chỗ này thì cái máy trục khuân những đá những sắt ở bên này ném sang bên kia, như cái vòi con voi lớn. Chỗ kia thì cái xe lửa chở đá, hết chuyến ấy sang chuyến khác, chạy ầm ầm, còi thổi rít, đến giữa sông lại đổ ào cả xuống như tiếng sét...

Công việc khó-khăn và to lớn như vậy, phải dùng đến một đội người làm, còn những vật-liệu máy-móc không biết bao nhiêu thứ mà kể, song rút lại chỉ có một người làm chủ-não: người ấy là ông kỹ-sư vậy. Chính tay ông trước hết phải tính-toán cho đích-sác, chất này trọng-lực là bao nhiêu, chất kia mạnh yếu là dường nào, khiến cho đến khi ứng-dụng được hợp-cách và công-trình được vững-bền. Nhà kỹ-sư phải có học-vấn rộng, kinh-lịch nhiều, thời mới đảm-đương mọi việc cho thành-công được. Ông Kipling lại tả những sự khó-nhọc của ông kỹ-sư Phân-lai-sơn trong việc làm cầu đó, thật là hình-dung được hết những nông-nỗi gian-nan.

«Cứ thực thời bao nhiêu công khó nhọc là một mình ông Phân-lai-sơn gánh vác cả; ông với một người giúp việc ông nữa, là một chàng trẻ tuổi chưa có kinh-lịch gì, ông cho theo để cho quen công việc với ông. Trong xưởng có tới năm mươi người thầu-khoán cùng những thợ máy tây lấy ở các sở xe-hỏa ra, còn những hạng đốc-công cai thợ, hoặc người tây-lai, hoặc người bản-xứ, cũng được đến hai ba chục người.... Nhưng mà rút lại chỉ có hai thầy trò là chủ-trương các việc, còn những hạng kia thời chẳng có mặt nào là có thể tin-cậy được.

« Kể cũng đã từng-trải nhiều khi nguy-hiểm, như đứt giây, sổ trục, nước sông đánh mạnh, vân vân... Nhưng mà không có khi nào tỏ được ra một người có tài ứng-biến, khiến cho ông có thể chút cho gánh đỡ được một phần công việc.

« Ông Phân-lai-sơn bấy giờ mới hồi-tưởng lại những nông-nỗi khó-khăn từ ngày mới khởi-công đến giờ: nào là tính-toán trước trong mấy mươi tháng, rồi đến ngày gần xong thì đột-nhiên Chính-phủ Ấn-độ định làm cầu rộng thêm ra hai thước nữa, thành ra phải tính lại cả; nào trước khi ký giao-kèo thơ đi từ lại tự Ấn-độ sang Anh, tự Anh sang Ấn-độ, không biết bao nhiêu lần; rồi đến lúc phát đấu-giá lĩnh-chưng thì kẻ này ngăn-trở người kia phản-đối, dùng-dằng chờ-đợi tới một năm, dành-dịn được đồng nào ăn tiêu hết.....

« Đến khi bắt đầu làm thì hốt-nhiên phát bệnh dịch-tả ở ngay làng bên cạnh xưởng thợ; hết bệnh dịch-tả thì kế đến bệnh đậu mùa. Còn bệnh sốt rét thời niêm cả năm, không bao giờ không.... Lại khi lụt, khi hạn, khi thợ đánh nhau, nào án-mạng, nào ẩu-đả, nào đứa lấy vợ, đứa đẻ con, đứa chết, nhất-thiết việc vệ-sinh, việc cai-quản, không việc gì là không đến mình; tối đến mệt

oài ra, nằm xuống nghỉ, chỉ cầu trời cho đêm khỏi phải cầm súng lục giậy.... Trong khi hồi-tưởng lại những nông-nỗi ấy, thời phảng-phất như trông thấy trước mắt cái cầu Cát-sĩ đột-ngột nguy-nga, mà nhận thấy từng dịp cầu, từng mảnh sắt, từng cái đanh. ..

« Thế là thủy-chung cái cầu ấy là sự-nghiệp của có hai người mà thôi ... »

Coi đó thời biết cách sinh-hoạt của nhà kỹ-sư đốc-suất những công-trình lớn khó-nhọc là dường nào. Khắp thế-giới đâu là không có những công-trình to lớn ấy, tức là những sự-nghiệp vô-danh của các bậc kỹ-sư như ông Phân-lai-sơn vậy. Nào là cầu sắt bắc lưng-chừng trời, vượt qua những vực thẳm sông sâu; nào là đê đá xây ngang dường sông để điều-độ giòng nước chảy — như cái đê Assouan ở giữa sông Nil, bên Ai-cập — ; nào là nhà máy cheo-leo trên sườn núi để lợi-dụng sức nước thác; nào là những máy lấy than ở dưới đất ; nào là những đường chạy quanh trên sườn núi ; nào là những giếng khơi ở giữa sa-mạc .... ; biết bao nhiêu công-trình kỳ-kỳ quái-quái, kể sao cho xiết.

Muốn đốc-suất được những việc khó như thế, thời có học-vấn rộng, biết tính-toán giỏi cũng chưa đủ, lại còn phải có cái tư-cách cần-mẫn hoạt-bạt, biết sáng-nghĩ, biết quản-trị, biết ước-lượng cho đúng các khoản kinh-phí là bao nhiêu, biết dự-toán cho rõ những tiền khởi-công hết chừng nào, các công việc mỗi việc đánh giá là bao nhiêu, các vật-liệu mỗi thứ phải mua tới ngần nào....

Người ta đã xét về tư-cách các nhà kỹ-sư cai-quản những công-cuộc lớn, phải có đủ sáu hạng như sau này, thời mới là người có tư-cách hoàn-toàn :

1° Phải có sức khoẻ và thể-lực mạnh;

2° Phải có trí-tuệ mau và sáng;

3° Phải có mấy cái đức-tính như sau này : biết suy-nghĩ, biết quả-quyết; có kiên-nhẫn, có hoạt-bát, có nghị-lực; dám đảm-đương trách-nhiệm, biết trọng sự bổn-phận, biết chăm việc lợi chung ;

4° Phải có cái tài quản-trị giỏi;

5° Phải thạo cách kinh-lý về đường buôn-bán, tài-chánh, pháp-luật, và phép giữ sổ-sách ;

6° Phải sành về cái nghệ-thuật chuyên-môn của mình.

Như thế thì nhà kỹ-sư phải vừa là một tay động-tác (*homme d'action*), vừa là một tay doanh-nghiệp (*homme d'affaires*). Nhưng xét ra ở nước Pháp thì lại không giống các nước khác: nhà kỹ-sư của Nhà-nước bao giờ cũng chỉ dùng để làm những việc quản-lý mà thôi, như quản-trị về việc xe lửa, việc tạo-tác, việc khai mỏ, v. v.

Có người làm sách đã nói rằng « cả thế-giới dễ chỉ có nước Pháp là các sự-nghiệp lớn giao cho các tay kỹ-sư quản-lý... Có một người Anh một hôm nghị-luận về việc đó đã nói rằng đem một tay kỹ-sư mà để quản-lý một sở xe lửa thì chẳng khác gì như cho một tay thú-y coi một đội pháo-thủ... Ở các nước thì nhà kỹ-sư bao-giờ cũng chỉ coi là một tay nhà nghề, chuyên về cái phần nghệ của mình mà thôi, không có khi nào dùng để quản-lý các công-nghệ, các sự-nghiệp bao giờ » (1).

Cũng có người cho rằng chính vì cái cớ các nhà kỹ-sư Pháp dùng sai cách và không được thạo nghề như thế, nên công-nghệ nước Pháp mới chậm-chạp mà không được tiến-bộ

(1) Coi sách của ông MAX LECLERC đề là : « Bàn về cách tạo-thành các nhà kỹ sư ở Pháp và ở các nước khác » (*La Formation des ingénieurs à l'étranger et en France*).

như các nước khác. Sự học-vấn ở nước Pháp thời rất là cao-thâm, sự chế-tạo rất là tài là giỏi, nhưng trong nước phát-minh được cái gì mới-lạ thì các nhà chủ công-nghệ không biết lợi-dụng ngay lấy, thường để cho nước ngoài dùng trước. Đó thật là một sự thiệt-hại cho công-nghệ trong nước. Người ta đã giải cái duyên-do sự đó như sau này : thứ nhất là bởi các sở làm nghề của Nhà-nước (*administrations techniques d'Etat*) hay giữ những phong-thói chốn nha-môn (*mœurs bureaucratiques*), nên làm việc không mau vã không thạo ; thứ nhì là các công-ti lớn không có kinh-lý theo phép buôn-bán mà cũng quản-trị theo lối các sở Nhà-nước, nên thường không dám bạo làm và không có lợi to.

Nói rút lại thời cái học-thức của các nhà kỹ-sư Pháp có cao hơn kỹ-sư các nước thật, nhưng cái tài kinh-tế thì thường không bằng.

2 — Nói về các trường lớn dạy nghề kỹ-sư ở nước Pháp

Xét ra cái tình-hình như vậy tổng-chi cũng là bởi cách tổ-chức các trường kỹ-sư cùng phép dạy nghề kỹ-sư ở nước Pháp còn khuyết-điểm.

Trường «Cao-đẳng Bách-công» (*Ecole Polytechnique*) lập đã hơn một thế-kỷ nay, trước chỉ chuyên-chủ dạy các quân-quan về pháo-binh, sau dạy kiêm cả các kỹ-sư cho Nhà-nước nữa.

Học-trò có thi đỗ mới được vào học, toàn là những con nhà thuộc về trung-lưu-xã-hội, nghĩa là những nhà có tư-cơ cả, cách kén-chọn thật là nghiêm và lọc-lõi. Nhưng cứ giữ cái danh-giá là trường cao-đẳng, chỉ chuyên dạy về cao-đẳng-số-học, phần thuyết-lý nhiều mà phần ứng-dụng ít. Nay đã có nhiều người nghiệm rằng những môn cao-đẳng-số-học (*mathématiques transcendantes*) tuy là một cách thao-luyện tốt cho trí-tuệ (*un exercice intellectuel*) mà trong nghề kỹ-sư không có dùng đến mấy khi.

Cách học trong trường ấy cũng là khó-nhọc quá : trước khi vào học thì phải qua hai hay là ba năm dự-bị về đặc-biệt-số-học (*mathématiques spéciales*) ở trường trung-học ; khi vào nhà trường thì trong hai năm cũng chỉ chuyên về số-học ; đến khi tốt-nghiệp thì tùy bậc cao-thấp và tùy học-trò định chuyên về nghề gì, lại phải qua hai năm ở một trường trong mấy trường sau này :

Trường Khoáng-học (*Ecole des Mines*);

Trường Tạo-tác (*Ecole des Ponts-et-Chaussées*) ;

Trường Bưu-chính (*Ecole des Postes et Télégraphes*) ;

Trường Pháo-binh và Công-binh ở Fontainebleau (*Ecole d'application d'artillerie et de génie de Fontainebleau*) ;

Cách học nặng-nề khó-nhọc như vậy vừa hại cho sức khỏe người học-trò, vừa không ích cho nghề-nghiệp về sau.

Ở trường « Cao-đẳng Chế-tạo » (*Ecole centrale des arts et manufactures*) cũng vậy, phần lý-học thời nhiều mà phần ứng-dụng thời ít. Chính quan Bác-sĩ BUQUET làm giám-đốc trường ấy cũng phải phàn-nàn rằng : « Chúng tôi rất là khó lòng bảo cho học-trò hiểu rằng những khoa dạy ứng-dụng là khoa có ích-lợi cho họ sau này. Những khoa « cao-đẳng phân-tích-học » (*analyse supérieure*), cơ-khí-học (*mécanique*), thì họ thích học lắm. Đến những khoa dạy về cách làm cầu-cống, làm xe-lửa, làm nhà, thì họ học lấy làm chán, nói rằng dạy thế thì để cho bọn thợ học, mình học làm gì ! Nói đi nói lại mãi, hết tháng ấy sang tháng khác, họ mới hiểu rằng ở đời này không cứ lấy số-học mà sống được. »

Muốn bổ-cứu lại những sự khuyết-điểm ấy, thì « Hội Kỹ-sư nước Pháp » (*Société des ingénieurs civils de France*)

có mở một cuộc điều-tra về sự học nghề trong các trường cao-đẳng ở Pháp và ở Đức, rồi điều-trần với Chánh-phủ xin cải-cách mấy khoản như sau này :

1° Chỉ có các trường cao-đẳng ở nước Pháp là lấy học-trò ở những lớp đặc-biệt-số-học trong các trường trung-học ra, mà lại bắt thi đỗ mới được vào học. Trường cao-đẳng các nước thì cứ học trò trung-học ra là được vào học, có khi chưa tốt-nghiệp cũng được vào ;

2° Chỉ có các trường cao-đẳng ở nước Pháp là học-trò tốt-nghiệp ra mãi đến 25,28 tuổi mới vào công-nghệ được; còn trường các nước thì 22,24 tuổi đã thành nghề ;

3° Chỉ có các trường cao-đẳng Pháp là dạy cai-quát (*enseignement général*), mà không dạy chuyên-môn (*spécialisé*) ;

4° Chỉ có các trường Pháp là kỷ-luật nghiêm-nhặt quá ;

5° Ở nước Pháp thời không có thành-lệ học-trò phải qua tập việc ở các nhà máy; các nước đều có thế cả ;

6° Ở nước Đức, nước Tí và nước Thụy-sĩ thì các trường cao-đẳng dạy phần thí-nghiệm nhiều lắm; ở Pháp thời chỉ có các nhà « chuyên-môn học-viện » (*instituts techniques*) là có học thí-nghiệm nhiều, còn các trường cao-đẳng thời mới bắt đầu có thí-nghiệm in-it mà thôi.

Mấy khoản đó chắc Chánh-phủ Pháp cũng sắp lục-tục cải-cách cho sự dạy học trong các trường kỹ-nghệ được hợp với sự cần-dùng của công-nghệ hơn trước.

Song phải biết rằng tuy trong các trường cao-đẳng kể trên kia sự học có cao quá không thiệt-dụng cho nghề kỹ-sư, nhưng không phải rằng các hạng kỹ-sư toàn xuất-thân ở các trường ấy cả đâu. Ngoài các trường cao-đẳng ấy còn có những trường kỹ-nghệ thường (*écoles des arts et métiers*), như ở Paris, Aix, Angers, Châlons-sur-Marne, Cluny, Lille, mỗi năm tốt-nghiệp biết bao nhiêu là những tay kỹ-sư, tuy *sức học-vấn* không được cao-thâm bằng học-trò các trường cao-đẳng kia, nhưng rất là sành nghề giỏi việc. Như những nghề máy điện, nghề xe hơi, nghề tầu bay ở nước Pháp, gần đây phát-đạt như thế, là nhờ những tay kỹ-sư ấy cả.

3. — Nói về các « chuyên-môn học-viện »

Trong khi các trường cao-đẳng chỉ chuyên dạy những khoa cao-viễn quá, không thiết-dụng, thời các trường Đại-học (*Universités*) ở các nơi xướng-suất lập ra những nhà học riêng để dạy về các môn ứng-dụng, gọi là những « chuyên-môn-học-viện » (*instituts techniques*). Trường Đại-học xướng-lập ra các học-viện ấy trước nhất là trường Đại-học thành Lyon. Mục-đích các học-viện ấy là để làm nơi điều-hòa các môn lý-học với các môn ứng-dụng làm cái giây môi-giới các nhà học-vấn với các nhà công-nghệ. Nhờ đó mà tự hai-mươi-nhăm nam nay các trường Đại-học Pháp đã tạo-thành được nhiều những tay kỹ-sư có giá-trị. Ngày nay muốn cho sự thực-nghiệp-giáo-dục ở các trường cao-đẳng cải-lương được, thời cũng mong ở cái gương các chuyên-môn-học-viện ấy nhiều.

Hiện nay ở nước Pháp có những chuyên-môn học-viện sau này là lớn nhất :

1° Ở Nancy, có nhà « Hóa-học học-viện » (*Institut chimique*) lập năm 1889, nay phụ-thuộc thêm mấy trường nữa là « Trường làm rượu bia » (*Ecole de brasserie*) lập năm 1893 ; trường « Nông-nghiệp học-viện » (*Institut agricole*) lập năm 1901 ; trường « Thuộc-địa học-viện » (*Institut colonial*), lập năm 1902 ; trường « Điện-học học-viện » (*Institut Electrotechnique*) lập năm 1902, vân vân

1904 khoáng-trương thêm ra, có đủ các máy-móc để thí-nghiệm.

2° Ở Grenoble, có nhà « Học-viện dạy vật-lý-học ứng-dụng ra công-nghệ » (*Institut de physique industrielle*), lập năm 1891, rồi sau mở rộng ra và đặt thêm những khoa « điện-hóa-học » (*électrochimie*), điện-luyện-kim-học (*électrométallurgie*), công-nghệ cơ-giới-học (*mécanique industrielle*) và dẫn-thủy-học (*hydraulique*). Năm 1907, ông BABILLON lại lập ra một trường dạy về nghề làm giấy (*Ecole de Papeterie*) ;

3° Ở Toulouse, có một nhà « Nông-nghiệp học-viện » lập năm 1909, một nhà « Điện-học học-viện » và một nhà « Hóa-học học-viện » ;

4° Ở Lyon, có một nhà « Học-viện dạy hóa-học ứng-dụng ra công-nghệ » (*Institut de chimie industrielle*) là nhà học-viện cũ hơn nhất, vì do quan Bác-sĩ RAULIN sáng-lập ra từ năm 1883. Đến năm 1889, lại biệt-lập ra một trường dạy nghề thuộc da (*Ecole française de tannerie*). — Lại có một « Nông-học học-viện » lập năm 1900, và một trường gọi tên là « Ly-ông công-nghệ học-hiệu » (*Ecole centrale Lyonnaise*), tự năm 1888 thuộc Hội Thương-mại thành Lyon bảo-hộ ;

5° Ở Marseille, có một trường Kỹ-sư (*Ecole d'ingénieurs*), lập năm 1891, để luyện các tay kỹ-sư cho khắp các công-nghệ ;

6° Còn ở các tỉnh-thành khác thì có :

Thành Caen mới lập một học-viện đặt tên là « Chuyên-môn học-viện đất Normandie » (*Institut technique de Normandie*), để dạy những tay chuyên-môn về điện-học và hóa-học ; ở Dijon có một « Học-viện dạy nông-nghiệp và nghề làm rượu vang » (*Institut œnologique et agronomique*) ; ở thành Bordeaux có một trường dạy hóa-học ứng-dụng (*Ecole de chimie appliquée*) ; ở Besançon có một « học-viện dạy lý-học và trắc-thời-học » (*Institut de physique et de chronométrie*) ; v. v.

Cứ kể qua các trường chuyên-môn ở nước Pháp như trên đó thời biết rằng ngày nay đã có nhiều nơi khuynh-hướng về đường thực-nghiệp-giáo-dục, hết sức tổ-chức cho cái trình-độ học hợp với việc dùng, hợp với thổ-ngơi nữa, — như trường làm rượu vang ở Dijon, trường làm đồng-hồ ở Besançon, — như vậy thời chẳng mấy nỗi mà nước Pháp không những không kém gì các nước khác về đường thực-nghiệp-giáo-dục mà có lẽ lại tiến-hộ hơn nhiều. Đến ngày ấy thì các nhà kỹ-sư Pháp vừa có cái học-vấn cao, vì các trường cao-đẳng như trên kia đã nói dẫu có cải-cách chắc cũng còn giữ được nhiều những nền-nếp phương-pháp cũ, lại nhờ có những nhà học-viện riêng chuyên về đường thực-dụng thí-nghiệm vừa được thành nghề thạo việc, bấy giờ cái giá-trị tất mỗi ngày một cao thêm lên, và không đến nỗi mang tiếng là học không thiết-thực và không có tài kinh-tế.

4. — Nói về nên đặt một chức « nghệ-thuật tiến-sĩ »

Ai cũng biết rằng người Đức, hễ đã học qua ở một trường Đại-học ra thời là được chức « tiến-sĩ » (*docteur*), chức ấy ở nước Đức và ở nước khác lấy làm trọng-vọng lắm. Trong mấy năm công-nghệ nước Đức phát-đạt rất dữ, trường Đại-học nào ở nước ấy cũng đặt khoa nghệ-thuật để dạy cho được thật nhiều những tay kỹ-sư ra đốc-suất các công việc trong công-ti và trong xưởng máy. Học trò nào tốt-nghiệp ở các khoa ấy ra đều được chức « kỹ-sư tiến-sĩ » (*docteur ingénieur*).

Tuy cái tên ấy ghép hai chữ lại như vậy cũng không được điền-nhã

cho lắm, nhưng cái ý thời hay lắm, vì tỏ ra rằng trong nước trọng những tay thầy nghề giỏi, coi cũng ngang bằng chàn tiến-sĩ của các khoa-học khác. Có người ước-ao rằng các hội-đồng quản-trị những trường Đại-học nước Pháp cũng thừa cái ý hay ấy mà đặt ra một thứ văn-bằng tiến-sĩ như vậy, để thưởng cho những người đã học các khoa nghệ-thuật được thành-tài và khuyến-kích người trong nước nên trọng về sự học thực-nghiệp. Người ta bàn nên gọi chức tiến-sĩ ấy là « nghệ-thuật tiến-sĩ » (*docteur ès sciences techniques*).

T.-C.

lược dịch sách Tây

ĐÔNG-LÂN TÂY-TRẢO

Une nation, c'est un individu qui vit depuis mille ans dans un pays plat ou montagneux, brumeux ou ensoleillé, sterile ou fécond, et qui fait corps avec la terre sur laquelle il a grandi. Dans cette longue existence, que d'événements bons ou mauvais, que de mauvais surtout, que d'épreuves, que de vicissitudes, que de calamités ! Il a connu la famine, la peste, la guerre civile, l'invasion étrangère. Et que de moments dans sa vie ! Il a été conquérant et bourgeois paisible, sage et turbulent, travailleur et paresseux, ordonné et dissolu. De grands hommes sont nés sur son sol : ministres, écrivains, poètes, artistes, philosophes, savants ; il a agi sur eux, ils ont agi sur lui. Sa personnalité s'est formée sous l'influence de toutes ces causes, de tous ces accidents, elle est si individuelle et originale qu'elle s'exprime dans une langue qui ne ressemble à aucune autre. La profondeur de l'idée nationnale, on la voit dans l'hitoire : Polonais, Alsaciens-Lorrains, Slaves opprimés n'ont oublié jamais. On peut abaisser ou asservir un peuple, mais, pour le dissocier, il faut la tuer.

LYSIS

Một dân tộc tức là một người trong nghìn năm sinh-hoạt ở một cõi đất hoặc đồng-bằng, hoặc núi non, hoặc xương mù, hoặc nắng-ráo, hoặc phì-nhiêu, hoặc khô-lịch, mà hình như người với đất đã liền hẳn với nhau vậy. Trong cuộc sinh hoạt lâu-dài ấy đã trải qua biết bao nhiêu là những cảnh vui cảnh khổ, nhất là cảnh khổ nhiều, bao nhiêu là những nông-nỗi khó-khăn, thời-vận thay đổi, bao nhiêu là những sự bất-kỳ tai-hại! Nào là khi đói khát, lúc dịch-tệ, buổi nội-loạn, hồi ngoại-xâm! Trong cuộc đời biết bao nhiêu là nông-nỗi ! Có lúc hăng-hái đi chiếm nước người, có lúc an-lạc vui bề làm ăn, có lúc bình-tĩnh vô-sự, có lúc bạo-động tung-hoành, có lúc chăm, có lúc lười, có lúc cần-thủ, có lúc phóng-túng. Trong nước đã từng sản-xuất được tấn kẻ anh-tài : người làm tướng giỏi, người văn-chương hay, nhà thi-sĩ, kẻ tài-hoa, nào nhà triết-lý, nào nhà bác-học ; đất nước đã chung-đúc nên những người ấy, những người ấy lại làm vẻ-vang cho đất nước. Bởi những căn-duyên, những nông-nỗi ấy mà nước thành ra có một cái hồn, một cái nhân-cách thiệt là đặc-biệt, diễn-xuất ra một thứ tiếng nói riêng, không có giống với tiếng nào cả. Xét ra trong lịch-sử xưa nay, lòng yêu dân-tộc thật là một cái tình-cảm thân-thiết của người ta : những dân bị áp-chế như dân Ba-lan, dân Á-tản Lô-liên, dân Ti-lạp phu, không có bao giờ quên nước mình, cho nên muốn tỏa-triệt một dân-tộc, bắt làm nô lệ thì được, chớ muốn phá cho tan thì phải giết cho chết mới được.

CHÍ-PHÚ CẨM-NANG

(PHÉP LÀM GIÀU)

Chí-phú cẩm-nang *nguyên dịch là* Thành-công cẩm-nang *của một nhà kinh-tế-học đã qua chơi Âu-Mỹ, khảo-cứu những phương-phép làm giầu. Nói từ đức-tính, học-thuật, cho đến ý-tứ, tinh-thần, đủ làm bằng-cứ cho những người hậu-tiến. Lớn từ việc tiến-hóa một dân nước, nhỏ cho đến việc quản-lý một nhà buôn, tự cổ đến kim, tự tây đến đông, chưa hề có một người nào một việc nào ra ngoài những phép-tắc ấy.*

Gần đây những nhà nhiệt-tâm về thực-nghiệp đang cổ-động về việc buôn-bán tranh-cạnh lấy lợi-quyền, chính là lúc giắt-giu nhau lên con đường thí-nghiệm về việc chí-phú. Vậy kíp dịch thiên này để hiến-cống đồng-bào, họa có giúp được phần nào trong đạo kinh-tế chăng.

Dịch-giả chí.

1. — Luận về nghĩa chí-phú

Một người phú-hào nước Mỹ có câu nói rằng : « Khó nhất là quản-lý một cái tài-sản rất lớn. Nay đem ba vạn vạn tài-sản trao cho một người nào quản-lý ; nếu là một người tầm-thường, thế-tất bối-rối nhọc-nhằn mà chết ». Vậy làm giầu có dễ đâu, không tập lao-khổ cho quen, hỏ dễ mà làm giầu được. Thế mà xưa nay, trên từ quân-tướng, dưới đến thứ-nhân, lao-động quanh năm, không ngày nào rỗi, cũng vì cái hi-vọng làm giầu nó đảo-điên, cái mục-đích làm giầu nó thúc-giục ; vì làm giầu mới phải phá rừng khai núi, vì làm giầu mới phải vượt bể ra khơi ; nắng thiêu gió táp nơi sa-mạc không phải là không biết gian-nan, chỉ vì hai chữ làm giầu mà vẫn tưởng suối ngọt bóng dâm đâu ở trước mặt ; hổ beo mọi rợ ở nơi rừng xanh không phải là không biết nguy-ác, chỉ vì hai chữ làm giầu mà vẫn tưởng bạn hiền cảnh tốt đâu ở quanh mình ; đời người là cảnh âu-sầu, đến làm giầu là cực-lạc ; thế-giới là nơi hắc-ám, đến làm giầu là quang-minh.

Kia những kẻ hủ-nho, nệ câu cổ-huấn, coi phú-quí như phù-vân, cho thế-lợi là tạp-bá ; thực không xét chính cầu-phú là đạo sinh-tồn của loài người, là đường tiến-bộ của thế-giới. Nói về vật-chất, như nay người này chế ra hóa-thuyền, mai người khác đặt ra thiết-lộ ; kẻ này phát-minh ra máy điện, người kia thí-nghiệm ra máy hơi, bao nhiêu sự-nghiệp văn-minh đều bởi lòng cầu-phú mà suy ra cả. Nói về tinh-thần, như mở học-đường để mưu đường giáo-dục cho rộng khắp, lập thiện-hội để cứu nạn dân khỏi lầm-than, bao nhiêu công-đức văn-minh cũng nhờ có tài-lực mới làm nên được. Vậy biết lấy chính-đạo mà làm giầu, không phải là việc hèn-hạ.

Nhân-sinh vạn sự, tóm lại có hai việc lớn : một là phú-quí, hai là công-danh. Phú-quí là có nhiều tiền của, công-danh là có danh-dự lớn. Tiền của nhiều là người hào-phú, danh-dự lớn là bậc thánh-hiền. Làm phú-hào dễ, làm thánh-hiền khó : Thánh-hiền là đứng phi-thường, khiến cho muôn người sùng-bái, muôn người khuất-

phục, là một địa-vị thần-minh, chưa dễ mà ai cũng đến được; còn kẻ phú-hào vị-tất đã là thần-thánh, chẳng qua như người lên núi đến đỉnh thì người đứng dưới lấy làm cao; những kẻ tài-lực thông-thường ai làm giầu mà không được. Thế mà thế-gian thất-bại thì nhiều, thành-công thì ít, có phải là tại chủng-loại đâu, chỉ tại việc làm không đến đề-nẫn.

2. — Phương-pháp về đạo làm giầu

Làm giầu không phải là sự cầu may mà được, phải có phương-pháp nhất-định. Phương-pháp là gì? Là bốn chữ: *bắt-từ lao-khổ*. Làm giầu như người lên núi, không dễ như ngồi xe nhẹ mà đi đường liền; đi một bước gián mình một bước, lên một bậc phải cố sức một bậc; lại còn hang sâu đèo rốc đều phải mướt mồ-hôi chật đầu gối mới leo qua được. Cho nên người lên núi, trước phải có cái chân lao-khổ, nếu sợ lao-khổ, chi bằng đừng lên. Phương-pháp làm giầu cũng cốt ở hai chữ *lao-khổ*, lao-khổ về thân-thể, lao-khổ về khí-lực, lao-khổ về tinh-thần; kế-tiếp lao-khổ, thủy-chung lao-khổ; nếu không nhận-chân hai chữ *lao-khổ*, thực-hành hai chữ *lao-khổ*, dù có bí-quyết chuyên-khoa, thiên-ngôn vạn-ngữ thể nào cũng là câu nói mơ, chuyện bắt bóng, không có thành-hiệu gì cả; như người không muốn mỏi chân mà mong lên núi.

Một người có lịch-duyệt, có kiến-thức trong việc buôn bán, có viết những câu kinh-nghiệm mà dạy người trong thương-điếm, kết-luận có câu rằng: «Muốn thực-hành những điều ấy, phải biết chịu khó, phải có chịu khó, nếu không chịu khó, thì không có hiệu-lực gì cả». Thế thì biết *chịu-khó* là cái phương-pháp thứ nhất trong đạo làm giầu.

Thế-gian có kẻ chịu khó mà vẫn không giầu, vì đạo làm giầu có nhiều phương-pháp, chỉ một chịu khó chưa đủ làm giầu. Song thiên-hạ có người chịu khó mà không giầu, chưa hề có ai làm giầu mà không chịu khó.

3. — Lợi-khí của sự làm giầu

Đạo làm giầu đã lấy hai chữ chịu khó làm phương-pháp thứ nhất, cũng phải có cái lợi-khí gì để thi-hành cái phương-pháp ấy. Lợi-khí ấy là gì? Là hai chữ *kiên-nhẫn*. Kiên-nhẫn nghĩa là bền lòng quyết-chí, đi đến nơi làm đến chốn, chớ không phải là nhẫn-nhục tùy cảnh-ngộ theo thời-thế; kiên-nhẫn tức là tự-cường, tức là chí-thành, là chìa khóa để mở kho chí-phú.

Kiên-nhẫn không phải là tính tự-nhiên, phải lâu ngày, phải đoàn-luyện mới ra người kiên-nhẫn. Như người thợ rèn nung đi nung lại, đập đi đập lại miếng sắt mới thành con thép cứng. Xưa nay những người đại-phú, đại-quí, đều là người kiên-nhẫn, có phải tầm-thường mà đến được hay sao? Có người nói kiên-nhẫn là bậc thiên-tài, hèn yếu không kiên-nhẫn được, ấy là lời nói lầm. Kiên-nhẫn không phải thiên-tài, thực do đoàn-luyện mà được. Nếu biết có kiên-nhẫn mới là nổi việc, đoàn-luyện tâm-thần ngay từ lúc nhỏ, xử một việc, gặp một cảnh đều là những cái tài-liệu cho mình đoàn-luyện, kinh-lịch càng lắm, đoàn-luyện càng nhiều thì cái kiên-nhẫn càng lớn. Lâu lâu kiên-nhẫn với tâm-thần luyện thành một phiến thép cứng; bấy giờ không còn thời-thế nào, cảnh-ngộ nào ngăn-trở được con đường xu-hướng của mình nữa.

Lục-khắc-phiên-lan (ROCKEFELLER) là một người giầu có lớn hoàn-cầu, ai cũng biết tiếng. Xét xem sinh-bình đắc-lực chỉ có hai phương-pháp; một là cần-lao, hai là kiên-nhẫn. Từ nhỏ là con nhà nghèo, đi ở với nhà làm ruộng, lúc lớn vào làm công một nhà buôn-bán; rồi làm thư-ký một nhà đốc-tài.

sau nữa mới ra kinh-doanh việc buôn. Trải bao nhiêu thời-đại cần-lao, mới tập được cái thói quen kiên-nhẫn. Lục-thị thường nói với người ta rằng: « Sinh-bình tôi chỉ hay kiên-nhẫn, cũng nhờ cái kiên-nhẫn ấy nó giắt tôi lên đến ngọn núi thành-công ».

4.— Thông-minh tiên-kiến

Gia-nam-kì (Carnegie) là một người đại-phú ở nước Mỹ, thời-nhân gọi là « chúa sắt vua gang » (*roi de l'acier*), vì Gia-thị làm nghề chế sắt mà giầu. Đã hay chịu khó, hay kiên-nhẫn, lại có cái thông-minh tiên-kiến mới thành cái sự-nghiệp lớn-lao như thế. Gia-thị biết rõ cái ích-lợi trong nghề chế sắt; biết rõ Chính-phủ các nước sẽ cần phải sửa sang cầu sắt đường sắt: bấy giờ chủ-ý về nghiệp chế sắt mà được lợi lớn; như thế gọi là thông-minh tiên-kiến.

Xét người nước ta khuyết hẳn cái thông-minh tiên-kiến. Thế-giới ngày nay phải có học-vấn mới có quyền-lợi, thế mà nông-công thương-cổ hễ hết là người không biết chữ, đã không thông-minh, còn đâu tiên-kiến. Học cách-trí là cái lợi-khí để làm giầu ở đời này, thế mà khoa-cử đã bỏ hẳn, tân-học đã phả-thông, những người tài-tuấn nước ta còn mê-mộng về hư-văn, chưa suy-cứu về thực-nghiệp, như thế đủ chứng là không có thông-minh tiên-kiến. Than ôi! Nhân-vật như Gia-thị đến bao giờ mới có!

Việc làm giầu trọng ở thực-nghiệp, mà thực-nghiệp trọng ở tiên-kiến, nghĩa là phải biết thời-thế chắc trọng ở sự gì, phong-trào xu-hướng về mặt nào. Như thấy hoa nở biết là xuân đến, thấy lá rụng biết là thu về. Kẻ thô-thiển thường vô-tâm, người trí-giả hay lưu-ý. Như thế là tiên-kiến.

Tiên-kiến không phải là thiên-tài, mọi sự lưu-tâm thì là tiên-kiến. Cách tu-luyện tiên-kiến phải biết cho rộng, phải nghĩ cho kỹ. Biết rộng thì đại-thế thiên-hạ mới tường; nghĩ kỹ thì xu-hướng mới hợp. Đại-thế đã tường, xu-hướng cũng hợp, thì sự-nghiệp làm giầu chắc như ở trước mắt.

5. — Nguyên-nhân những nhà thất-bại

Lỗ-tư-khải-nhĩ là một tay cự-phách trong thương-trường, có những câu cách-ngôn để dạy người trong thương-điếm. Câu thứ nhất nói rằng: « Chân-thật là bản-lĩnh thứ nhất của nhà buôn-bán. » Câu ấy mới nghe ra như lời trần-hủ, vì ai mà không biết, ai mà không nói. Tuy-nhiên người biết thì nhiều, mà thực-hành thì ít; biết mà không làm cũng như không biết. Thiên-hạ bao người thất-bại cũng vì không theo những câu trần-hủ ấy.

Cổ-lao-phủ là người có kinh-nghiệm, có kiến-thức, đã điều-tra trong nước Mỹ có hơn 40 người thất-bại về việc buôn-bán, hoặc nhân tư-cách bạc-nhược, hoặc không kiên-nhẫn, hoặc mục-đích không chính, hoặc tham cận-công, hoặc không đủ tri-thức, mỗi người có một nguyên-nhân khác nhau, mà phần nhiều là tại hai cái nguyên-nhân lớn: một là làm biếng, hai là dả-dối.

Lư-lôi-thi là một người quân-tử ở nước Mỹ, khi sang chơi Anh có gửi thư về khuyên em, những lời kinh-nghiệm đủ làm gương cho người hậu-tiến, nhân dịch như sau này:

« Lúc đi lịch-du Anh-quốc bất-tất phải kể những sự gian-nan ở đường; chỉ phải lưu-tâm những lúc giao-tiếp với người trong nước, phải giữ một niềm chân-chính thuần-khiết, vì người nước Anh xem người thật sành, nếu có một chút gì khi-trá, người ta biết ngay, mà mình không còn giá-trị gì nữa. Cho nên chỉ thành-thực là có ích-lợi. Ích-lợi hữu-hình thì có hạn, ích-lợi vô-hình thực vô-cùng; duy thành-thực mới được vô-hình ích-lợi. Đương lúc

thanh-niên là cái tư-bản quí nhất của em. Những điều cần trong việc buôn bán, trùng-trùng điệp-điệp, kể không xiết kể. Vả đạo làm giầu không phải một ngày mà làm nổi, không phải một bước mà đến nơi. Vô-luận thông-minh thể nào, trí-xảo thể nào, luật-phép thể nào, nói không trung-tín, làm không thật lòng, tất phải có ngày thất-bại. »

Xét người xứ ta chưa có thương-học, cho việc buôn bán là trục mạt, chỉ nhờ vận nhờ trời, hay nói thách, hay mặc cả, hay làm của giả, hay bắt-bí, cho thật-thà là vu-khoát, cho quyền-thuật là sành-sỏi. Không điều gì là không giả-dối, chẳng đến đâu là có người tin. Mình đã phạm không biết bao nhiêu là nguyên-nhân thất-bại, còn mong tranh-cạnh trong thương-trường làm sao được ! Ta phải biết từ đây mà đi, đời thứ hai mươi này, bao nhiêu quyền-thuật phải bỏ cho hết, chỉ tranh nhau bằng chân-chính. Mình không chân-chính biết làm thế nào !

6. — Phải có thường-thức

Người có giá-trị hơn, vẻ-vang hơn ở trong thế-giới này ngày nay là người Âu-Mỹ, nước Âu-Mỹ cũng là những nước giàu mạnh hơn. Không biết tự kiếp nào mà được kết-quả như thế ? Nguyên-nhân bởi đâu mà được tiến-hóa như thế ? — Nói rằng người có thường-thức là cái nguyên-nhân lớn hơn nhất trong sự-nghiệp văn-minh của người Âu Mỹ. Thường-thức là gì ? — Là sự sự vật vật hàng ngày mọi chỗ tiếp-xúc đến chung quanh ta, mà ta có thể lấy tri-thức phán-đoán cho minh, thủ-sả cho đáng, gọi là thường-thức. Thường-thức không phải là một khoa-học chuyên-môn, không phải là một triết-lý sâu-nhiệm. Có đất phải có người, có người phải có việc, người liền với đất, việc thiết với người, tùy đất tùy việc, khéo ở khéo xử, ấy là thường-thức. Nếu người không có thường-thức, dù trên trời suy-trắc hết các vị tinh-tú, dưới đất tế-sát hết các giống vi-trùng, cũng không nói chuyện cầu-phú được.

Xử-thế là một cái vấn-đề *rất khó*, muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy phải nhờ thường-thức ở đời mà không đủ thường-thức khác gì người đi đêm không đèn, tất phải vấp phải ngã, lại còn hang sâu bụi rậm nguy-hiểm hơn nữa.

Những người thanh-niên có chí làm giàu trước hết phải tu-luyện lấy thường-thức. Vậy phép tu-luyện thường-thức thể nào ? Một là phải nghiên-cứu việc người, hai là phải quan-sát thời-thế. Mỗi người có một tính-tình, mỗi thời-thế có một phong-trào, nhất-cử nhất-động đều chú-ý quan-tâm, gặp người cũng nhiều, trải thời cũng lắm, tự-nhiên thường-thức mỗi ngày một phong-phú. Người Âu Mỹ chính là người phong-phú về thường-thức.

Hai chữ « quan-sát » cũng rất cần trong cách tu-luyện thường-thức. Quan-sát nghĩa là xem một vật gì phải xét từng tí, xem một chỗ nào phải xét tận nơi. Dù chưa chắc nhờ đó mà nên công, song không đến nỗi vì đó mà thất-bại. Có người chắc là làm nên, thế mà đến nỗi thất-bại ; có việc chắc làm được, thế mà chung-qui bất-thành, cũng vì kém sức quan-sát.

Phàm việc buôn-bán phải hợp thời-thế, phải tranh nước trước, phải chi ít thu nhiều ; nếu trái thời-thế, chậm trễ thời-cơ, xuất nhập hồ-đồ, đều là cái tội không hay quan-sát.

7. — Tính-tình khoái-hoạt

Đời người ta hắc-ám thì nhiều, quang-minh thì ít, ưu-hoạn thì nhiều, hoan-lạc thì ít. Khi thành khi bại, lúc phú lúc trầm, cảnh thương-tâm, việc đoạn-trường không ai mà tránh cho khỏi. Thế mà đáng lo không lo, đáng thương không thương, đáng khóc không khóc ; lấy khoái-hoạt thay cho ưu-

sầu, lấy hoan-hỉ thay cho bi-ai, lấy tiếng cười thay cho tiếng khóc. Ấy là phương xử-thế, ấy là đạo thành-công.

Kia những người tính-tình khoái-hoạt, cả đời không biết cái sầu là gì, trời nắng cũng cười, trời mưa cũng cười, ấy là những người khéo dưỡng-lâm xử-thế, thân-thể chắc có nhiều ích-lợi ; còn có người nhân ưu-uất mà sinh ra người si, nhân bi-thương sinh ra bệnh-hoạn, biết lấy thuốc gì mà chữa. Một tiếng cười là phương rất kinh-nghiệm.

Tiếng cười là thang « thanh lương-tản ». Đang cơn nắng-nực, nứt đá chảy vàng, miệng đã khô, hơi đã ngạt, được một chén thanh-lương, thân-thể lại mát-mẻ, tinh-thần lại khinh-khoái, thực có cảnh-tượng khởi-tử hồi-sinh. Thần-hiệu tiếng cười cũng vậy. Tiếng cười làm tiêu mọi sự phiền-não, làm cho kẻ thất-thần lại bạo-dạn, kẻ táng-đảm lại an-nhàn ; cứu kẻ tuyệt-vọng lại có lòng hi-vọng. Như chiếc đò đầy gặp cơn sóng cả, được tay lái cứng, cứ vững chèo không hoang-mang, có thể cứu một thuyền người trong nhất-sinh vạn-tử. Lại như một nắm cô-quân đứng giữa trùng-vi, trong không lương, ngoài không viện, được người lão-tương, có gan liều không thất-thố, đủ làm cho ba-quân mạnh-mẽ quyết-phá trùng-vi.

Ưu-sầu hay sinh ra những lúc truy-tư việc đã quá-vãng. Nếu đem con mắt chân-chính mà xem lại nhân-tình thế-thái, có việc gì mà không đáng cho lòng ta giận, nhân giận sinh tưởng, nhân tưởng sinh sầu, nhân sầu sinh bệnh, thế là không biết dùng con mắt quan-sát.

Khéo dùng con mắt chỉ nên khám-phá nhân-tình thế-cố, mà thêm kinh-nghiệm, tính-tình thường khoan-hòa, tâm-thần thường khoái-hoạt.

8. — Nên tiếc thì-giờ

Có chữ rằng: «Quang-âm hoàng-kim», thì giờ của người làm việc thực là vô-giá. Mao-lượng-ngang (Morgan), thời-nhân xưng là vua trong một công-ti buôn bán lớn. Mỗi ngày trong tay xuất-nhập biết bao nhiêu là tiền, một tay xử-trí biết bao nhiêu là việc. Nếu phí một phút đồng-hồ để hút cho tàn điếu thuốc có khi tổn-hại đến vài mươi vạn. Mải việc như họ Mao, thế-gian xưng là đệ-nhất. Họ Mao hay tiếc thì-giờ, ít khi đao-đao với thân-hữu ; sang như Đại-thống-lĩnh, giầu như Thiết-lộ-vương (*Roi des chemins de fer*), hội-ngộ mười phút đồng-hồ, đã lấy làm thể-diện. Không phải Mao-thị là người tự-tôn tự-đại, mình đã là người quan-hệ của thế-giới, dù một phút đồng-hồ cũng phải có công với thế-giới. Vậy biết thì-khắc của một người nhà giầu trân-trọng đến như thế.

Nhân-sinh trăm tuổi, lúc nhỏ ngây-thơ, lúc già yếu-đuối, kinh-doanh hoạt-bát chẳng qua độ 30 năm. Trong 30 năm ấy, là những phút đồng hồ góp lại ; cho nên những người trong một phút đồng hồ làm được nhiều việc, mới có thể trong một đời làm được những việc lớn-lao trong thế-giới. Muốn tiếc thì-giờ thì làm việc ; làm việc không dán-đoạn, làm việc hay miễn-cưỡng. Xưa nay những người làm nên công cao nghiệp lớn đều là người hay tiếc thì-giờ. Vua Đại-Vũ đi trị thủy ba lần đi qua cửa mà không vào thăm nhà ; ông Chu-Công làm tướng, một bữa ăn ba bận phải nhả miếng cơm, một buổi gội đầu phải ba lần bởi tóc mà ra làm việc. Đan-lỗ-độc là người nhà giàu có tiếng mà chăm việc có tiếng : sáu giờ sáng đã trở giậy, nửa đêm chưa đi nằm. Người nhà đã ngủ, láng giềng đã yên, mà mình hãy còn biên chép, hãy còn tính-toán ; có người đến nói chuyện hàn-huyên, thì cười là những lời không có giá-trị.

Ước-hàn-Cap-hòe có câu diễn-thuyết ở Đại-học-đường rằng : « Ta xem những nhà đại-chính-trị, nhà binh, nhà thực-nghiệp, nhà bác-học, nhà giáo-dục, có danh tiếng ở đời này cũng không khác gì người thường ta vậy, chỉ có một điều đặc-sắc là khéo dụng thì-giờ. Cùng một thì-giờ danh-nhân cũng làm việc, thường-nhân cũng làm việc, mà giá-trị kết-quả đều có khác nhau, là thường-nhân làm việc không hết lòng, khi việc đã rồi, còn dư thì-khắc bỏ phí vô-ích. Danh-nhân hết lòng làm việc, biết dùng thì-khắc thừa để làm việc có ích. » Chứa thì-giờ tức là chứa tiền-của. Những người giàu có ở đời này đều là người biết súc-tích thì-giờ cả.

Kẻ đã biết qui trọng từng giây từng phút thì-giờ, sẽ biết giữ-gìn những vật sự nhỏ mọn, vì hay quên vật nhỏ sao thành việc lớn. Ước-hàn-Mộ-A có lời giáo-huấn con em rằng : « Khi mở một cửa hàng buôn bán hay một công-xưởng có dùng nhiều người làm công, phải thời thường xem xét, dù một mẩu gỗ, hay một mẩu tre, thấy đâu phải nhặt đấy. Phải giảng cho họ biết rằng: Thế-gian không có vật gì là lớn, góp nhiều vật nhỏ thì thành lớn. Phàm vật nhỏ không bao giờ cho nên vật lớn. »

(Còn nữa)

NGUYỄN BÁ-HỌC *dịch.*

ĐÔNG-Á TÂY-ÂU

HAI CÁI VĂN-MINH CÓ THỂ DUNG-HÒA ĐƯỢC KHÔNG ?

Bọn ta bây giờ như đương ở vào nơi giáp-giới hai cái văn-minh, văn-minh Đông-Á và văn-minh Tây-Âu, một cái thì cũ-kỹ mà là vốn có của ta, bỏ đi không nỡ, một cái thì mới-mẻ nhưng tự ngoài đem lại, thâu lấy cũng khó ; nên nhiều người còn phân-vân không biết nên bỏ hẳn cũ mà theo mới, hay là có cách nào dung-hòa mới cũ cho được thỏa-đáng hơn. Ở đời theo thời, lẽ sinh-tồn xưa nay như thế ; bây giờ cả thế-giới xu-hướng về đường văn-minh mới, thế-tất phải hăng-hái bước lên cho theo kịp người ; nhưng theo mới mà bỏ hẳn cũ thời cái lòng hoài-cổ của người ta không khỏi không áy-náy, lòng người còn áy-náy thì chưa gọi là tiến-bộ được. Duy có cách dung-hòa mới cũ cho vẹn cả hai là có lẽ hay hơn cả. Ấy phần nhiều người biết nghĩ bây giờ ai cũng nghĩ như vậy. Song sự dung-hòa ấy có thể làm được không ? Người mình có thể kén chọn trong hai văn-minh cái gì hay thì lấy, cái gì dở thì bỏ, để bắt chước lấy những phương-thuật khéo, máy-móc tài của Thái-Tây, mà vẫn giữ được cái tinh-thần cũ, luân-lý xưa của nòi giống không ? Văn-minh có thể phân-tách ra từng phần mà kén chọn, hay là một khối hồn-nhiên, muốn theo phải theo cả, muốn bỏ phải bỏ hết ? Vấn-đề ấy hiện nay chưa giải-quyết được, và trong nước ta đương bây giờ phái cấp-tiến vẫn nóng-nảy muốn bỏ hết cũ để theo mới, mà phái bảo-thủ thì còn dùng-dằng muốn giữ lấy nền-nếp xưa. — Nay có ông bác-sĩ nước Mĩ DICKINSON *tiên-sinh đã từng nghiên-cứu về cái vấn-đề ấy. Tiên-sinh đi du-lịch Á-Đông về có làm một bài du-ký, kết-luận đại-khái nói rằng hai văn-minh Âu Á mới xét tưởng có thể dung-hòa làm một, nhưng kỹ-thực không thể mượn lẫn nhau được, văn-minh*

Âu-châu chuộng vật-chất, văn-minh Á-châu chuộng tinh-thần, nhưng vật-chất của Âu-châu không thể điểm thêm tinh-thần của Á-châu, và tinh-thần của Á-châu cũng không thể pha lẫn vật-chất của Âu-châu được : đời nay vật-chất thịnh-hành, Á-châu thế-tất phải theo Âu-châu, mà đã theo thời phải theo đến cùng, còn Âu-châu thì đã đem cái vật-chất đến cực-điểm tất có ngày sẽ trở về đường tinh-thần, nhưng là tự-lực trở về, chớ không mong châm-chước với cái tinh-thần của Á-châu được. Ý-kiến rất mới lạ, vả cứ xét cách tiên-sinh lý-luận thì cũng không phải là không có lẽ. Vậy xin dịch cả đoạn kết-luận bài du-ký của tiên-sinh như sau này, vừa in cả pháp-văn, để giúp thêm một « luận-điệu » mới cho các bậc tư-tưởng trong nước ta muốn giải-quyết cái vấn-đề Âu-Á.

T. - C.

* * *

Occident et Orient

Pour des causes qu'il serait intéressant de dégager, l'Orient s'est mis très en retard sur l'Occident pour ce que j'appellerai le mécanisme de la vie, et pour tout ce qui concerne le genre d'effort et d'activité que demandent l'intelligence et le maniement de ce mécanisme. L'Occident a inventé, sinon la science, du moins les sciences appliquées; et il a ainsi rendu à la vie matérielle, pour ceux qui ont de la fortune en tout cas, et peut-être aussi, tout bien considéré, pour les pauvres, infiniment plus confortable que jamais auparavant. Il a donné à un plus grand nombre d'hommes le moyen de vivre dans un espace déterminé ; mais en même temps il a presque détruit la beauté de la vie et la faculté de contemplation désintéressée. Il n'est guère honorable dans le monde occidental d'être autre chose qu'un homme d'affaires, au sens le plus large du terme ; de mener une vie dont on ne puisse prouver que directement ou indirectement elle accroît le confort et la facilité de l'existence, ou diminuer ses inconvénients. Ceci, comme de juste, est particulièrement vrai des pays neufs où il n'y a ni traditions ni ancienneté de culture ; mais cela devient de

Đông-Á với Tây-Âu

Không biết vì những duyên-cớ gì, vì có thể giải được thì hay lắm, mà Đông-Á đã chậm kém Tây-Âu về cái phần máy-móc của đời người, cùng những cách ra công dụng-lực để cho thông-tỏ và vận-động được cái máy-móc ấy. Thái-Tây dẫu không phải đã phát-minh ra cách-trí, cũng là đã biết đem các khoa cách-trí ứng-dụng ra việc đời ; vì thế mà giúp cho sự sinh-hoạt về phần vật-chất được sướng-tiện hơn xưa nhiều lắm, không những giúp cho kẻ có của, cái đó đã cố-nhiên rồi, mà suy-xét cho kỹ, có lẽ người nghèo cũng được nhờ. Thái-Tây đã tìm được cách cho một số nhiều người có kế sinh-hoạt được ung-dung ; nhưng cũng lại làm cho cái vẻ phong-thú của đời người hầu mất hết, làm cho cái trí quan-niệm sâu-xa tiêu-mòn đi hết. Ở các nước Thái-Tây bây giờ, dễ không có gì danh-giá bằng làm một nhà doanh-nghiệp, nghĩa là người kinh-doanh nghề-nghiệp để cầu lợi-lộc cho mình ; không gì danh-giá bằng mưu-tính sự sinh-hoạt thế nào cho hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp mà khiến cho đời mình được thêm sung-sướng tiện-lợi, bớt phiền-nhiễu lôi-thôi. Thứ nhất là ở những dân những nước mới tân-tạo, (như Mĩ-châu) chưa có văn-hiến, chưa có cổ-điển gì, mới lại càng rõ lắm ; nhưng mà chính ở Âu-châu là nơi có cổ-điển, có văn-hiến, dần dần rồi cũng

plus en plus vrai en Europe aussi. Certes. personnellement, je ne pense pas que cette attitude soit simplement méprisable, et convainque l'Occident d'absolu matérialisme. Je suis persuadé que sous tout ceci monte un grand élan, à peine conscient, et que l'on peut en toute justice appeler spirituel. L'Occident fait plus qu'il ne croit ; il s'efforce d'élever le niveau général de la vie matérielle pour multiplier le loisir, l'éducation, la capacité et les occasions de cette ardente méditation sur la vie qui est l'essence de ce que j'entends par culture Le fait que l'Occident est absorbé par l'esprit matériel des choses n'implique pas vraiment le matérialisme ; et il entraîne une intensité de vie. un déploiement de force cérébrale et d'énergie, jusqu'ici inconnus dans l'histoire de l'âme.

Cependant la hâte de notre vie, la concurrence sous toutes ses formes, l'intensité, la fatigue, l'effort nerveux, amènent une dislocation de l'équilibre moral. L'Orient vit et a toujours vécu à une tension moindre : mais il a conservé un plus juste équilibre entre les facultés d'action et de contemplation. C'est dans cet équilibre que je vois la civilisation. Il faudra que l'Occident le retrouve ; et je pensais autrefois que l'Orient pourrait lui montrer comment. Je pensais qu'il pourrait apprendre de l'Orient, et l'Orient de lui, ce qu'il leur manque à tous deux, et que le résultat serait une synthèse plus largement humaine. Mon voyage en Orient a quelque peu ébranlé cette confiance. La civilisation est un ensemble. Son art, sa religion, ses habitudes de vie thế. Chắc cứ ý riêng tôi không phải rằng tôi cho cái thái-độ đó là tiện-thị đáng khinh-bỉ đâu, và chứng rằng Thái-Tây chỉ biết tôn cái « vật-chất chủ-nghĩa » mà thôi. Tôi vẫn tự tin rằng tựu-trung có một cái tư-trào lớn đương tiến lên, tuy chưa phát ra mà cứ bình-tĩnh xét có thể gọi là một cái tư-trào thuộc về tinh-thần được. Thái-Tây thực cũng có công về đường tinh-thần, chớ không phải không: Thái-Tây cố làm cho cao cái trình-độ sinh-hoạt [illegible] vật-chất để cho người ta được thư-thả, thêm giáo-dục, thêm tư-cách, và thêm có lúc được nghiên-tĩnh đàm-tứ mà suy-xét ngẫm-nghĩ về sự đời, đó tức là cái gốc của sự văn-hóa vậy. Thấy rằng Thái-Tây chuyên-trọng phần vật-chất ở đời mà quyết đoán rằng Thái-Tây chỉ biết tôn cái « vật-chất chủ-nghĩa » thì chưa chắc đã là phải ; Thái-Tây chuyên-trọng phần vật-chất mà sự sinh-hoạt phải mạnh-bạo, não-lực nghị-lực phải dùng nhiều, thật cổ-lai trong tâm-giới người ta chưa từng có hoạt-động như thế bao giờ.

Tuy vậy mà sự sinh-hoạt của ta vội-vàng hấp-tấp quá, sự cạnh-tranh thiên hình vạn-trạng, cái gì cũng mạnh-bạo khó-nhọc mà sức thần-kinh phải dụng nhiều, thành ra trong tâm-giới không giữ được quân-bình mà nên quyết-liệt. Như ở Đông-phương thời xưa này sự sinh-hoạt không có bao giờ cương-cường như vậy. Đông-phương vẫn giữ được cái sức động-tác với cái trí quan-niệm hai bên quân-bình như nhau. Tôi tưởng rằng có quân-bình như thế mới gọi là văn-minh. Sự quân-bình ấy, Thái-Tây phải hồi-phục lấy mới được, và trước kia tôi vẫn nghĩ rằng Đông-phương có thể giúp cho Thái-Tây hồi-phục được. Tôi vẫn nghĩ rằng hai cái văn-minh của Đông-phương cùng Tây-phương đều có khuyết-điểm cả, muốn dung-hòa lại làm một cho bao-gồm được cả nhân-loại, thời hai bên phải học lẫn mượn

dépendent étroitement de son développement économique et technique. Je doute qu'une nation puisse trier et choisir ; que l'Orient, par exemple, puisse dire : « Nous prendrons à l'Occident ses cuirassés, ses usines, sa science médicale ; nous ne prendrons pas sa confusion sociale, sa hâte, sa fatigue, sa laideur, l'importance exagérée qu'il accorde à l'activité. » Et de même je doute qu'[illegible]cident puisse dire : « Nous [illegible]drons à l'Inde son esprit religieux et contemplatif ; mais nous conserverons notre propre supériorité dans les arts matériels, nos institutions populaires et démocratiques, nos sciences théoriques et appliquées. » L'Occident peut être stimulé par l'Orient, il ne peut guère prendre exemple sur lui ; et l'Orient empruntant à l'Occident son organisation industrielle, sera conduit à lui prendre tout le reste. Je serais donc porté à attendre un redressement de l'équilibre dans l'Occident, non point directement de l'importation de l'idéal oriental, mais d'une réaction soulevée en lui par la conscience de ses propres excès dans le sens de l'activité. Et d'autre part, je prévois que l'Orient nous suivra, qu'il le souhaite ou non, dans tous ces excès, et traversera, sans qu'aucun détour lui permette de les éviter, toutes les difficultés que nous avons traversées, dans son acheminement vers une phase de civilisation plus haute.

lẫn của nhau mới được. Từ ngày đi du-lịch ở Đông-phương thì tôi không dám quyết như thế nữa. Tôi xét ra văn-minh là một cái « toàn-thể ». Mĩ-thuật, tôn-giáo, cùng những thói-cách ăn-ở đều có liên-hệ với sự phát-đạt về đường kinh-tế, đường nghệ-thuật. Tôi không dám chắc rằng một dân một nước có thể châm-chước mà chọn-lọc được ; không dám chắc rằng người Đông-phương có thể nói rằng : « Ta bắt chước Thái-Tây những cách làm tàu trận, lập xưởng máy, thuật trị bệnh ; ta không bắt chước những sự hỗn-độn trong xã-hội, sự vội-vàng hấp-tấp, sự thô-bỉ nhục-nhằn, ta không bắt chước mà quá trọng sự vận-động như người Thái-Tây ». Cũng không dám chắc rằng người Tây-phương có thể nói rằng : « Ta mượn cái tinh-thần của Ấn-độ về tôn-giáo, về tư-tưởng ; nhưng ta cứ giữ lấy cái hơn cái khéo của ta trong các nghệ-nghiệp, ta cứ giữ lấy những chế-độ dân-chủ của ta, những khoa-học thuyết-lý ứng-dụng của ta. » Tây-phương có thể trông Đông-phương mà kích-lệ, không thể bắt chước Đông-phương được ; mà Đông-phương thì đã mượn của Tây-phương những phương-thuật về công-nghệ, thế-tất rồi phải mượn hết cả. Vậy thời tôi thiết-tưởng rằng Tây-phương rồi cũng có ngày sẽ chấn-chỉnh lại cho được quân-bình, không phải là bởi trực-thâu được cái tinh-thần của Đông-phương đâu, nhưng là tự mình chấn-chỉnh, vì đã lạm-dụng cái sức hoạt-động quá, thế nào rồi cũng phải tỉnh-ngộ. Tôi thiết-nghĩ như thế mà tôi lại dám dự-đoán rằng Đông-phương rồi sẽ theo ta mà cũng làm quá-độ như ta, dù muốn hay dù không muốn mặc lòng, đã muốn bước tới bậc văn-minh cao hơn thì rồi cũng phải qua bấy nhiêu bước khó-khăn như ta đã quá, không có đường nào đi tắt mà mong tránh cho được.

En résumé, je crois que la renaissance de l'art, de la contemplation. de la religion, surgira dans l'Occident d'une impulsion intérieure ; et que l'Orient perdra ce qu'il lui en reste encore pour devenir aussi « matérialiste » — s'il faut employer ce mot — que l'Occident, avant qu'il lui soit possible de retrouver une vie spirituelle et originale.

G. L. DICKINSON

King's College (Cambridge University)

Nói tóm lại thời tôi tưởng rằng sự mĩ-thuật, sự tư-tưởng, sự tôn-giáo ở Tây-phương rồi có ngày phục-hưng, mà là tự trong tinh-thần hưng-khởi lên còn như Đông-phương thời cái tinh-thần cũ sẽ mất hết mà rồi cũng tôn-sùng cái « vật-chất chủ-nghĩa » như Tây-phương, kỳ cho đến ngày có thể tự mình phát-minh được một cái tinh-thần mới khác.

THƯỢNG-CHI *dịch*

VIỆT-NAM TA BIẾT CHỮ HÁN TỪ ĐỜI NÀO?

Nước ta ngày nay nên học chữ quốc-ngữ và chữ Pháp, mà chữ Hán cũng không nên bỏ. Các lẽ ấy các nhà văn-học ta bàn đã xác-đáng rồi. Nay tôi thử kê-cứu xem chữ Hán ấy ta biết từ bao giờ.

Thiết-tưởng ta biết chữ Hán ấy ngay từ khi họ Hồng-Bàng mới dựng nên nước. Hồng-Bàng là con cháu họ Thần-Nông, biết chữ Hán rồi tất lấy dạy con cháu. Xem như hiệu nước hiệu vua, tên mười tám đời, tên mười lăm bộ, và các bách-thần đời Hùng, các làng di-tích đời Hùng, đều phân-minh bằng chữ Hán cả. Mười tám đời Hùng đều có đủ tên, như là Hùng-Uy, Hùng-Nghi. Hùng-Minh, Hùng-Duệ, vân vân. Ông thần Tản-viên tên là Nguyễn Công-Tuấn, hiệu Quí-minh, quê ở xã Lăng-xương, huyện Thanh-thủy, tỉnh Phú-thọ, hiện còn nhà cũ, làng lập đền thờ. Các làng chung-quanh kinh-đô Hùng-Vương ở Việt-trì, như là hai bên Tràng-đông Tràng-nam là kho lương, hai xã Lâu-thượng Lâu-hạ là nhà các mệ các nàng, hai xã Vân-đội Cầm-đội là trại quân lính, hai xã Phú-nông Minh-nông là sở canh-nông, xã Thanh-miếu là nhà thờ vua, xã Nỗ-lực là tràng tập bắn. Nay ai đến các làng ấy, người làng đó còn ôn chuyện lại được cả.

Có người rằng các danh-hiệu trên ấy đời xưa đều bằng tiếng nôm, sau mới đổi ra là chữ Hán. Nói thế thì không am-hiểu tôn-giáo phong-tục nước nhà. Nước nhà thận-trọng nhất là việc đề bài-vị thần. Nay xem các thần đời Hùng có nhiều vị duệ-hiệu bán tự bán nôm, có vị nôm-na quá, như là Ông-Cồng, Ông-Chấu, Chàng-Cả, Chàng-Hai, vân vân. Những tên nôm ấy nếu đổi ra chữ Hán thì có khó gì, thế mà các dân đề hiệu, Liệt-Triều sắc-phong, vẫn cứ đề nguyên, là tục ta rất kính-cẩn việc sự-thần, không dám thay đổi một nét. Nhân thế lại biết thêm được rằng chữ nôm ta cũng sinh ra tự bấy giờ.

Có người rằng ông Sĩ-Nhiếp ở bên Tàu sang dạy ta học chữ Hán. Nay xét trước ngài còn có ông Lý-Tấn cũng thi đậu làm quan thú-sử toàn-bộ Giao-Chỉ. Vậy thì ta biết chữ Hán có *phải*

trước tự ông Sĩ-Nhiếp đâu. Duy ngài được làm quan nước nhà hơn bốn mươi năm, hay lưu-tâm vào việc học để văn-học phát-đạt hơn trước, cho nên quốc-dân mến yêu, tôn gọi ngài làm ông vua tiên, làm ông tổ học. Lấy một việc ấy mà bảo rằng ngài dạy ta học biết chữ Hán thì thật không phải. Hay là tự ngài dạy nữa, thì tiên-tổ ngài từ nước Lỗ sang Thương-Ngô, sau lại dời sang Giao-Chỉ, đến ngài đã bốn mươi đời. Tam-đại cũng đã [illegible], sao lại gọi là người Tàu được.

Có người rằng ta biết chữ Hán từ đời ông Triệu-Đà làm vua nước ta, cũng không phải. Nay xét khi nhà Tần đánh Bách-Việt mới lấy được Nam-Hải (Quảng-Đông nay), cho người thổ-trước là Nhâm-Ngao làm quan úy đó. Lại người tỉnh Hà-Đông là Lý Ông-Trọng làm quan tư-lệ-hiệu-úy nhà Tần, hai người ấy hẳn có biết chữ mới làm được quan tầu. Nay xem Nhâm-Ngao lời di-chúc lúc chết, Lý Ông-Trọng lời phất-phẩu khi đi, chẳng biết chữ mà lại thông-tuệ tiên-tri, khi-khái lập-công được như thế ru? Ngao lúc gần chết di-chúc Triệu-Đà rằng: «Nhà Tần rồi cũng mất, ngươi nên nghĩ lấy mưu-kế, hễ đánh được nhà Thục An-Dương thì mới dựng thành được nước.» Lý Ông-Trọng lúc trẻ làm kẻ tiểu-lại phải đòn, rồi than rằng: «Là người mà lại chịu nhục thế ru!» Mới sang bên Tần học, sau làm quan tư-lệ-hiệu-úy.

Lại thành tỉnh Quảng-Đông nay, nguyên là thành cũ của Bách-Việt ta đắp, đặt tên rằng Nam-võ 南武, hai chữ Nam-võ rất có ý-nghĩa. Như những ấy thì ông Triệu-Đà đã làm vua đâu mà ta đã bắc-thuộc đâu, thế mà sao ta đã biết chữ hán?

Lại xem như các xứ Mán, chữa bệnh nhiều bằng phù-chú, đọc chú thì vừa tiếng mán họ, vừa tiếng nôm ta, vừa tiếng chữ hán, mà thư-phù thì thuần chữ hán cả. Người Mán có đón ta dạy học đâu, là họ cũng cùng với ta làm một dòng giống biết chữ hán ấy đã lâu đời vậy.

Vả lại cái hồi ông Triệu-Đà làm vua ta và những hồi ta bắc-thuộc, Tàu đem sang cho ta những đồ đồng sắt, những thứ súc-vật, dạy ta cách cày-cấy, lễ cưới xin, cho chí đổi quần áo, cấm gọt đầu, những việc ấy Tầu cũng còn ghi vào sử-ký, nữa là có dạy ta biết chữ Hán để ta văn-minh kịp Tàu, cái ân-đức rất lớn ấy mà Tàu lại bỏ đi chẳng chép hay sao?

Ử, Tầu cũng thường có dựng trường học cho ta, có đem Kinh-Thi Kinh-Thư Kinh-Lễ dạy ta thật. Nhưng ta có biết sẵn chữ Hán thì mới học nổi những sách thâm-thúy ấy. Nếu có dạy thì cũng chỉ ra văn chấm bài đó mà thôi, không phải dạy khai-tâm, nếu có phải dạy khai-tâm thì đã dạy thật tiếng chữ như Đại-Pháp dạy ta bây giờ. Sao lại Việt-Nam Việt-Đông Việt-Tây ba xứ cũng đọc một chữ mà âm-vận cũng khác nhau, lại khác hẳn với những tiếng tàu từ Ngũ-Lĩnh dĩ-bắc (người Lưỡng Quảng nói với người tỉnh khác cũng phải thông-ngôn). Có người bảo rằng tại ba xứ học mỗi ngày chạnh sai đi. Lời ấy không phải, nếu có chạnh thì cũng như người nói ngọng ấy thôi, sao lại tiếng vần bằng vần trắc nghe đều khác nhau mà phú-lục văn-thơ lại in nhau như một cả thế?

Nói tóm lại, chữ tượng-hình này nguyên của ông Thương-Hiệt đặt ra trước, phương Á-Đông này xứ nào mà nguyên là người tự Trung-quốc lan ra thì đều biết ngay chữ hán ấy trước cả rồi, sau đặt thêm ra chữ bản-xứ. Việt-Nam ta chắp hai chữ hán lại làm chữ nôm Việt-Nam, Lưỡng-Quảng thêm bớt nét chữ hán làm chữ nôm Lưỡng-Quảng, Nhật-bản nhặt lấy các mẫu-tự chữ hán chắp hợp làm chữ nôm Nhật-bản. Thế thì chữ Hán này là chữ chung cả mấy nước Á-Đông, không phải chữ

riêng của một nước Tàu, cũng như chữ La-tinh làm chữ gốc ở bên Âu-Châu vậy.

Tại lam sao Tàu với ta gọi chữ tương-hình ấy làm chữ Hán ? Hán nghĩa là Trung-châu, là chữ ấy nguyên ở Trung-châu đặt nên, không nên gọi là chữ Tàu. Tàu ngày xưa kể hơn một ngàn nước, sau hợp làm hằng trăm nước, dần dần hợp lại làm một nước. Mà trong một nước ấy bây giờ đọc chữ ấy cũng mỗi tỉnh khác nhau. Vì thử sau này nước Tàu lại phân ra làm nhiều nước đều có quốc-hiệu, thì chữ ấy biết thanh-âm nước nào làm đích mà gọi chữ ấy của nước ấy ?

Nói cho phải, nước ta sở-dĩ thành nên một nước văn-hiến nhờ vì sách-vở văn-chương Tàu thì có, chớ còn như biết chữ hán ấy thì thật tự đời Hồng-Bàng, ta học theo kịp Tàu là ta tự dạy lấy nhau, chẳng Tàu nào dạy cả. Nay lại xin bàn thêm mấy câu chữ Hán không nên bỏ.

Cho dẫu chữ Hán ấy quả thật là ta học của Tàu, nay không thiết-dụng nữa ; duy sự-tích nước ta đã có ghi vào sử Tàu hai ba bốn ngàn năm trước, mà tiếng nói ta lại pha lẫn một nửa chữ Hán, miệng nói chữ Hán mà mắt chẳng biết hình-tượng chữ Hán thế nào, thì sao gọi là bậc thông-thái được. Vả lại chương-trình tràng Pháp-Việt vẫn có dạy chữ Hán, các quí-quan cũng học thì chữ Hán, tràng Bác-cổ hiện tàng-trữ hằng mấy ngàn bộ sách chữ Hán. Nhà-nước còn trọng chữ Hán thế mà chúng ta lại nỡ bỏ đi ư ? Bên Âu-châu người biết hai ba thứ chữ là thường, chữ Hán này ta đã biết sẵn rồi, biết mẹo học thì cũng chẳng khó.

Huống chi tân-học nay cần nhất là việc khảo-cứu, việc dịch sách và văn-chương quốc-âm, nếu chữ Hán bất-thông thì lấy ai khảo-cứu, lấy ai dịch sách, mà văn quốc-âm không có tinh-thần Hán, âm-điệu Hán, thì cũng khó nên câu văn lọt vào tai, thấm vào óc người ta được. Vậy nay không học làm lối văn khoa-cử chữ Hán ấy thôi, chớ còn ta cũng phải học chữ Hán thế nào, để có lúc xem đến các sách chữ Hán cũng hiểu được nghĩa-lý, quán được mạch-lạc, thì mới dựng nổi được cái nền tân-học. Nếu quốc-văn Hán-văn không thông, chỉ chuyên-trị một Pháp-văn lấy bằng các khoa-học thi ra, nhãng quên gốc tích nước nhà, *a b* lại quá bằng ba *chi* [illegible]

Cách dạy học, cách dịch [illegible] tòa Hán-lâm thế nào, nhiều nhà [illegible] kỹ rồi. Nay tôi xin bổ thêm mấy lời vào trong bài « Chữ nho có bỏ được không » ở *Nam-phong* số 21 ấy.

Cái mối chữ Hán nó vấn-vít với quốc-dân ta gỡ không ra, chẳng những thế mà thôi đâu. Tôi thường hay đi chơi các làng, vẫn nghe nhiều tiếng trẻ *chi hồ giả giả*. Tôi khuyên họ nên học quốc-ngữ để rồi học chữ Pháp, thì họ đều đáp lại rằng : « Quốc-ngữ *các cháu* học đã viết được rồi, đã xem *vỡ được* trát quan rồi, còn như chữ tây thì khó lắm. Tục-ngữ : *học tài thi phận*, làm *quan có mả kẻ cả có dòng*, hỏ dễ ai cũng làm quan làm việc cả ư ? Chúng tôi chỉ học chữ nho, để hiểu *qua được* điều luân-lý, đọc thông được bài văn-tế, biên nổi được ba chữ ký, xem biết được lối văn-khế, thế là đủ, học chữ tây làm gì ? Vả lại bài-vị thành-hoàng, thần-chủ tổ-tiên, sổ sách văn-tế, kinh-kệ phù-chú, toàn bằng chữ nho, nay đã ai dám quay ngay bài-vị thần-chủ đề chữ hàng ngay, đã ai dám viết sớ sách văn-tế bằng chữ *b*, *a*, *d*, *đ*, chưa? Quốc-ngữ làm gì có tam-chóc tam-phộc. bát-quái ngũ-hành (phù-thủy), là[illegible] có phụ-tử tài-quan (bói), tràng-sinh đế-vương (tướng, số, địa-lý) ; chẳng có chữ nho thì sao cảm-cách được thần-thánh tổ-tiên, suy xét được cát-hung họa-phúc. Quốc-ngữ mà ngộ nhỡa mất giấu, dễ thường lạc cả mồ mả, quên

cả họ tên, vân vân. Thỉnh-thoảng lại có thầy-đồ lỏm-bỏm tân-thư lại khen họ nghĩ thế là phải lắm. Ở bên Âu-châu khi làm lễ cả ở nhà Giáo-đường cũng đọc chữ La-tinh không đọc chữ bản-quốc, nhưng Âu-châu làm lễ đã có các đứng các cụ đọc cho, bên ta tế thần tế tổ tự làm lễ lấy, thì dân học biết chữ nho để cúng tế, thế là giữ lễ phép tôn-giáo đó, không dám quên gốc vậy.

Nhà nước bắt-buộc dân chốn thôn-quê vào tôn-giáo như thế, thì chữ Hán cho dẫu dở nữa, muốn bỏ đi cũng không được nào. Chi bằng nhân cái tinh tin-ngưỡng ấy, nhà giáo-dục soạn lấy vài quyển chữ Hán thiết-yếu ấy, dạy kèm vào với sách quốc-ngữ phổ-thông, họ học quốc-ngữ nửa chừng biết mùi rằng hay rồi, thì tự-nhiên ham học quốc-ngữ không phải cưỡng-bách, như thế thì chẳng mấy lúc mà quốc-dân đều thành được nhân-cách ít nhiều. Song những điều mong-ước ấy tất phải nhờ quyền Bảo-hộ mới được.

PHẠM HUY-HỒ

TỒN-CỔ-LỤC (1)

VII

ĐIỂN-LỄ VIỆC TẾ-TỰ

1. — Các đình-miếu thờ thần

Đời cổ-giả vua thiên-tử có lễ tế giao, tế miếu, tế thần hải-nhạc sơn-xuyên; vua chư-hầu tế thần sơn-xuyên trong cõi nước mình. Đến chốn dân-gian lu-lý thời chẳng qua chỉ có lễ tế xã mà hội. Thế nào gọi là lý? Là họp mươi ăm nhà lại cùng ở một xóm, mà canh-gác trông nom, bè-bạn giúp-đỡ lẫn nhau. Thế nào gọi là tế xã? Là tế thần thổ-cốc, mà phối-hưởng thần Câu-mang nông-tắc, là thần dạy trồng giống ngũ-cốc. Còn như các đấng tiên-thánh, tiên-sư, minh-thần, linh-kỳ, và các đấng anh-linh-thần, lương-tướng, nghĩa-phu, tiết-phụ, hiếu-tử, thuận-tôn, cũng đều phụng thờ có sở, có tế có thời, đã lập ra rồi thời không dám bỏ đi, mà xưa nay không có thời không ai dám bày đặt ra cho có nữa.

Nước Nam ta từ đời Hồng-Lạc dựng nước, quãng giữa phụ-thuộc về nhà Hán, nhà Đường, kịp đến đời Đinh, Lê, Lý, Trần, ngoài sự tế giao, miếu, tế sơn-xuyên ra, còn như những đền đã kê-liệt vào tự-điển cả thảy chỉ có 29 đền, người nhà Trần đã chép ở sách *Việt-điện u-linh-lục*. Về sau cũng có thêm ra. Khoảng năm Quang-thiệu (1516) Thống-nguyên (1522), ghi chép vào trong sổ Bộ Lễ cả thảy là 110 đền mà thôi, còn không phải chính là quốc-tế, và không có công trừ đại-tai, hãn đại-hoạn cho Nhà-nước thời không được dự vào đó. Khoảng năm Quang-hưng (1578), vua Thế-tôn khôi-phục Trung-đô, truy-lục những người bày-tôi tiết-nghĩa tiền-triều, lập đền trí tế, phàm 27 đền; còn những đền hiển-linh trợ-thuận, thực có công-trạng, cũng

(1) Tục kỳ 28, trang 331 - 9.

giáng sắc bao-phong cho cả. Vì thế cho nên những sổ sách ghi chép sự-tích các đền-đài càng ngày càng nhiều, nhưng điều-tự vẫn phân-minh, không đến nỗi sai lầm lẫn-lộn chút nào cả.

Về sau này vận nước thái-bình, thói dân càng thêm điêu-ngoa mãi ra, những kẻ hào võ-đoán, những nhà dân phú-hộ góp tiền nhau vào đám tế thần; ăn uống linh-đình, tự lấy làm đắc-ý; đua nhau khoe mũ cao áo dài, kiêu-xa rất mực, thậm-chí lại đút tiền để cầu phong thần-sắc, vì thế thần nhân lẫn-lộn, tự-điển hỗn-hào, ngày càng say mê về thói thượng-quỉ mà không biết, chỉ đút-lót để cầu sắc-phong mà không cấm; cho nên những ma quỉ hèn-mạt cũng được lạm-dự sắc-phong; những yêu tinh trâu chó, cũng được ban sắc hoa-cồn; mà những đền thờ thần chính-trực, thời hoặc gặp lúc binh-tai, bia ký mất cả, hoặc trải hồi hiến-cách, truyền-văn sai lầm; muốn kê-cứu sự-tích, thời sách-vở xưa nay không có in ra, không lấy bởi đâu mà khảo-chứng được; hỏi đến các dân làng, thời xưa nay vẫn quen thói kiêng-kỵ, không bởi đâu mà tường xét được. Nếu không có người chịu khó gia-công kê-cứu, thời chính-tự với dâm-tự, còn biết đâu mà phân-biệt được, há chẳng nên than tiếc cho thế-đạo lắm ru!

Lạm-bình — Bài trên này là cụ Phạm Tiên-sinh xét về điển-lễ các đình-miếu thờ thần, kể từ đời nhà Trần trở về trước chỉ có 29 đền; đến năm Lê Quang-thiệu (1516) mới thêm ra đến 110 đền; năm Quang-hưng (1578) lại thêm ra 27 đền; những đền lập ra đó là cốt để kỷ-niệm những bậc tiết-liệt trung-trinh, công-minh chính-trực, có công-đức với xã-hội, với Nhà-nước, thời mới có đền thờ. Nhưng về sau này thói dân càng điêu, thần-quyền càng thịnh, đình-miếu càng ngày càng thêm mãi ra, rồi sinh ra mượn truyện sự-thần mà bày ra tục-lệ ăn uống, vào đình vào đám, trai dân đóng góp rất là nặng-nề; mâm chay cỗ thờ, lần-lượt cung-ứng rất là phí-tổn; quên mất cả cái lòng kỷ-niệm công-đức quỉ-thần [illegible] nơi lại tế-phi-kỳ-quỉ, bạ thần nào cũng [illegible] như là ở về Cẩm-giàng Gia-phúc [illegible] miếu thờ bà « Công-chúa Ngựa (1) » là một nàng dâm-phụ; ở về Đông-triều có đền thờ Phạm-Nhan (2) là một đứa dâm-quỉ; ở về vùng Phúc-an có làng thờ Mã-Viện là một tướng Tàu cừu-địch với bà Trưng-vương; ở chùa Đồng-quang có ngày giỗ trận, là ngày Nguyễn Quang-trung giết chết quân Tàu ở gò Đống-đa (3); thế mà cũng đi lễ đi bái, đi cúng đi cầu, không biết là vì ý-nghĩa làm sao, vì sự-tích thế nào, thời nơi nên thờ [illegible] người Tàu [illegible] cửa đền, thời người mình [illegible] chó đá ở trước cửa ngõ [illegible] Tàu lễ gốc si, thời người mình [illegible] đa; cái hay chẳng bắt chước, [illegible] chước cái dở, [illegible] Nam ta quen thói [illegible] đuổi mê tín, không biết phân-biệt vị nào nên thờ, đền nào nên lễ.

Đền thờ đức Hưng-đạo đại-vương là nơi quốc-tế, thiên-thu vạn-thế ai là không tôn-kính Ngài, vậy thời quốc-dân ta nên sùng-bái ngài về cái sự-

(1) Tục truyền Mã công chúa tỉnh dâm, giao-hợp với ngựa, chết [illegible] thông, có miếu thờ, sự-tích tường ở trong sách *Vũ-trung tùy-bút*.

(2) Tên là Nguyễn Bá-Linh người Tàu, có yêu-thuật, theo Nguyên thái-tử Thoát-Hoan sang quấy nhiễu nước ta, Trần Hưng-đạo vương bắt được [illegible] ném chết, sự-tích [illegible] ở truyện Trần Hưng-đạo, bán tại hiệu Đông-kinh-ấn-quán.

(3) Thuộc huyện Hoàn-long Hà-nội. Nguyễn [illegible] đánh giết quân [illegible] là Sầm Nghi-Đống ngày mồng 5 tháng giêng năm *kỷ-dậu* Lê Chiêu-thống (178[illegible]; chôn xương [illegible] ở đó thành gò.

nghiệp bình Nguyên sát Đát [1], chớ không phải chỉ sùng-bái ngài về cái uy-linh trị-bệnh trừ-tà, thời quốc-hồn ta mới tỉnh lên được. Thế mà hằng năm đến ngày hội Vạn-Kiếp, những dân sở-tại không biết sửa-sang cho có thứ-tự, để bày tỏ ra một ngày kỷ-niệm một đấng đại-anh-hùng ; mà những người đi lễ bái thời phần nhiều là chỉ mê tin về đường đồng-cốt tà-ma, đốt vàng đốt hư [illegible] cháy nghi-ngút cả mấy gia [illegible] chỉ đốt cả dưới gầm [illegible], chất đầy từng đống tro vàng, lễ bái mà cẩu-thả như thế, thời đức Trần đại-vương cũng thương thay ngán thay cho cái thói ngu-hư của dân mình. Ước gì các quan sở-tại nên trỏ bảo cho dân biết sửa-sang chỉnh-đốn lại cho có thứ-tự, để cho những người chiêm-bái được tỏ cái ý tôn-sùng kỷ-niệm đấng anh-hùng, mà tỉnh dần cái hồn mê-mộng ma-quỉ tự mấy trăm năm về trước.

[illegible] àng cúng-tế

[illegible] ại vu Thượng-đế [illegible] câu : « *Duy hoàng* [illegible] : Kinh Thi rằng : [illegible] 上帝臨女 » ; [illegible] *hoàng hậu đế* 皇 [illegible] » Đó là trở [illegible] thiên-thần rất tôn, [illegible] nhất cho nên gọi là « *thượng* [illegible] khắp cả cho nên gọi là « *đế* 帝 » ; đã gọi là Thượng-đế thời chỉ có một vị mà thôi, nhưng đạo Phật đạo Lão thời không thế ; đạo Lão thời [illegible] vị *Ngọc-hoàng-thượng-đế*, lại còn những vị *Tử-vi-đại-đế*, *Phù-tang-đại-đế*, *Tràng-sinh-đại-đế*, *Chấn-võ-đại-đế*, *Hồng-hoa-đại-đế*, *Văn-xương-đế-quân*, [illegible] dưới vị Tam-thanh [illegible] thời chia ra [illegible] *Phạm-vương-* [illegible] *thiên-tử*, phà[illegible]

ra từng mục rất nhiều, vị-thứ đều ở dưới ba ngôi Thế-tôn : quá-khứ, hiện-tại, vị-lai. Kìa xem như che chùm khắp cả thời gọi là trời, chúa-tể hơn cả thời gọi là đế, thế mà lại có vị tôn hơn trời, hiệu tôn hơn đế, thế ra ngoài trời lại có trời, trên đế lại có đế, vì thế mới có những lời nói : *cửu-thiên*, *tam-thập-tam-thiên*, *tứ-đế*, *ngũ-đế*, *chư-tôn-thánh-chúng*, bịa đặt mãi ra, đó chẳng qua là những lời dị-đoan hoang-đường vậy. Nhưng lấy người trần mắt thịt, mà biện-bác những truyện ở ngoài không tiếng không hơi, nếu không xét lẽ mà bàn càn, thời chỉ là vẽ bò bắt bóng, chớ còn chứng thực vào đâu mà bàn được ; đức Khổng phu-tử không bàn đến truyện thần cũng là vì thế rư ?

Làng Liêu-xá huyện Đường-hào có đền thờ Đế-thích, đó là một vị trong ba vị thần ba vị phật mà thế-tục ta vẫn truyền vậy ; những sự-tích linh-dị chép ở trong sách *Tiếp-ký* của ông Võ-công Phương-đề, tưởng cũng không phải là lời nói vô-kê vậy. Nhưng xét vị-hiệu đã tôn là *sư*, mà chỉ coi có một làng ; tôn-giáo đã theo về *Thích*, mà lại có hai vợ ; cái lẽ đó không thể xét được. Hay là làng ấy nguyên có vị thần thiêng, vì tức về lời nói anh Trương Ba thách đánh cờ mới hiển-linh lên, thế-tục bèn tôn gọi ngay là vua Đế-Thích chăng ?

Bây giờ cái thói thượng-quỉ càng tệ lắm, những kẻ tăng-nhân thuật-sĩ, bịa đặt ra lắm sự bất-kinh [2], ta thường đi qua đường cái thấy các nhà bày đàn cúng, trên đàn thượng-vị thứ nhất cúng Phật ; vị thứ hai thời bày một bộ mã giấy vàng áo cổn mũ miện để cúng vua Đế-thích ; vị thứ ba bày bộ mã, một bộ áo xanh, một bộ áo vàng, đều [illegible] miện, để cúng Thiên-đế, Địa-kỳ ; còn [illegible] vị Chân-đế trở xuống cứ theo lần [illegible] ợt thứ-tự mà bày. Xem đó thờ

[illegible] 平元殺 [illegible] Nguyên, giết họ Mông-cổ.
[illegible] thường trông [illegible] ải đạo chính-đáng.

tôn phật hơn trời, những điều quái-đản ấy không phải nói ai cũng biết là dở. Còn như đề vị Đế-thích tôn hơn vị Thiên-đế, lại càng bất-thông lắm, nếu bảo rằng vị Đế-thích là một vị Thiên-thần rất tôn, thế sao bày ở ban dưới lại có vị Thiên-đế, chẳng hóa ra tiếm-hiệu lắm ru? Nếu bảo rằng vị Thiên-đế là vị Thiên-thần chúa-tể cả, thế thời vị Đế-thích bày ở trên lại ở ra ngoài bầu trời che chở hay sao?

Không những thế mà thôi, từ năm Chiêu-thống kỷ-dậu (1786), dân-gian yên ổn, không có tật-dịch gì cả, thế mà chỗ nào cũng bày ra một đàn cúng gọi là « Phụng thiên lâu », nào là bày ra đồ trai-cúng, đồ mũ-mã, để cúng tế trời đất. Than ôi! Trời đất to-lớn rộng-rãi như thế kia, mà còn phải cần đến những thức ăn những đồ mã của người ta cúng, rồi mới giáng-phúc cho dân, trời đất như thế, thời sao hay vận được bốn mùa, sinh được muôn vật; người ta không nghĩ như thế mà chỉ mê hoặc như thế kia, chẳng hóa ra man thần khinh trời lắm ru?

Lam-bình — Nước ta xưa nay hay mê tín về thói thương-qui, mà nhất là đàn bà, hết cúng đền nọ, lại cung phủ kia, không còn biết phân-biệt nguyên-uỷ sự-tích thế nao cả, chỉ là nghe có đồng thầy tự phán bảo thế nào là cầu là cúng mà thôi. Mà hại nhất là đua nhau đốt được nhiều vàng là được nhiều phúc, thế ra coi qui-thần cũng như ông quan trên trần có ăn hối-lộ mới giáng-phúc cho dân hay sao? Không biết sự đốt vàng mã gây ra tự bao giờ, hoặc truyền rằng tự ông Mạc Đĩnh-Chi đời nhà Trần, chẳng qua cũng là huyền-hoặc cả.

Vả lại những giấy vàng mã ấy có phải tự người nước mình làm ra được đâu, lại phải mua ở tu đâu về mới làm ra đồ vàng đồ mã, thật là đan lồng phá giấy, mượn mã hoa hòe, thế mà người mình chỉ mất tiền thật mua của giả rồi đốt phèo ra tro. Không biết những tiền đốt ra tro ấy tổn hại biết là chừng nào, xem như một nhà hàng thợ mã to ở Hà-nội, trong một năm có khi mua giấy mã đến một vạn đồng bạc, lại còn nhiều nhà khác nữa không kể, thời biết rằng những tiền mua giấy mã vứt đi ra nước ngoài ấy rất là hư-phí hão, mà thiệt mất món tiền [illegible] bao giờ người mình có phồ-thông giáo dục thời mới bớt được những thói tệ tập ấy, mà tài-nguyên nước mình mới khỏi đến nỗi lậu-chi (1).

3 — Tang-lễ

Xét lễ tang, trong ba ngày thời quàn-thấn; bốn ngày thời thành-phục; trong ba tháng thời an-táng; đầy năm thời làm lễ luyện (tiểu-tường); đầy hai năm thời làm lễ đại-tường; cách một tháng thời làm lễ đạm-tất; trong ba năm thời hết chở, đó là đặt ra cái lễ thích-trung vừa phải để cho dân theo. Nhưng tự lúc mới đề chở đến khi đạm-tất đầu đuôi chỉ có 27 tháng; song cái bụng hiếu-tử thời vô-cùng, có người đã chung-chế rồi, mà khi nhắc đàn lên danh không thành tiếng, là vì cái bụng thủ-hiếu vậy.

Thế-tục lại có người quàn ma để mãi trong nhà còn đợi chọn ngày chọn tháng, thậm-chí để đến hơn một năm mới thành-phục; thế ra trong hai mươi bảy tháng để chở thủ-hiếu không được mấy tháng, chẳng khá thương [illegible] lắm ru!

Kinh Lễ [illegible]

臨喪不笑, [illegible]

không nên cư[illegible]

rằng: « Tử thị [illegible]

[illegible], vị thườn[illegible]

(1) Lậu-chi 漏巵, chén rò, chảy nước ra ng[illegible] vì như tiền c[illegible]

者之側未嘗飽也», nghĩa là đức Khổng-tử ăn ở bên cạnh nhà có tang, không thường được no bao giờ. Thế mà thế-tục lại bày ra cỗ bàn ăn uống, như thế thời người tang-chủ quên mất cả bụng thương xót đấng thân ; mà người đến ăn chỉ là tham-lam vụ-thực, người có nhân-tâm không ai nỡ thế bao giờ.

Lại còn những chốn thôn quê bạc tục, đặt ra nhiều lệ ma tray rất nặng, cả làng chỉ [illegible] vào nhà tang-chủ để ăn [illegible] người năm ba phần ăn không [illegible] lại lấy phần đem về ; từ ngày ma mới chết cho đến ngày đưa ma đi chôn, nếu tang-chủ xử không được như-ý, thời lại viện lệ làng ra để hạch xách, làm cho tang-chủ phải đợ vườn bán ruộng, để cung-đốn nợ miệng cho xong. Cái tệ-tục ấy các triều đã có điều-luật nghiêm-cấm, thế mà mãi không cải-cách được hết, thực là lạ thay !

***

Lễ thành-phục là lúc đã quàn-thấn rồi, thời họ hàng con cháu tang-gia cứ [illegible] lễ chế-phục mà để tang, chớ không có bày ra tế-lễ gì người chết cả. Theo thế-tục thời ngày thành-phục phải bày ra cỗ bàn tế lễ linh-đình, làng xóm [illegible] đến hội họp, nào là soạn văn tế, bàn nghi-tiết, rồi giở ra chè chén, thuốc phiện, không khác gì đám hội vui mừng, như thế thời có phải không ?

Xét lễ tang thời chỉ có lễ tồ-điện, [illegible] điện là có tế điện, [illegible] tam-ngu, tiểu-tường, đại-tường, đ[illegible]-tất là có tế mà thôi ; thời chỉ sớm [illegible] cúng cơm hay là tuần-thời cúng cơ[illegible] mới mà thôi, [illegible]ày ra lễ *chung-*[illegible]*năm ngày, lễ vào hè, ra hè, lễ đốt mã, tết trung-nguyên, rằm tháng bảy*, đó là lễ nhà Phật chớ không phải lễ cổ-nhân. Nhà Phật-giáo bảo rằng người chết xuống âm-phủ bảy ngày vua Diêm-La duyệt án một lần ; tháng hè nóng nực dưới âm-phủ thường lục xét tù án ; cho nên phải bày đàn tray mời nhà sư tụng kinh cầu phúc. Còn như ngày rằm tháng bảy, nhà Phật-giáo bảo ngày ấy là tết Trung-nguyên, Diêm-vương lục xét án tù, phong-nhân sá-tội [1], cho nên phải cúng Phật để độ vong-hồn, đốt mã để cho đủ thức dùng. Ngu-tục thời cứ đến những ngày ấy, sát sinh bày cỗ, hội họp tân-bằng để ăn uống. Nếu bảo lời nói nhà Phật làm huyền-ảo, mà cũng cúng-tế thời là phi lễ, không phải là để thờ đấng thần vậy. Nếu tin lời nói nhà Phật làm có thực, thời sao cái ngày dưới âm-phủ duyệt-án lục-tù, mà trên dương-gian lại giết hại giống sinh-mệnh, như thế chẳng thêm tội lỗi lắm ru ?

4. — Tế-lễ

Đời xưa những lễ phụng thờ tiên-tổ, như là lễ tế Đế [2], tế Cáp [3], tế tứ-thời, cùng là lễ hiến thời-vật ; những lễ ấy chỉ có nhà vua thời đủ cả, còn nhà dân thời cứ thứ bậc giảm bớt đi. Ngày kỵ là ngày truy-cảm các đấng tiên-nhân đã xa cách, phải nên hết lòng nhớ thương, chớ không có bày ra tế lễ. Sách *Lễ-ký* nói rằng : « Người quân-tử có tang suốt đời, không phải chỉ thương phào một lúc ». Nghĩa là hễ gặp ngày kỵ thời lại thương đến tổ-tiên vậy.

Khoảng năm Vĩnh-bình đời nhà Hán, Phật-giáo mới truyền-bá sang nước Tầu, những người theo Phật-giáo đến ngày kỵ thời đón sư tụng kinh,

---

[illegible] 赦罪, là ng[illegible]ó nhân-đức thời phong tưởng cho ; còn người có

[illegible]ấy ông thủy-tổ [illegible]ời-hưởng.
[illegible]tăng tiên-tổ.

đốt vàng mã để cúng. Đời Đường, ngày kỵ thời đấng Thiên-tử cùng quan Tể-tướng đem các quan đến chùa làm lễ, quỳ trước Phật-tiền, nghe sư tụng kinh, cứ lấy một nén hương làm độ, vì thế sĩ-thứ đều bắt chước cả. Đời nhà Tống, ngày kỵ thời tế ở đàn thần-ngự cung Cảnh-linh, nuôi sư đến hàng trăm người ; vì thế các nhà sĩ-thứ đều chuộng đạo Phật, nuôi cơm nhà sư để cầu phúc, không thời cũng đặt lễ tế điện để tỏ tấc thành. Đó là vì thế-đạo dần-kém, cho nên lễ-văn càng thêm mãi ra.

Hoặc có người hỏi ông Trình Y-Xuyên rằng : « Ngày kỵ có nên tế không ? » Ông Y-Xuyên cũng chẳng nói bác, cho nên ông Chu-Tử mới lựa theo nhân-tình mà đặt ra nghi-tiết tế-lễ. Song-le người nhà Minh gặp ngày kỵ thời chỉ tế ở đền Hiếu-kinh, chớ không có tế ở nhà Miếu, là vì đặt ra tế không phải là lễ cổ-nhân vậy.

Tục nước ta, nhà nào hễ đến ngày kỵ thời kinh-doanh sắm-sửa hết sức, thậm chí phải đi vay đi mượn, đón về làm cỗ làm bàn, mời đón các quan-khách lấy làm vẻ-vang hãnh-diện, không còn ý gì là ý thương-xót nữa, đó là càng xa đời cổ lại càng sai mất lễ cổ đi vậy.

Xét ý ông Chu-Tử và so-sánh với tục nước ta, thời ngày kỵ nên hết lòng thương nhớ, mà có bày ra tế nữa cũng nghĩa mà làm cũng phải. Vả lại nước ta không có theo cái lễ tế bốn mùa, nếu ngày kỵ mà cũng không tế, thời cả năm trừ ngoại ngày tết thường-tân ra, không có mấy ngày là tỏ được cái ý phụng-tiên truy-viễn [1], cho nên dẫu tuần-tục mà tế cũng không sao, Nhưng không nên chỉ chăm-chăm làm cỗ cho to, mời khách cho đông, mà quên mất cả cái lễ cúng-tế đi mới phải. Thế-tục cứ quen cái thói đến ngày kỵ thời mời khách đi lại với nhau để trả nợ miệng. Ôi ! cái thói đi lại thù-ứng dẫu không thiếu được, nhưng có thiếu gì ngày, nào là : cưới vợ, sinh con, thăng-quan, thiên-chức, cũng là những lúc tuế-thời thường-tân, đều là ngày yến-khách được cả. Cần gì phải cứ đến ngày kỵ.

* *

Nghi-tiết tế ở nhà công-gia, đã chép tường trong điển-lễ, [illegible] nhải bàn chi nữa. Đây hãy xét [illegible] nhà sĩ-thứ, vì khi cúng tế các cụ [illegible] qua cũng coi như lúc sinh-thời : chủ-nhân tiến cơm, thời chủ-phụ tiến canh ; chủ-nhân rót rượu, thời chủ-phụ phải sớ dũa đặt thìa ; còn chúc-bản, hồ rượu thời để ở mé dưới thềm bên đông, về mé đông thềm bên đông thời làm nơi nhà bếp, lúc tế thời nàng dâu con gái hai xuống bếp nấu nướng hễ được đĩa thịt, bát nấu, đồ nhắm, thứ ăn, nấu xong được món nào là đem lên [illegible] còn những việc bày khay [illegible], các cô chú [illegible] cô [illegible] vậy. Thế [illegible] bày giờ [illegible] mâm cỗ sơn-đ[illegible] thanh tự bao giờ, không còn có khi-vị thơm-tho gì cả ; bây giờ [illegible] sắm sửa vào [illegible] thoai quanh-co, ku[illegible] khác gì trò phường trèo, thời còn cái nghĩa « *le-than nhe-tai* » ở đâu nữa.

Vả lại lúc tế trần-thiết nhiều cái không hợp lễ, đơn trung-cỗ thời thực-án, hương-án cao độ bằng cái ghế [illegible] dàn mặt là thường dùng, khi [illegible] xong thời [illegible] chấp-sự phủng chúc-[illegible]n để về [illegible] hữu Lương-án, tức là [illegible]ên tay tả chủ [illegible] thời làm bằng [illegible] hai tấc. Thế-tự [illegible] án cao ngất m[illegible] trong ngoài [illegible]

(1) Phụng tiên, truy viễn 奉先追遠 = [illegible]ng thờ đấng tổ-

lúc tế thời để cái chúc-bản gỗ lim chân quì cao ngất ở giữa hương-án, ngoảnh lưng vào trong mà hướng ra ngoài, khuất cả không trông thấy gì, không biết bày ra cái kiểu-cách gì thế. Lại còn ngoài án-tiền chỗ chiếu lễ, đôi bên đều để cái trác-tử chạy dài, trên trác-tử thời đặt hồ rượu, hộp hương, chúc-bản, vân vân, các người đông-xướng, tây-xướng và các người chấp-sự thời đứng dựa thế hai bên trác-tử, chủ-tế thời cứ [illegible] quanh-co ở trong [illegible] chiếu giữa, khác gì quanh ở [illegible] vòng chuồn, [illegible], không biết bày đặt như thế là bắt chước tự kinh-điển nào?

Lạm-bình. — Tang chủ ai-thương, tế-chủ thành-kính, có ai-thương, có thành-kính, thời sự tang-tế mới hợp lễ. Nếu chỉ phô-trương phấn-sức bề ngoài, thời chỉ nhọc về những sự bày ra cỗ bàn ăn uống, bận về những sự thù-tiếp tân-bằng, còn có ý gì là ai-thương thành-kính nữa. Cho nên đức [illegible] « Lễ dữ kỳ [illegible] dữ kỳ dị giã [illegible] 禮與其奢也寧儉喪與其易也寧戚 ». Nghĩa là việc tế-lễ nếu mà bày ra xa-xỉ quá thà rằng kiệm mới, việc tang-ma nếu mà sắm-đã trang-hoàng quá thà rằng hết lòng thương-xót là hơn. Xem đó thời biết nết tiết-kiệm và lòng ai-thích, hai điều đó chính là căn-bản việc tang-tế vậy.

Thế mà thế-tục ta lại hay quen thói nhân lúc tang-ma, ngày cúng-giỗ, bày ra cỗ bàn ăn uống, không những là trả nợ miệng cho chốn thôn-dân, mà lại cầu hãnh-diện với cả làng xóm. Thậm-chí có làng tục-lệ nặng quá, bất-hạnh nhà ai có ông bà trăm tuổi, mà không mổ được năm trâu ba bò, thời không gọi là làm ma, cho nên về sau lại phải làm ma khô để nộp lệ. Cũng có người sợ đến lúc chết rồi con cháu không làm được ma, thời làm ma sống từ trước để về sau khỏi tai tiếng. Lại còn ngày giỗ mà nhà nào không mời được năm ba cụ kỳ ông cựu, khách xa khách gần, thời người ta cho là nhà ấy suy kém không làm được giỗ. Ấy những tục-lệ nặng-nề, những thói quen bó buộc người ta như thế; cho nên tới đến việc tang là chủ thương, mà thành như tiệc vui mừng; tới đến việc tế là chủ kính mà thành ra cuộc chè chén; như thế chẳng sai lầm mất lễ-ý của cổ-nhân đi ư? Mong sao sau này những tệ tục ấy cải-lương dần đi, thời mới có ngày tiến-hóa lên được.

ĐÔNG-CHÂU

VĂN UYỂN

[illegible] ĂN CỨ

[illegible] n sao-lục)

phải bùa ngu thuốc giót, con biết [illegible] là đã [illegible] mà [illegible] lệ vẫn [illegible] đấy [illegible] nằm bên đồng thuốc mà [illegible] có là gì, mà mong [illegible] luật-lệ.

Duy chỉ Chính-phủ [illegible] khảo kỳ-mục, thì họ mới nộ-[illegible]

C-ÂM THI TẬP

th[illegible] cổ đề [illegible] ông-đức quốc-âm thi-tập, [illegible] của [illegible] văn-thần đời Hồng-đức [illegible] không lấy gì làm bằng-cứ, song [illegible] cậu thời, cũng không phải là giọng thật. [illegible] chữ mà thường có sen [illegible] ong thơ Cụ Trang Trình (Nguyễn Bỉnh-

Khiêm) thường thấy. Vậy đăng dần ra đây để giúp tài-liệu cho các nhà khảo-cứu về thi-học quốc-âm. Nên nhận trong những bài thơ sau này có nhiều cách dùng chữ đặt câu ngày nay nghe lạ tai, là vì đã lâu không dùng đến, tưởng cũng có thể giúp cho nhà làm thơ lám văn bây giờ được.

N. P.

THIÊN ĐỊA MÔN (1)

Nguyên-đán

I

Cơ mầu thợ hóa bốn mùa vần,
Đông cuối ba mươi mồng một xuân.
Rờ-rỡ cửa vàng ngày Thuấn sáng,
Lầu-lầu phiến ngọc lịch Nghiêu phân
Cao vòi-vọi ngôi hoàng-cực,
Khắp lâng-lâng phúc thứ-dân.
Tôi mọn dựa đòi hàng ngọc-duẩn,
Non cao kính chúc tuổi minh-quân.

II

Âm dương hai khí mặc xoay vần,
Nẻo quá ngày đông đến tiết xuân.
Chân ngựa giong khi tuyết tạnh,
Hàng loan giắp thủa canh phân.
Chín trùng chăm-chắm ngôi hoàng-cực,
Năm phúc hây-hây dưới thứ-dân.
Mây hợp đền nam chầu chực sớm,
Bên tai dường mảng tiếng thiều-quân.

Họa-vần

I

Ba dương đã gặp thủa thời vần,
Bốn bể đều mừng một chúa xuân.
Nức ngai vàng hương mấy hộc,
Trang cửa phượng ngọc mười phân.
Trời lồng-lộng hay lòng thánh,
Gió hây-hây khắp vạn dân.
Nhờ ấm nhân khi hênh (2) bóng nắng,
Ước dâng muôn tuổi chúc ngô-quân.

II

Khắp bốn mùa đều tạo-hóa vần,
Cuối đông mừng đã lại đầu xuân.
Tiết ba dương thịnh hây-hây mở,
Ân chín trùng nhiều mãi-mãi phân.
Vầy họp đai-cân về một chốn,
Đặt yên chăn chiếu khắp muôn dân.
Hội lành đã gặp gồm năm phúc,
Trỏ núi Nam-sơn chúc thánh-quân.

Xuân

I

Một khí trời đắp đổi vần,
Ba tháng đông lại ba tháng xuân.
Sinh-thành mọi vật đều [illegible] tốt,
Đầm-ấm nào ngày chẳng dượm nhuần.
Tượng mở thái-hòa Nghiêu phủ-trị,
Ân nhiều chẩn-thải Hán tuy-dân.
Đài xuân bốn bể đều vầy họp,
Tuổi tám nghìn đôi chúc thánh-quân.

II

Tự thủa Đông-hoàng chịu lấy quyền,
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Đường hoa chấp-chới tin ong dạo,
Dặm liễu thung-thăng sứ điệp truyền.
Ả Ngụy nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu rộn mời khuyên.
Nam-nhi gặp thủa công khi ấy,
Áo ngự Tràng-an mới phỉ nguyền.

Hạ

I

[illegible] một khí hãy còn khoe,
[illegible] tiết [illegible]
[illegible] trầy giươn nắng,
[illegible] phủ mà hòe.
[illegible] ngọc

(1) Toàn-tập chia ra bốn mục: 1° Thiên-địa ngâm chư-phẩm.

(2) Hềnh = hửng.

II

Từ thủa Chu-minh chịu lệnh hè,
Thừa-lương-đình vắng lặng bằng the.
Ngày chầy đêm kíp sầu hồn bướm,
Lá rụng hoa tàn động xác ve.
Ngoài cửa đùn-đùn tan bóng trúc,
Công-đường thấy-thấy phủ màu hòe.
Thi-nhân khi ấy gì làm bạn,
Một triện trầm-hương một chén chè.

Thu

I

Một nhạn hòa chuyền lệnh Núc-thu,
Song thưa ngăn-ngắt lọt hơi thu.
Vàng phô chặng cúc khi sương rụng,
Bạc điểm ngàn lau thủa tuyết mù.
Đèn sách lên yên nghề cử-tử,
Can qua ngoài ải việc chinh-phu.
Thảnh-thơi đêm có vầng trăng bạc,
Rãi tỏ lầu lầu khắp chín chu.

II

Lác-đác ngô-đồng mấy lá bay,
Tin thu hiu-hắt lọt hơi may.
Ngàn kia cách nước so-le địch,
Mái nọ bên tường đủng-đỉnh chầy.
Lưu trụi bãi nam nghìn dặm khắp,
Nhạn về ải bắc mấy hàng bay.
Quí-ưng Tống-Ngọc giường bao nữa?
Khi ấy nhiều người cảm cảnh thay.

Đông

I

Vận bốn mùa nay đã cố công,
Đêm dài bởi một thủa ba đông.
Song mai nguyệt tỏ trong bằng nước,
Cửa trúc sương đầm lạnh ngỡ đồng.
Điểm tuyết nào non đầu chẳng bạc,
Hóng lò có khách mặt thêm hồng.
Một mai sang đến xuân đầm-ấm,
Đường tía xem hoa ảo-ngự giong.

II

Tự thửa Huyền-minh chịu lệnh đông,
Vù-vù đòi chốn trận kim-phòng.
Canh chầy ngọc-lậu trong bằng tuyết,
Đệm lọt lưu-tô lạnh ngỡ đồng.
Thượng-uyển cúc tàn năm bảy lá,
La-phù mai nẩy một vài bông.
Bốn mùa màng chửa lầu canh hết,
Thang Vũ đòi làm phải đạo trung.

(Còn nữa)

BẠCH-VÂN THI-TẬP (1)

(Thơ Cụ Trạng-Trình)

Của Trình quốc-công Nguyễn Bỉnh-Khiêm tiên-sinh (1530-1540)

XVII

Hễ lộc triền quan đã có ngần,
Làm chi tham được nhọc băn-khoăn.
Ải Tần non Thục đường nghèo hiểm,
Cửa Khổng làng Nhan đạo khó khăn.
Sách cũ ba phen rồi lại đọc,
Cơm vàng hai bữa đỡ thời ăn.
Công-danh trời đất ân còn rộng,
Che-chở điều-hòa kẻo-chiếu chăn.

XVIII

Vì danh cho phải lụy đòi phen,
Phận khó-khăn xưa ắt đã quen.
Cửa mận người yêu nhiều khách trọng,
Am hoa ai ngó đến ông nhàn.
Xuân xanh khôn lại lòng càng cảm,
Đường tía đà qua bước ngại chen.
Ngủ dại trần-trần là tích cũ,
Mặt đầu ai cũng ắt chẳng điên.

---

(1) Tập thơ này đã đăng báo từ số 14 (95-96) và 15 (156), nay lại tục-đăng dần cho được toàn-tập. — Cụ Bạch-Vân (tức là Trạng-Trình) làm quan về đời Mạc Đại-Chánh (1530-1540), vậy thơ này kể cũng đã là cổ lắm; bản-quán cứ theo bản nôm cũ mà sao ra, hoặc còn có chỗ ngợ, xin các ngài có biết thì sửa lại cho.

XIX

Người dữ thời ta mến có lành,
Làm chi đo đắn nhọc đua tranh.
Cửa vương đện nhân vi vắng,
Thớt quến ruồi ấy bởi tanh.
Nhiều khách xuân xanh trường phú-qui,
Mấy người đầu bạc hội kỳ-anh.
Đã ngoài mọi việc chăng còn ước,
Ước một tôi hiền chúa thánh-minh.

XX

Nước non nào phải của ai đâu,
Nhiều ít công tư cũng mặc dầu.
Khó chẳng dở dang không chẳng lụy,
Được không bạo-bực mất không âu.
Anh-hùng người lấy tài làm trọng,
An-dật ta hay thú có mầu.
Gẫm ý ai phù vạc Hán,
Đồng-giang rủ một cần câu. (1)

XXI

Tóc đã thưa, răng đã mòn,
Việc nhà đã phó mặc dâu con.
Bàn cờ cuộc rượu vầy hoa trúc,
Bó củi cần câu chốn nước non.
Nhàn được thú vui hay báo nả,
Bữa nhiều muối bẻ chửa tươi ngon.
Chín mươi thời kể xuân đã muộn,
Xuân ấy qua thời xuân khác còn.

XXII

Lấy chăng ai cấm mặc ai dùng,
Hễ của tự-nhiên ấy của chung.
Non nước có mùi lòng khách nhớ,
Trúc mai làm bạn hứng thơ nồng.
Chốn điền-viên cũ dầu thong-thả,
Đạo thánh-hiền xưa luống chốc-mòng.
Lòng thử hỏi lòng không hổ thẹn,
Đến đâu thời cũng có xuân-phong.

XXIII

Chửa dễ ai là bụt Thích-già,
Mọi niềm nhân ngã nhẫn thời qua.
Lòng vô-sự trăng in nước,
Của thắng-lại gió thổi hoa.
Kìa khách xuân xanh khi trẻ,
Mấy người đầu bạc tuổi già!
Thanh-nhàn ấy ắt là tiên-khách,
Được thú ta đà có thú ta.

XXIV

Chẳng nên để ắt chẳng nên dùng.
Lần-thần ngày qua luống nhọc công.
Quân-tử mới hay nơi xuất xử,
Trượng-phu cũng có chí anh-hùng.
Nhân-tài làm trọng đời nào khỏi,
Thiên-hạ không tư của ấy chung.
Cảnh cũ vẫn còn non nước cũ,
Chốn nào là chẳng chốn xuân-phong.

(*Còn nữa*)

翼皇帝五旬大慶祝歌

Hát chúc vua Dực-Tôn ngũ-tuần đại-khánh

吾皇穆穆當天

Vua ta thăm thẳm ngự đời,

海籌初紀壽筵五旬

Tiệc đào mới kể năm mươi hải-trù.

八千秋八千春

Tám nghìn gồm tính xuân thu,

山川貢瑞星彙景祥

Mây sao sóng núi hiến đồ tràng xuân.

南薰曲北斗觴

Chén Bắc-đẩu khúc Nam-huân,

壽歌奉獻明堂一管

Thọ-ca một khúc lạy sân Minh-đường.

國家靈蹟神傳

Nước ta thần thánh hưng vương,

恢恢三百餘年基圖

Ba trăm năm lẻ khôi trương rộng dài.

---

(1) Nghiêm Tử-Lăng không ra làm quan, cần cáu ở Đồng-giang, nghĩa là phù thực cho danh-tiết nhà Hán.

維皇嗣曆握符
Vua ta nối lịch lên ngôi,
茂功盛德蕩乎難名
Công cao đức thịnh dễ hoài phô-trương.
家六合子羣生
Cùng loài sáu cõi trẻ thương,
以恩待士以誠睦隣
Nuôi tài lấy đức giao lân lấy thành.
保之命自天申
Mệnh trời thảy ở tự mình,
天心欲使斯民太平
Lòng trời muốn trị mới sinh thái-bường.
依依海宴河清
Sông trong bể lặng như thường,
光華舜旦平成堯天
Có Ngu Cảnh-Khánh, không Đường [Hoài-tương.
于今三十餘年
Nay ba mươi mốt năm trường,
南天宇宙熙然太和
Trời riêng Dực-Trần cõi thường Ngu [Chu.
攝提月桂生花
Trời trong nguyệt quế hoa thu,
慶祥恰值皇家吉辰
Tường quan-ngày ngặp thiên thu cát [thần.
壽星上應天文
Thiên-văn sao thọ ứng vần,
易開太衍詩陳天章
Dịch năm mươi diễn Thi dâng mấy bài.
紫霞泛泛飈香
Hương đưa giáng tiá xa bay,
瑤樓月裏霓裳雲邊
Trong trăng lầu ngọc bên mây áo hồng.

衣冠虎拜殿前
Mũ đai chầu lạy sân trong.
嵩呼萬歲聲傳者三
Chúc câu vạn tuế tiếng tung ba lần.
皇天眷我皇南
Lòng trời chiều bụng tôn thân,
萱圍又逮珍甘歡承
Thánh-từ lại gặp cam trân vui thờ.
晨昏藕雪桃冰
Trên sao Vương-Mẫu sớm trưa,
九霄寶婺澄澄萬安
Trên sao Vụ chiếu đền thờ vạn-an.
宸顏上對慈顏
Một nhà mừng mặt thừa-hoan,
福東海壽南山一堂
Bể Đông phúc rộng Núi Nam tuổi dài.
敷釐寶詔謄黃
Chiếu vàng ơn khắp trong ngoài,
萬方鼓舞頌長聲聲
Muôn phương khua múa ai ai vui mừng.
小臣暴白獻誠
Tiểu-thần bộc-bạch muôn dâng,
兩間美福衍成十章
Phúc đầy trời đất diễn dâng mười bài:
一章萬壽無疆
Một bài muôn tuổi sống rai,
崇成壽祉康常延禧
Khang-thường đã vậy vả lai thành-sùng.
二章瑞盎慈圍
Hai bài khang kiện từ-cung,
液池色共瑤池長春
Dao-trì với Dịch-trì chung xuân dài.
三章靈貺自甄
Ba bài thiêng đúc nên trai,

美哉麟趾振振呈祥
Như thơ Lân-chỉ ứng người trâu-trân,
四章銀派盛甚
Bốn bài nối-dõi giòng thần,
內磐漢社外強周封
Trong yên ngoài mạnh hơn phần Hán [Chu.
五章岡鳳雝雝
Năm bài phụng gáy cành ngô,
龔黃在郡蘧龍在庭
Tuần-lương người quận Sư-ngu kẻ đình.
六章貞粗貞明
Sáu bài trinh-quán trinh-minh,
四調玉燭三平太階
Đuốc điều tứ-tự sao bình tam-thai.
七章餘力餘財
Bảy bài của rộng sức dài,
飲和食德人皆康平
No say trăm họ ai ai chẳng là.
八章鸞野風清
Tám bài gió mát loan ra,
山狐絕尾海鯨沉鱗
Non vùi đuôi cáo bể sa vảy kình.
九章餌道砭仁
Chín bài mồi thuốc chỉ tình,
殷民向化齊人歸田
Thóc Chu ruộng Lỗ ai tranh cạnh nào.
十章保命自天
Mười bài mình tự trời cao,
鴻圖於萬斯年壽長
Muôn năm Nhà-nước chẳng bao giờ [cùng.
殿前一曲笙簧
Sinh-hoàng một khúc sân rồng,
章章合作壽觴一筵
Bài bài góp để ca-công chúc mừng.

BÀI PHÚ ÔNG ĐỒ NGÔNG

(Của Cụ Yên-Đồ)

Bài này của cụ Tam-Nguyên *làm ra thực, cụ là một bậc lão-thành trong phái nho, cụ lại mang hết cái ngông, cái dở, cái thú, cái buồn của làng nho mà phô-diễn thành một bài văn tuyệt-bút. Khiến cho bọn ta, ngày nay đọc đến hãy còn như thấy trước mặt những cái phong-thái thời xưa, chẳng phải là khoái-lrá lắm rư ? Nhưng các văn cụ người nhớ lại cũng nhiều khi sai, vậy xin cứ sở-kiến thế nào sao thế. Nhờ các bậc hữu-tâm vị tiền nhân mà sửa lại cho đúng, đó là nghĩa-vụ chung của bọn ta vậy.*

* * *

Bốn cọng kê giường, vài chồng cặp sách, cơm trắng canh ngon, ghế cao chiếu sạch, chữ *thánh-phù*, câu *thiên-tích*, chận thau rửa mặt, tầm vào tầm vênh, điếu sứ lòng đòm, cóc cà cóc cách. Thằn Cầu-cậy sôi gà tùy thích, ông đã nên ông ; bụt Nam-sang oản tẻ chẳng từ, khách thời mặc khách.

Nguyên phù thầy đồ giả giả : râu ria nhẵn nhụi, mặt mũi ngông-nghênh, văn pha *Nguyên-mặc*, sách học *Quan-hành*, chạy gạo chạy tiền, thất-điên-

bát-đảo, làm gà làm vịt, tứ-đốm tam-khoanh, số tử-vi *tuần tiệt đương đầu*, qua vòng vận-hạn, đất văn-học *thần đồng phụ nhĩ*, may bước công-danh.

Nhiên nhi : hồn linh tinh quan, khôn nhà dại chợ, chơi đã hay danh, cạnh còn mắc hở ; vài khoa thi hỏng, sót ruột liền cơm, mấy tháng công non, bấm gan thóc nợ. Vách ông Khổng còn hòm khoa-đầu, mở một vài con ; ngõ thầy Nhan treo túi đan-biều, bảo rằng ba đứa. Nón sơn úp ngực, đi liều đi liều, bút thủy cài tai, sớn sơ sớn sở. Nghĩ xềnh nhà ra thất nghiệp, cũng bặt như cuời, e nằm mát ăn bát đầy, ai nuôi không hở ?

Rằng : tôi nhà chủ xin rước thày ngồi ; giầu nước đoạn, rượu chè rồi, bàn tiền đốn, tính cơm nuôi ; chủ rằng đạo thánh là đạo rộng, thày rằng tùy ông còn tùy tôi.

Mặt « chữ điền » vác hẳn lên trên, nết đâu có nết, chiếu « hàm-trượng » vắt ngay ngồi giữa, ngôi đã nên ngôi.

Thầy đồ thầy lề, học trò học troẹt, nghịch như ma, đánh như kẻt ; *bộ Sử-đầu*, pho *Dương-tiết*, mẹo hỏi *lục kỳ*, bài ra *tam-kiệt* ; *đô độ bình chượng ngã, thiết thiết phản nhân thiết*. Chữ tứ-thể lầm vài bốn lối, nét cứng như đanh ; sách thập-khoa quên đủ mười bài, văn giờ nhưng thép.

Mô, tê, răng, rứa ; giã, giả, chi, hồ ; hoặc cầm roi nhi quát tháo, hoặc nghe sách nhi gật gù. *Sử liên ban, sứ tiên cung*, bắt khoan bắt nhặt ; *tiền diệc tặc, hậu diệc tặc*, tiếng nhỏ tiếng to. Nước chè tầu uống một vài hơi, mặt cán tàn chỉ thẳng ; thuốc lá tỉnh hút răm ba điếu, đầu tàn tọng chỉ rũ.

Dĩ nhi : Xem sách xem vẫn, chấm bài chấm đối, lên mặt thầy sồ tựa bằm bầu, bưng mắt chủ khuyên như lời lói. Hạ bút xuống tô tô đậm đậm, mực chắt đen sì ; rở bài ra đọc đọc ngâm ngâm, son hòa đỏ chói. Lương nguyệt-đốn lại nài nhất đệ, bàn mỏng bàn dầy, tiền hương-khoa toan bồ đồng môn, thu chầy thu cối.

Dĩ nhi : khăn bỏ đầu rìu, quần xoay lá toạ, ôm bụng nằm mèo, nhe răng nói quạ ; cầm quyển sách ngủ gà ngủ gật, đầu canh hai đã chực đi nằm, lúc ra ngồi mắt trước mắt sau, cỗ bàn nhất lại toan đánh cả ; cỗ cò ngóng gái, *phụng-thỉnh như lai*, tay vẹt vẽ bùa, *phó lô thiêu hóa*.

Cũng có lúc : việc làng việc họ, về cửa về nhà, bàn giang-đởm, gánh phù-trà, thầy nài nẫm thêm răm tiền nữa, chủ kèo cừ đưa mấy đồng ra. Ruột tượng thắt lưng, nguyên đồ khố dận, khăn tay giắt rốn, rặt giống cau già ; cực nỗi người mặt nước chân mây, miếng cơm chễnh mảng, giở truyện chủ đầu cua tai muỗi, chén rượu khề khà.

Diệc hoặc ; nhân khi nghỉ mát, nhẹ bước thanh nhàn, ả kép ả đầu chi loại, tổ tôm tổ tép chi gian ; bạch-định thập-hồng, chèo đò *Phó-duyệt*, xuyên-tâm thượng-mã, nồi trống *Hà-nam*. Toét mắt được gì đã lờ đờ như mất khố, cúi đầu về thẳng diệc đủng đỉnh như tựu trường.

Đánh trống qua cửa nhà sấm, đem chuông đi đấm nước người, gắt như con khỉ, cười ngỡ đười-ươi. Rượu bứ cung-thang, múa ba hoa chi mép, văn gàn bát sách, rung chữ ngũ chi đùi.

Tốt vậy thay ! Vị nghiễm hương-sư, quyền long giáo-dưỡng ; dở lính dở quan, vừa thầy vừa tráng, ba chìm bảy nổi, ngông dại ngông càn, chín giận mười lành, tất tơ tất tưởi.

Chữ nghĩa sau, công nghĩa trước, há phải rằng là, thôi thì hất nhược. Gạt nước mắt khóc thầm cùng vũ-trụ, trách trời xanh bạn với bút nghiên chi ? Hở hàm răng cười vụng với giang-sơn, đem mặt trắng vẫy vùng sơn phấn nước !

Nỡ trừ cống nhất nhị như lam hề, thường-tân nguyên-đán, nhị tử như bát hề, y-phục công-dung; thầy cậy khôn một ly một tinh, chủ cậy tốn ba cọc ba đồng. . . . .

Vống dào khiêng chấm đất chi lưng, thực đài chửa chú ? Rượu cúc toét cù-lỳ chi miệng, sao láo với ông? Rõ ràng quốc-sĩ, thực đứng anh-hùng[1]. Phù khởi tích-nhật chi đi dạy học giả, diệc bất quá nhất anh đồ ngông giả tai!

Viên tòng nhi ca chi viết :

Ê, thầy đồ chi hữu tác hề,
Khương chữ tốt nhi văn hay.
Truyện Thúy-Kiều kỳ đọc ngược hề,
Kinh Tam-tự kỳ biết ngay.
Thi nhân-chinh ư khuyết-điểm hề,
Chấn thiên-oai ư roi mây.
Ký lễ-sinh chi phát nhược hề,
Thành kỳ-mục chi nan tầy,
Hễ nhà chủ chi có nuôi hề.
Tắc ngất ngưởng nhi vi thầy,
Hễ nhà chủ chi đếch nuôi hề.
Rồi ông xem hồ chúng bay...

HÁT NÓI *(hát ả-đào)*

Hoa-nguyệt

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng, cái nguyệt-hoa là cái não-nùng, người hoa-nguyệt là người phong-nhã. Thảo trước buồm Ngư một lá, động Đào-nguyên vui thú-vị ra vào; cũng có khi Vương-mẫu hiến bàn-đào, đỉnh Vu-giáp chiêu-vân mộ-vũ. *Thiên-thượng nhân-gian tẳng tự thú* 天上人間曾自趣[2], *Nga-my thỏ-phách diệc đồng cư* 蛾眉兔魄亦同居[3]. Chẳng phong-tình ngày tháng cũng là dư, nguyên phú-dữ tự kiền-khôn mới hé; hỏi tố-thư ai khéo vẽ, truyện Bích-câu kỳ-ngộ thực khôn ngoan; cho hay con tạo đa-đoan!

Trời chẳng chiều người

Tạo-vật sinh nhân tùy phú-dữ, kìa tu-mi son-phấn đã an-bài; nầy kia ai khéo giỡ trò cười, đem phong-nhã lộn vào trong Trịnh-nhạc. *Hồng-nhan hữu phận ninh hiềm bạc*, 紅顏有分寧嫌薄[4], *bạch-diện đa tình hảo tá xuân* 白面多情好借春[5]; dưới trăng thanh thấp-thoáng bóng nghê-thường, hồn tài-tử cũng xiêu về cảnh-vật. Nực cười nhẽ hiu-hiu gió hất, nọ phấn-son mà hàn-mặc cũng long hơi; trời sao trời chẳng chiều người!

Tặng đào-nương

Nực cười nhẽ khách trung thị khách, nghĩa tương-phùng đồng-bệnh phải tương-liên, người buồn về phận, người giận về duyên, tài sắc thế mà sao duyên phận thế? Kìa son phấn cũng là tuồng gái, gánh giang-sơn thôi rẫy bắc lại mai đông. Này tu-mi cũng đáng thân trai, nợ liễu chiếu buổi sương thu nỡ hạ. *Ngã vị thành danh nương vị giá* 我未成名娘未嫁[6], *toán lại quân thị bất như nhân* 算來均是不如人[7]; người phong-lưu mà vướng

(1) Đoạn này hình như thày đồ đã đỗ làm quan rồi thì phải.
(2) Nghĩa là ở trên trời và ở dưới nhân-gian, đều có thú riêng cả.
(3) Là nói Hằng-nga với ngọc-thỏ cũng thường ở cùng nhau.
(4) Là nói gái hồng-nhan vẫn đành là phận bạc.
(5) Là nói người học trò mặt trắng đa-tình hay thích chơi xuân.
(6) Nghĩa là: ta chưa đỗ mà nàng thì chưa lấy chồng.
(7) Nghĩa là: tính lại đều không bằng người.

bước phong-trần, thôi nỗi đấy tính đây khôn xiết kể! Này tặng-biệt mấy lời ghi đề, nợ bút nghiên ta quyết trả phen này; chén đưa nhớ bữa hôm nay!

Phận hồng-nhan

Tự cổ hồng-nhan đa bạc phận, buồn cho ai mà lại tiếc cho ai, duyên tơ hồng nguyệt mỉa hoa cười, ngảo-ngán nhẽ đào tiên lân cõi tục. Đã khép gương loan tréo giá ngọc, chi dầu chim thước đỗ cành mai, xuân còn dài duyên phận hãy còn dài, thử đủng-đỉnh để xem cơ tiền-định. Nhắn ông Nguyệt sẵn cầm dây xích, khách giai-nhân xe với khách văn-nhân; vinh-hoa cho bỗ phong-trần!

Chơi xuân kẻo già

Nhật trầm tây lạc thủy đông lưu 日沈西落水東流 (1), *Hoa khai xuân hề diệp lạc thu* 花開春兮葉落秋 (2), lần lữa mãi cũng bạc đầu tráng-sĩ. *Thất thập chu-nhan năng hữu kỷ*, 七十朱顏能有幾 (3), *lão-thành hối bất cập như nhân* 老成悔不及如人 (4), nợ thỉ-cung dan-díu với giang-sơn, thi-tửu vẽ-vời cho tuyết-nguyệt; nữa một mai về làng tuổi tác, cuộc cầm-thi phó trả mặc đương-thì; chơi xuân kẻo hết xuân đi!

Anh-hùng vô-tận

Kỳ phục giã anh-hùng vô-tận, hội phong-vân ngư thủy duyên-hài. Lúc trần-ai ai đã biết ai! *Thời đĩ chi nhân giai vật sắc* 辰已至人皆物色 (5). *Cùng đạt nhất sinh thiên đĩ định*, 窮達一生天已定, *Lý vô trường phú bất trường bần* 理無長富不長貧. Ngán thay Y Lã thị hà nhân, thời vị-ngộ cũng cạnh Sằn điếu Vị (6). Trong thiên-hạ có đôi đường xuất-xử, miễn sao cho tùy nghĩa khuất thân; anh hùng trì-chửa trạch-dân (7)!

Thế-sự

Thế-sự đa như mộng, truyện trăm năm tỉnh giấc nhẫn buồn cười. Gương nhục vinh thiên-cổ vẫn còn soi, đường ngu-trí phải tùy cơ xuất-xử. *Tràng tiếu Lý-Tư xưng hỗn thử* 長笑李斯稱溷鼠 (8), *Mỗi đa Trang-tử dụ hi-ngưu* 每多莊叟喻犧牛 (9); ngắm tóc xanh tới lúc bạc đầu, xem hay dở cũng một tràng bỉ-lỗi. *Thiên-địa cơ giám nhân mạc hội* 天地機械人莫會 (10), *Cô tương tình tính ngụ cầm thi* 姑將情性寓琴詩 (11), chẳng ăn chơi thấm-thoắt trở về già, dẫu vũ-trụ lâu-đài là ảo cả; may gặp lúc ngoài vòng cương-tỏa, chơi cho ran phiếm trúc với dây đàn; ai ôi chớ vội mơ màng!

Trung-thu

Tích niên trung-thu nguyệt 昔年中秋月, *kim niên trung-thu nhân* 今年中秋人, Khắp đâu đâu cũng một lương-thần, cảnh non nước chơi ra càng thấy rộng. *Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng* 今夜月明人盡望 (12), *bất tri thu-tứ tại thùy gia* 不知秋思在誰家 (13), trên Chanh-

---

(1) Mặt trời lặn về tây, nước chảy xuôi về đông.
(2) Hoa nở về mùa xuân, lá rụng về mùa thu.
(3) Bảy mươi tuổi nhan sắc trẻ được là mấy.
(4) Khi già-nua hối hận không bằng người.
(5) Thời đã đến thì tự khắc có người đưa lễ vật và vẽ hình tìm đến để đón rước.
(6) Y-Doãn, Lã-Vọng khi chưa gặp thời cũng còn phải cày ở đất Sằn, câu ở sông Vị.
(7) Nghĩa là làm cho vua được nổi tiếng, dân được nhờ ơn.
(8) Nghĩa là: cười Lý-Tư như con chuột hôi, nghĩa bóng là chỉ biết ra ăn bẩn.
(9) Nghĩa là: Khen Trang-tử ví người ra làm quan như con trâu làm hi-sinh, chỉ trọng lúc đương tế mà thôi.
(10) Sự huyền-cơ trời đất thì người ta không biết được.
(11) Hãy đem cái tình-tính mình mà ngụ chơi ở trong câu thơ ngón đàn.
(12) Tối nay trăng sáng ai ai cũng trông cả.
(13) Không biết cái tình-tứ thu ở nhà ai?

giang tranh vẽ một chòm nhà, dưới Tiên-lãnh gương in và chiếc lá; đã thấu thú thời chơi cho thỏa, mỗi một năm một tháng một đêm thu. Uầy làm sao có chè, có rượu, có đèn cù ? Ở đã đến Trung-thu rứa hử ! Chiều lịch-sự khéo giục người quân-tử, khách phong-tình vui mấy mặt tri-âm ; người này trăng ấy năm năm !

(*Còn nữa*)

THI-VĂN MỚI

Nhân-đỉnh quốc-âm thi-tập

Tự

Nôm rất khó, không tài-tình không biết làm nôm; không nếm trải giang-hồ, luyện nhân-tình thế-cố, lẫn tục-ngữ phương-ngôn, nôm không giỏi; không phong-lưu điển-nhã để tao-nhân mặc-khách đủ nghe, không hí-hước khôi-hài để phụ-nữ nhi-đồng biết thú, nôm không hay. Cho nên nôm mà nôm dễ, nôm mà không nôm khó. Xem các truyện phong-tình cổ-lục diễn-âm như: *Phan-Trần*, *Thúy-Kiều*, *Trinh-phụ-ngâm*, nôm như thế mới gọi là nôm. Mới rồi cụ Tam-nguyên Yên-đổ lại thánh lắm : xuất khẩu thành chương, như không phải nghĩ; xem tập thơ *Quế-sơn* của cụ hay tuyệt thiên-hạ, nếu Nhà-nước mở khoa thi nôm, thời cụ đỗ đến trạng. Tiếc từ khi cụ qui-ẩn, mà thiên-hạ không lại có nôm, không phải là không có nôm, nơi tác-giả cũng nhiều, nhưng không hay bằng cụ, thế thì bảo rằng không có nôm cũng phải.

Tôi từ khoa Hoàng-triều Thành-thái *Đinh-dậu* trở về sau, nợ bút-nghiên đã hai dãn, thời sách vở mao-tắc, và trông chừng học-giới cũng cơ-cơ hồ nôm, ư-thị mới không chơi nghề chữ, mà bắt chước làm nôm, thường lẩm-ngâm rằng :

Trăng thanh gió mát vừa cân thẳng,
Tỏa lợi vòng danh một chén khà !

Lại rằng :

Sự-nghiệp giờ trưa yên giấc-ngủ,
Công-danh buổi sáng ngắm cành hoa.

Đại-suất chỉ như thế với không được như thế, không dám nói rằng biết làm.

Năm *Canh-tuất* niên-hiệu Duy-Tân thứ tư, do châu Phượng-trì Đoài-khê Hương-sư, về làm Tổng-sư Khương-đình tổng nhà, hoặc đôi khi thù-ứng với chư-hiền, hoặc đôi khi tiêu-khiển một vài câu, nhân góp nhặt từ ngày mới tập làm đến giờ, cả thảy được bao nhiêu, chia làm hai tập, gọi là *Nhân-Đỉnh quốc-âm*, để các ngài cao-minh sửa sang lại, bớt cái giại đi là may. Nhược-phù bảo rằng hay, thời sao dám ! Nay tựa.

Năm Khải-định thứ ba (*Mậu-ngọ*)
tháng Quí-thu

Nhân-mục Tú-tài Lê Đình-Huyến

***

THƠ THẤT-NGÔN

Phú-đắc « Đinh đám người mẹ con ta »

Giơ tuồng ai lắm hỡi ai ơi !
Khéo mẹ con ta đám đám người.
Thấy nói tưng-bừng hay lắm vẻ,
Đua nhau bồng-bế khắp đòi nơi.
Tham tiền đảo đĩa nhiều anh mắc,
Thích ý cây đu lắm chị cười.
Nô-nức làm chi cho nắng trẻ,
Rồng mây ta đợi đám ta chơi.

Điệu nội tam thủ (ba bài khóc vợ) (I)

I

Đã rắp cùng nhau tát bể Đông,
Đi đâu sao chẳng rủ nhau cùng ?
Suối vàng trứng nước con mừng mẹ,
Ngày trắng xe mây vợ trước chồng.
Trời đất nỗi chi cơn gió bụi,
Thường-nga nỡ phụ khách non sông !
Với nhau ý cũng toan cùng hố,
Chín chữ cù-lao tính chửa xong.

II

Ăn nghèo cùng tớ bốn năm tròn,
No đói khôn rời dạ sắt son.
Ấn cất ngang mày yên đạo vợ,
Lan dâng dưới gối giốc lòng con.
Công-lênh đâu bỗng tràng xe cát,
Cơ-hội xui nên yến lạc đàn.
Càng nghĩ càng thương người phận bạc,
Số còn hiếm-hỏi tuổi còn son.

III

Hai mươi mốt tuổi cũng là đời,
Má phấn thôi vùi đất khách thôi.
Khôn khéo đem đi ngần ấy hết,
Nhớ thương để lại lúc nào nguôi !
Ngày con sách cũ buồn sinh nhác,
Đêm ngọn đèn khuya đứng lại ngồi.
Tơ ý đứt rồi âu phải nối,
Có thiêng nên mượn kẻ thay lời.

Ký bản-thôn chư quân-tử

Bình-bồng trệnh nhớ cảnh non quê,
Có buổi trông nhau vắc sách về.
Thi-xã một vài anh mặt chén,
Thư-đường rằm bảy cậu răng nghê.
Thuế đinh trừ cả phiên không hỏi,
Bộ giáp lên rồi chạ khỏi thuê.
Ăn trọi với đời mong lũ trẻ,
Tuổi này rắp những mũ ni che.

Họa thơ ông Tú cùng làng bảy mươi tư tuổi tự thọ

(Ông ấy có tật khiêng)

Ông hay hay cả tám nghìn tư,
Sống mãi nên ông biết sự trừ.
Góp truyện văn-minh đầu sẵn hói,
Hỏi đường danh-lợi gót không hư.
Thơ so thánh húng nôm còn giỏi,
Phiện cúng ma men kiết chẳng chừa.
Sống thế mới là văn-mạch thọ,
Kể chi nhân mộc những đồ chơ.

Họa thơ ông « Tú khiêng » yêu phiện ghét phiện

I. *Yêu phiện*

Xe lọ can chi đập vỡ tành,
Chẳng chơi cũng đã tiếng phong-tình.
Ma men giắt lối kề bên tỉnh,
Kiều lẩy đưa hương nhẹ thảy mình.
Còn chán của đời tiêu chẳng hết,
Đã ưa mùi thế xét không kinh.
Yêu thì thỉnh thoảng ta ôn lại,
Chớ để ho hen có lúc sinh.

II. *Ghét phiện*

Chớ để ho hen có lúc sinh,
Phiện kia ai chớ khách tài-tình.
Trước đèn truyện nỡ hơn say gái,
Trên gối nằm xuông bỗng giật mình.
Đương độ phong-lưu nghe cũng thú,
Thấy phường keo cú nghĩ mà kinh.
Ghét thời mặc nó ta đừng mắc,
Xe lọ can chi đập vỡ tành !

(Còn nữa)

Tú-tài Lê Đình-Huyến

記 農 婦 言

Chép lời nói một người nông-phụ

冷 月 窺 壁 虫 鳴 秋

Vừng trăng bạc tiếng trùng văng-vẳng,

攝 衣 穿 履 行 夷 猶

Dạo hiên thu lần bóng canh dài.

遙 望 鄰 家 燈 隙 處

Ngọn đèn thấp-thoáng nhà ai ?

(1) Khi lãnh Toàn Cử-đốc, ở Hương-thực Nội-xá, vợ nhân sản-thương, bị bệnh rồi thác.

有人涕泣聲啾啾
Nỉ non tiếng khóc bên tai gần gần.
行近前來隔窗視
Chạnh lòng khách dời chân thẩm thót,
窗中有婦坐不寐
Cách song xưa thấy một chị nào.
見我深深作一揖
Trông ta khép nép dạy chào,
朱唇未啓淚先墜
Một lời chưa ngỏ đã rào mạch châu.
自云生長富人家
Rằng: « Vẫn gái nhà giàu những thủa,
少年顏色嬌如花
« Áng dong-nhan huê nở cành xuân.
曾向紗窗勻素臉
« Phấn son đặm vẻ thanh-tân,
慣從香閣畫青娥
« Má đào mày liễu mười phân vẹn mười.
嬌容未解東風面
« Khép xuân-tỏa mặc người qua lại,
燕燕鶯鶯春信遠
« Tin én-anh nức nổi xa gần.
富商大賈爭問名
« Biết bao phú-khách thương-nhân,
熱鬧生涯非所願
« Tiền tài khôn buộc mấy phân chung-tình.
長成嫁與農家兒
« Giây tơ đỏ duyên lành gặp gỡ,
夫婦敬愛無相違
« Trai nông-gia xứng chữ hảo-cầu.
薄田數畝桑百株
« Lân la mẫu ruộng vườn dâu,
暮織朝耕聊自怡
« Sớm cày trưa dệt bén mầu nông-tang.

擱却簪釵事荊布
« Gác trâm lược chăm đường kinh-bố,
鏽月耡雲甘作苦
« Những cầy mây cuốc gió tháng ngày.
田園歲月度和平
« Điền-viên khéo hữu-tình thay,
絕勝朱門與紫戶
« Kià ai nhà gấm lầu mây cũng là!
悠悠老天胡不仁
« Nào biết nỗi trời già cay đắng,
暘雨年來太不辰
« Mấy lâu nay mưa nắng bất-thần.
荒旱之後又水潦
« Trước sau hạn lạo mấy lần,
禾黍不登饑饉臻
« Mùa-màng mất sạch nông-dân còn gì.
有人傳說遠蠻方
« Xứ man-lao lần đi chốn hiểm,
工人稀少工價昂
« Ít người làm dễ kiếm tiền công,
良人重利輕離別
« Tiền tài nhẹ gánh tình-chung,
裹飯杖藜行色忙
« Gói cơm nách áo đưa chồng ra đi.
河魚天鴈無消息
« Tin cá nhạn một ngày một vắng,
異地存亡猶未識
« Bóng sâm-thương đeo đẳng vì tình.
煢煢形影兩相依
« Hắt hiu một bóng một mình,
可憐三旬僅九食
« Tay không chưa dễ tìm vành ấm no.
蒲柳餘生能幾何
« Ôi! một kiếp liễu bồ được mấy,

歡會辰少愁別多
« Những khi buồn nào thấy khi vui !
百年志願豈如此
« Trăm năm nào tưởng thế thôi,
沈思無柰涕滂沱
« Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn ! »
我本多愁多恨客
Ta vẫn kẻ nhiều buồn nhiều giận,
忽聞此語重惜惜
Thoạt nghe lời thêm ngẫn ngơ tình.
露重霜寒更復深
Sương mù lạnh lẽo tàn canh,
仰見當天月孤白
Giữa trời trong vắt một vành trăng thu !
墨癡阮輝濕

Mặc-si NGUYỄN HUY-NHU
tự làm bằng chữ nho và tự dịch ra nôm.

Dịch thơ ông Trần Đoàn 陳摶

Thơ tạ vua cho cung-nữ

冰爲肌魄玉爲腮
Vẫn là băng ngọc tiên bồng,
辱荷君王送到來
Ban cho xử-sĩ tạ lòng quân-vương.
處士不知巫峽夢
Non Vu đâu dám mơ màng,
空勞神女下臺陽
Để cho thần-nữ bẽ-bàng đương-gian.

* * *

Dịch thơ ông Tốn-am 遜庵

I

Mong mưa

六月雨苦不足
Khổ vì tháng sáu mưa khan,
五月雨苦有餘
Tháng năm lại khổ chứa chan nước thừa.
玄冥有意無意
Ông Trời có nghĩ hay chưa,
胡不爲人乘除
Sao không san-sẻ cho vừa lòng dân ?

II

Nhớ sách

庭空月炤草花明
Sân hoa vắng vặc trăng thâu,
四壁圖書一樣清
Bốn tường như họa một mầu thanh tân.
恰好人閒秋夜永
Đêm dài được buổi thư nhàn,
緣何不寐到深更
Canh khuya chẳn-chọc vì cơn có gì ?

PHẠM HUY-KỲ.

Xuân-âm

Vì hoa xin mượn bóng xuân-âm,
Thấm thoắt thiều-quang quá nửa tầm.
Trời thấp le-te từng khói nhạt,
Mây lồng man-mát mặt trời râm.
Thềm hoa đỏ trói hương thơm nức,
Ngàn liễu xanh om sắc tối rầm.
Hỏi khách tầm-phương nay thỏa chửa,
Bỗ khi gió bắt lúc mưa cầm.

Xuân-nhật lữ-hoài

Lòng xuân phơi-phới bóng dương tà,
Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa.
Hoa cỏ một trời hiềm đất khách,
Non sông muôn dặm nhớ quê nhà.
Vui chiều xuân ấy toan đề lá,
Gỡ mối sầu riêng gượng ngắm hoa.
Biết ngỏ cùng ai tình cảnh ấy,
Có chăng ta biết một mình ta.

Xuân-dạ lữ-hoài

Xuân ấy vui chung cả một trời,
Sầu xuân riêng để nặng cho ai.
Ngọn đèn tâm-sự khoe cao thấp,
Giấc mộng hương-quan hỏi vắn dài.

Eo-óc canh gà vang trước án,
Râm-ran tiếng ếch gọi bên tai.
Một năm được mấy đêm xuân nhỉ?
Tỉnh dậy chơi xuân kẻo nữa hoài!

Thanh-minh

Hải-đường mơn-mởn mấy cành tơ,
Trong tiết thanh-minh ấm lạnh vừa.
Chín chục xuân này nghe đã muộn,
Đạp-thanh tết ấy gọi từ xưa.
Tìm hoa mấy mặt chừng ngao ngán,
Tảo mộ kìa ai luống ngẩn ngơ.
Hỏi chị em Kiều đâu vắng cả,
Chơi xuân sắm sửa bộ-hành chưa?

Thịnh-hạ

Nung-nấu lò-cừ thổi gió tây,
Nắng hè thôi quá nửa rồi đây.
Xác-sơ minh quốc kêu khan giọng,
Hớn-hở hoa na nở kịp ngày.
Mặt đất rát chân người sợ nắng,
Phương trời mỏi mắt khách mong mây.
Hỏi ai điều-nhiệt âm-dương đấy,
Nắng lửa không bù lúc gió may!

Tết đoan-ngũ

Tục Sở người Nam đã bấy nay,
Đoan-dương là tết tháng năm này.
Ngọn cờ ngải-cứu cheo cao thấp,
Chén rượu sương-bồ chuốc tỉnh say.
Sông Mịch luống thương người bực nước,
Thiên-thai chợt nhớ khách tìm cây.
Một giờ tết ấy vui đàn trẻ,
Nô-nức đeo bùa nhuộm móng tay.

Tàn-hạ

Bước sang tháng sáu mới qua rằm.
Nắng hạ vừa lui quạt bớt cầm.
Ngõ hạnh nghe thưa canh quốc gọi,
Dặm hòe thêm ấm giọng thuyền ngâm.
Hồ Tây gió giục sen khô lá,
Vườn cũ sương xui cúc nảy mầm.
Chén rượu lữ-đình đưa tiễn hạ,
Thương thu tiếng rế dạo cung cầm.

Vũ Tích-Cống

CÂU ĐỐI

Rán nhà ả-đầu

I

Đuốc kia thẹn bóng ghê đầu bạc,
Xuân nọ vì ai rán mặt xanh.

II

Khi cợt tuyết, khi cười hoa, lòng này ai tỏ?
Cho long bồng, cho thủng trống, chơi lấy kẻo hoài!

Rán tì rượu

Chè rượu có ra gì, kẻ khóc, người cười, ai cũng có.
Bạc tiền không sợ thiếu, mua nài, bán ép, hẳn là không.

Rán công-tì thương-cục

Chung lưng mở ngôi hàng, bán Sở, buôn Tần, thu xếp giang-san dầy một túi.
Ra tay chiều lấy khách, ngọn nguồn, chân sóng, dọc ngang trời đất đủ trăm khoanh.

Rán rạp ăn mừng.

Theo lệ làng, mở tiệc trăng thu, dê béo, rượu nồng, đâu dám đua tranh cùng chúng bạn.
Nhờ trời đất, qua cầu bốn chín, hát hay, đàn ngọt, còn nhiều vui vẻ với bà con.

Rán rạp làm ma sống cho bố mẹ

Gọi là một chút ngày nay, cơm hầm canh xuông trông thấy đấy.
Nào biết năm mười năm nữa, rượu nồng hương ngát biết tìm đâu.

Thày đồ rán cảnh

Yêu nước giữ-ràng dây giáo-hóa,
Vì nhà vấn-vít nợ công-danh.

Rán trường học

Chữ nghĩa có là bao, mà dậy học, dậy hành, rồn tính suốt năm năm bẩy tháng.
Sách đèn này đã mấy, cũng thày đồ, thày khóa, ghê thay trần-thế mấy lăm người.

Sư rán cảnh

Cửa Phật từ-bi, bạn với trăng thanh gió mát.
Lòng Thuyền trai-giới, vui cùng mõ sớm chuông trưa.

Rán nhà thày đồ làm nghề phất vàng hồ.

I

Vàng bạc đầy nhà, không sợ túng.
Gió trăng ních túi, chẳng thèm vay.

II

Vàng, bạc chất đầy nhà, nào phải bán, buôn riêng lấy lợi.
Học, hành, theo chính lối, há cầu sang, tiện để mua danh.

Rán nhà hàng xũ

Khách nhớ đến hàng, không nhớ khách.
Ai mua thời bán, chẳng chào ai.

Rán nhà thày thuốc

Hễ có đứt tay mới hay thuốc.
Chớ nên khỏi rên mà quên thày.

Vũ Tích-Cống

ĐỀ TRUYỆN CÁC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

(*Tiếp theo*)

IV

Truyện ông La-Sinh

Ông La-Sinh (Racine) là một nhà văn-sĩ trước-danh bên Pháp sinh trong năm 1639, tính ông thích thơ phú văn-chương vô-cùng. Cải bản-tâm của các cụ thân-sinh ra ông là muốn cho con tương-lai hoặc làm thày-kiện hay làm mục-sư mà ông ham-mê ngâm-vịnh đến thành ra một nhà văn-hào. Khi vua Lộ-dịch thập-tứ (Louis XIV) làm lễ thành-hôn với bà Hoàng-hậu thời ông dâng một bài thơ liên-hoàn (*Ode*) được ngay vua thưởng-tứ cho chung-thân mỗi năm ấn lương là 500 quan tiền. Ông đặt nhiều bản tuồng có người phê-bình khen rằng văn-chương còn nhiều đoạn hay hơn văn ông Cổ-nại-lý (Corneille). Ông Cổ-nại-lý có tài kén vai tuồng, hễ mà là người anh-hùng, thời uy-danh lừng-lẫy, lòng dạ chắc-chắn, mà ông La-Sinh thời những khúc tiêu-tao những lời thánh-thót không ai bằng, đặt ra phần nhiều vụ thiết-thực. Bản tuồng kiệt-tác của ông là «Tranh-tụng» (*Les plaideurs*) thật là tuyệt-diệu. Vua Lộ-dịch thập-tứ yêu ông lắm, ngài phong cho ông làm chức sử-thần (*historiographe*) cũng như ông Boa-lô (Boileau). Vua cho ông được tự-do xuất-nhập các cung-điện không phải theo trong lệ cấm, đãi ông rất là trọng-thể, lúc nào thánh-thể không vui thời gọi ông vào thị-độc sách vở để ngài nghe. Ôi! Cái chánh-thể chuyên-chế nó vùi-dập người tài, sau ông chỉ có làm quyển sách than-thở cho sinh-linh bị trong vòng đồ-thán mà vua chẳng bằng lòng, gọi ông vào ban quở ở dữa triều-đường rằng: «Ngươi La-Sinh đã là văn-sĩ trước-danh, lại còn muốn làm phụ-tướng nữa ư?» Vua lại bảo: «Hễ đã là người trong văn-chương-giới thời không có được can-thiệp đến những việc không phải việc mình». Vì thế mà buồn, rồi thác trong năm 1699.

La-Sinh là bực đại-văn-nhân,
Nhờ cái từ-chương được sủng-thần.
Một tấm lòng ngay vua chẳng xét,
Trăm buồn nghìn bực tiếc gì thân!

V

Ông Ba-sĩ-căn

Ông Ba-sĩ-căn (Blaise Pascal) sinh trong năm 1623, thông-minh từ thủa còn bé, chưa bao nhiêu tuổi mà đã giỏi tinh. Năm 12 tuổi chẳng có thầy dạy, không có xem sách vở bao giờ cả, mà tự mình ngồi phát-minh ra được nhiều cái nguyên-lý về phép kỷ-hà-học (*géométrie*). Năm 16 tuổi đã làm một quyển sách bằng chữ La-tinh; thật là một bậc kỳ-đồng. Cụ-ông sinh ra ông thấy cái thiên-tư ông sớm thông minh như thế cũng không dám vui mừng, rất là lo-sợ, cụ mới kiếm cách làm cho ông bớt sự hiếu-học đi cho đỡ hao-tổn tinh-thần. Nhân vì thế mà ông Ba-sĩ-căn mới lãng-du một độ, suýt nữa thời bỏ tính-mệnh vì sự chẳng may. Sau ông ẩn mình trong nhà tu « Port-Royal » để tính những sự thiện-đức cho người. Ông ở trong nhà tu có làm quyển sách chủ-ý để mà châm-chích những người đi tu không thành, thiên-hạ nhiều người thất-ý mà hay dị-nghị ông. Cái văn-bút của ông thời dản-ước, tinh-diệu, lời-lẽ gọt-chuốt vắn-tắt, lại nhiều câu chào-phủng đắng cay, cách nói hùng-tráng lạ thường, các bực cổ-nhân chưa từng ai có được như thế, bởi thế mà văn ông còn mãi nghìn thu, người đời nay ai người cũng thích. Ông đương soạn một quyển sách về đạo Thiên-chúa mà đã phải lỵ-trần. Năm ấy là năm 1662 mà ông mới 39 tuổi. Người sau tìm trong những tập bút-ký của ông có những đoạn tư-tưởng còn vụn-vặt đem in ra thời nhiều câu hay lạ-lùng.

Thông-minh từ thủa bé,
Tư-tưởng cao đáo-để.
Không từng học kỷ-hà,
Cũng tìm ra cỗi rễ.
Mới mười sáu tuổi đầu,
Văn-chương đã hành-thế.
Sách vở truyền nghìn thu,
Người sau phục vô-kể.
Chính thực bậc thiên-tài,
Người thường học hỏ-dễ.
Lúc ông biệt cõi trần,
Mới ba mươi tuổi lẻ!
Tạo-hóa khéo ghen tài,
Thương thay, người tuổi trẻ!

VI

Ông Bốc-sĩ-uy

Ông Bốc-sĩ-uy (Bossuet) sinh trong năm 1627 ở thành Đa-dong (Dijon), làm giám-mục, dạy con vua Lộ-dịch thập-tứ (Louis XIV). Ông tài cao trí lớn khiến cho người đời yêu chuộng gọi ông là « con phượng thành Mô » (*l'aigle de Meaux*). Ông làm quan trong sử-quán, công trước-tác về lịch-sử của ông rất to. Ông làm thầy dạy cách-vật, thầy dạy lý-đoán, thầy dạy giảng-luận. Những bài ông thảo ra đọc ở giáo-đường không kém gì các bậc cổ-nhân. Ông có tài viết những bài chúc-từ tổng-chung (tức như văn-tế mộ) rất là hay.

Để ở Đa-dong làm giám-mục,
Tài cao trí lớn thiên-hạ phục.
Làm quan sử-quán lại làm thầy,
Cách-trí văn-chương tinh mọi học.
Bút-lực hùng-hồn lý-đoán cao,
Hay nhất văn-tế và bài chúc.
Nhiệt-thành với đạo, dạy con vua,
Ai đọc văn ông cũng cảm-xúc.
Tiếng thơm muôn thủa hãy còn dài,
Không phải chỉ vinh trong một lúc.
Ai ơi, tu thế mới là tu,
Kìa lũ sư-mô vô-giáo-dục!

Thụy-Châu.

VĂN XUÔI

Khen, chê

Vừa ý nhau thì khen mà không vừa ý nhau thì chê; yêu nhau thì khen mà ghét nhau thì chê. Được một tiếng khen thì nở mũi tươi cười mà phải một tiếng chê thì châu mày ủ rột, là cái lẽ tất-nhiên của nhân-tình. Khen cũng nhiều thứ khen, mà chê cũng lắm thứ chê; có khi khen mà khen chê, lại có khi chê mà chê khen, là con đường lắt-léo của thế-cố. Khen đánh bài nhanh, khen cầm chầu giỏi, cũng là câu khen mà nên run, nên sợ, nên nhắm mắt mau chân mà xa lánh. Chê bài luận vụng, chê câu văn cùn, cũng là câu chê mà lại vui, lại mừng, lại dơ tay đứng giậy mà hoan-nghênh.

Thế mà lắm kẻ thấy có người khen là đánh bài nhanh lại lên mặt với người không thạo, thấy khen là cầm chầu giỏi lại làm bộ với bạn làng chơi; như thế chẳng là lầm lắm ru?

Lại có người thấy ai chê là làm luận dở thì đỏ mặt với bạn nói ngay; thấy chê là viết câu văn cùn thì chau mày cùng người bảo thẳng, như thế cũng lại chẳng là lầm lắm ru?

Được một tiếng khen thì nở mũi tươi cười, đã chắc gì cái khen ấy là khen phải khen hay, chưa chi đã vội tươi cười, rõ thật tươi cười bố phượu!

Phải một tiếng chê thì chau mày ủ-rột, đã chắc gì cái chê ấy là chê giại chê ngu, chưa chi đã mau ủ-rột, khéo thay ủ-rột vu-vơ!

Biết đâu rằng khen là khen phỉnh khen vờ, khen mai khen mỉa, để mà bòn tài bòn lực của nhau, đưa nhau vào chốn tối-tăm u-ám, hang rắn miệng hầm; mà chê kia lại là chê yêu chê sót, chê mến chê thương, để mà rửa tâm rèn chí cho nhau, đem nhau vào nơi rực-rỡ rỡ-ràng, lầu son gác tía.

Cho nên, làm trái rỡ-ràng, lại có người khen, biết rằng làm trái khen cũng chớ thây, hơi đâu vui câu phỉnh hão; mà làm phải mười-mươi, lại có kẻ chê, biết rằng làm phải, chê cũng không cần, việc gì mà giận người dưng. Nên cho rằng mỗi người một ý!

Kìa như ai đơn-sơ vải gốc nâu sòng, tương rưa rau muối, áo mộc giầy thường, dương ô cuốc bộ, vị-tất ai cũng chê, không khéo lại khen là xuềnh-xoàng mộc-mạc chém to kho rừ. Mà lại, kìa như ai ngông-nghênh vóc nhiễu lụa là, dò nem chả-mọc, ba-toong giầy két, vểnh mặt cao-xu, vị tất ai cũng khen, không kheo lại chê là mầu mỡ riêu cua, chàng-màng nước cáy.

Nghĩ trò đời thực lắm khen chê. Đã khen thì nào khen giấu, khen có, khen đẹp, khen xinh, khen cả cách ăn, lối mặc; mà đã chê thì nào chê nghèo, chê khó, chê xấu chê xa, chê cả bộ ngồi giáng đứng. Rõ thật là «yêu nhau yêu cả đường đi, mà ghét nhau ghét cả tôn-chi họ hàng».

Nhưng mà thế-gian chê lắm thì lại khen nhiều, mà khen lắm ắt rồi chê cũng lắm, cho nên người quân-tử cứ đường thẳng mà làm, tùy sức mình mà ở, mắc quách cái nhỏ nhặt khen chê!

Than ôi! khen khen chê chê, không ai bưng được miệng thế, mà vui vui buồn buồn vẫn chỉ tại bụng người. Vậy thì đem thân chót vướng nợ đời, khen chê bao quản miệng người thế-gian, ai ơi!

NGUYỄN KHẮC-HANH

Lòng yêu nước

Người ta ai là chẳng «yêu mình». Bởi cái lòng yêu mình mà muốn cho mình được lợi. Cái lòng yêu mình ấy thực

là tự-nhiên mà phát ra. Bẩm-sinh trời đã phó cho loài người ta ai ai cũng có sẵn một lòng tự-ái ; dầu đế-vương, hào-kiệt, thánh-triết, hiền-tài đến bậc nào cũng do lòng ái-kỷ mới ra bụng ái-tha vậy.

Song le, ta sinh ra ở đời không có phải đứng một mình trong thế-giới được, phụ vào mình ta, ta đã có những người thân : nào cha mẹ, nào anh em, nào vợ con, nào chú bác. Do đó mà thành ra có gia-tộc, có ân-tình, cái lý ta phải mến yêu tất cả. Ta mến yêu người trong nhà trong họ ta thời há ta lại không đem cái lòng muốn cho cả cha mẹ, anh em, vợ con, chú bác được lợi ư ?

Một gia-tộc ta cũng không sao mà trơ-vơ có một ở trong thế-giới được, phụ vào gia-tộc ta thì có những gia-tộc khác cũng sinh-trưởng với ta một nơi một xứ, đối với ta rất có thâm-tình : nào chỗ tương-tri, nào người tương-thức, cùng nhau âu-yếm, khuyên nhau điều hay, chữa nhau sự giỏi, cái nghĩa ta phải thân yêu như mọi người trong gia-tộc nhà ta.

Vậy thân mình thời dựa vào gia-tộc, gia-tộc dựa vào nhau thành ra các đoàn-thể lớn, họp các đoàn-thể lớn thành ra các đoàn-thể lớn nữa, họp các đoàn-thể lớn nữa ấy thành ra một cái đoàn-thể thật là to lớn bền chặt vô-cùng. — Nói cho rõ nghĩa thời là họp người thành nhà, họp nhà thành làng, họp làng thành tỉnh, họp tỉnh thành nước, nước ấy là một chốn ta gửi mình cùng với mọi người như ta vậy. — Cái đoàn-thể ấy gọi là dân-tộc, lập ra chánh-phủ để thống-hạt lấy, khiến cho mọi người được vào trong một cái trật-tự rất có kỷ-luật, gọi là Quốc-gia. Ấy Quốc-gia tức là một cái đại-tụ-hội của mọi người gọi là quốc-dân vậy.

Quốc-dân đối với quốc-dân phải yêu mến nhau cũng như người trong một gia-tộc. Gặp khi một người bị kẻ khác tổn-thiệt hay nhỡ phải tai vạ thời ta phải hết sức mà cứu giúp nhau, coi như là ruột thịt mới được. Điều đó là điều nghĩa, sự yêu nhau là ở trong điều nghĩa vậy.

Quốc-dân cùng nhau nói một thứ tiếng, cùng theo một phong-tục, cùng thờ chung một cuốn lịch-sử, thời khác nào là con một nhà, bởi vậy mới gọi là « đồng-bào ». Đã là đồng-bào thời sao lại nỡ phi-hoài nhau cho đang.

Hiểu lẽ đó thời ta phải yêu nước như yêu nhà, yêu người nước như yêu mình. Cái xấu của quốc-gia tức là cái xấu của gia-tộc mình vậy. Cái tệ của đồng-bào tức là cái tệ của thân mình vậy. Ta còn một ngày ở đời thời ta phải chuyên-chú vào việc quốc-gia, đồng-bào, không hề lúc nào là ta biếng nhác. Ta phải lấy cái lòng yêu mình, yêu nhà mà ta yêu nước, mong cho nước ta có lợi cũng như mong cho nhà ta có lợi, vì lợi cho nước ta tức là lợi cho nhà ta với lại mình ta.

Nước thời nhờ có dân mới nên dân thời nhờ có nước mới còn. Dân với nước, nước với dân, không có bao giờ dời nhau ra được, chẳng lẽ nào dân tan mà nước lại còn, nước nát mà dân lại vững, cho nên nước lấy giữ-gìn dân làm đầu. Vậy nay ta yêu-mến nước thời làm thế nào ? Trước hết ta phải biết yêu mến lấy người trong nước, đừng nên xâu-xé lẫn nhau ; chớ có hại nhau để mong lợi. Bởi vì người đồng-bào mình mà thiệt thời cái thiệt ấy chắc đến thân mình. Ta đừng tưởng người trong nước mình khốn-khổ mà cái khốn-khổ ấy không quan-ngại gì đến ta đâu.

Bổn-phận làm dân, khi trong nước có binh-nhung loạn-lạc, thời phải nức cái chí mãnh-liệt dũng-tráng để vì nước chống-chỏi, coi tính-mạng mình nhẹ tựa lông hồng, đó là lòng ái-quốc trong cơn chiến-trận. Cần học-vấn cho tăng-tiến, cần chức-nghiệp cho phát-đạt, xử mình cho tròn nhân-cách, đừng làm gì

mang tiếng mang tai, đãi người cho hết thành-tâm, phải ăn ở có nhân có nghĩa, cùng nhau đồng-tâm hiệp-lực để mà chấn-hưng các điều công-ích, giữ lấy lợi-quyền nước mình đừng có để cho người choán mất, đó là lòng ái-quốc trong lúc bình-yên. Ôi! trong hai điều ấy, vi bằng thiếu một thời sơn-hà dù tốt cũng chẳng mong gì, vật-sản dẫu nhiều cũng không đủ chắc. Thế cho nên làm dân phải có lòng yêu nước vậy.

Song, yêu nước thời phải đem cái chí ôn-hòa, dùng cái chước thận-trọng, hết cái bổn-phận làm dân, đừng có gây cho nước những nỗi oan-khiên, những đường thống-khổ, khiến cho non sông hoa cỏ thêm sầu thêm thương.

Ấy ai trong họ Hồng-Bàng,
Có lòng yêu nước xin thường nghĩ cho.
Việt-Nam nhà bốn nghìn thu,
Được thầy Đại-Pháp bây giờ dạy khôn.
Hiện nay hồn đã tỉnh hồn,
Con đường tiến-hóa hãy còn dài lâu.
Nhờ ơn Bảo-hộ đỡ đầu,
Rồi ra sánh với Mỹ Âu có ngày.
Hãi xin yêu mến nước này!

MÂN-CHÂU

Bôn-ba nhớ cảnh quê nhà

Sực nhớ cảnh quê nhà,
Cảm nỗi mình bôn-ba,
Mượn bút giải lòng nhớ,
Mây hàng rạng núi xa.

Mỗi năm một lần được về thăm quê, mỗi năm một lần được cùng cảnh họp, trong ít ngày lại phải biệt nhau! Quê còn, cảnh ở, người đi; lại đến năm sau mới gặp. Ôi! làng chơi quán mẹ, ai là người xa-cách chẳng nhớ-nhung!

Kể từ lúc lọt đầu oe khóc, đem cái thân bầy thước này ra đời, sinh được ở nơi cảnh đẹp, lòng cũng quyến-luyến cảnh muốn cùng xum-họp luôn-luôn. Song, cuộc-đời như gió thổi, như sóng dồn, như mây bay, như chớp nhoáng, biến-chuyển lạ thường; hết thảy người trong thế-gian ngày nay đều xô-đẩy cả nhau vào trường tranh-cạnh, ai ai cũng nhiệt-tâm tiến-thủ để cùng nhau cầu cái hạnh-phúc văn-minh. Nào có còn ai là người tiêu-diêu tự-tại, phóng-khoáng ra ngoài đào-trú, lâng-lâng chẳng bợn chút trần-ai? Cho nên người thành xa cảnh mà vẫy-vùng đông, bắc, nam, đoài. Nay ký-ngụ ở chốn Trường-an, gửi mình vào trong làng ngôn-luận; những khi án sách ngọn đèn, đêm thanh tiếng dế; những cơn lá rụng chim kêu, mưa dầm gió bấc, cùng là những lúc non Tây ác xế, phương Đông thỏ ra; quê người đất nước, nghĩ đến cảnh nhà lúc nào tưởng-nhớ vô-cùng!

Kìa cái dẫy núi xanh quanh-quất, thợ tạo-hóa đã xây nên bằng những hòn đá lởm-lăo chơm-chởm, từ chân lên sườn, từ sườn lên ngọn, cây cằn cội cọc mọc lơ-thơ, bùi cỏ bụi dây chen rậm-rạp; nào củ mài, nào vỏ quạch, nào rồng-rồng sang-sẻ, nào rau sắng, hồng-bì; nào những gốc mai, mầu hoa hồng trắng, vị quả ngọt chua, gỗ nấu nước uống thơm-thơm lạ!

Kìa những quả đồi nho-nhỏ, những hòn núi cỏn-con, mọc lác-đác ở trong khoảnh ruộng chiêm, mùa mạ tốt xanh om, lúc bỏ nước trắng xóa, mông-mênh không biết đâu bờ!

Kìa những hang sâu suối thẳm, nào động Thanh-sơn, động Hương-đài, nào động Long-vân, động Hương-tích, nào suối Thiên-trù, nào suối Giải-oan, danh-thắng đã lừng trời Nam-Việt!

Kìa những cánh đồng mầu, nào các thức ngô, nào các thức đậu, nào các thức khoai, nào các thức rau; vui thay! những người làm ăn đông-đúc đi lại gánh-gồng.

Kìa trong đám dâu xanh lá non mơn-mởn, những người đàn-bà con gái, lớn bé trẻ già, tay khoác cái dành, tay cầm

cái dẫy, cũng nhau làm cỏ hái lá, mong cho tằm được tốt để nhiều tơ ; mà những giọng hát véo-von trong như tiếng hạc kêu khuya giữa trời của những người con gái hiền-lành ca những câu phong-dao đời cổ, xui người lại nhớ tục ngày xưa !

Kìa con sông Đào con sông Hát hai con nối lại một giòng, thuyền buôn thấp-thoáng, thuyền cá lênh-đênh, đêm thanh trăng sáng bóng lồng đáy nước tựa gương in !

Kìa những làng xóm san-sát biết bao nhà tranh nhà ngói, trong đó có trăm nghìn dân trung-hậu thuần-lương; nào cha mẹ, nào anh em, nào bạn-bầu thân-thích, nào phe-giáp hội-hè, nào kẻ ân-tình, nào người đạo-nghĩa !

Kìa những nơi chùa thờ Phật, những nơi đình thờ Thần, những nơi văn-tường thờ đức Khổng, cái hồn tổ-tiên còn phảng-phất, dẫu có vì phong-tục hủ-bại, thời-đại canh-trương, mà con hiền cháu thảo vẫn còn giữ được cái tâm-tính, cái lễ-nghĩa xưa để làm quốc-túy !

Kìa những chốn tha-ma, những nơi nghĩa-địa mà tổ-tiên yên nằm giấc ngủ nghìn năm !

Kìa những chỗ chợ Mơ, chợ Đục, mà người thổ-trước cùng nhau giao-dịch !

Ôi ! cảnh bao vẻ đẹp, quê bao thú vui ! Trong khi lòng tiến-thủ hăng-hái, khí cạnh-tranh nồng-nàn, mà nghĩ đến cảnh đến quê, thời hình như quên hẳn hiện-tượng của mình mà chỉ mơ-màng sao được chốn cha mẹ anh em trong gia-đình, cùng họ-hàng xóm-mạc trong hương-đảng, đem câu ân-ái ra diễn-giải, lấy lời thủy-chung ra khuyên-răn, giữ lấy cái nền chất-phác ngày xưa mà chăm-chút sự làm ăn, dù cơm gạo chiêm đỏ, củ khoai lang hà, hay bắp ngô nếp, bó đỗ nành, con rộng nồi ươm, cá hang trong núi, cũng sung cũng sướng vô-ngần. Con người ta thỉnh-thoảng cũng phải đem mình vào cái thế-giới ở ngoài thế-giới, để mà nuôi lấy cái chất cao-thượng thời ta vào chơi Thiên-trù, lên chơi Tiên-động, đem theo quyển sách tập văn đi tìm chốn ngồi xem ; ngủ lại đêm ở chùa mà nghe tiếng mõ tụng kinh tiếng chuông niệm Phật, tiếng vợ chồng con chim cầm canh lóc-cóc ở rừng bên ; để cho hồn được thanh, lòng được sạch, mình theo tưởng-tượng mà ra ngoài cõi tục, tự-do ở khoảng vô-cực vô-nhai. Hễ gặp ngày hè thời sang núi Non-tiên vào chùa Bảo-đài, khi đứng xem bác ngư-phủ thả thuyền chài buông câu cất vẹ, cùng nhau chuyện cá chuyện cua ; khi đứng xem anh tiều-phu, cô thiếu-thán, vác củi gánh than, cùng nhau hát đúm hát rô, để mơ-hồ những sự cao-xa huyền-bí. Ấy lúc nghĩ lại thời như thế, mà nghĩ đi thời hai vai còn nặng gánh giang-sơn, bôn-ba là cái việc mình phải vậy. Thôi, nhớ cảnh vài lời chúc cảnh : núi nọ cứ cao, sông kia đừng cạn, ruộng lúa mầu xanh, đồng xâu lá rậm, cỏ cây tươi-tốt, hoa quả hẳng-hà, người khôn của thịnh, chùa chiền đình miếu nghi-ngút khói nhang !

HỘI-NHÂN

DƯ-LUẬN-CHUNG

Mục « Dư-luận chung » để đăng những bài nghị-luận phổ-thông của các bạn đọc báo lại-cảo. Những ý-kiến trong các bài ấy, bản-báo không giữ trách-nhiệm; bài nào đã có tác-giả đứng tên.

N. P.

I

Nói về cái giây thân-ái của người nước Nam đối với người Đại-Pháp

Trời sinh ra mấy triệu con người ở trong vòng tạo-hóa, mỗi người có hình-thể riêng, như loài vàng, loài trắng, giống đen, giống đỏ, không ai giống ai, lại sinh ra một cái tình-tình chung, như nhiệt-thành, trung-ái, liên-lạc, cố-kết, ai cũng một lòng, nhưng cái hình-thể riêng thì mắt ai cũng trông thấy, phân-biệt ngay ra được, mà cái tình-tình chung, mắt không trông thấy được, nó cứ tự-nhiên dài rằng-rặc, mà ràng-buộc lấy nhau, ấy cái đó gọi là giây thân-ái.

Cái giây thân-ái ấy không có thể lấy cưỡng-bách mà chắp nối được, cũng không có thể lấy cường-quyền mà co rút được, thế thì nó ở đâu mà ra, nó ở trong lòng yêu mến, lòng cảm-mộ của người ta mà sinh ra vậy. Không thể lấy cưỡng-bách cường-quyền mà chắp nối cái giây ấy được, thì có cái gì làm thiết-chứng được không? Xem như người nước Nam ta, con rồng cháu tiên, hơn hai mươi bốn triệu người, từ đời Hồng-bàng cho đến triều nhà Đinh, trải biết bao nhiêu là đời nội-thuộc, người Tàu đem văn-minh sang khai-hóa cho nước ta, thì người nước ta cũng đã lấy làm phục-tòng mà cảm-mộ, chỉ vì những quan-lại tham-tàn, như lũ người Tô-Định đem lòng hà-hiếp, làm tàn-ngược dân cho nên cái giây cố-kết lại đứt ngay, người Tàu không thể nào chắp nối được nữa; thế có phải không có thể lấy cường-quyền cưỡng-bách mà se nên được giây ấy không?

Thế thì se nên được giây ấy là ai? Chỉ có nước Đại-Pháp nhân-từ quảng-đại muốn cho loài người cùng hóa, là khiến cho người An-nam cố-kết được giây thân-ái mà thôi, mà cái sự hiển-nhiên ấy thực có thiết-chứng, muôn triệu người cùng biết, chớ không phải là nói mộng-tưởng hư-không đâu.

Muốn xét cho cùng cái giây thân-ái ấy thì phải lần mối từ đầu. Kể từ đức Gia-long triệu-cơ ở đất Nam-kỳ, chống cự với Tây-sơn đương buổi quốc-bộ gian-nan, thực là nhiều nỗi khó-khăn, khi bạt ra cù-lao nọ, khi giạt vào hải-đảo kia, may sao cũng là lòng trời xui ngài kết-thân với ông Bách-đa-lộc (Mgr de Béhaine, évêque d'Adran), cậy ông ấy đem Hoàng-tử Cảnh sang nước Pháp, để cầu cứu-viện, cứ kể như nước khác xa cách thiên-sơn vạn-thủy như thế, ai tội gì đi giúp người ngoài, thế mà nước Pháp thật là quảng-đại sai ngay ông Nguyễn Văn-Thắng (Despiau) ông Nguyễn Văn-Chấn (Vannier) đem quân sang giúp, nào cấp cho thuyền, súng, nào cấp cho quân lính, đức Gia-long cũng nhờ nước Pháp mà trừ được loạn Tây-sơn, dựng được nền nhân-thánh, dòng-rõi Lạc-long lại được vẻ-vang; ấy cái đầu giây thân-ái thò mối ra từ đấy vậy.

Cái giây ấy đã thò mối ra, nên về sau càng dài mãi mãi, bắt đầu từ năm 1863 đức Dực-tôn sai ông Phan Thanh-Giản sang ký tờ hòa-ước, nhượng ba tỉnh đất Nam-kỳ, cho đến năm 1884 đức Hiệp-hòa sai ông Trần Đình-Túc và ông Nguyễn Trọng-Hợp ký tờ hòa-ước với quan Toàn-quyền Harmand, từ bấy giờ nước Pháp thực nhận nước Nam ta là nước bảo-hộ.

Nghĩa-vụ các nước Âu-châu đối với các nước thuộc-địa chỉ cốt lấy khai-hóa làm mục-đích, mà nước Đại-Pháp lại nhiệt-thành hơn các nước, cho nên không quản khó nhọc, không tiếc công của, cố đem sợi văn-minh sang thêu-dệt cho nước Việt-Nam, nào là học-thuật, nào là kỹ-nghệ, nào là chính-trị, nào là canh-nông, dẫu trình-độ dân ta chưa có thể dạy được đến bậc trung-đẳng cao-đẳng, nhưng việc gì cũng

dần-bảo dần dần, xem như việc học-thuật dẫu chưa cùng xét được thiên-văn địa-lý, nhưng cũng đã biết tự-tưởng thực-dụng, chớ không còn mê-muội cái hủ-văn. Kỹ-nghệ dẫu chưa chế được vật-liệu, chưa làm được máy-móc nhưng cũng đã hiểu cái lẽ chế-tạo, biết được vật-chất, chớ không còn u-mê như đêm tối, cho đến việc buôn-bán, việc canh-nông cũng vậy, dẫu chưa có cờ thông-thương phấp-phới các phụ-đầu, máy cầy-cấy giọc-ngang trong cõi đất, nhưng những sản-vật xuất-cảng nhập-cảng cũng đã vơ-vét được của ngoại-dương, cầu cống mở cạn tháo đầy cũng đã tiện-lợi cho nhà canh-giá, cái khôn khéo so với ngày xưa tiến-bộ biết là chừng nào ! Không những sự ấy, lại còn ăn được no lòng, ngủ được yên giấc, thế thì ai là lòng sắt lòng đá mà chẳng biết cảm-mộ, khắp trong nước ai cũng có lòng cảm-mộ, thì khắp trong nước ai cũng có cái cảm-tình ; nhưng từ năm 1914 trở về trước cái giấy thân-ái còn ngấm-ngầm ở trong lòng người ta, chưa ai biết, từ lúc có việc chiến-tranh đến giờ cái giấy ấy thật hiển-nhiên ra.

Xem như bên Đại-Pháp biết bao nhiêu là tướng tài quân mạnh, lại thêm những các nước liệt-cường vào đồng-minh, còn phải cần dùng gì đến người nước ta, thế mà Nhà-nước mới hạ-lệnh trong có mấy hôm, mà đã có đến ba mươi vạn con nhà Việt-Nam cùng thỏa lòng đem xương trắng máu đào sang góp với người Đại-Pháp, xung-đột cõi chiến-tràng để cố trừ giặc giã-man.

Bên Đại-Pháp biết bao nhiêu núi vàng bể bạc, lại thêm của-cải tích-trữ đã lâu, thế thì còn cần gì tiền nước Nam, thế mà Nhà-nước mới bán giấy quốc-thái trong có một hạn con, mà đã 15, 16 triệu tiền của Việt-Nam cùng đua nhau kẻ Nam người Bắc đem đổ vào kho, để giúp bên Mẫu-quốc. Không những thế, lại còn chỗ thì lập hội quyên tiền để giúp cho chiến-sĩ, chỗ thì dủ nhau đánh phiếu để nuôi kẻ bị thương, lòng thân-ái người Đại-pháp như bố con anh em trong một làng liên-lạc với nhau. Song cuộc chiến-tranh này trở về sau, giây thân-ái chắc mỗi ngày một cố-kết, mỗi ngày một ràng buộc, giắt nhau lên cõi văn-minh, kéo nhau lên chốn vũ-đài, co nhau vào cuộc phú-cường, vẻ-vang trên mặt địa-cầu, cũng nhờ cái giây ấy !

II

Việc chiến-tranh gớm-ghê này là cuộc tiến-hóa cho nhân-quần

Không có một trận gió rất to-lớn thì không-khí sao cho trong sạch được ; không có đám lửa rất mãnh-liệt thì rừng rậm sao cho quang-đãng được ; gió to dẫu có đổ cửa đổ nhà, nhưng bao nhiêu ác-khí độc-khí tống đi hết, lửa lớn dẫu tan đá sém ngọc, nhưng bao nhiêu gai góc, rắn rết biến đi hết ; khí độc ác đã trừ, loài độc ác đã hết, thì trong bầu trời này trắng như ngà trong như ngọc, có khác gì một chốn quỳnh-cung dao-đài, dần dần hóa nên một cõi tiên-cung không ?

Khuôn Tạo-hóa đúc ra muôn vật, không phải là không muốn cho cùng một loài thông-minh, cùng một giống lương-thiện, để cùng hưởng phúc thanh-nhàn, chỉ ngặt vì có trọc-khí, cho nên những loài được thanh-khí chính-khí, thì có phẩm-cách mà nhân-từ ; những loài được tà-khí trọc-khí thì phải dã-man mà độc-ác, có thể nào đứng với nhau được mãi. Vậy sinh ra phải cạnh-tranh, tranh học-thuật, tranh kỹ-nghệ, tranh lợi-quyền, hễ khi nào gặp phải sinh ra chiến-đấu, nhưng dẫu tranh-chiến kinh-thiên động-địa đến đâu nữa, cái loài độc-ác cũng không sao trốn ở trong cái máy lọc-sàng tự-nhiên của Tạo-hóa được.

Xem như bên Âu-châu từ thế-kỷ thứ 17, 18 trở về trước dẫu có vua hiền chính giỏi, nhưng nhân-quần vẫn hưa tiến-hóa được, cũng có lúc lấy thế-lực mà đè-nén nhau, cũng có lúc lấy cường-quyền mà áp-chế nhau, từ khi nước Pháp có Cách-mệnh nổi lên, lại nối đến ông Nã-phá-luân, trong buổi chiến-trận lúc bấy giờ, máu chảy thành sông, xương trất thành núi, khắp cả trong cõi Âu-châu cũng như là một vận kiếp-hôi vậy; từ bấy giờ trở đi các nước châu Âu đều chịu cái ảnh-hưởng ấy mà biến đổi cả đi, nào là dân-chủ, quân-dân công-chủ, nào là nghị-viện, thượng-hạ nghị-viện, cho đến nông-chiến, thương-chiến, công-chiến, cùng ganh đua nhau giữ quyền tự-do, dựng nền công-lý, đuốc văn-minh càng dần-dần sáng rực chốn vũ-đài.

Bên Á-châu từ cuối đời Xuân-thu Chiến-quốc trở về trước, dẫu cũng có thánh-nho hiền-sĩ, nhưng kỷ-cương còn bại-hoại lắm, phong-tục thì biến-cải, nhân-dân thì suy-đồi, từ khi nhà Tần có vua Thủy-hoàng nhất-thống, lại nối đến vua Hán-Cao đương buổi trục-lộc bấy giờ, long trời lở đất, sông cạn núi tan, khắp cả nửa cõi Á-đông như là một bể nước sôi vậy. Từ đó trở đi các đời truyền-nối đều theo cái dòng văn-minh ấy mà tiến-bộ lên, nào là chính-trị hình-luật, nào là lễ-nhạc văn-chương, cho đến sĩ-phái, thương-phái, công-phái cùng ganh cạnh nhau lên đường cấp-túc, hưởng cuộc thăng-bình; gương bình-trị cũng đã tỏ nền vương-thánh.

Ấy cái bức tranh tiến-hóa của hai châu như thế mới tỏ rằng mỗi trải một cuộc tranh-chiến là một cuộc mở-mang, lấy việc đã qua mà nghiệm việc về sau, thì cái việc chiến-tranh kinh-thiên động-địa này chẳng là một cuộc tiến-hóa cho nhân-quần ư?

Sau cuộc chiến-tranh mà khắp các nước Âu-châu tiến-hóa thì đã rõ ràng như nhật như nguyệt rồi, không phải nói mà ai cũng biết, nhưng nhất là nước Nam ta chắc cũng được theo cái phong-trào ấy mà tiến-bộ lên nữa.

Nước Nam ta tiến-hóa có hai lẽ, một là nhân-loại đồng-hóa, hai là Nhà-nước phải cần dạy. Nhân-loại đồng-hóa là thế nào? Nước ta xưa nay vẫn là một nước đóng cửa, không mấy người bước ra khỏi làng, không mấy mắt trông ra khỏi nghìn dặm, bước không rộng thì không có kiến-thức, trông không xa thì không có tư-tưởng, cho nên mấy mươi năm trở về trước, dẫu Nhà nước có hết lòng khai-hóa cho, nhưng dân ta vẫn còn hồ-nghi mơ-màng như giấc chiêm-bao. Từ khi có việc chiến-tranh xảy ra ở bên Âu-châu, ơn Nhà-nước coi dân ta cũng như dân qui-quốc, đem mấy mươi vạn con nhà Việt-Nam sang chỗ chiến-tràng, không những là nòi giống Lạc-long được lần ra khắp cõi văn-minh, mà lại mấy mươi vạn con mắt được trông thấy cảnh-tượng văn-minh, mấy mươi vạn cánh tay được làm công việc văn-minh, và mấy mươi vạn bàn chân bước trên đường văn-minh. Mắt trông thấy thì bụng mới có tư-tưởng, tay làm lấy thì mới có thực-hiệu, chân bước đến thì mới biết lối leo-trèo. Từ nay xong việc chiến-tranh, dủ nhau tay mang vai vác, lưng cõng lấy cái văn-minh bên Âu-châu, thủng-thỉnh trở về nước nhà, truyền-bá cho anh em họ-hàng thân thuộc, cùng cố sức mà học-tập mỏ vàng, mỏ bạc biết lối mà tìm-tòi, máy sắt máy đồng biết phép mà rèn đúc, cho đến cầy cấy cũng biết yun bón để lấy nhiều hoa lợi, buôn bán cũng biết đường tiêu-thụ để chiếm lấy lợi-quyền. Thế thì tiến-hóa biết là chừng nào?

Nhà nước phải cần dạy là thế nào? Nước Bảo-hộ xưa nay cũng vẫn mở-mang cho người thuộc-địa, người nào cũng muốn có tài để mà dùng, đất nào

cũng muốn có của để mà tiêu, nhưng mấy mươi năm trở về trước, của nước Pháp như núi, như non, tài nước Pháp như mây, như gió, cho nên sự dạy người ta cũng theo trình-độ dân mà giắt lên dần-dần, từ khi quân tàn-bạo xông vào bờ cõi, đem biết bao nhiêu người quăng vào đường khói đạn, khuân biết bao nhiêu của ném vào bể kềnh-nghê, thế mà dân Bảo-hộ cũng một lòng như dân nước nhà, góp bao nhiêu người, bao nhiêu của, vào chốn sa-trường, không những là có lòng thân-ái cố-kết mà thôi, lại cha trèo thì con cũng lội, anh đấm thì em cũng đạp, chị ngã thì em cũng nâng, đã như anh em trong một nhà, thì sự dạy bảo còn phân-biệt gì, đã như chị em trong một họ, thì sự dẫn bảo còn ngại-ngùng gì, từ nay cuộc chiến-tranh xong rồi, chắc người Đại-Pháp phải đúc lấy nhiều tài, tìm lấy nhiều của, để sửa-sang cái nền văn-minh sứt-mẻ vì quân dã-man; dạy thương-học để lấy người mà rộng đường thông-thương, dạy kỹ-nghệ để lấy người đúc thêm máy-móc, cho đến chế-tạo cũng phải luyện tài cách-trí, chính-trị cũng phải luyện tài kinh-tế, thế thì người ta tiến-hóa biết là chừng nào?

Dẫu vậy nhưng quân dã-man chưa trừ được thì đường khai-hóa còn ngăn-trở, như chiếc tầu chạy dẫu nhanh, người cầm lái rõ giỏi, nhưng thường vấp, khi lên ghềnh xuống thác, như cái xe bánh thật tròn, máy thật tốt, nhưng thường nguy-hiểm về chỗ thấp chỗ cao, trận chiến-tranh này đã cố sức trừ hết được quân dã-man, thì bấy giờ cứ chạy một mạch đến nơi đến chốn, khắp toàn-cầu thung-dung lên cõi văn-minh cực-điểm, mà nước ta cũng được chen chân, thế thì làm cho nhân-quần ta được hưởng cái hạnh-phúc, được dự cái vinh-quang, nước Việt-Nam như gấm như vóc, như hoa như vẽ, cũng có lẽ chắc ở sau cuộc chiến-tranh này.

Huấn-đạo Ngô Quí-Chấn

III

Cái quan-niệm dân ta đối với quê-hương nên thế nào?

Quê-hương! ở đời dễ không có cái huy-hiệu nào quí bằng, cái tiếng nào hùng-hồn bằng, khiến người đọc đến những thấy bồi-hồi tấc dạ. Vậy quê-hương là gì, nếu không phải một tổ-quốc nhỏ? Ngoài quê-hương ta thì có tổng, huyện, phủ, tỉnh, ngoài tỉnh ta thì có các tỉnh khắc, gồm cả lại thành ra nước Việt-Nam đứng riêng bờ cõi. Song sở-dĩ người ta thường hay luyến làng hơn yêu nước, là vì ở đấy mình đã sinh ra; cái nhà tổ-phụ kia đã trông thấy mình chập-chững bước chân vào cõi đời; cái cánh đồng xanh-rì kia đã quen mơn-mởn trước con mắt mình; cái ven trời kia đã làm giới-hạn cho các điều mình ham muốn khi còn nhỏ; và nhất là vì ở trong nghĩa-địa kia, tiên-tổ mình đương yên giấc ngủ ngàn năm. Cái cảm-tình ấy là cái nguyên-nhân gây nên «tình liên-tiếp» (*Sentiment de continuité*) để diệt lòng vong-bản; cái cơ-sở dựng nên dân-tộc cố-kết để bênh-vực lẫn nhau.

Quê-hương! Quê-hương là một vị thần thiêng-liêng, hồn-phách nhất-thể, bao-quát cả các gia-quyến cùng phong-cảnh ta, cái ký-vãng của giòng giống ta.

Người Việt-Nam trải qua mấy ngàn năm đến nay, vẫn một lòng quí mến quê cha đất tổ, song tiếc thay cái «hắc-ám chủ-nghĩa» của văn-minh học-thuật ngày trước đã in vào trí-não ta; cái ác-quả ấy to lắm không phải nhất-đán mà ném bỏ đi được.

Ôi! một quốc-dân không hề lo-nghĩ đến tương-lai mình, thì cuộc sinh-tồn sao cho vững bền được? Ai ơi, nên

kịp tỉnh-ngộ. Bổn-phận kẻ đương-thời là phải trao lại cho con cháu một xứ-sở tốt đẹp hơn xưa.

Nhân nghỉ hè tôi lên chơi mạn ngược Bắc-kỳ, tỉnh-cờ biết được một việc nên khen, đem công-bố cho các ngài biết, tưởng cũng không phải là vô-ích vậy.

Ai đã từng lên Phú-thọ, sao chẳng đến thăm một cái làng nhỏ kia, ở theo dải sông Nhị-hà, giáp hạt Yên-bái, gọi làng Hiền-lương, mà hỏi thăm ông Chánh-tổng cựu Nguyễn Văn-Chiêm, sự-nghiệp ông ở chốn hương-thôn to lớn thể nào, mà nay danh tiếng đã vang-lừng khắp tỉnh, tài-trí ông cao rộng thể nào, khá khiến quan trên cũng mến phục.

Tôi may quen biết được một người bạn thân ông, nên truyện kể đây là sự thực, không phải bịa-tạc để làm gương cho các viên hương-chánh khác (Theo lệnh quan Tuần-phủ Lê Trung-Ngọc, các làng trong tỉnh Phú-thọ đều phải bầu một viên Hương-chánh làm đại-biểu trong sự hành-chánh).

Làng Hiền-lương cũng như phần nhiều làng trên Thượng-du, vốn không có tên trong lịch-sử, chỉ như một cái tổ lạc trong rừng rậm vậy. Xưa kia phong-tục rất hủ, người dân nghèo hèn, đẳng nọ phái kia kiện nhau lung-tung..... Bây giờ tình-trạng còn thế không? Chắc không, thì may hai chữ Hiền-lương mới rời-rọi ở nơi non xanh nước đục. Nhờ ở ai? Ở cái tài kinh-doanh ông chánh Chiêm.

Quí hóa thay! hiếm khi một người có tài lại rèn luyện lý-tưởng đương-thời; hiếm khi những điều mình cao-vọng lại tìm thấy tiếng vang trong lòng người thủ-cựu; hiếm khi một người sinh-trưởng ở vùng sơn-lâm ít hứng được gió Âu mưa Mỹ lại đương nổi một việc quan-trọng trong xã-hội! Cho hay tài là một quả của trời ban, rơi vào ai thì người ấy được.

Ông năm nay 42 tuổi, tính-khí cương-cường; ý-chí kiên như thỏi kim-cương sắc cạnh, chỉ mình vạch được các vật khác, mà các vật khác không vạch được vào mình; trí mắt ông sáng suốt thường định trước được tương-lai như cái thiên-lý-kính mà các nhà thiên-văn-học dùng để khai quang cái bí-tàng trên từng trời thăm-thẳm vô-cùng vậy.

Ông rất ghét những kẻ ỷ-quyền cha chú ăn lận con em, nên lắm khi ông đối với bọn quan tham-nhũng trái hẳn đạo « khúm-núm, gãi đầu vê tai ». Việc hành-chánh trong làng ông lấy công-bình làm cốt.

Muốn dễ trị dân, dân cần phải có học, ông lấy câu đó làm phương-châm trong sự khai-hóa làng. Năm 1915, ông xin phép quan Sứ bản-tỉnh lập tại làng một trường Pháp-việt, đón một ông Cử và một thầy Tây-học về dạy. (Trường này Nhà nước đã thay làm trường Tổng-sư trong năm 1918). (Đến năm 1919 này, ông lại dựng nên một thư-viện, mua các thứ báo, như *Nam-phong-tạp-chí*, *Trung-Bắc tân-văn*. Cứ mỗi chủ-nhật thì con ông là thầy Nguyễn Quỳnh-Cư (Tổng-sư) mang đọc giảng cho mọi người nghe.

Ông tu-bổ cho làng được lắm việc có ích, như dựng nên một quyển Hương-lệ, sổ chi-thâu (hai quyển này quan Sứ và quan Tuần Phú-thọ đã duyệt-y định đem thi-hành trong hàng tỉnh), treo hòm thơ ngoài đình, để mở đường dư-luận của công-dân, giảm bớt cái lệ phiền-phí, lập Hội-đồng để xét xử các kiện-tụng, cấm không cho phép mang các sự hiềm-khích nhỏ đến cửa quan trên, ban thưởng các học-sinh đỗ-đạt hoặc học-tập được công-nghệ gì thiết-dụng, nghiêm-phạt những kẻ hút thuốc-phiện, cắt phiên tuần để giữ gìn sự vệ-sinh chung, bầu Hội-viên, thư-ký, thủ-quĩ để giúp việc Hương-chánh, trồng cây trên đường cái đê,

mở chợ, lập nghĩa-địa (mỗi mồ có một cái cọc gỗ để số làm dấu).

Dám hỏi : không có kiên-nhẫn, ai hồ đã theo đuổi được mục-đích ở giữa đám người ố-nhân thắng-kỷ ? Ông chánh-Chiếm thường nói : « Kẻ nào đã tự-nguyện hi-sinh một đời để mở đường xẻ lối, đưa giặt một lũ người từ nơi hắc-ám ra chốn quang-minh, tất không quản trông gai. »

Câu ấy khá gồm cả cái chí cao-thượng, cái lòng vị-tha của ông. Bậc trượng-phu thấy nghĩa thì làm, miễn là bổ-ích cho nhân-loại ; người quân-tử cư-xử theo chính-lý, không coi bạc-đãi là chi. Ngày nay công khai-hóa ông đã kết-quả, cứ so cái quang-cảnh hiện-thời với cái quang-cảnh 4, 5 năm về trước thì đủ biết làng Hiền-lương về đường tinh-thần và vật-chất tiến-bộ rất chóng. Cho hay khi người ta muốn đem thực-hành một cái lý-tưởng gì một cách mẫn-cán chuyên-cần, có qui-tắc, có đại-lượng (nghĩa là vì lợi chung mà bỏ lợi riêng), thì gì mà chẳng nên.

Ông Chánh Chiếm thực đáng gọi là một người quân tiên-phong tay cầm đuốc để chiếu sáng vào trong đám người u-ám sầu-khổ, miệng thổi loa để đánh thức ngót hai trăm con nhà Nam-Việt (dân-số làng Hiền-lương) đang trầm-mặc trong giấc ngủ lâu đời.

Vẻ-vang thay ! ông Chánh Chiếm ! Oanh-liệt thay ! ông Chánh Chiếm. Nhiệm-vụ đẹp khá để làm gương, danh-phận kém mà sự-nghiệp to. Thế mới đáng sống ở làng, thế mới gọi sang ở nước. Quốc-dân ta nên vui mừng được một người như ông và mong rằng mọi kỳ-mục các lòng Nam-Việt sẽ noi theo cái chủ-nghĩa ấy đã xướng ra. Kia những kẻ sống làm dân một nước mà không biết thờ nước, thờ một cái lý-tưởng, chỉ hiến-trọng hư-danh, bợi bèo ra bọ, sao chẳng đến Hiền-lương mà hỏi ông Chánh Chiếm : « Nghĩa-vụ của một người Việt-Nam ở đâu ? »

NGUYỄN BẠT-TỤY

IV

Bàn về văn-chương quốc-ngữ

... Bây giờ cứ nghĩ đến sách-vở các nước văn-minh, nhiều không kể biết bao, như lá cây trên rừng, như hạt cát dưới bể, rồi lại nghĩ đến sách-vở nước ta, thì ai cũng phải ngạc-nhiên mà buồn cười. Song cũng có người nói rằng nước ta buổi này văn-chương không cần dùng mấy, chỉ cốt nhất là kỹ-nghệ thực-nghiệp. Tôi xin đáp rằng:

Từ xưa đến nay, chưa hề có nước nào không có văn-chương học-thuật mà công-nghệ thịnh-vượng tiến-hóa được. Như ở châu Bắc Mỹ là một chốn buôn-bán, công-nghệ thịnh-lợi nhất trong thế-giới ngày nay, tuy sách-vở so với Âu-châu không bằng thực, song đem ví với nước ta thì còn gấp nghìn, gấp vạn. Vả chăng người Mỹ khi trước lấy văn Âu-châu làm quốc-văn, cho nên đường học-vấn mới mỗi ngày một rộng, công-nghệ mỗi ngày mỗi tiến-hóa nhanh chóng như vậy. Nền văn-chương tư-tưởng rất cần dùng cho quốc-dân ta ngày nay, vì nay nho-học gần mất, mà trong mấy triệu đồng-bào ta kể ra không có mấy người hiểu được văn nước Pháp. Tôi nói văn-chương không phải là như lối văn-chương của ta ngày trước, chỉ để ngâm-nga mà tự-thú một mình, tự-kiêu rằng chỉ mình hiểu được những ý-tứ cao xa, mà có ý khinh những người không đồng-chí với mình. Phỏng-thử những bậc thượng-trí cứ tự-kiêu như vậy mà khinh những kẻ hèn giốt thì có bao giờ những kẻ hèn giốt được nhờ ! Nước ta cần có văn-chương thực dụng có thể tả được ý-kiến mình, có thể cảm-hóa được

người khác, khiến cho người ta phải vui mà để hết ý-tứ xem ý-kiến mình ra làm sao. Văn-chương như vậy thì có ích cả cho người hơn mình, người bằng mình và người kém mình. Người hơn mình và bằng mình thì nhân ý mà có thể nghĩ ra được những tư-tưởng khác, còn kẻ kém mình thì nhân đấy mà học khôn.

Tôi lấy văn-chương làm rất trọng. Ai đọc một bài văn hay khuyên sự mạnh-bạo mà chẳng thấy trong lòng phấn-chấn ? Ai đọc bài văn hay khuyên sự nhân-đức mà chẳng thấy vui về việc làm lành ? Hễ người nào chưa mất hết tính người thì cũng có thể vì văn-chương mà cảm-hóa lấy mình được. Ta muốn biết sức mạnh của văn-chương thế nào thì xem như đức Léon I vì mấy lời hùng-biện mà khiến cho mấy trăm vạn quân của Attila sắp phá thành Rome phải lui ; ông Cicéron, ông Démosthène vì mấy bài diễn-thuyết mà khnynh-động được lòng dân trong cả nước. Người ta mà biết ăn ở rộng lượng cùng nhau, mà chăm-chỉ làm ăn cố gắng cho bằng người, thì tất trong óc phải có ý-kiến cao-thượng ; vậy thì không có sách-vở của những bậc thượng-trí thì thường-nhân biết theo đàng nào, biết lấy gì mà cảm-hóa mình, mà nuôi trí-não mình !

Chúng ta ngày nay không cứ người làm việc, người ở nhà, người học-trò, người thường-dân, hễ ai mà có thể nghĩ được thời cứ nghĩ, cứ cố luyện-tập lấy trí khôn để xây nền văn-học của nước ta. Đời người tuy không được bao nhiêu, sức vóc tuy không là mấy, thời không gì bằng biết tư-tưởng một mình, tự mình, vì nếu đời người có giá-trị cũng bởi sự tư-tưởng. Ông Pascal có nói rằng : « Tất cả trái đất ta ở, cũng không bằng trí khôn, vì trí khôn có thể hiểu được các vật ấy, mà lại hiểu được cả mình nữa, còn các vật ấy chẳng hiểu gì cả ». Cứ xem như câu đó thì lý-tưởng của người ta rất là trọng ; nếu mình có trí khôn biết yêu sự thực, biết tư-tưởng cho phải đạo, thì mình có thể tự mình trọng lấy mình được.

Nước ta ngày nay nhờ có Đại-Pháp bảo-hộ, đem cái văn-minh Âu-châu sang cho ta, mà ta không biết hưởng thì chỉ thiệt cho ta đó thôi. Dân Đại-Pháp muốn cho ai cũng được nghị-luận tự-do ; ai có tư-tưởng gì hay thì cứ đem ra cho cả đồng-bào được hưởng. Nước Đại-Pháp lại muốn dậy ta biết cái tư-cách làm người trong đời này ; song cũng có người chỉ lấy giầu có làm thú, lấy ăn chơi sung-sướng làm túc-nguyện, không hề nghĩ đến việc gì được ích-quốc lợi-dân bao giờ. Vậy từ nay chúng ta không kỳ bậc người nào, cũng nên cố chí học-hành để mở mang trí-thức ; mà khi nào có tự nghĩ ra được ý-kiến gì (không cứ về việc gì cả) thì nên biên ghi ngay, kẻo lâu ngày quên mất, rồi dần-dần mãi lại không in thành được một quyển sách có ích sao ?

Nay nhờ có báo *Nam-phong* còn đương đánh thức những người lười biếng ngủ mê, chúng ta nên cố sức chăm-chỉ, nhân mượn báo ấy mà buôn bán trí-lự cùng nhau ; chúng ta mắt nom thấy cái gì lạ cũng nên lưu-tâm nghĩ đến bàn đến, nếu được ý-tưởng gì hay thì bày rãi cho đồng-bào ta đều biết. Không những thế mà thôi đâu ; hoặc như khi ta đã mắc phải sự gì giở mà sau ta làm cách gì mà chữa được cũng nên ghi chép ; nếu ta giải cái sự giại của ta rồi lại tỏ bảo cả các thuốc mà ta đã dùng để chữa, thì người nào biết nghe ta tất có lợi. Trong đời người lúc nào cũng có cái nên ghi chép có ích, nhưng chỉ vì ta lười mà không nghĩ đến đó thôi. Các bậc đại-danh bên Âu-châu thường hay thí-nghiệm mình mà dậy người, chúng ta rất nên bắt chước để dậy lẫn nhau, hình như là nói chuyện trí-

kỷ với nhau vậy. Nếu ai cũng biết nghĩ như thế, thì chẳng mấy lúc mà biết làm văn có ích, mà nền văn-chương ta chóng thành. Chúng ta từ rầy trở đi đừng lấy báo *Nam-phong* làm một quyển sách chỉ để mua vui trong mấy ngày ; báo *Nam-phong* thật là một cái nhà đấu-xảo rất nên qui hóa của cả nước ta đó. Các anh em đồng-bào ta ơi ! cố gắng lên, mà nên biết rằng càng làm việc bao nhiêu thì càng được sự vui bấy nhiêu ! Ông nào có đủ sức nên làm sách dần dần và dịch các sách hay để đồng-bào nhờ.

TRẦN TẤN-TÍCH

(Xã Bồng-tiên, Thái-Bình)

V

Bàn về nữ-học nước ta

Người ta thường ví sự dốt-nát như đêm ba mươi, tối tăm mù-mịt, không trăng không sao ; lại ví sự học-thức như cái đuốc để soi sáng cho người, biết chỗ bình-thản mà đi, tránh được chốn chông gai, khỏi sa xuống chuồm xuống hố. Phương-ngôn nói : *có học mới biết* ; sự học cần cho người vậy.

Người ta bất-cứ trai hay gái, đều có nghĩa-vụ phải làm ; dẫu kẻ ngoài muôn dặm, người trong buồng đào, nhưng cũng đều có gánh vác với xã-hội cả. Cái trách-nhiệm khuyên chồng dậy con, duy-trì lấy gia-đạo, cũng là một công việc nặng-nề lắm. Người ta thường nói : *Phúc-đức tại-mẫu* ; những lời mẹ khuyên nhủ còn trên tay, những lúc dậy-dỗ con dưới gối, có cái ảnh-hưởng rất sâu-xa vào tinh-tình con người vậy. Thế thì tri-thức đàn-bà há lại chẳng nên mở-mang ru ? Bọn nữ-lưu nước ta ngày xưa gần hết không có học, thế mà mỗi khi lầm-lỗi lại đổ tại *phụ-nhân nan-hóa*, chẳng cũng oan vậy thay !

Hoặc có người nói : Xưa đàn-bà ta không học mà sao cũng nên từ-mẫu hiền-thê, mà sao cũng vẫn giúp-đập đàn-ông một cách xứng-đáng với tên nội-trợ, nội-tướng ? Nhiều bà một tay tần-tảo, trông nom mọi việc trong nhà, khiến cho ông chồng chỉ ăn no lại nằm, nhường hết quyền chủ nhà cho vợ mà tự mình nhận lấy cái địa-vị ăn nợ ngồi dưng. Các bà ấy có học-hành gì ?

Xin đáp : Các bà ấy tuy không được mài rũa trí-thức, rèn luyện tâm-hồn ở chốn trường-ốc, nhưng cũng được cái ảnh-hưởng sự giáo-dục trong gia-đình rất tốt vậy. Những lời cha mẹ dậy bảo, chị em khuyên răn, những gương đời trước, những điều lịch-lãm của mình, há lại không phải những bài học xác-đáng ru ? Song le, cái bài học ấy không tài nào trọn-vẹn được ; vì cha mẹ chị em ai cũng bận công bận việc, không chuyên-chủ về việc dậy-dỗ con em được. Mà soi gương đời trước, thì tuy có gương tốt, nhưng gương xấu cũng nhiều, lại thêm điều hay khó học điều xằng dễ theo. Còn như sự lịch-lãm lại là một ông thày thái-ác, có làm cho cực-khổ mới được sáng mắt ra. Một nhà danh-sĩ Pháp nói : « Bài học cửa thày kinh-lịch rất đắt-đỏi ». Chờ cho có lịch-lãm thì nhiều khi đã nhị tàn cánh rữa, liễu ủ mai gầy. Nếu bẩm ở tinh trời thời dẫn-dộn suốt đời dẫn-dộn, mà tinh-anh rồi cũng kém phần tinh-anh, vả chăng người thiên-tư sáng-láng, chỉ-khí lỗi-lạc vẫn ít có.

Bây giờ nước ta nhờ được cái giáo-dục con gái trong gia-đình đã có nền-nếp, nếu lại phụ thêm cái học-vấn cái giáo-dục trong nhà trường, thì kết-quả lại chẳng hơn ru ? Cũng như cây đã trồng được chỗ đất tốt, lại được vun sới, bắt sâu tỉa cành, chắc sẽ nhiều hoa sai quả hơn vậy.

* * *

Con gái ta độ mười bảy mười tám đã xuất-gia, cái thì-giờ đi học bất-quá chỉ độ tám chín năm. Bể học mênh-mông, tám chín năm nghĩ cũng ít lắm. Vậy ta chỉ nên chọn những điều thiết-yếu mà dậy, họa may mới kịp.

Những điều cần-kíp cho bọn nữ-lưu là những gì ? Trước hết phải học phổ-thông như là cách-trí, toán-pháp, địa-dư, lịch-sử, cho mở trí-thức, rộng kiến-văn ; còn cần nhất là chuyên dậy tam-tòng tứ-đức, các việc đàn-bà trong nhà. Mục-đích của sự nữ-học là phải làm thế nào cho con gái ở nhà trường ra có thể nên một người dâu thảo, vợ hiền, mẹ từ, có thể phù-trì cho người đàn-ông yên lòng vững bước trên thế-lộ. Còn như cầm-kỳ thi-họa cùng những mĩ-nghệ có thể làm cho thanh-cao nhân-cách, rộng-rãi tâm-hồn tưởng nên dành để các bậc tài-tình, những người thiên-tư minh-mẫn.

Hiện nay các trường nữ-học nước ta khuynh-hướng về dậy chữ Pháp. Luân-lý, địa-dư, toán-pháp, cho chí vệ-sinh, phép nuôi con, cùng công việc nhà đều dậy bằng tiếng Pháp cả, chuyên-luyện cho các cô thi bằng sơ-học !

Ôi ! con gái nước ta học được trúng-tuyển bằng sơ-học, phần nhiều mất sáu bảy năm trời, nghĩa là hầu hết thời-giờ đi học vậy. Nếu trình-độ học-vấn các cô đến đấy là cực-điểm thì ngán thay cho cái tiền-trình của bọn quần-thoa ! Vả cứ theo phép học ở các trường nữ-học ngày nay thì cũng ít có vượt qua được bậc ấy.

Tôi trộm nghĩ nếu đã bớt cái thời-giờ con trẻ ở dưới con mắt nghiêm-khắc mẹ cha thì nên dùng hết cái thời-giờ ấy mà đào-luyện lấy phẩm người, mà bổ-khuyết cho sự giáo-dục trong gia-đình, cũng chưa đủ ; huống chi còn phải học cho hiểu được tiếng Pháp thì đã hao-tổn biết bao thời-giờ. Nên cái trình-độ học-thức của nữ-lưu ở các trường học ra còn thấp kém lắm ; khiến cho những ông quá-khắc thấy ít nhiều cô học-sinh mất nết, mà vội kết-luận rằng : « Con gái cho đi học chỉ tổ sinh hư. » Nay nếu các bài khoa-học dậy nguyên bằng quốc-âm thì sẽ rồi ra bao nhiêu thời-giờ mà học lâu rộng hơn nhiều. Vả lại về các thực-nghiệp ở các trường nữ-học cũng còn thiếu-thốn lắm. Học-trò chỉ học thêu thùa, đan « den » (*dentelles*), mà tấm áo chưa biết cắt, manh quần chưa biết may, còn như các cách nấu nướng, làm bánh trái, trong trường không dậy chút nào.

Nói tóm lại nữ-học nước ta còn đương buổi ấu-trĩ, các nhà giáo-dục nên lưu-tâm đến lắm, để xin Chánh-phủ chỉnh-đốn lại, cũng là giúp được một phần trong sự tấn-hóa nước nhà. Nhưng phàm việc gì, lúc bắn đầu cũng chưa hoàn-toàn ngay được. Nay nền nữ-học đã lập, ta hãy nên mừng.

VŨ NGỌC-LIÊN

Giáo-học Nam-Định

An-thi, le 20 Octobre 1919.

Kính-trình ông Chủ-bút báo Nam-phong

Hanoi

Tôi thừa ơn Triều-đình và Nhà-nước Bảo-hộ cho tôi dự vào một chức nhỏ-mọn trong chốn quan-trường, đã chín mười năm nay, nhân việc công đi lại chốn dân-thôn, cũng hiểu được một đôi chút dân-tình phong-tục, mà xem ra phong-cảnh chỗ hương-quan, thực là bối-rối u-uất quá ; nên những khi thì-giờ rỗi, nghĩ-ngợi biên-chép một bài đặt tên là « Thời-đại nên biến-cải ».

Tôi thiết-tưởng rằng trong xã-hội có ba hạng người : là bậc thượng-lưu,

trung-lưu và hạ-lưu, trong mười phần thời một phần là bậc thượng-lưu, hai phần là bậc trung-lưu, còn bảy phần là bậc hạ-lưu ; bậc hạ-lưu là ai ? Phần nhiều là những kẻ cầy mưa quốc gió ở chốn ruộng xanh ; cho nên cần phải sửa-sang phong-tục chốn dân-thôn, thời mới mau đường tiến-bộ được. Nếu bậc hạ-lưu mà khôn-ngoan tiến-hóa, thời cũng giúp Nhà-nước được nhiều việc trong đường chánh-trị, mà các quan cai-trị cũng được nhẹ-nhàng, và giúp cho những bậc thượng-lưu trung-lưu về các công-việc trong xã-hội, cho nên cổ-thánh-hiền có nói rằng : « *Quốc dĩ dân vi bản* ».

Vậy tôi xin đính bài này lên Quí-quán, nếu có rộng giấy xin Quí-quán đăng cho, để giúp đường công-ích. Còn những tệ-tục tôi sẽ xin tiếp sau.

Phó Đức-Đôn

Thừa-phái huyện Ân-thi (Hưng-yên)

* * *

Từ khi nước Đức gây nên cuộc chiến-tranh, kinh trời động đất, trong mấy năm trời, của-cải như tuyết tan, xương khô như núi cao, xét ra chỉ tranh lấy lợi-quyền mà thôi ; lợi để mà nuôi người, lại hóa ra cái thuốc độc để giết người, thực nên than-thở cho loài người đó. Chỉ khổ vì cuộc đời không biết tự-lượng, mình khôn hay dại, khéo hay vụng, mạnh hay yếu, sự tư-tưởng như thế đã hợp công-lý, nhân-đạo hay không, nếu nước Đức tự biết như thế thời việc gì thành sự chiến-tranh, nếu Đồng-minh không tranh được phần giỏi hơn thời bao giờ thành được cuộc hòa này ; thế là cái công-lệ thiên-diễn « vật-canh thiên-trạch, ưu-thắng liệt-bại » đã xuất-hiện rực-rỡ ở cuộc đời bây giờ đó.

Nay cuộc hòa đã cáo-thành, mà kẻ khôn, kẻ dại, kẻ khéo, kẻ vụng, kẻ mạnh, kẻ yếu, kẻ hợp với công-lý nhân-đạo, đã rõ-ràng như thể là sắc trắng, sắc đen vậy ; cuộc đời vì đó mà biến-cải cả, xem trong báo-trương ngày nào là không có sự biến-cải của thế-giới, nước này biến-cải cách nọ, nước kia biến-cải cách kia, sự văn-học biến, sự tư-tưởng biến, sự chánh-trị biến, sự kỹ-nghệ biến, tôi chắc rằng nước nào biến-cải chóng thời cường-thịnh, nước nào biến-cải chậm thời một ngày một kém, sự biến-cải thực là cơ-quan thiết-yếu của cuộc tương-lai ; biến là đổi cũ theo mới, cho vừa với trình-độ văn-minh đời bây giờ.

Đến như nước ta nhờ có nước Bảo-hộ khai-hóa trong bấy nhiêu năm nay, sự tiến-bộ cũng nhiều đường tấn-tới, nhưng so với các nước trước khi chiến-tranh, mười phần cũng chưa được một phần, huống chi sau cuộc hòa đã cáo-thành, mà sự biến-cải của các nước đã răm-rắp như mây bay như nước chảy, tay cầm tờ báo thời lại sốt ruột cho nước ta, mà ngẫm-nghĩ đến hậu-vận nước ta, nếu dân-tộc nước ta không biết theo thời biến-cải, thời cũng không khác gì người ở trong địa-ngục tối-tăm vậy, các nước biến-cải một phần, thời nước ta nên phải gắng-sức biến-cải gấp mười, thời mới có phần trông-mong lên cuộc vũ-đài văn-minh về sau.

Quan Toàn quyền Sarraut ngài đã biết trước lẽ ấy, nên trước khi cuộc-hòa ngài đã định luật mới trong xứ Bắc-kỳ, đổi học-qui cho năm xứ Đông-dương, thế là sự chánh-trị, sự văn-học ngài cũng biến-cải đó ; nhưng chẳng thế mà thôi, trên sự chánh-trị ngài còn biến-cải nữa, xem như trong bài diễn-thuyết ở Hà-nội và ở Sài-gòn vừa rồi đủ biết ; sự tư-tưởng ấy là ngài cầm một đạo công lý và văn-minh của nước Pháp mà làm, chắc ngài cũng tới được mục-đích ấy. — Đến như sự phong-tục

biến-cải, như Quan Tổng-đốc Hoàng tỉnh Hà-đông, Quan Tuần-phủ Phạm tỉnh Thái-bình, Quan Tuần-phủ Lê tỉnh Hưng-yên ở tỉnh Phú-thọ khi trước, các ngài cũng đã dùng một cách vận-động, nào cải-lương phong-tục cho một vài làng để làm gương cho các xã-hội, nào lập nghị-định cải-lương để khuyên-bảo chốn dân-gian, kể phí bao nhiêu là tư-tưởng công-trình, mà phong-tục dân-thôn trong xứ Bắc-kỳ cũng chưa thấy biến-cải được chút nào. Than ôi! có phải dân mình chỉ quen thói ngu-hèn thô-bỉ, cứ khăng-khăng giữ lấy cái phong-tục đồi-bại ấy đâu!

Phong-tục dân-thôn xứ Bắc-kỳ trình-độ biến-cải chậm-chạp, căn-nguyên là bởi tự đâu? Ví-dụ như cái cây, ngày ngày vun tưới mà hoa lá vẫn không thấy tươi tốt, là vì trong cây có thứ sâu ăn rễ cây, đục ruột cây, thời cây chắc ngày ngày vàng héo, lại còn tươi tốt thế nào được. Thứ sâu ấy ở trong xứ Bắc-kỳ vi là hạng người nào? Là bọn hương-chính chớ ai! Nước nào ở chốn dân-thôn là không có những người kỳ-cựu, những người có thế-lực, như các nước văn-minh, những hạng người ấy lại là cột cái, là bánh lái, rất quan-hệ cho dân-thôn, ngoài thời giao-tiếp với Nhà-nước, trong thời mưu sự ích-lợi cho dân, là chỉ lấy Quốc-gia Dân-tộc làm cốt-cách mà thôi; đến như bọn hương-chính nước ta, nào nhân-phẩm, nào tư-tưởng của họ, thực nên ngán thay cho dân! thực nên buồn-bã thay cho dân! thực nên bầm gan tím ruột thay cho dân! Nào họ còn biết chủ-nghĩa quốc-gia dân-tộc là gì, chỉ lấy chủ-nghĩa khẩu-phúc tư-phì mà chộn vào trong óc họ thôi! Nước đục thời mới béo cò, nói đến sự cải-lương phong-tục, thời họ rất không vui, không bằng lòng, nếu thế thời lấy gì làm nhiễn mép, làm nặng túi; cái thuật của họ cũng chẳng lạ gì, chỉ có hai cách mà thôi: có kẻ nào biết một đôi chút văn-minh mà muốn xếp-đặt lại tục-lệ, thời họ dùng cách áp-chế mà đánh đổ ngay đi, không để lẫn vào bọn họ, tùy ý ngang-ngọc, dấu lòng quấy đục chốn dân-thôn; hai là họ lấy cái luân-lý riêng mà bắt buộc kẻ ngu-dân; luân-lý ấy là gì? là có một câu rằng: «Tục-lệ của ông-cha mình đã đặt ra, mà lại đổi đi thì không nên, cứ đi bắt chước lối Tây Tàu làm gì»; khổ thay dân ngu, thấp cổ bé miệng, ai cũng nói rằng: ăn còn chẳng xong, hơi đâu mà tranh-biện với họ, cho nên êm-ếp mà quen đi lấy làm thường, không nghĩ đến sự khốn-khổ nguy-hiểm về sau; sở-dĩ phong-tục biến-cải chậm-chạp vì thế, chẳng biết các quan bảo-hộ, quan cai-trị bản-xứ có thấu đến tình dân cho chăng.

Ở trong xã-hội có vị thời có quyền, có quyền thời có năng-lực để mà xếp đặt sửa-soạn các công-việc, cho nên đám tham-nhũng đua nhau mà tranh lấy vị tiên-thứ-chỉ, kỳ-mục, là có tranh được vị ấy thời mới có quyền giấy máu ăn phần lời những công-việc trong dân.— Lại có nơi những bọn tham-nhũng không nhận vị tiên-thứ-chỉ kỳ-mục ấy, dùng cách ném đá giấu tay, đem những kẻ ngu-si ra làm bù-dìn, mà ở trong thời họ cầm nọc để làm sự nhũng-nhiễu. — Lại có kẻ mình thực là người chân-chính, mà cũng không chịu nhận những vị tiên-thứ-chỉ kỳ-mục, thời nguyên-nhân ấy có hai điều: 1° Những người đã từng muốn cải-cách tục-lệ, mà bị những bọn tham-nhũng kèn-cựa áp-chế, nên chán sự đời mà không nghĩ gì đến chốn hương-quan; than ôi! không biết rằng hương-đảng hai chữ liền nhau, là đã có hương thời mới có đảng, các ông không hiểu lẽ ấy, chỉ lấy lẽ phải tự mình mà biến-cải, có người hô mà không có kẻ ứng, thời cũng phí công, cho nên phương-ngôn thường nói rằng:

« độc-trụ bất-thành lâm », nếu ta đã nhận lấy trách-nhiệm cải-lương ở chốn dân-thôn, phải có quyền-biến thời mới đến được mục-đích của mình, mà đừng thấy họ kèn-cựa mà đã ngã lòng; 2° Cũng có ông đủ tư-cách mà làm những vị tiên-thứ-chỉ kỳ-mục ấy, mà cũng không chịu làm, là mình vốn có một cái lương-tâm, không muốn nhũng-nhiễu con em, mà cũng không có tư-tưởng cải-lương, bỏ mặc việc dân việc làng, không nhìn đến, chỉ giữ trong lấy tiếng một mình, nhưng không biết rằng tài-sản mình ở đâu, anh em vợ con mình ở đâu, làng mà thịnh thời cũng được một phần thảnh-thơi, làng mà bối-rối thời tài-sản ấy chắc có giữ được không? Anh em vợ con có được yên phận mà làm ăn được không? Như thế thực đáng tiếc thay!

Tuy Nhà-nước quan trên dùng qui-củ vận-động thu-xếp cho ta mau đường tiến-bộ, nhưng trước hết cũng phải có động-lực của ta hợp vào thời mới dựng nên nền biến-cải ấy được, như người nuôi con trẻ, mới sinh thời phải cho bú, có biết ăn thời khỏi phải mớm, biết đi thời khỏi phải ẵm, cho nên Quan Toàn-quyền Sarraut có nói rằng: « Dân xứ Đông-Dương hiện nay đã đến tuổi khôn lớn, thủa nhỏ đi còn chập-chững, cần phải buộc cái giây lưng để nắm cho khỏi ngã, đến ngày nay đã lớn lên rồi,, mà vẫn còn bắt buộc như vậy, thì xoay-xở sao cho được »; thế là ngài cũng theo cái động-lực của mình, mà ngài sẽ xếp-đặt đường biến-cải cho đấy. Các anh em đồng-nhân chúng ta, nhân phong-trào thời-đại ngày nay, trông người mà ngẫm đến ta, nào học-thuật, nào tư-tưởng, nào phong-tục có nên biến-cải hay không? Có biết tự mình rằng giở, rằng hủ-bại hay không? hay là cứ mê-man ở trong giấc ngủ canh dài? Xem như Quan Toàn-Quyền Sarraut cùng các Quan Bảo-hộ là người xứ Âu-châu cũng sốt ruột thay cho mình, nào đổi luật mới, nào cải học-qui, nào lập hội Khai-trí-tiến-đức, nào lập các nhà báo để đánh thức ta ở trong giấc ngủ mê mấy nghìn năm nay, mà ta cũng khì-khuyết, cũng mày râu, cũng gan óc, có phải là loài mộc-thạch vô-tri đâu mà trơ-trơ mãi ra đấy!

PHÓ ĐỨC-ĐÔN

DƯ-LUẬN VỀ BÀI « CHẤN-CHỈNH QUAN-TRƯỜNG »

CỦA

Quan Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ (Tục kỳ trước)

VI

Niên-hiệu vua Khải-định thứ 4 ngày 29 tháng 7 nhuận

Bẩm Cụ-lớn Tổng-đốc Thân đại-nhân,

Tôi Tú-tài Đặng Xuân-Phương, nghiệp nho, ở làng Ô-mễ, huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình. Tôi đọc báo *Nam-phong* số 26 về mục « Chấn-chỉnh quan-trường » Cụ-lớn có nói rằng muốn trừ việc tang-hối, thì trước nên bỏ những lễ mừng lễ tết của quan dưới dâng quan trên, như lễ Chỉnh-đán, Đoan-dương, gạo mới, Cụ-lớn hỏi ai có thuận bỏ thì viết giấy cho Cụ biết.

Tôi tuy là học-trò, nhưng cũng là tiên-chỉ một làng, làng tôi lâu nay chỉnh-đốn hương-tục, trừ bỏ sa-phí đã được nhiều điều, mà việc tết quan, dân tôi mỗi năm cũng phí-tổn đến non 30 $. Vậy tôi xin lấy ý riêng tôi bẩm Cụ-lớn như sau này.

Tôi thiết-tưởng quan có thanh thì dân mới yên, dân có yên thì nước mới trị, nếu quan tham lại nhung, thì dân phải cùng-túng sinh ra trộm cướp; làm quan mà không biết dậy dân nghề nghiệp, ruộng nương, sinh-nhai, mà cứ khu-khu chực khóet tiền của dân, thế thì quan dẫu không phải là quân trộm cướp, mà cái gốc trộm cướp từ các quan vậy.

Cụ-lớn muốn bỏ những lễ tết ấy đi, là muốn cho quan thanh thì dân được hưởng cái hạnh-phúc ấy. Tôi xem trong một năm quan dưới dâng quan trên mỗi tết phí bạc 100 $, trong 3 tết phí tổn 300 $, mà mỗi hạt dâng lễ tết cho quan phủ huyện, mỗi tết phí đến 300 $, ba tết phí đến 900 $, rồi kỳ-dịch lạm-khai với dân đến 1200 $, rồi san-bổ cho cùng-đinh chịu mỗi tết là 2, 3 su. Thế ra dân mỗi năm đã hai lần nộp sưu thuế cho Nhà-nước, lại ba lần nộp lễ tết cho các quan. Mà các quan mỗi năm đã 12 lần ký *mandat* lĩnh lương của Nhà-nước, lại ba lần cầm sổ tay thu lễ tết của dân-đinh. Lại còn nỗi quan hai lại một, phí-tổn ấy dân cũng phải chịu cả, trách nào mà dân không cùng-túng. Lại còn nỗi quan với lại như người làm thuê, hễ dân có việc đến nha, mà không có tiền thì chỉ để nguyên, không hỏi gì đến.

Tôi xem tỉnh Thái-bình tôi bây giờ mới có quan Tổng-đốc lĩnh Tuần-phủ Phạm Đàn-viên là không lấy lễ tết tiền bạc của quan dưới và của dân, còn các quan Tuần-phủ trước và quan phủ huyện xưa nay chỉ lấy lễ tết tiền bạc làm to nhỏ, mà việc kiện-sự của dân chỉ mong đục nước béo cò, ai khóet được của dân nhiều cho là tay thạo, Tôi mong Cụ-lớn trình với Chính-phủ, trước chỉnh-đốn quan-trường, sau trừ bỏ lại-tệ, sớm một ngày hay một chước, để cho dân Bắc-kỳ được nhờ ơn Cụ lớn nghìn muôn năm về sau, tôi lấy làm mong lắm.

Nay kính-bẩm

ĐẶNG XUÂN-PHƯƠNG

VII

Nam-định le 4 Octobre 1919

Trình quan Tổng-đốc Thân Trọng-Huề

Thưa quan-lớn,

Tôi xem trong báo *Nam-phong* số 26, ngài có bài bàn « Chấn-chỉnh quan-trường », ngài có thống-trích về đường tang-hối (kiêm cả thời-tiết nghinh-tống). mà ngài lại rộng hỏi các ý-kiến mọi người, không kỳ trong quan-trường hay ngoài quan-trường.

Tôi nay không phải vào hạng quan-trường, bởi ngài rộng hỏi các ý-kiến nên cũng phấn-phát mà lạm bày những ý-kiến hèn-mọn của tôi, dù có nhặt được câu nào hay không, tùy ý ngài suy-xét.

Vậy việc nghinh-tống, tuần-tiết, tất kỳ-thủy cổ-nhân cũng bởi sự thành-kính ái-mộ mà ra, như mình muốn giải bầy tấm lòng mình rất thành-kính rất hâm-mộ cùng người mình vẫn tôn kính xưa nay, nhưng không giải bày ra được, lòng có phải bánh dầu mà bóc ra cho ai coi, cho nên mới phải lấy lễ-vật mà giải bày hộ mình. Cổ-nhân đặt ra lễ-nghi này chắc cũng một ý nghĩa ấy. Nhưng cổ-nhân có dùng lễ-nghi ấy chắc chẳng qua cũng dùng sản-vật thời-nghi mà thôi, chớ không có lạm-dụng gì thái-quá.

Vậy nhưng lễ-nghi ấy cũng không phải là không hay đâu, lấy thời-vật mà thay tấm lòng mình đó thôi.

Nhưng nay thời-thế dũ giảng, phong-tục dũ bại, do những điều hay ấy mà làm thành ra điều giở, bỏ chữ thành-kính thân-ái mà ra chữ cung-phụng, mà kẻ dưới phải cung-phụng người trên, để giữ lấy cái địa-vị mình cho vững-vàng. Đã gọi là cung-phụng thì ngày một tăng thêm, hậu bao nhiêu thì mới tỏ ra cái lòng ái-mộ của mình bấy nhiêu, mà mới yên lòng là cái người mình phải cung-phụng thỏa lòng cho mình. Trước còn đồ-vật, mà sau dùng đến kim-tiền, làm cho phong-tục hay đến nỗi phải bại-hoại. Than ôi ! phong-tục thường vẫn không phải là không hay đâu, chỉ tại không giữ được lẽ hay mà thành ra giở thôi. Thế cho nên cũng tại người không biết dùng mà sinh ra vùi lấp mất cả sự hay của cổ-nhân, đáng thương mà cũng đáng tiếc vậy !

Nay muốn phong-tục hay ấy không thành ra giở, thì nên xét xem có sự tang-hối ẩn-phục ở trong ấy không, mà nghiêm-cấm nó đi. Nghiêm-cấm đi được thì sự thời-tiết nghinh-tống dùng bằng sản-vật hay thời-nghi ít nhiều thì tưởng cũng không hại gì. Nhưng muốn cho khỏi sự tang-hối nó ẩn-phục ở trong ấy thì cũng khó lắm, sợ lại do đấy mà tuyến-dẫn ra tang-hối. Vậy thì nơi công-môn bỏ hẳn đi, có lẽ hay hơn, còn tư-gia thì mặc ý.

Việc này hơi có lẽ can-thiệp đến tang-hối, vậy nay xin bàn cộng đến việc ấy như sau này.

Tang-hối thì có kẻ thụ-tài, mà có kẻ hãnh-cầu ; có kẻ hãnh-cầu thì mới thụ-tài được. Nay chỉ tìm phương-pháp nghiêm-cấm người thụ-tài, thì tưởng tìm cho ra được phương-pháp ấy cũng rất là khó lắm.

Hoặc có kẻ bảo rằng : « Bởi tặng cho « nên mới phải làm những điều phi-« pháp, muốn cho thanh-liêm thì chỉ « bằng tăng-bổng, bổng đã tăng rồi lại « đặt cấm-điều cho nghiêm-nhặt thì « cái bệnh thụ-tài phải hết ».

Than ôi ! nói như thế là chỉ bàn đến cái chi-tiết, chớ chưa bàn đến cái căn-bản, ví cũng như ông lương-y chữa thuốc, chữa cho người cứu-bệnh rức đầu chóng mặt, thì bảo bệnh tại thượng-bộ, mà thù-bất-trị là bệnh tại âm hư. Nếu thấy bệnh chữa bệnh, thì nó chỉ đỡ tạm-thời mà thôi, không chữa đến căn-nguyên thì không bao giờ hết bệnh. Vậy việc tăng-bổng và nghiêm-cấm thì hai điều ấy không thể đừng được, nhưng cũng không đủ, vì người thụ-tài tất phải có đứa hãnh-cầu, đứa hãnh-cầu nó tất có việc nó phải lo sợ, không quyết việc nó phải ra thế nào, phải tìm đường để cho giải-thoát cái việc lo sợ đi, ngày đêm tìm cách tìm kế, cậy thày cậy thợ để cho được hãnh-cầu, chớ có ai ép-uổng nó. Thế cho nên thụ-tài vẫn thụ-tài, nghiêm-cấm vẫn mặc nghiêm-cấm và bổng-tăng cũng kệ bổng-tăng, chẳng đỡ chút nào.

Nay muốn cho không thụ-tài, thì chi bằng tìm cách mà ngăn-cấm không cho hãnh-cầu thì hơn, còn thì cái tăng-bổng và nghiêm-điều là cái chi-tiết mà thôi.

Lại có kẻ nói : « Muốn lấy nghĩa-lý « mà khuyên giải, khiến cho đừng « thụ-tài. »

Ôi ! nếu như thế thì lại thực khó lắm, vì lòng tham-muốn là thế-nhân thường-tình, và đã chắc là hiền-nhân quân-tử cả đâu, thấy tiền-tài mà không nhìn. Như nay nó đem tiền vào nó lạy, mai nó đem tiền vào nó lục, lại đem một cách rất thân-mật kín-đáo không ai biết được, thì lòng tham muốn ấy đã dễ ai đè ép đi được chưa ? mà không nhìn đến được chưa ? Huống chi lại thời-tiết nghinh-tống như bài ngài đã nói, và gia-dĩ buổi này phục-dụng không có hạn-chế, thơ-hỡ : xa, mã, kim, ngọc, lâu, đài, nó bỏ bước, thì bệnh Tô-Tuyên rãi Hàn-tổ đã dễ ai cứu được chưa ? Thực khó lắm.

Vậy nay như thiển-ý tôi nghĩ muốn cho khỏi thụ-tài, thì chi bằng khiến cho đừng hãnh-cầu, muốn khiến cho đừng hãnh-cầu thì thiết-nghĩ như phương-pháp này thì hơn.

Xin với Chính-phủ đặt ra cho hạng khảo [illegible] « khảo kỳ-mục », hễ ai đỗ kỳ [illegible] thì ở dân mới cho làm chức [illegible]-mục mà sẽ được ra ứng bầu tổng-lý. Đặt ra hạng khảo ấy, thì bắt dân phải học những luật-lệ, cách tố-tụng, và các nghị-định cần hiện đang thi-hành bây giờ và học thêm một hai ít phổ-thông cho rộng kiến-thức (luật-lệ ta cũng ít, cho nên dân-gian cũng có thể học được, còn nghị-định thì chọn điều cần mà thôi.)

Như thế thì dân-trí đã có ít nhiều học-thức, đã biết được điều hay lẽ phải mà không dám cố-phạm. Hoặc có xẩy ra việc gì, đã biết chắc ngay rằng : việc ấy nó xẩy [illegible] thế này, thì kết-quả tất nó đến thế [illegible], việc quan có lý, lý phải [illegible] thu [illegible] không [illegible] nữa, việc gì mà phải [illegible], hãnh-cầu cũng đến thế thôi. [illegible] có kẻ lại nói rằng : « Triều-đình và Nhà-nước Bảo-hộ đã đặt ra [illegible] mới, minh-[illegible] như thế, đã thi-hành hơn một năm [illegible] thì tưởng dân [illegible] đã tường-tận lắm [illegible] mà cái phong hãnh-cầu vẫn thế không bớt ? » Ôi ! hương-thôn học-[illegible] đâu mà xem đến luật đến lệ, dẫu [illegible] có kẻ biết đọc biết viết đã dễ hiểu được nghĩa luật rư ? Vả cả ngày cả đêm còn chui đầu vào ngôi thứ hà-lạm, đã chui đầu vào ngôi thứ hà-lạm, thế phải sinh ra kiện-cáo, nay ở [illegible] mai ở phủ, ăn phải bùa ngu thuốc giốt, còn biết trời bể là đâu nữa mà luật với lệ ! — Luật-lệ vẫn vô-số đấy, thực cũng như anh nằm bên đống thuốc mà vẫn ốm, nào có lạ gì, mà mong gì họ thông-hiểu luật-lệ.

Duy chỉ Chính-phủ có mở cho hạng khảo kỳ-mục, thì họ mới nô-nức nhau học-tập để chen chân vào hạng kỳ-mục, là hạng họ vẫn lấy làm vinh-hạnh xưa nay ở chốn hương-thôn không thể đừng được. Như thế họa ra mới chịu học, mới mở mắt ra được mà thôi, đã mở mắt ra được một tí, rồi lấy báo-trương mà dẫy [illegible] thì họa mới mong có khai [illegible] mà sẽ biết sự hãnh-cầu là sự xấu sự ngu. Dân hương-thôn ta lấy làm vinh-hạnh nhất là tổng, lý, kỳ-mục. Tuy bệnh ấy là bệnh hèn, nhưng như lời Ông Quản-tử nói : « Tùy-kỳ sở-dục nhi dữ-chi », nhân đấy mà xin Chính-phủ mở cho hạng khảo kỳ-mục, thì họ tất cắm đầu cắm cổ mà học, mà mới mong có cơ tiến-hóa.

Chẳng những xin Chính-phủ mở cho khoa ấy mà thôi, lại xin Chính-phủ chọn những người Annam đã thông tỏ luật-lệ đặt cho chức *Avoué* để mà đỡ đầu những dân còn ngơ-nghếch ở hương-thôn về việc tòa đệ-nhất đệ-nhị-cấp. Đặt ra cái *tarif* nhè-nhẹ để cho đỡ tốn cho dân. Có kẻ nói rằng : « Đã không muốn cho dân mất tiền về sự thụ-tài, mà lại đặt ra chức *Avoué* cho được phép lấy tiền, thì ra chẳng mất đằng nọ lại mất đằng kia, đằng nào cũng thế ? » Ôi ! cũng thế, là thế nào được ; một đằng thụ-tài thì nó có cái uổng-pháp âm-ẩn ở trong, mà một đằng trả tiền thuê là lấy công minh-bạch ở ngoài, hai đằng khác nhau lắm ; vả lại thuê mượn thì có lẽ đâu rẻ thì thuê mượn, không đến nỗi thiệt-thòi quá mà lại tránh được cái nạn sửa gọt lôi-thôi vô-ích (là hoặc phủ huyện có để lâu việc lại chăng).

Xem như những cách cai-trị ở bên Âu-châu thì nhiều điều tưởng là hoàn-toàn lắm. Gián-cử một vài điều như thế vậy. Như : 1° Chánh-phủ thì có quyền to, lại đặt ra nghị-viện để hãn-trở bớt quyền Chánh-phủ lại ; 2° Quan Thẩm-phán có quyền sinh sát trái lẽ được dân ngu-giốt, lại có ông *Avocat* và *Avoué* bàn trở lại cho ; 3°

lặt-vặt như *tuteur* có quyền ngang-giọc được tài-sản đứa mồ-côi, lại có người *subrogé tuteur* để mà ngăn-trở cái thế-lực của người *tuteur* lại. Vậy nay [illegible] xin đặt ra những hạng *avoué* ấy để giúp đỡ dân ngơ-nghếch ở hương-thôn ta về đệ-nhất đệ-nhị-cấp, thì cũng một ý ấy vậy.

Thiển-ý tôi trộm nghĩ được mấy điều như thế, nên chẳng xin tùy ngài suy xét. Còn việc đem tên vào báo hay không, cũng xin tùy ngài. Kính thư.

NGUYỄN NHƯ-[illegible]

Lettré au Tribunal provincial de Nam-định

(Còn nữa, sẽ lựa đăng sau)

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc bầu-cử bên Pháp. – Ngày chủ-nhật 16 Novembre vừa rồi là ngày trong toàn-hạt nước Pháp bầu-cử các nghị-viên cho Hạ-Nghị-viện. Việc bầu-cử này quan-trọng lắm, vì cả quốc-dân tham-dự vào. Nguyên-tiện trước bầu từ tháng 5 năm 1914, hạn bốn năm, đáng lẽ đến tháng 5 năm 1918 thì hết, nhưng nhân việc chiến-tranh nên không thể tái-bầu kịp và được tục-nhiệm mãi đến bây giờ. Ai cũng biết rằng sau việc chiến-tranh thời chính-giới trong nước tất thay đổi nhiều. Một là bởi trong bốn năm nay có nhiều vấn-đề mới xuất-hiện ra, bây giờ phải giải-quyết cho được; hai là nghị-viện cũ làm việc đã lâu quá, quốc-dân nong muốn thay người mới cho hợp thời-thế hơn.

Sau nữa lại còn một sự nguy hiểm là các trào cách-mệnh tự [illegible] tràn khắp Âu-địa gần đây lan sang nước P[illegible] rộn, làm [illegible] mỗi ngày một hế-hách. [illegible]

[illegible] nước không khỏi cái nạn [illegible] xảy ra [illegible] Nga, nước Áo, nước Đức nên ai cũng [illegible] trông đợi hồi bầu-cử này xem cuộc [illegible] ra sao. Chiều ngày 19 mới có vô-tuyến [illegible] thành Lyon sang thì biết rằng [illegible] cục kết-quả tất là thỏa-đáng. Đại [illegible] trong Nghị-viện phần quả-kích sút [illegible] nhiều và phần bảo-thủ được tăng hơn trước.

Xét theo trong diện-[illegible] thời các đảng chia ra như sau này:

Đảng Ái-quốc (*Action française*)	35 người
— Thủ-cựu (*Conservateurs*)	27 —
— Tự-do (*Libéraux*)	65 —
— Tiến-bộ (*Progressistes*)	106 —
— Cộng-hòa tả-đảng (*Républicains de gauche*)	[illegible] —
— Cấp-tiến xã-hội (*Radicaux-socialistes*)	[illegible] —
— Cộng-hòa xã-hội (*Républicains socialistes*)	26 —
— Phản-ly xã-hội (*Socialistes dissidents*)	5 —
— Liên-hợp xã-hội (*Socialistes unifiés*)	55 —
— Vô thuộc đảng (*Indépendants*)	3 —
Tổng	547 người

Theo điện ngày 14 Novembre thì Nghị-viện mới phải có 626 người, vậy thời hiện còn thiếu 9 người, phải bầu một lần nữa.

Nay muốn biết tư-cách của Nghị-viện mới thế nào thời nên so-sánh với Nghị-viện cũ bầu hồi tháng năm năm 1914. Theo số thống-kê của Bộ Nội-vụ thì các đảng năm 1914 chia ra như sau này :

Đảng phản-đối (*Réactionnaires*, tức là gồm các đảng bảo-thủ)	81	người
— tiến-bộ (*Progressistes*)	59	—
— [illegible] (*Fédération des gauches*)	31	—
— cộng-hòa tả-đảng (*Républicains de gauche*)	60	—
— cấp-tiến và cấp-tiến xã-hội (*Radicaux et radicaux socialistes*)	236	—
— cộng-hòa xã-hội (*Républicains socialistes*)	30	—
— liên-hợp xã-hội (*Socialistes unifiés*)	102	—
Cộng	599	—

Bước-dân ta chưa mấy người quen biết cách tổ-chức các chính-đảng bên Âu-châu thế nào, đại-khái nên nhận rằng ở Nghị-viện thường chia ra ba phần : hữu-đảng (*la droite*) là gồm các đảng cái chủ-nghĩa là muốn giữ lấy nền-nếp cũ trong nước ; trung-đảng (*le centre*) là gồm các đảng ôn-hòa, muốn điều-hòa mới cũ ; tả-đảng (*la gauche*) là gồm các đảng cấp-tiến và quá-kích, muốn cải-cách mau trong xã-hội. Danh-hiệu các đảng-phái tuy có [illegible], mà đại-đề ở nước nào cũng chia ra bà [illegible] như thế. Như ở nước Pháp thì trong [illegible] gần đây cái [illegible] nền-nếp cũ [illegible] đảng [illegible] mới. Cứ xem trong Nghị-viện [illegible] năm 1914 thì chỉ có hai đảng mạnh nhất là đảng « cấp-tiến xã-hội » (236 người) và đảng « liên-hợp xã-hội » (102 người), hai đảng ấy đều là tả-đảng cả. Vậy xét trong Nghị-viện mới thì rõ là hai đảng ấy bị thua và mất đi nhiều người lắm : đảng « cấp-tiến xã-hội » trước 236 người, nay chỉ còn có 114, mất đi 122 chân, nhưng nghe nói đâu nhiều người cũ đổi tên sang đảng khác chớ không phải thật có 122 người không được tái-bầu, tuy vậy cũng vẫn là một sự thất bại cho đảng ấy ; đảng « liên-hợp xã-hội » trước 102 người, nay sút xuống 55, mất đi 47 chân.

Đảng « Cộng-hòa xã-hội » hiệp với đảng « Phân-ly xã-hội » được 31 người, sánh với năm 1914 có 30 người, không thắng không bại. « Cộng-hòa tả-đảng » được thêm 51 chân, năm 1914 có 60 người, năm nay tới 111 người. Đảng « Tiến-bộ » cũng được thêm lên 16 chân, năm 1914 có 90 người (cộng cả đảng « tiến-bộ » và « liên-hợp tả-đảng ») năm nay được 106 người. Đến các hữu-đảng (năm nay là gồm ba đảng « ái-quốc », « thủ-cựu » và « tự-do », tức năm trước gọi chung là đảng « phản-đối ») thì được thêm cả thảy 46 chân, năm 1914 có 81 người, năm nay tới 127.

Nói tóm lại thời các tả-đảng lần này sánh với lần trước thua và các trung-đảng hữu-đảng thì tấn-tới hơn trước, nghĩa là cái chủ-nghĩa quá-kích cách-mệnh không thịnh-hành được nữa và nay trong chánh-giới ngõ-hầu theo về đường ôn-hòa bảo-thủ vậy. Cứ như các báo tây nghị-luận thời cái kết-quả đó là một sự rất hay cho nước Pháp, vì trong nước có được yên-ổn không phải sợ cái vạ nội-loạn thì mới được hưởng cái hạnh-phúc hòa-bình. Các báo lại nói rằng sở-dĩ được như thế là nhờ công quan Thủ-tướng CLEMENCEAU, ngài đã đánh được giặc ngoài là nước Đức, lại bình được giặc trong là đảng cách-mệnh. Dân ta được tin ấy cũng nên vui mừng cho quí-quốc, vì quí-quốc có thái-bình thì các dân thuộc-quốc mới được nhờ ơn khai-hóa.

Lại có một tin nữa, chắc đồng-bào ta ai cũng hoan-nghênh, vì là thuộc về một người rất có ơn-nghĩa với ta, tin ấy là tin quan Toàn-quyền SARRAUT được tái-bầu trong hạt ngài. Ta vẫn chắc rằng thế nào ngài cũng được bầu lại, vì một người có tài-năng, có giá-trị như ngài, thiệt là một tay được việc cho nước, nhưng ngài vốn thuộc về đảng « cấp-tiến xã-hội » mà đảng ấy lại là đảng không đắc-lợi, nên được tin công-báo ta mới vững lòng và hết sức mừng rỡ. Ngài đã được tái-bầu chắc thế nào sớm trưa Quí Chính-phủ cũng lại đặc-phái ngài sang đây lần nữa để làm cho hoàn-thành các công việc khai-hóa mà ngài đã khởi-xướng ra.

Được thế thì may cho quốc-dân ta lắm, bọn ta lấy làm rất mong-mỏi vậy

Quan De Lanessan nguyên Toàn-quyền Đông-dương mất. — Điện *Havas* ngày 8 Novembre báo tin quan De Lanessan nguyên Toàn-quyền Đông-dương mới mất bên quí-quốc. Quan De Lanessan làm Toàn-quyền Đông-dương từ năm 1891 đến năm 1895. hồi Đại-Pháp mới đặt bảo-hộ ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, sự-nghiệp ngài hồi bấy giờ có quan-hệ đến quốc-sử ta nhiều lắm. Nay xin lược-dịch qua sự-trạng như sau này để giúp cho các nhà khảo-cứu về lịch-sử.

Tên ngài là Jean-Marie-Antoine de Lanessan: ngài sinh ngày 13 Juillet 1843 ở hạt Saint-André-de-Cubzac, quận Gironde. Trước học thuốc ở trường Đại-học thành Bordeaux, đến năm 1862 vào tòng-sự trong hải-quân, qua tám năm ở Phi-châu và ở Nam-kỳ. Năm 1870, xin từ-chức, tình-nguyện vào làm quan thầy thuốc ngoại-khoa (*chirurgien major*) ở đội quân quận Charente inférieure. Năm 1872 đỗ y-khoa tiến-sĩ, nam 1876 trúng-tuyển chức giáo-viên ở trường Đại-học Paris, rồi được bổ dạy khoa động-vật-học (*zoologie*). Năm 1879 ra ứng bầu hội-viên thành-phố Paris vào đảng cấp-tiến (*radical*), ngày 9 janvier 1881 lại được tái-bầu lần nữa. Ngày 21 Août năm ấy được bầu nghị-viên (*député*) (thuộc về hộ thứ 5 thành Paris). Lập một tờ báo đặt tên là *Le Réveil*, đến năm 1882 thì bỏ ra quản-lý báo *La Marseillaise*, sau lại bỏ tờ ấy ra giúp bút cho mấy báo khác, thứ nhất là báo *Informateur parlementaire*, và báo *Le Siècle*. Ở Nghị-viện thì quan De Lanessan ngồi vào « cực-tả » (*extrême-gauche*), đã từng cử làm ủy-viên (*rapporteur*) cho hội-đồng xét sổ dự-toán bộ hải-quân và bộ thuộc-địa, cùng xét các dự-án về luật định cấp-tiền cho bộ hải-quân để đem quân sang chiếm-cứ đất Madagascar. Bấy giờ ngài muốn khuynh-hướng vào đảng « Cộng-hòa đồng-tâm đảng » (*Union républicaine*), và bị đảng cấp-tiến công-kích. Sau ngài ra ứng bầu vào sổ đảng « Cộng-hòa kết-liên đảng » (*Alliance républicaine*), ngày 18 Octobre 1885 lại được tái-bầu. Năm 1886 ngài được sung phái-bộ đi điều-tra tình-hình thương-nghiệp ở các thuộc-địa và các đất bảo-hộ Pháp để dự-bị cho cuộc Trại-hội năm 1889. Nhân đó ngài đi du-lịch các thuộc-địa Pháp, Anh, Hoa-lan, khi trở về làm nhiều sách về các sự đã nghiên-cứu được. Ngày 22 Septembre 1889 ngài lại được tái bầu nghị-viên nữa, rồi đến tháng 4 năm 1891 thì được đặc phái sang làm Toàn-quyền Đông-dương. Trong khi ngài cai-trị cõi Đông-dương được mấy thịnh-vượng. Nhờ ga ma xứ Bắc-kỳ đẹp đẽ, viên giục-giã Trung-kỳ cũng hồi bấy giờ mới [illegible] bảo-hộ của Đại-Pháp. Ngài đặt con đường xe-lửa Hà-nội - Lạng-sơn để giúp cho việc phòng-bị, làm các công-trình lớn cả thảy tốn 50 triệu mà không phải vay tiền bên Đại-Pháp không những thế, số dự-toán xứ Bắc-kỳ mỗi năm lại còn thừa được nhiều tiền. Cái chính-sách của quan De Lanessan là khéo lợi-dụng các quan-lại An-nam và tỉnh-giảm những tiền quan-phí binh-phí. Nhân đó mà thành ra ngài với các quan binh xung-đột nhau, phải bãi bỏ chức quan hải-quân Đề-đốc Fournier và cả quan đại-tướng Reste về (năm 1892). Bấy giờ ngài nhân bị bệnh, phải [illegible] nghỉ bên Nhật-bản ít lâu, đến tháng 10 năm 1892 lại về giữ chức Toàn-quyền, đến [illegible] thì vì không đồng-ý với quan [illegible] quan Toàn-quyền Rousseau [illegible]. 22 Mai 1898 ngài lại được bầu nghị-viên Lyon. Năm 1902 ngài được cử làm hải-[illegible] tổng-trưởng trong tòa Nội-các Waldeck Rousseau. — Quan De Lanessan không những là một tay chính-trị giỏi, mà lại vừa là một nhà học-vấn rộng nữa. Ngài có làm nhiều sách về bác-vật-học, nhân-loại-học, thực-dân-học (*colonisation*), v. v.

Sổ dự-toán của Chánh-phủ Xiêm-la. — Xét sổ dự-toán (*budget*) một nước thì biết nước ấy giầu hay nghèo, thịnh hay suy, và cách xếp đặt mọi việc trong nước đã được chỉnh-đốn hay là hãy còn khuyết-điểm nhiều. Ta không thường quan-sát đến tình-hình nước Xiêm, chỉ coi bề ngoài là một nước độc-lập, đã vội khen nước ấy khéo kinh-doanh trong nước mới được cái địa-vị như thế, không biết rằng kỳ-thực cách kinh-quốc chưa lấy gì làm hoàn-toàn lắm. Quan lãnh-sự Pháp ở Bangkok mới rồi có báo-cáo cho phủ Toàn-quyền Đông-dương về sổ dự-toán của Chánh-phủ Xiêm năm nay, cứ xét các số-mục lược kể ra sau này thì đủ biết cái tình-hình nước Xiêm thế nào.

Sổ dự-toán Xiêm năm nay tổng-cộng là 76 triệu « tích-can » (« tích-can » là tiền Xiêm, giá ngang bằng đồng bạc Đông-dương ta). Trong số ấy thì lục-quân mất 13 triệu rưỡi, hải-quân mất 4 triệu rưỡi, hoàng-tộc mất 10 triệu rưỡi. Ba khoản đó cộng 28 triệu rưỡi, sánh với tổng-số dự-toán thời cái tỉ-lệ là 37 1/2 o/o Thật là đúng với [illegible] tiếng Xiêm *sa-vuôi-rát*, nghĩa bóng là « trị-vì nước », mà nghĩa đen là « ăn nước ». Một nước xuất-nhập có 76 triệu mà vào nhà vua tới 10 triệu, một nước không cần gì đến quân binh cho lắm mà vào lục-quân hải-quân tới hơn 18 triệu thì thật là ăn hại nước quá !

Hai bộ lục-hải-quân kinh-phí tới bấy nhiêu tiền, mà đến bộ nông, bộ học, bộ công-chính là coi về những việc cần trong nước thì lại ít tiền quá không đủ dùng. Nước Xiêm là một nước chỉ sống về nghề nông mà thôi, số xuất-cảng mỗi năm thì gạo tới 81o/o ; đến đường-xá thì miền nào không có đường sông, chưa có xe lửa là tỉnh không có gì cả ; đến sự học trong nước mới lại thảm nữa : dân-số tổng-cộng là 8 triệu người mà số [illegible] người không biết chữ tới 6 500 000 người [illegible]

Nay xét số chi-tiêu năm 1917-18 thì thấy các nguồn lợi lớn của nước Xiêm là thuế thuốc phiện (21.179.720 tích-can), thuế điền-thổ (8.676.850 tích-can), thuế rượu(8.621.541 tích-can), thuế thân (8.340.671 tích-can), thuế thương-chánh (8.039.615 tích-can), cùng tiền thâu-nhập của các sở hỏa-xa Nhà-nước và các sở mỏ (7.523.142 và 4.944.464 tích-can).

Coi như trên kia thì cách chi-tiêu của Chánh-phủ Xiêm-nãy còn huy-hoắc nhiều lắm, những việc cần không làm mà những sự hư-danh thời vụ bắt-chước cho hệt như người ta ; sánh với cách của Chánh-phủ Pháp lý-tài cho xứ Đông-dương còn kém xa nhiều. Như trong sổ dự-toán Đông-dương khoản chi-tiêu về phủ Toàn-quyền (tức cũng giống như khoản về Hoàng-tộc bên Xiêm) sánh với toàn-số dự-toán có mấy tí, mà những khoản về việc học, việc công-chính, việc cứu-tế, việc khai-khẩn, mỗi năm kinh-phí thật là nhiều. Nói tóm lại cứ đem sổ dự-toán của Xiêm với của Đông-dương so-sánh nhau, thì biết rằng bên ta những khoản về việc công-ích cho dân nhiều lắm, và cách lý-tài cũng chỉnh-đốn hơn ở Xiêm nhiều.

VIỆC TRONG NƯỚC

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Monguillot ở hội-đồng Chính-phủ. — Kỳ hội-đồng Chính-phủ năm nay họp tại Sài-gòn ngày 10, Novembre. Quan quyền Toàn-quyền Monguillot có đọc một bài diễn-thuyết khai-hội kể tình-hình Đông-dương về đường chính-trị, kinh-tế, tài-chính. Bài đó dài lắm và có nhiều đoạn rất quan-trọng, bản-quán tiếc không thể dịch toàn-văn, nay xin tóm lược đại-ý như sau này.

Trước nhất quan Monguillot nói về cái chính-sách khai-hóa của quan Toàn-quyền Sarraut và tuyên-bố rằng về phần ngài cũng vẫn noi theo một chánh-sách ấy. Rồi ngài nói đến cuộc chiến-thắng bên Đại-Pháp, ngợi khen những công-lao của quân-quan binh-lính và tỏ cái lòng ơn-nghĩa xứ Đông-dương.

Xong rồi thời xét đến tình-hình Đông-dương về đường chánh-trị, nói rằng đại-khái trong năm vừa rồi suốt cõi Đông-dương vẫn được bình-yên vô-sự, chỉ trừ ở miền thượng-du Bắc-kỳ và Ai-lao có xảy ra mấy việc man-dân xuẩn-động thì cũng là những việc thường ở chốn biên-thùy, không lấy gì làm lạ. Một việc là việc bọn linh-tập ở đồn Bình-liêu khởi-loạn rồi đồng-đảng với bọn giặc Tàu mà diên man ra đến tận miền Đông-triều, bắt người vợ và em rể một người Tây đồn-điền, nhưng sau bị quân Nhà-nước khu-trục riết phải nộp ai người Tây người đầm, rồi trốn sang Tàu mất. Một việc nữa là việc bọn dân Mèo khởi-loạn ở vào miền trên Điện-biên-phủ, thuộc về thượng-lưu sông Bờ. Duyên-do việc này là ở sự bất-bình giống Mèo với giống Thái, tức là bọn man-dân kình địch nhau mà quân Nhà-nước cũng phải can-thiệp vào, tổn-hại ít nhiều người, và mất một viên quan ba, một viên quan hai ; nay thời xem chừng đã tiềm-tiệm yên rồi.

Xét xong các việc nhiễu-động ở biên-thùy rồi quan Monguillot có bình-luận mấy lời về cái tư-trào mới khởi ra trong dân An-nam về việc chánh-trị. Ngài nói rằng gần đây trong bọn thượng-lưu An-nam có những người đã từng học ở các trường tây ra hoặc

những người làm việc quan với Nhà-nước, xướng ra những tư-tưởng mới, có ý muốn yêu-cầu những quyền-lợi về đường chánh-trị. Ngài cũng biết rằng những người ấy là có lòng thành vì nước, chỉ muốn cho nước mình mỗi ngày một tiến-hóa, không có ý gì trở-ngại cái chủ-quyền của Chánh-phủ, nhưng xét ra thời chủ-nghĩa của những người ấy dù ở Nam-kỳ, Trung-kỳ, hay là Bắc-kỳ cũng là đều muốn xin Chánh-phủ để rộng quyền cho được tham-dự vào việc chánh-trị trong nước. Nhân đó ngài diễn-giải cái chánh-sách của Đại-Pháp vẫn thi-hành ở Đông-dương này từ xưa đến nay, thật là một chánh-sách khoan-dung đại-độ, chỉ lấy sự khai-hóa cho người dân làm mục-đích, và ngài hỏi rằng cái chánh-sách ấy có phải là trái với lòng hi-vọng của bọn thượng-lưu An-nam không? bọn ấy vì cho ra cầm quyền trị nước, thời đã chắc làm được như thế chưa? Quyết rằng chưa. Cứ coi như mới rồi cuộc tranh-thương với người Khách tự bọn đó khởi-xướng ra thật là một việc bạo-động khinh-xuất, không thành kết-quả gì, thì đủ biết bọn đó chưa đủ tư-cách tham-dự việc chánh-trị trong nước. Song Nhà-nước Đại-Pháp đối với quốc-dân An-nam có cái nghĩa thầy trò, vậy Nhà-nước vẫn chú-ý gây-dựng cho dân được thành tư-cách, như xứ nào cũng đặt những tư-vấn-nghị-hội để người bản-xứ tập bàn-bạc các việc lợi-hại trong xứ mình, nhưng muốn gây-dựng cho được phải dần-dần, phải lâu năm, không thể [illegible] mà thành được; vậy dân An-nam [illegible] vội-vàng hấp-tấp mà yêu-cầu những sự [illegible] chưa làm được, cứ để Chánh-phủ tùy [illegible] trình-độ dân mà dần-dần sẽ mở rộng cho được thêm quyền hơn; thứ nhất là không nên làm sự bạo-động, một là mất lòng tin của Chánh-phủ, hai là khiến cho Chánh-phủ phải dùng cách nghiêm-khắc mà đối-phó lại, thật là thiệt cho người mình vậy.

Đó là cái tình-hình về chánh-trị; nay quan MONGUILLOT xét đến cái tình-hình về kinh-tế. Ngài nói rằng về đường kinh-tế Đông-dương từ xưa đến nay cứ mỗi năm một giàu-có thịnh-vượng thêm lên. Cứ tính cái số trung-bình sự buôn-bán riêng của Đông-dương trong khoảng năm năm một, thì từ trước tới nay mỗi năm hơn bù kém là:

194 triệu quan tiền tây trong khoảng năm 1893-1897; rồi tăng tới: [illegible]
424 triệu trong khoảng năm 1908-1912; lại tăng tới: [illegible]
512 triệu trong khoảng 1913-1917.

Năm 1918 tuy Âu-châu đương chiến-tranh mà số buôn-bán của Đông-dương 594.396.000 quan tiền tây.

Đến số buôn-bán chung thì cũng thấy mỗi năm một tăng-tiến như vậy:

Năm 1916.	569 511.000 quan tiền tây
— 1917.	803.375.600 —
— 1918.	817.900.900 —

Nhưng đến năm nay là năm 1919 thì thấy sút kém đi nhiều; tuy chưa hết năm chưa thể thống-kê được rõ, nhưng cũng lượng mà biết rằng năm nay chắc kém năm ngoái nhiều, là bởi thóc gạo các nơi mất mùa, Chánh-phủ phải cấm không cho chở ra bán ngoài; lại bởi một cớ nữa là giá bạc cao-quá nghề buôn xuất-cảng phải đình-trệ cả lại.

Song cứ xét cái đại-thế cuộc kinh-tế thì cũng biết rằng Đông-dương mỗi ngày một thịnh-vượng, và sau này các tài-nguyên trong nước khai-khẩn được hết thì còn có cơ thịnh-vượng hơn nữa. Chánh-phủ cũng hết sức giúp cho việc kinh-tế mở-mang. Cuối năm ngoái mở ra ở Sài-gòn một sở học về các sản-vật trong nước đặt tên là «Khoa-học-nghiên-cứu-viện» (*Institut scientifique*) để giúp cho các nhà nông-công. Lại đặt sở «Công-thương-cuộc» (*Agence économique*) ở Paris để làm mối liên-lạc các nhà công-thương bên Pháp với bên Đông-dương. Lại đặt ở phủ Toàn-quyền một tòa gọi là «Kinh-tế-sảnh» (*Direction du Mouvement économique*), để sưu-tập những tin-tức cùng điều-tra về nông công thương trong nước. Không những thế: Chánh-phủ lại còn trợ-cấp tiền cho các nhà công nhà thương để giúp cho mà gây-dựng những công-cuộc có lợi-ích cho bản-xứ. Lại khởi-hành những công-trình to lớn, kinh-phí rất nhiều, để giúp cho nông-nghiệp được phát-đạt, như một khoản «dẫn-thủy nhập-điền» mà năm 1918 tới 1.654.000 đồng-bạc, năm 1919 tăng lên 2.348.000 đồng-bạc; năm 1920 sẽ tăng tới 2.820.000 đồng-bạc. Các công-trình đó hiện đương làm cả, chừng đến năm 1921 thì có thể thành-công được. Hiện trong chương-trình năm

1920 thì Chánh-phủ định dẫn nước vào tưới cho 10 vạn mẫu tây những ruộng đất ở miền Kẻ-Sặt, lại định đào một con sông thoát cho mùa nước lên sông Nhị-hà dễ chảy thoát đi được. Về cái vấn-đề trị-thủy cho xứ Bắc-kỳ thì từ năm nay Chánh-phủ quyết thực-hành, không nghi-luận nghiên-cứu mãi nữa : định tu-bổ [illegible] đê cũ, đào thêm mấy con sông [illegible] con sông Đáy giòng sông không được [illegible] lắm nên nước chảy không mạnh, không thể lợi-dụng được nhiều), kinh-lý cái khu-chứa tỉnh Vĩnh-yên để phòng khi nước lên to thảo bớt vào đấy. — Nói rút lại thời Chánh-phủ chú-ý nhất là giúp cho nông-dân được tiện-lợi mà làm ruộng.

Trên kia đã nói rằng việc buôn-bán ở Đông-dương năm nay sút đi là bởi giá bạc lên cao quá. Giá bạc lên cao quá thời thứ nhất thiệt-hại cho các nhà xuất-cảng ca-phê, cao-xu và các quặng-mỏ, những nhà ấy kinh-phí ở đây toàn bằng bạc mà bán ra ngoài thì nhận bằng quan tiền tây, lỗ nhiều quá, không dám xuất-cảng nữa. Sau nữa, là những người lĩnh-chưng các công việc dài hạn với Nhà-nước, làm giao-kèo bằng quan tiền tây, trước kia giá bạc hạ thì có lãi, [illegible] bây giờ giá bạc cao lỗ vốn. Nhưng xét ra [illegible] chẳng qua là sự lợi-hại riêng [illegible] không có quan-[illegible] chung của toàn-thể [illegible] Dương. Tuy vậy giá bạc mỗi ngày một [illegible] như vậy, nếu cứ thế mãi thời cũng là một sự không hay cho đường kinh-tế. Chánh-phủ bên Pháp bèn đặt hội-đồng ở Bộ để tìm cách định cho đồng-bạc một cái giá nhất-định, không phải khi lên khi xuống nữa. Cứ lý-thuyết thời cái kế đó hay thật, nhưng quan Monguillot xét tường các phương-diện — đoạn này là đoạn nghị-luận tinh-tế nhất trong bài diễn-thuyết của ngài, bản-báo tiếc không thể tóm lược cho hết ý được — mà kết-luận rằng kế đó không thể nào thi-hành được. Vì giá bạc cao tức là đồng-bạc của Đông-dương trong thị-trường đương đắt, nếu nay định hạ xuống tức là giảm mất cái giá ấy đi, thật là có thiệt chớ không có lợi cho Đông-dương. Lại còn một cớ nữa là muốn định giá bạc cho nhất-định thì phải phát-hành nhiều giấy bạc ra mà rút cả bạc đồng về, hạ-lệnh bắt giấy bạc phải « cưỡng-hành » (*cours forcé*), khiến cho giấy bạc không có đối-chiếu với đồng-bạc mà theo giá bạc khi cao khi hạ được, cách đó thì quyết là không làm được, vì người bản-xứ chưa quen dùng giấy bạc, trừ nơi thành-thị, còn những chốn nhà quê cùng các nơi xa người ta chỉ biết tiêu bạc đồng mà thôi, nay cưỡng bắt như thế không khỏi không phất-ý dân. Bởi các lẽ đó quan Monguillot tưởng rằng không thể nào mà hạn-định giá bạc được, nhưng vấn-đề ấy phải do bên Bộ giải-quyết, ngài bàn đây là nói cái ý riêng của ngài đó mà thôi. Về phần ngài thì ngài đã phòng-bị trước mà xin bên Pháp mau gửi nhiều bạc con sang, cho trong dân-gian tiện tiêu-dùng; ngài lại truyền cho Bắc-kỳ Trung-kỳ đúc tiền để thay tiền kẽm, và nghĩ cách chế một thứ tiền giá bằng nửa đồng xu.

Sau nết quan Monguillot xét đến cái tình-hình về tài-chính. Năm 1918 thì số dự-toán Đông-dương cuối năm thừa được 13.184.000$, nhưng thừa được nhiều như thế là một nửa vì các khoản chi-tiêu không hết, một nửa vì số thâu-nhập về thuốc phiện dôi ra. Năm ngoái tổng-số các khoản thâu-nhập là 48 344. 416$, mà riêng một khoản thuốc phiện tới 20. 993.924$73, tức là non nửa. Coi đó thời biết rằng thuốc phiện là cái nguồn lợi to cho Đông-dương. Nhưng gần đây bên Nghị-viện có tuyên-bố luật muốn cấm sự buôn-bán thuốc phiện, như thế thì tài-chính Đông-dương không khỏi không quẫn-bách. Ngay năm 1919 này số thâu-nhập đã thấy sút đi nhiều rồi, chắc đến cuối năm không thừa được hơn 5,6 triệu. Sang năm thì kể cả 5,6 triệu ấy mà lại còn phải lấy thêm 12 triệu nữa ở kho dự-bị mới đủ chi-tiêu các công việc. Nay kho dự-bị tính đến ngày 30 Juin trước còn cả thảy được 16 triệu rưỡi, nếu đã phải lấy đi 12 triệu cho sổ dự-toán năm 1920 thì chỉ còn lại có 4 triệu, đến cuối năm 1920 may ra mà còn thừa được 6,7 triệu thì kho dự-bị bấy giờ được nhiều lắm là 11 triệu mà thôi, muốn cho sung số cũ thì phải kiếm đâu được 5 triệu nữa, mà sổ dự-toán năm 1921 chưa biết xếp đặt ra làm sao cho có thể làm nốt được những công-trình lớn đã khởi-hành. Cũng mong rằng từ nay đến bấy giờ cái tình-hình sẽ thay đổi đi, được tiện-lợi hơn, chớ cứ như bây giờ thì tài-chính ở Đông-dương cũng có điều đáng lo vậy. Quan Monguillot định đặt thêm mấy thứ thuế mới, như thuế thân cho người Tây, nhưng kể ra cũng chưa thấm vào đâu. Ngài kết-luận rằng muốn bổ-cứu cho tài-chính Đông-dương, thì từ nay phải giữ một cái chính-sách tiết-kiệm, phải sửa-sang lại các cơ-quan hành-chánh cho giảm bớt các khoản kinh-phí đi, có thế thời nhờ việc kinh-tế mở-mang, tài-chánh Đông-dương mới có ngày dư-dũ được.

Bài diễn-thuyết của quan thống-đốc Maspéro ở Hội-đồng Quản-hạt Sài-gòn. — Ngày thứ sáu 17 Octobre ở Sài-gòn hợp hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ, quan Maspéro có đọc một bài diễn-thuyết khai-hội, nói tường về tài-chánh xứ Nam-kỳ trong năm nay và sổ dự-toán sang năm.

Theo lời diễn-thuyết đó thì mùa-màng trong Nam-kỳ năm nay mất, số gạo xuất-cảng chỉ bằng nửa năm ngoái, nhưng nhân được các nước bên cạnh cũng đều mất mùa cả, nên giá gạo bán được rất cao, thành ra gạo xuất ra kém đi một nửa mà tiền thâu vào cũng được ngang bằng năm trước. Song giá bạc mỗi ngày một cao, việc xuất-cảng gạo cuối năm nay và đầu năm sau có lẽ bị ngăn-trở nhiều. Không những một gạo, các sản-vật khác như cà-phê, cao-xu, cũng bị ngưng-trệ cả lại, không đem ra bán ngoài được. Lại tiền lương các quan-lại Tây tính bằng quan tiền tây, nay giá bạc tăng lên quá thì Chánh-phủ lại phải phụ-cấp nhiều cho quan-lại khỏi thiệt, sự ăn-dùng mỗi ngày một đắt-đỏ.

Xét đến sổ dự-toán riêng của Nam-kỳ sang năm thì cũng thấy có cái hiểm-tượng như sổ dự-toán chung của Đông-dương. Năm ngoái sổ dự-toán Nam-kỳ đã phải lấy trong kho dự-bị 1.038.645$ mới đủ tiêu. Năm nay kể cả các thuế mới sắp đặt và các khoản tiêu đã giảm bớt đi nhiều mà còn thiếu tới [illegible] 000$, kho dự-bị hiện-ngân chỉ còn có 530.000 theo luật-lệ thời bao giờ cũng phải để trong kho 250.000$, thế mà nay phải trích tới 380.000$, thành ra lại mất 100.000$; lại phải xin phủ Toàn-quyền trợ-cấp cho 900.000$ nữa mới đủ cái số thiếu 1.280.000$ trên kia. Coi như thế thời tài-chánh xứ Nam-kỳ cũng đương vào lúc quẫn-bách, nên các công-việc lớn phải dình-đốn cả.

Thuộc về khoản thuế thân thì quan Thống-đốc Maspero định đặt ra ba hạng như sau này:

Một hạng thuế thân cho người Pháp, dự-toán là	45.000 $
— thuế người ngoại-quốc	55.000
— Bỏ lệ miễn trừ người An-nam	10.000

Thuế thân cho người Tây định đánh nhiều nhất là 40 $, ít nhất là 5 $, người nào ở một mình không gia-thất thời đánh nặng, người nào có vợ và đông con thời đánh nhẹ. — Thuế ngoại-quốc thời kể cả các người ngoại-quốc ngụ-cư ở Nam-kỳ, trừ người Khách đã có thuế thân riêng. — Còn bỏ lệ miễn-trừ cho người An-nam là những bậc quan-lại chức-sắc trước được trừ thuế thân, nay phải đóng cả, tức cũng như lệ mới ở Bắc-kỳ bắt đầu từ sang năm.

Nhân nói về thuế thân người Tây quan Maspero giải một sự ngộ-nhận của dân An-nam xưa nay vẫn tưởng lầm rằng người Pháp không phải đóng thuế nặng bằng người An-nam. Ngài trích lời báo-cáo của quan Giám-đốc Quesnel có một đoạn nói rằng: « Về « việc sưu-thuế, xét ra người Pháp cũng phải « đóng bằng-đẳng như người An-nam ; có « nhiều khoản lại phải nặng hơn nữa ; về các « thuế gián-tiếp và những sự ăn-tiêu đắt-đỏ « thì tính ra người Pháp phải chịu nặng hơn « người An-nam nhiều lắm. Thuế điền-thổ « người Pháp cũng phải đóng nặng như người « Nam ; nếu có ghe chài (thuyền), có trâu-bò, « xe ngựa cũng phải nộp thuế. Buôn-bán nghề « gì cũng phải nộp môn-bài. Trong hội-đồng « có ông Jacque làm chủ một hãng buôn, ông « nói rằng hãng ông trong năm 1918 phải nộp « thuế môn-bài và các thuế khác tới 5960 f 54. « Vậy thời chỉ trừ có thuế thân chưa đặt, các « thuế khác người Tây [illegible] ng phải đóng như « người Nam cả....» Nay [illegible] nhà-nước đặt thuế thân cho người [illegible] năm tử người Pháp không được hơn gì [illegible] rằng Chánh-phủ rất công-bằng thiên-vị bên nào vậy

Hội Tư-vấn Bắc-kỳ. — Hồi cuối năm này là mùa các hội-đồng: trên thời hội-đồng Chánh-phủ (*Conseil du Gouvernement*) năm nay họp tại Sai-gòn ngày 10 Novembre vừa rồi trên kia đã thuật lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Monguillot ; ở Nam-kỳ thời có hội-đồng Quản-hạt (*Conseil colonial*) họp ở Sài-gòn ngày 17 Octobre trước ; ở Bắc-kỳ thời có hội Tư-vấn (*Chambre consultative*) họp ở Hà-nội ngày thứ ba 28 Octobre trước. Nghe đâu Chánh-phủ cũng đương sắp-sửa đặt một hội Tư-vấn cho Trung-kỳ nữa, thế là ba cõi Nam-Việt ta đều có hội-nghị người dân được tham-dự.

Kỳ thường-khóa hội Tư-vấn Bắc-kỳ năm nay cũng bàn các việc như mọi năm, nghĩa là xét chương trình các việc công-ích Chánh-phủ định thi-hành sang năm. Các công việc ấy dự-toán một khoản tổng-số là 1.851.847 ; sang năm cũng như năm nay, các công việc làm thời nhiều mà tiền thâu-nhập thì ít, nên nhiều việc phải đình lại đến năm sau. Nhưng những việc cần nhất Chánh-phủ định làm ngay là những việc dẫn-thủy nhập-điền, nhất là việc

tưới ruộng bằng ống thụt cho ba tỉnh Hưng-yên, Bắc-ninh và Hải-dương. Chánh-phủ lại hỏi ý hội-viên về việc tuyển-cử các tổng-lý để sửa lại nghị-định ngày 20 Décembre 1913, và cách thi-hành thuế thân mới thế nào là tiện và hợp tục-lệ ở chốn hương-thôn. Trước khi hội-đồng tan, ông hội-trưởng có thay mặt các hội-viên xin với Chánh-phủ mấy điều, thứ nhất xin lập một Trường Thương-học ở Hà-nội. — Các hội-viên năm nay là hết hạn rồi, sang năm tất phải bầu-cử lại.

Chỉ-dụ cấm quan-lại An-nam những-thâu lễ-vật. — Ngày 27 Octobre 1919, Hoàng-Thượng ta có hạ Chỉ-dụ cấm các quan-lại An-nam những-thâu lễ-vật ; ngày 12 Novembre có nghị-định quan Toàn-quyền tuyên-bố thi-hành ở địa-hạt Bắc-kỳ. Lời Chỉ-Dụ như sau này :

« Trị nước, mở-mang cho dân thời vẫn tùy « theo phong-tục ; ra làm việc chính, thời phải « bỏ hết điều tệ, mà làm theo cách mới. Lúc « Trẫm mới lên ngôi, đã có hiểu-dụ đến điều « ấy. Nước mình là nước văn-hiến, tục trong « nước phần nhiều [illegible] cách xa-xỉ, phù-hoa ; « xem như [illegible] quan, hôn, tang, tế, làm [illegible] tới đi mừng hay [illegible] đến, để ngó cho tử-tế ; người [illegible] không khỏi lo sự phí-tổn vô-ích, « người nghèo thời phải khổ về sự đi vay tạm ; « cho đến nỗi quan nhỏ ở dưới mà xu-phụng « quan trên gặp lễ Đoan-dương, Nguyên-đán, « thời có người móc hết tiền bạc để làm lễ hạ, « đều chuộng cái hư-văn vô-ích mà lại mất cái « đường lợi để làm cho ra của, rồi cái văn-hiến « của nước mình cũng cứ suy hèn mà thôi, là « vì cớ ấy. Trẫm nghĩ Nhà-nước mình, đất « thời kém, dân thời nghèo, tiền của càng ngày « càng khó làm ra, huống là buổi văn-minh bây « giờ, dân-trí càng mở-mang, mà Trẫm thời « tài cũng thường, đức cũng kém, về sự khai-« trí quảng-tài, chưa có làm được chút nào, « thiệt lấy làm hổ thẹn ; ngồi nghĩ lại người « xưa có nói rằng : « Tới chỗ vực sâu mà khen « cá, không bằng đi đóng lưới thời hơn. » Vậy « thời dân-gian bây giờ phàm những lễ quan, « hôn, tang, tế, tùy theo nhà nghèo giàu, phải « tùng kiệm mà làm vừa vừa, lễ Đoan-dương, « Nguyên-đán và những kẻ quan nhỏ ở dưới xu-« phụng các quan trên, ở Kinh thời Viện, Bộ, « các nha, ở các [illegible] thời Đốc, Vũ, Bố, Án, « Phủ, Huyện, nha-lại, thuộc dĩ tới đường, dân « dĩ tới quan, quân lính dĩ tới thống quản, chỉ « cho bái-yết, vừa phải tỉnh lễ mà thôi ; cùng « những đơn-từ kiện-cáo việc gì, chỉ cho tay « không vào đưa đơn mà thôi, chớ không được « đem những cau, trầu, rượu, phẩm vật, « và đem vàng bạc tiền của đi lo, với đi « lễ Đoan-dương Nguyên-đán đều cấm hết. Vì « làm quan thời đã có ơn Vua, lộc nước, cũng « đủ cung-phụng cha mẹ và nuôi vợ con, có « thiếu gì nữa, mà không thương đến sự xu-« phụng của dân là hao-phiền, rồi thế nào cũng « có lời gièm oán.

« Từ nay về sau không được những-thâu, « và những sự xu-phụng của dân-gian đều cấm « hết. Sự ấy đã nghiêm-cấm rồi, thời những « quan, lại, lính, dân ở Kinh và ở các tỉnh, « đều phải tuân theo, việc gì cũng phải theo lệ « công-bằng, để cho thành tục, nếu mà cái tệ « cũ hãy còn, mà người ta biết ra được thời « không kể người đi cho, người lấy của, đều « chiếu « vi-chỉ » theo tội nặng mà khoa-nghĩ, « khi đó thời không được ăn-năn nữa.

« Dụ này thông lục cả trong ngoài đều biết « mà tuân theo, và các địa-phương phải đem « mà niêm thị. Khâm thử ! »

Có tờ báo tây bình-luận lời Chỉ-dụ trên này có nói hài-hước mấy câu rằng : « Lời Thánh-dụ thật là lời châu ngọc, nhưng chẳng hay bọn quan-lại An-nam có giữ được y lời không, ta thiệt không dám chắc vậy. Ta tưởng rằng Chánh-phủ Bảo-hộ muốn tuyên-bố lời Chỉ-dụ ấy nên làm một tờ nghị-định có hai điều như sau này : — Điều thứ 1. — Xét ngày nay dân-trí An-nam đã mở-mang hơn trước, bọn quan-lại không được tự-tiện bóc-lột dân như trước nữa. Vậy từ nay dân có việc gì lên cửa quan chỉ được đi tay không, không được đem tiền bạc đồ lễ gì cả ; — Điều thứ 2. — Nghị-định này cả bản-dân An-nam phải chiếu nghị thi-hành. »

Lời nói đùa mà có ý-vị thay ! Thật thế : muốn cho quan-lại khỏi vi-chỉ mà phạm tội những-thâu, thì nhất-ban quốc-dân phải chiếu nghị thi-hành trước mà đừng đem tiền-bạc lễ-vật cho quan nữa ; còn mong ở lòng đạo-đức của quan thì khó lắm, khó thật !

Nói về đồn-điền ông Borel ở Sơn-tây và đồn-điền ông Cự ở Vĩnh-yên. — Nước ta vốn là một nông-quốc, nông-nghiệp là cái bản-nghiệp của dân mình. Huống cả đất đồng bằng ngày nay đã cày-cấy gần hết rồi, mà những miền trung-du thượng-du thời còn bỏ hoang cả. Những nhà tư-bản ta nên xuất-vốn mà lên mở đồn-điền ở những miền đó, không những là đất tốt, kinh-lý khéo chắc là có lợi to, mà lại dùng được nhiều người nông-dân ở trung châu lên, giúp cho những tỉnh đông người quá không có ruộng đất mà làm, những năm đói kém khốn-khổ lắm. Gần đây ký-giả có đi chơi hai nơi đồn điền, vào miền trung-du, là đồn-điền của ông Tây Borel trồng cà-phê ở chân núi Tản-viên, thuộc tỉnh Sơn-tây, và đồn-điền của ông Nguyễn-hữu-Cự cấy lúa ở chân núi Tam-đảo, thuộc tỉnh Vĩnh-yên.

Đồn-điền ông Borel trồng toàn cà-phê, hiện nay có hơn 15 vạn gốc, nếu cứ tính hơn bù kém mỗi gốc bán được lãi 1 quan tiền tây, thì đồng-niên cũng thâu-nhập được 15 vạn quan. Ông lại còn có cái trại nuôi trâu, bò, dê, cừu, ngựa, lợn, cả thảy tới bảy tám trăm con, cũng là một món lợi to lắm. Cách ông sắp-đặt những chuồng cho súc-vật ở, cùng những nhà phụ-thuộc, như nhà làm cà-phê, nhà làm sữa-bò, chỉnh-đốn lắm, thật là một cơ-sở to, đáng làm mẫu cho các đồn-điền khác. Ông nói cứ đến mùa hái cà-phê — độ rầy chính là giữa mùa đây — những dân làng bên cạnh, cả đàn-bà trẻ con đến làm đông lắm; những năm đói kém như năm nay, thật là một việc cứu-cơ vậy.

Đồn-điền của ông Cự thời ở ngay chân núi Tam-đảo, trước mới có 6 nghìn mẫu, nay ông lại tậu thêm được 4 nghìn nữa, cả thảy là 1 vạn mẫu, toàn là đất hoang cả, mà nay ông khai-khẩn đã được nhiều lắm. Những đất ấy tốt lắm, muốn làm thành ruộng thuộc chỉ khó nhất là cách lấy nước vào đồng mà thôi, vì đất là đất cao, không có gần sông ngòi gì cả. Ông Cự vốn là tay thầu-khoán, xây cầu đào sông đã quen, ông nghĩ ngay được cách dẫn nước nguồn trên núi Tam-đảo xuống. Đất vốn là cao-nguyên, ở vào châu núi, càng lên càng cao, ông bèn lấy nước vào từng trên, đắp đê be lại, rồi mở đê cho chảy từ-từ xuống các từng dưới, thành ra suốt đồn-điền đều có nước dùng cả, mà nước vốn là nước trong nguồn chảy ra, cả ngày cả đêm mùa nào cũng có. Nhờ có cách dẫn-thủy khéo như vậy mà những đất rừng nay thành ruộng thuộc. Nay khai-khẩn đã được 5 nghìn mẫu, chỉ trong năm ba năm nữa là khai được hết; bấy giờ chắc là hoạch-lợi được to lắm, vì cứ tính trung-bình mỗi mẫu được lãi 12 [illegible] khoản kinh-phí đi rồi, thành ra mỗi năm [illegible] tới 120.000$.

Hiện nay đi dạo qua đồn-điền ông một lượt, phải đi bằng xe hơi, trong mấy giờ đồng-hồ không hết, ; trong đồn-điền có đặt đường chạy dài và chia làm tám ấp cho các dân tá-canh ở.

Trường Bảo-hộ Bắc-kỳ. — Trường Bảo-hộ là sở học lớn nhất ở Bắc-kỳ, dưới các trường cao-đẳng và trường trung-học Pháp. Số học-trò tới hơn nghìn người, nhà học-xá dựng ngay trên bờ Hồ Tây, là nơi cảnh-trí có tiếng ở Thăng-long. Trường này trước là trường « Thông-ngôn », sau thay đổi ra thể-thức như bây giờ là một trường trung-học cho người An-nam, hiện nay dạy cho học-trò tốt-nghiệp ra tòng-sự ở các sở Nhà nước và sung chức giáo-viên các trường Pháp-Việt, cũng dự-bị cho học-trò vào [illegible] học nữa. Từ ngày có trường [illegible] hạng thiếu-niên tuấn-tú ở [illegible] xuất-thân ở đấy cả, và trong số [illegible] người học đã thành-tài, làm nên công có ích cho nước. Vậy thời trường Bảo-hộ này cũng là một cái lò đúc nhân-tài cho nước Nam ta vậy.

Gần đây Chánh-phủ có cử quan Léonet quyền lĩnh chức giám-đốc trường, ai đã từng biết Lê tiên-sinh thì cũng mừng rằng nay trường đã có người cai-quản xứng-đáng. Tiên-sinh là một tay sư-phạm kỳ-cựu ở Bắc-kỳ này, ký-giả khi xưa cũng là học trò ngài, biết ngài có bụng yêu-mến và hết sức đào-tạo cho bọn thiếu-niên An-nam ta. Ngài là người rất trọng kỷ-luật, nên cai-quản trường nào cũng chủ lấy kỷ-luật trước nhất. Các ngài đối-đãi với học-trò có nghiêm, nhưng tựu-trung thật là có cái bụng ân-cần ở đấy. Và xét cho kỹ, phàm giáo-dục phải có nghiêm mới được, dẫu các tiên-nho ngày xưa cũng dạy như thế. Ông thầy phải nghiêm với học trò, học-trò phải kính-trọng ông thầy, thế trật-tự ấy mà điển-đảo thời không có giáo-dục nữa. Vậy bổn-phận ông thầy là phải giữ một cái thái-độ rất nghiêm-nghị khiến cho học-trò phải trọng-phục mình. [illegible] bổn-phận học-

là phải theo phép-tắc và thứ nhất kính-trọng thầy dậy mình, vì nhà trường tức là một cái xã-hội nhỏ, nếu ở nhà trường mà không giữ kỷ-luật thì sau ra làm dân biết theo phép nước sao được? Những lẽ đó chắc các học-sinh ta đã hiểu cả, nhưng được một quan đốc như Lê tiên-sinh thì cái kỷ-luật tất không sợ hư-hỏng. Nay đã có người cai-quản xứng-đáng, có bụng ân-cần với bọn mình, vậy [illegible] khuyên các học-sinh ta nên hết sức học-hành, để một mai có đủ tư-cách mà ra gánh-vác công-việc trong nước, vì cái trách-nhiệm của chúng ta nặng lắm, anh em ạ! Anh em nên nhớ rằng hễ ở trường làm người học-trò giỏi, thời ra đời tất là người dân hay, vậy nên chăm học kính thầy, nghĩa-vụ anh em bây giờ chỉ có thế thôi, còn ngoại-giả là việc ngoài phận-sự cả.

Trường Thể-dục Hà-nội. — Ông NGUYỄN-QUÍ-TOẢN giáo-học trường Bảo-hộ có xướng-lập một trường Thể-dục ở Hà-nội, hiện Chánh-phủ đã cho đất làm nhà và cấp tiền giúp, quốc-dân cũng nhiều người tán-thành, chắc nhà trường nay mai sẽ làm xong. Cái mục-đích trường ấy rất là hay lắm; dậy cho bọn thanh niên ta các lối thể-thao du-hí của Âu-Mỹ, [illegible] thân-thể được [illegible] và một sự có ích, [illegible] cần nữa. Sức người có mạnh-[illegible] tinh-thần mới mẫn-tiệp; dân ta từ [illegible] đến nay vẫn nhãng bỏ sự thể-thao, nên trong bọn thiếu-niên nhiều người gầy-còm yếu-ớt, coi bộ nhu-nhược, tưởng không đảm-đương được sự-nghiệp gì to. Bây giờ đương là buổi nhu-tài, phải cần có những người tinh-thần thân-thể kiện-toàn thời mới làm được việc có ích. Vậy những người trí-thức nên hết sức cổ-động cho quốc-dân chú-ý về đường thể-dục, thật là một việc có quan-hệ cho tương-lai của giống-nòi ta vậy. Bản-báo có lời khen ông NGUYỄN-QUÍ-TOẢN đã nhiệt-thành khởi-xướng ra trường Thể-dục như trên kia và chúc ông làm thành được việc ấy thì thật là có công với đồng-bào vậy.

Việc tổ chức công-nghệ của làng Bộ-la, huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình. — Tôi nguyên quê ở Hà-đông, xuống dậy học trường Pháp-Việt làng Bộ-la trông thấy việc cải-lương trong làng xếp đặt rất là chỉnh-đốn. Hỏi ra trong làng cả công-tư điền-thổ có 405 mẫu, mà số dân nam phụ lão ấu một nghìn hơn tám trăm người, ruộng ít người nhiều, mà dân-tình thuần-chất. Cho nên 6, 7 năm trước nhờ ơn quan Tổng-đốc lĩnh Thái-bình Tuần-phủ PHẠM đại-nhân, thấy dân thanh-đạm, thương-thuyết với quan Thanh-tra GARCHON tỏa Canh-nông Hà-nội khai-hóa cho nghề ươm tơ tây, để dân học lấy nghề nghiệp, mà Hội « Đồng-ích » Thái-bình cấp máy ươm và cho vay bạc nhẹ lãi. Khi làm thành-hiệu đã đem tơ lên đấu-xảo ở Hà-nội được thưởng bao-tử.

Đến khi quan huyện NGUYỄN DIỆP-QUẢNG về trọng-nhậm ở huyện Vũ-tiên, ngài thường về khám trường, thưởng giấy bút cho học-trò, nam nữ, thấy dân biết ươm tơ chưa biết dệt, ngài lại giúp vốn và khai-hóa cho việc dệt lụa tây khổ rộng 1 m. 20, dệt vải lợp xe, vải quấn và các thứ vải rộng khổ. Hiện bây giờ trong xưởng đã làm được 8, 9 máy. Nay nhân buổi cần-dùng nam-hóa, ngài lại chỉ giáo dựng thêm máy dệt lĩnh, dệt khăn tay bông. Quan tỉnh, quan huyện có lòng yêu dân như thế, khác nào cha mẹ yêu con, nhân-chính sánh bằng trời biển, tiếng âu-ca vang cõi Thái-bình, thực là « vạn gia sinh-phật, nhất lộ phúc-tinh » vậy.

Quí-hóa thay hội văn-minh này!

Mừng-dỡ thay làng Bộ-La này!

Quan trên có bụng thương yêu, dân dưới có công học-tập; nghe đâu được những ông danh-giá trong bản-tỉnh, như là: ông chánh-bát-phẩm sung Bác-kỳ nghị-viên NGUYỄN-QUANG-CƠ, ông chánh-tổng Lạc-Đạo ĐÀO-THIỆN-LUẬN, ông ký-lục nhà máy-tơ LƯU-ĐỨC Ý, mỗi ông giúp 100$00 trong một năm không lấy lãi. Lại có ông Cửu-phẩm NGUYỄN-TRÍ-PHÚ mới mở cửa hàng ở thành-phố Thái-Bình, cũng đem lòng tốt nhận đồ hàng hóa bán giúp cho, khen thay các ông ấy thực cũng lưu-tâm về việc công-ích lắm.

Vả lại đương buổi thương-giới cạnh-tranh này, ước gì các làng ở các tỉnh huyện cũng gắng sức việc công-nghệ như thế, các ông danh-giá phú-hào ở các tỉnh cũng có lòng nhiệt-thành như thế, thì đồ nam-hóa ngày càng phát-đạt, nghệ-học ngày càng mở mang, mà lợi-quyền chắc cũng có ngày mở rộng tung ra được.

Tôi mục-kích việc xã hội nghị viện làng Bộ-La còn nhiều điều đáng khen nữa, nhưng đây tôi xin nói qua về đường công-nghệ sự-thể như thế, xin nhờ báo-quán làm ơn đăng cho, để đồng-bào ta biết gia công lập-thành thực-nghiệp, ích

tự có lẽ thiên-nhiên để-chế Bắc-hóa ở trong, chớ đừng đem tay không hò reo chi làm vậy

NGHIÊM-VĂN-NINH
Giáo-học lớp nhất trường
Pháp-Việt làng Bô-La
Lai-cáo

Giới-thiệu sách mới. — 1. *Thần-Tiên* của NGUYỄN KHẮC-HIẾU, giá 0 $ 30, in ở nhà Đông-kinh Ấn-quán — Hà-nội 1919.

Ông NGUYỄN KHẮC-HIẾU vẫn còn nối được cái chí làm sách, ông tiếp-tục luôn luôn hết thứ sách này đến thứ sách khác, thực cũng đáng khen cho ông. Mới rồi ông lại gửi tặng bản-chí một quyển truyện để là « Thần-Tiên », ông chia ra năm canh, thể văn văn-đáp, ông mượn hai người con gái giang-hồ làm hai đồng bạc, đêm trường than-vãn sự đời. Cô em thật là nanh-ác, cô chị thật là đạo-đức, cãi nhau suốt sáng. Trong đó kể thời cũng có chỗ khuyết-điểm, nghĩa là ông bỏ vào chương-cú thiên-mục thành ra nhiều chỗ đáng tả rõ thời ông không tả được hết, mà lắm nơi chị em đối-đáp đờ lời nhau thời lại thừa. Song cái ý truyện thời hay, nhiều nơi nói cũng có ích cho nhân-tâm thế-tục. Cuối quyển « Thần-Tiên » có một bài lục-bát « nói chuyện với bóng » và mấy câu « nhàn-thoại » bằng chữ nho. Tất cả hơn 60 trang giấy. Xin chúc cho văn-nghiệp ông được tiến-bộ và khuyên ông cố tìm cách làm những văn-chương hữu-dụng cho đời xem.

2. — ROMANET DU CAILLAUD. *Lê-triều thượng-cổ truyền-giáo*. — Hôngkong, Imprimerie de Nazareth 1919. (Bán ở nhà báo *Avenir du Tonkin*). Hà-nội giá 0 $ 25.

Các cố người Âu-châu sang giảng đạo [illegible] nước ta ngày xưa, nhiều ông có làm sách « Ký-ức-lục » để lại, trong kể những sự [illegible] kinh-lịch trong khi ở An-nam. [illegible] dẫu không phải là chánh-sử, song [illegible] bổ khuyết cho quốc-sử ta nhiều, vậy [illegible] những sách các nhà sử-học nên khảo-[illegible]. Tập *Lê-triều thượng-cổ truyền-giáo* này là một vị linh-mục người quí-quốc ở Bắc trích dịch trong sách của ông sử-học ROMANET DU CAILLAUD, kể về sự-tích một ông cố đào-nha tên là ORDONEZ DE CEVALLOS đời LÊ THẾ-TÔN (1573-1599) sang giảng-đạo bên nước Nam, khi về nước có chép một tập « Ký-ức-lục », để lại. Đời bấy giờ nhà Mạc đương chiếm-cứ các miền Bắc, vua Lê chúa Trịnh phải vào đóng đô ở vùng An-trường tỉnh Thanh-hóa bây giờ. Ông ORDONEZ mới sang được vào bệ-kiến vua và chị vua là Ngọc-[illegible] công-chúa, rồi dần dần cảm-hóa được bà công-chúa và truyền-giáo cho nhiều người trong hoàng tộc. Theo lời ông thuật thì bà công-chúa lúc mới đầu thấy ông người phong-nhã lại có tình với ông, [illegible] nhưng sau nghe lời ông giảng [illegible] đạo mà theo về bên giáo [illegible] cũng lì-kỳ thay. — Nói tóm lại thì *Lê-triều truyền-giáo* cũng có bổ-ích cho quốc-sử ta, các nhà khảo-cứu nên đọc. Lời văn giản-dị ngữ binh-thường giản-dị, dễ đọc dễ nghe.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Tên các hội-viên xin vào Hội trong tháng Novembre. — Trong tháng Novembre có những ông kê tên sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng không ai dị-nghị thời được nhận vào chân hội-viên.

Chín ông sau này đều xin vào chân *thường-hội-viên* cả :

Ông Chung dit M. L. Tâm commerçant no 145 boulevard Bonnal, Hải-phòng.

— Nguyễn Duy-Thiện, thông-lại kiêm lục-sự ở nha huyện Yên-mô, Hưng-yên.

— Nguyễn Văn-Thu, interprète de l'Intendance, chủ hiệu « Đồng-hợp », Hà-giang.

— Phạm Tất-Thành, thừa-phái huyện Kim-thành, Hải-dương.

— Trần Đôn, cựu chánh-tổng, làng Lạc-phong, tổng Sơn-lạc, huyện Sơn-hòa, tỉnh Phú-yên (An-nam).

— Trần Quang-Chúc, làm nghề buôn-bán, ở xã Đại-đình tổng Phù-lưu, phủ Từ-sơn, Bắc-ninh.

— Trần Văn-Tịnh, chánh-tổng An-phú, ở làng Cổ-pháp, phủ Nam-sách, Hải-dương.

— Vũ Đình-Học, lại-mục huyện Yên-mô, Hưng yên.

— Vũ Hoằng, thông-lại huyện Yên-mô, Hưng-yên.

Hội-viên mới. — Các ông xin vào chân hội-viên có tên dăng trong bác vỏ 27 (trang 2[illegible]) nay đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hộ kể từ ngày 1er Décembre 1919.

Cả thảy có 6 ông chủ trì và 4 ông thường-hội-viên, lược kể như sau này :

Chủ-trì. — Ông Hoang Mạnh-Trí — Huỳnh Ngọc-Nhuận — Lê văn-Giải — Mai Thành-Cần — Nguyễn Dư-Hoài — Nguyễn Đình-Giám.

Thường-hội-viên. — Ông Hoàng Nhất-Trừ — Nguyễn Băng-Thanh — [illegible]uyễn Đương-Lâm — Nguyễn Hữu-Lý.